

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG LĨNH

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG
THỊ XÃ HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH
ĐẾN NĂM 2045 (TỶ LỆ 1/10.000)**



THUYẾT MINH

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG THỊ XÃ HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH ĐẾN NĂM 2045 (TỶ LỆ 1/10.000)

**PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

MỤC LỤC

1. PHẦN MỞ ĐẦU	5
1.1. Lý do và sự cần thiết.....	5
1.2. Cơ sở lập quy hoạch.....	7
1.3. Vị trí, phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	7
1.4. Mục tiêu quy hoạch.....	8
1.5. Tính chất chức năng.....	8
1.6. Động lực phát triển	9
2. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG	11
2.1. Bối cảnh	11
2.2. Vị trí và liên hệ vùng	11
2.3. Điều kiện tự nhiên.....	13
2.4. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	18
2.5. Hiện trạng dân số, lao động, việc làm.....	21
2.6. Hiện trạng sử dụng đất.....	22
2.7. Hiện trạng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội	25
2.8. Hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật	35
2.9. Đánh giá hiện trạng tổng hợp.....	46
3. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ.....	50
3.1. Vị thế thị xã Hồng Lĩnh trong bối cảnh phát triển vùng	50
3.2. Dự báo phát triển	55
4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN	61
4.1. Định hướng mở rộng địa giới hành chính thị xã.....	61
4.2. Nhận diện mô hình phát triển Tiểu vùng phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh.....	67
4.3. Nguyên tắc phát triển không gian kinh tế đô thị.....	69
4.4. Định hướng mô hình phát triển đô thị đa cực	71
4.5. Định hướng phân khu đô thị	72
5. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	73
6. ĐỊNH HƯỚNG KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ	77
6.1. Nguyên tắc	77
6.2. Định hướng chung	77
6.3. Khung thiết kế đô thị tổng thể	79
6.4. Các trục chính	79
6.5. Các khu vực cửa ngõ đô thị	80
6.6. Các khu vực trung tâm.....	80
6.7. Không gian xanh.....	81
6.8. Quản lý tầng cao, chiều cao và mật độ đô thị.....	83
7. ĐỊNH HƯỚNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT	84
7.1. Hệ thống cao độ nền và thoát nước mặt.....	84
7.2. Hệ thống giao thông.....	92
7.3. Hệ thống cấp nước	97

7.4. Hệ thống cung cấp năng lượng	101
7.5. Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động.....	104
7.6. Hệ thống thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang	105
7.7. Giải pháp bảo vệ môi trường	108
8. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	112
PHỤ LỤC 1. Ý KIẾN, TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH	113
PHỤ LỤC 2. VĂN BẢN PHÁP LÝ.....	128
PHỤ LỤC 3. BẢN VẼ TÓM TẮT	129
PHỤ LỤC 4. BẢNG THỐNG KÊ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO CHỨC NĂNG.....	1

1. PHẦN MỞ ĐẦU

1.1. Lý do và sự cần thiết

Tại thị xã Hồng Lĩnh đã có đồ án quy hoạch chung cho giai đoạn 2005-2015, tầm nhìn đến năm 2025 (từ đây gọi tắt là QHC 2007) được phê duyệt từ cách đây 16 năm. Trong quá trình đó, thị xã Hồng Lĩnh đã đạt được nhiều thành tựu to lớn như nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cùng với chất lượng cuộc sống của người dân. Tuy nhiên, nội dung QHC 2007 đến nay cũng đã bộc lộ nhiều bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn, với những vấn đề chính như sau:

Thứ nhất, QHC 2007 không còn phù hợp với tình hình phát triển vùng, cần điều chỉnh để Hồng Lĩnh thích ứng với bối cảnh mới:

- Đường bộ cao tốc Bắc - Nam đoạn Nghệ An – Hà Tĩnh đã khởi công, với nút vào thị xã Hồng Lĩnh cách ranh giới thị xã khoảng 3km về phía Tây, đã và đang đặt Hồng Lĩnh trong một bối cảnh phát triển mới mạnh mẽ hơn về vai trò đô thị hạt nhân động lực phía Bắc của tỉnh. Thêm vào đó, Đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam, đường tránh QL.8 phối hợp với trục Bắc - Nam đang cũng cố thêm cho thị xã vị thế đầu mối giao thông quan trọng bậc nhất Tiểu vùng phía Bắc.

- Các công trình giao thông đầu mối cấp quốc gia mới hình thành như cảng Vũng Áng, cảng Hải Phòng, sân bay Vinh, đường cao tốc ven biển đang tạo ra vị thế mới cho vùng, tỉnh nói chung và thị xã Hồng Lĩnh nói riêng.

Thứ hai, QHC 2007 không còn phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế xã hội hiện nay của thị xã, cần điều chỉnh để Hồng Lĩnh kịp thời nắm bắt vận hội mới:

- Xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của thị xã đến nay đã rõ. Hồng Lĩnh đang là điểm sáng hấp dẫn đầu tư phát triển ở phía Bắc tỉnh với mũi nhọn là công nghiệp nhẹ và thương mại dịch vụ quy mô lớn hơn nhiều so với hoạch định của QHC 2007. Nhiều nhà đầu tư đã và đang đề xuất phát triển các khu sản xuất khu đô thị - công nghiệp sạch với quy mô lớn mà QHC 2007 chưa thể đáp ứng. Xu hướng mới sẽ đưa đến những dự báo mới, là tiền đề cơ bản để quy hoạch có những đổi mới so với thời điểm năm 2007.

- Nhiều lợi thế so sánh của thị xã cũng cần được khai thác tốt hơn trong quy hoạch để nâng cao năng lực cạnh tranh của địa bàn như: cảnh quan và tài nguyên giàu có của núi Hồng Sông Lam, đẩy mạnh khả năng trở thành trung tâm đầu mối logistics cấp tiểu vùng cho phát triển công nghiệp, gần sân bay cấp vùng thuận lợi cho điểm đến doanh nghiệp, quỹ đất còn dư địa cho phát triển, nguồn nước trong lành và dư thừa, địa hình cao không bị ngập, không bị đe dọa bởi thiên tai, khí hậu thuận hòa.

Thứ ba, đến nay đã có nhiều chủ trương chính sách mới nằm ngoài dự liệu của QHC 2007 cần được cập nhật:

- Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định tập trung phát huy lợi thế, nguồn lực để xây dựng Hà Tĩnh thành tỉnh công nghiệp, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển bền vững về kinh tế, trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Về hệ thống đô thị, quy hoạch ưu tiên phát triển 03 hành lang kinh tế chính với 03 trung tâm đô thị động lực gồm: (1) Chuỗi đô thị dọc theo QL.1 và QL ven biển gắn với đường bộ cao tốc và đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam, liên kết thành phố Hà Tĩnh với thị xã Kỳ Anh, thị xã Hồng Lĩnh và huyện Nghi Xuân, đưa khu vực này trở thành trung tâm đô thị hạt nhân của tỉnh

để phát triển công nghiệp, khoa học, đào tạo, thương mại và dịch vụ; (2) Chuỗi đô thị dọc theo QL.8, với thị xã Hồng Lĩnh kết nối thị trấn Xuân An, Tiên Điền (huyện Nghi Xuân) để phát triển du lịch, thương mại; (3) Chuỗi đô thị dọc đường Hồ Chí Minh gồm huyện Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang, phát triển chế biến nông, lâm sản, du lịch, thương mại và dịch vụ.

- Chủ trương mở rộng, nâng cấp thị xã Hồng Lĩnh lên đô thị loại III trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 đòi hỏi quy hoạch đô thị có những nét đổi mới lớn so với năm 2007 để đảm bảo phù hợp với các tiêu chí tại các Nghị quyết 1210, 1211, 26, 27 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Các chủ trương chính sách mới đề cập trong Quy hoạch sử dụng đất thị xã Hồng Lĩnh đến năm 2030 (năm 2021), Chương trình phát triển đô thị Hồng Lĩnh (năm 2021), Đề án huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị thị xã Hồng Lĩnh (năm 2021)... các quy hoạch ngành như Giao thông Vận tải, Công Thương, Tài nguyên – Môi trường, Văn hóa – Thể thao - Du lịch... đều có những nét mới cần được phản ánh trong quy hoạch chung thị xã.

Thứ tư, giải pháp trong QHC 2007 tồn tại một số bất cập cần khắc phục:

- Ngành sản xuất gạch đá khá lâu đời tại thị xã đến nay không còn điều kiện để phát triển, để bảo vệ môi trường ngành này cần được thay thế bởi lĩnh vực sản xuất mới.

- Các cụm công nghiệp nhỏ lẻ không thể đáp ứng đón các nhà đầu tư lớn, lại nằm trong khu trung tâm đô thị, sẽ tiềm ẩn các nguy cơ môi trường, cần có giải pháp di dời khỏi khu trung tâm đô thị.

- Một số đường nằm trong khu đô thị đã phát triển được quy hoạch mặt cắt quá lớn, trở nên bất khả thi, cần có giải pháp tổng thể để xác định lại quy mô. Thiết kế cao độ của QHC 2007 gây khó thoát nước, ngập cục bộ tại một số điểm trong thị xã. Một số chỉ tiêu kiểm soát tầng cao (quá thấp) không còn phù hợp điều kiện hiện nay, cần được điều chỉnh. Một số định hướng không còn phù hợp như di dời trung tâm hành chính, sáp nhập xã, xây dựng nghĩa trang lớn... cần được loại bỏ khỏi quy hoạch chung.

- Xuất hiện các xu hướng mới có thể áp dụng để đẩy mạnh chất lượng phát triển đô thị như định hướng đô thị thông minh, sáng tạo, văn minh, hiện đại, bền vững. Việc ứng dụng công nghệ mới như công nghệ GIS, yêu cầu tích hợp đa ngành cũng đòi hỏi lập quy hoạch chung có cách làm mới.

- Nhiều đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã và đang triển khai cần rà soát, khớp nối, điều chỉnh QHC để đảm bảo đưa ra các định hướng đồng bộ.

Về cơ sở pháp lý, ngày 13/2/2023 UBND tỉnh Hà Tĩnh đã có Quyết định 326/QĐ-UBND phê duyệt Nhiệm vụ khảo sát địa hình, lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Hồng Lĩnh đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000.

Như vậy, để kịp thời khắc phục các tồn tại của QHC 2007, cập nhật những chuyển biến kinh tế - xã hội của quốc gia, của vùng, tỉnh và địa phương, với mục tiêu xây dựng thị xã Hồng Lĩnh phát triển bền vững, văn minh, hiện đại, xứng tầm là trung tâm đô thị phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh, việc lập điều chỉnh “Quy hoạch chung thị xã Hồng Lĩnh đến năm 2045” là cần thiết và cấp bách.

1.2. Cơ sở lập quy hoạch

1.2.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quy hoạch (năm 2017), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (năm 2018); Luật Quy hoạch đô thị (năm 2009); Luật Kiến trúc (năm 2019); và các văn bản pháp luật hướng dẫn liên quan;

- Nghị định 37/2010/NĐ-CP, 7/4/2010, Chính phủ, Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Thông tư 01/2021/TT-BXD, 19/5/2021, Bộ Xây dựng, Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư 04/2022/TT-BXD, 24/10/2022, Bộ Xây dựng, Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án QHXD vùng liên huyện, QHXD vùng huyện, quy hoạch đô thị, QHXD khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư 20/2019/TT-BXD, 31/12/2019, Bộ Xây dựng, Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết đại hội Đảng bộ thị xã Hồng Lĩnh lần thứ VII nhiệm kỳ 2020-2025;

- Quyết định 445/QĐ-TTg, 7/4/2009, Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 21/QĐ-TTg, 8/1/2009; 1327/2009/QĐ-TTg, 24/8/2009; 1436/QĐ-TTg, 10/9/2009; và 2190/QĐ-TTg, 24/12/2009, Thủ tướng chính phủ, Phê duyệt quy hoạch phát triển: giao thông vận tải hàng không, đường bộ, đường sắt, cảng biển Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định 43/2007/QĐ-UBND, 22/10/2007, UBND tỉnh Hà Tĩnh, Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Hồng Lĩnh giai đoạn 2005-2015, tầm nhìn đến năm 2025;

- Quyết định 326/QĐ-UBND, ngày 13/2/2023, UBND tỉnh Hà Tĩnh, Phê duyệt Nhiệm vụ khảo sát địa hình, lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Hồng Lĩnh đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000.

1.2.2. Hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng chuyên ngành có liên quan khác.

1.2.3. Các nguồn tài liệu, số liệu, dữ liệu bản đồ

- Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh các năm 2018-2022;

- Hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Hồng Lĩnh;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất (năm 2021, 2022) thị xã Hồng Lĩnh;

- Bản đồ khảo sát địa hình, và các dữ liệu khác.

1.3. Vị trí, phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu gián tiếp: Vùng kinh tế phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh.

- Phạm vi lập Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Hồng Lĩnh: toàn bộ diện tích hành chính của thị xã, với quy mô diện tích 5.897,30 ha (theo Niên giám thống kê thị xã Hồng Lĩnh); quy mô dân số hiện trạng 46.319 người (theo thống kê của Công an thị xã Hồng Lĩnh tháng 8/2021).

- Phạm vi ranh giới:

- + Phía Bắc giáp huyện Nghi Xuân;
- + Phía Nam giáp huyện Can Lộc;
- + Phía Đông giáp huyện Nghi Xuân và huyện Can Lộc
- + Phía Tây giáp huyện Đức Thọ và huyện Can Lộc.

- Về hành chính, hiện nay thị xã Hồng Lĩnh có 6 đơn vị hành chính phường xã trực thuộc, bao gồm 05 phường (Bắc Hồng, Đâu Liêu, Đức Thuận, Nam Hồng, Trung Lương) và 01 xã (Thuận Lộc).

- Thời hạn quy hoạch: ngắn hạn đến năm 2030, dài hạn đến năm 2045.

1.4. Mục tiêu quy hoạch

1.4.1. Mục tiêu chung

- Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng trọng tâm công nghiệp, thương mại dịch vụ, khai thác các ngành thế mạnh đem lại giá trị gia tăng cao;

- Xây dựng Hồng Lĩnh trở thành đô thị phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh về công nghiệp, văn hoá - xã hội, thương mại - dịch vụ - du lịch, và đào tạo nghề;

- Xây dựng Hồng Lĩnh trở thành đô thị xanh, phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nơi có môi trường đầu tư và môi trường sống chất lượng cao;

- Phấn đấu đến năm 2030, thị xã đạt tiêu chí đô thị loại III;

- Phấn đấu đến năm 2045, thành lập thành phố Hồng Lĩnh, đạt tiêu chí đô thị loại II, phấn đấu trở thành đô thị thịnh vượng, thúc đẩy phát triển toàn bộ hệ thống đô thị phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh.

- Bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững trật tự, an toàn xã hội.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025: mở rộng thị xã và phấn đấu cơ bản đạt tiêu chuẩn đô thị loại III

- Đến năm 2026: thành lập Khu công nghiệp Nam Hồng Lĩnh

- Đến năm 2027: thu hút nhà sản xuất mũi nhọn vào các khu cụm công nghiệp

- Đến năm 2030: hoàn thiện tiêu chuẩn đô thị loại III, tiến tới thành lập thành phố

- Đến năm 2035: thành lập thành phố và phấn đấu cơ bản đạt tiêu chuẩn đô thị loại II trên cơ sở địa bàn thị xã mở rộng (6 phường xã)

- Đến năm 2045: hoàn thiện tiêu chuẩn đô thị loại II.

1.5. Tính chất chức năng

- Là một trong những trung tâm đô thị phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh về công nghiệp, văn hoá - xã hội, thương mại - dịch vụ - du lịch và đào tạo nghề;

- Là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh và liên kết vùng.

1.6. Động lực phát triển

1.6.1. Yếu tố ngoại sinh

1) Tình hình phát triển chung của tỉnh Hà Tĩnh:

Trong giai đoạn 2011-2020, tỉnh đã có bước phát triển vượt bậc, từ một tỉnh tương đối nghèo trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu về tăng trưởng kinh tế; tuy mức độ tăng trưởng có chững lại trong thời gian gần đây do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Nhờ tập trung nỗ lực thu hút đầu tư nước ngoài, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng và tháo gỡ khó khăn cho cộng đồng doanh nghiệp, Hà Tĩnh đã có những đóng góp tích cực trong xây dựng và phát triển vùng Bắc Trung Bộ. Sang giai đoạn 2021-2030, Hà Tĩnh tiếp tục đặt mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung.

Trong 5 năm tới, tỉnh ưu tiên mở rộng không gian đô thị Hà Tĩnh về phía Tây và phía Nam. Thành phố Hà Tĩnh được xác định là đô thị cấp vùng, hỗ trợ cho sự phát triển vùng liên tỉnh, thúc đẩy quan hệ quốc tế với các nước khu vực ASEAN.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Nghị quyết về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030 với quyết tâm xây dựng nơi đây thành trung tâm kinh tế, đô thị phía Nam của tỉnh. Cả nước chỉ có hai khu vực là vịnh Vân Phong (Khánh Hoà) và vịnh Sơn Dương đủ điều kiện xây dựng cảng nước sâu đáp ứng cho việc đón đội tàu container lớn nhất thế giới hiện nay để trung chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu Việt Nam và khu vực đi thế giới. Vị trí cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương rất gần đường hàng hải quốc tế, thuận lợi hơn hẳn so với nhiều cảng biển khác. Ở trên bờ, cảng Vũng Áng - Sơn Dương nằm ngay sát QL.1, đường sắt Bắc - Nam, đường Hồ Chí Minh, có thể giao lưu kinh tế với mọi vùng trong cả nước. Từ Vũng Áng, theo các đường QL.8A, 12A đi qua Cửa khẩu Cầu Treo và Cha Lo. Đây là tuyến đường ngắn nhất từ cảng biển Việt Nam đến các vùng Trung Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan, là điều kiện rất thuận lợi cho mở rộng hợp tác phát triển kinh tế khu vực...

Là cửa ngõ ngắn nhất để Lào và các nước trong tiểu vùng Sông Mekong Mở rộng hướng (GMS) ra Biển Đông qua cụm cảng nước sâu Vũng Áng- Sơn Dương, được Thủ tướng chính phủ đồng ý lựa chọn 1 trong 7 khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021–2025¹. Cửa khẩu Cầu Treo có vai trò vị trí quan trọng đối với sự phát triển KTXH của tỉnh, là cửa ngõ ngắn nhất để các nước Lào, Đông Bắc Thái Lan xuất nhập hàng hoá qua cảng Vũng Áng. Cầu Treo được đầu tư để phát triển, đi lại thuận lợi thì kéo theo Vũng Áng và các khu du lịch biển, buôn bán thương mại của tỉnh phát triển.

Quyết định 1623/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt ‘Điều chỉnh quy hoạch phân khu Khu du lịch Xuân Thành gắn với sân Golf và các vùng phụ cận huyện Nghi Xuân’ mở ra hướng khai thác hiệu quả các thế mạnh của biển Xuân Thành trở thành một khu du lịch lớn trong hệ thống du lịch biển Hà Tĩnh.

2) Tình hình phát triển của thành phố Vinh:

¹ Quyết định 1804/TTg-CN ngày 18/12/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc lựa chọn một số KKTCK để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025

Là một thành phố đang phát triển nhanh, với vai trò một trong những đô thị hạt nhân của vùng Bắc Trung Bộ. Sở hữu vị trí nằm trên trục giao thông Bắc Nam trọng yếu, hệ thống giao thông phát triển, trong đó có Ga đường sắt hạng I, sân bay Vinh được mở rộng thành sân bay quốc tế, bến cảng Cửa Lò với 4 cảng lớn làm nhiệm vụ vận tải hàng hóa các tỉnh Bắc Trung Bộ, Lào và khu vực Đông Bắc Thái Lan cùng 1 cảng nước sâu được dự báo sẽ thu hút đầu tư hấp dẫn. Dự kiến đến năm 2030, Vinh có đủ khả năng đón các tàu du lịch quốc tế tải trọng lớn với lượng khách du lịch quốc tế vượt trội, biến Vinh trở thành trung tâm lưu trú và phân phối khách du lịch của vùng.

3) Vai trò vị thế của thị xã Hồng Lĩnh:

- Trong bối cảnh phát triển chung của tỉnh, đặc biệt là sự nổi lên của 4 địa bàn lân cận, khiến cho vị trí giao điểm của thị xã Hồng Lĩnh có được những động lực lớn, thúc đẩy kinh tế phát triển. Thị xã Hồng Lĩnh cần nhanh chóng vươn lên để đáp ứng vị thế trung tâm tiêu vùng phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh không chỉ ở lĩnh vực kinh tế mà một cách toàn diện và bền vững.

- Động lực chính để lên thành phố là từ đầu tư công trong phát triển hạ tầng và phát triển các khu cụm công nghiệp ở phía Bắc và Nam thị xã Hồng Lĩnh.

1.6.2. Yếu tố nội lực

Thị xã Hồng Lĩnh vốn đã có một nền tảng phát triển vào loại khá, với các mũi nhọn và tiềm năng phát triển kinh tế như:

- Tài nguyên thiên nhiên phong phú;
- Tiềm năng trở thành trung tâm tiếp vận cấp tiểu vùng;
- Hệ thống công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương đang trên đà phát triển;
- Các trung tâm chuyên ngành cấp tiểu vùng như thương mại – dịch vụ, y tế, đào tạo nghề đang hình thành và phát triển;
- Hệ thống đô thị có cấu trúc nhỏ gọn, hiệu quả;
- Hệ thống cơ sở hạ tầng đạt chuẩn đô thị loại III khá toàn diện;
- Nguồn nhân lực dồi dào, có truyền thống gắn bó lâu đời với địa phương.

2. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

2.1. Bối cảnh

Thị xã Hồng Lĩnh được thành lập ngày 2/3/1992, song Hồng Lĩnh là vùng quê có nền văn hoá, lịch sử lâu đời, có bề dày truyền thống cách mạng. Trên phương diện văn hóa dân gian, Hồng Lĩnh ra đời gắn với sự tích Ông Đùng xây 99 đình non Hồng, nơi được coi là Kinh đô Ngàn Hồng. Cùng với sông La, núi Hồng được xem là biểu tượng hồn thiêng sông núi xứ Nghệ, được xếp vào một trong chín cảnh đẹp của đất nước, năm Minh Mệnh thứ 17, được khắc vào "Anh đĩnh", đặt trong Hoàng thành Huế. Do những đặc điểm riêng về địa lý - văn hóa, cùng với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, nhân dân tại đây đã sáng tạo xây đắp nên những giá trị văn hóa đặc sắc: Đền Đô Đài ngự sử Bùi Cầm Hổ, Đền Song Trạng nguyên, Chùa Long Đàm, di tích danh thắng quốc gia Chùa và hồ Thiên Tượng, Chùa Đại Hùng, trò Đình Đụn, hội đua Thuyền Minh Lương, Làng rèn truyền thống Vân Chàng - Trung Lương, lễ hội giỗ tổ Hùng Vương... Với kho tàng những câu chuyện huyền thoại, với bề dày truyền thống văn hóa và cách mạng, với vẻ đẹp do thiên nhiên ban tặng đã tạo cho Hồng Lĩnh trở thành một vùng quê huyền thoại, đầy tiềm năng và hào hoa, thu hút được sự quan tâm, tình yêu của bè bạn xa gần và là mảnh đất hội tụ những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững.

Bên cạnh những lợi thế về giá trị lịch sử, văn hóa, Hồng Lĩnh còn có điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý rất ưu việt, với nhiều vùng sinh thái đồi núi, đồng bằng ven sông; nguồn tài nguyên thiên nhiên khá phong phú. Hệ thống giao thông thủy, bộ nơi đây thuận tiện cho giao lưu, vận tải, phát triển du lịch - dịch vụ: Sông Minh nối với sông Nghèn xuôi ra biển Đông qua Cửa Sót, nối với sông Lam xuôi ra biển qua Cửa Hội, ngược lên sông Ngàn Phố, sông Ngàn Sâu đến với miền núi phía Tây tỉnh. Trung tâm Thị xã Hồng Lĩnh là nơi gặp nhau của QL.1 và QL.8, một ngã ra Bắc, một ngã vào Nam, một ngã lên cửa khẩu quốc tế Cầu Treo sang Lào, Đông Bắc Thái Lan và chỉ cách sân bay, ga tàu hỏa, cảng biển chưa đến 20km.

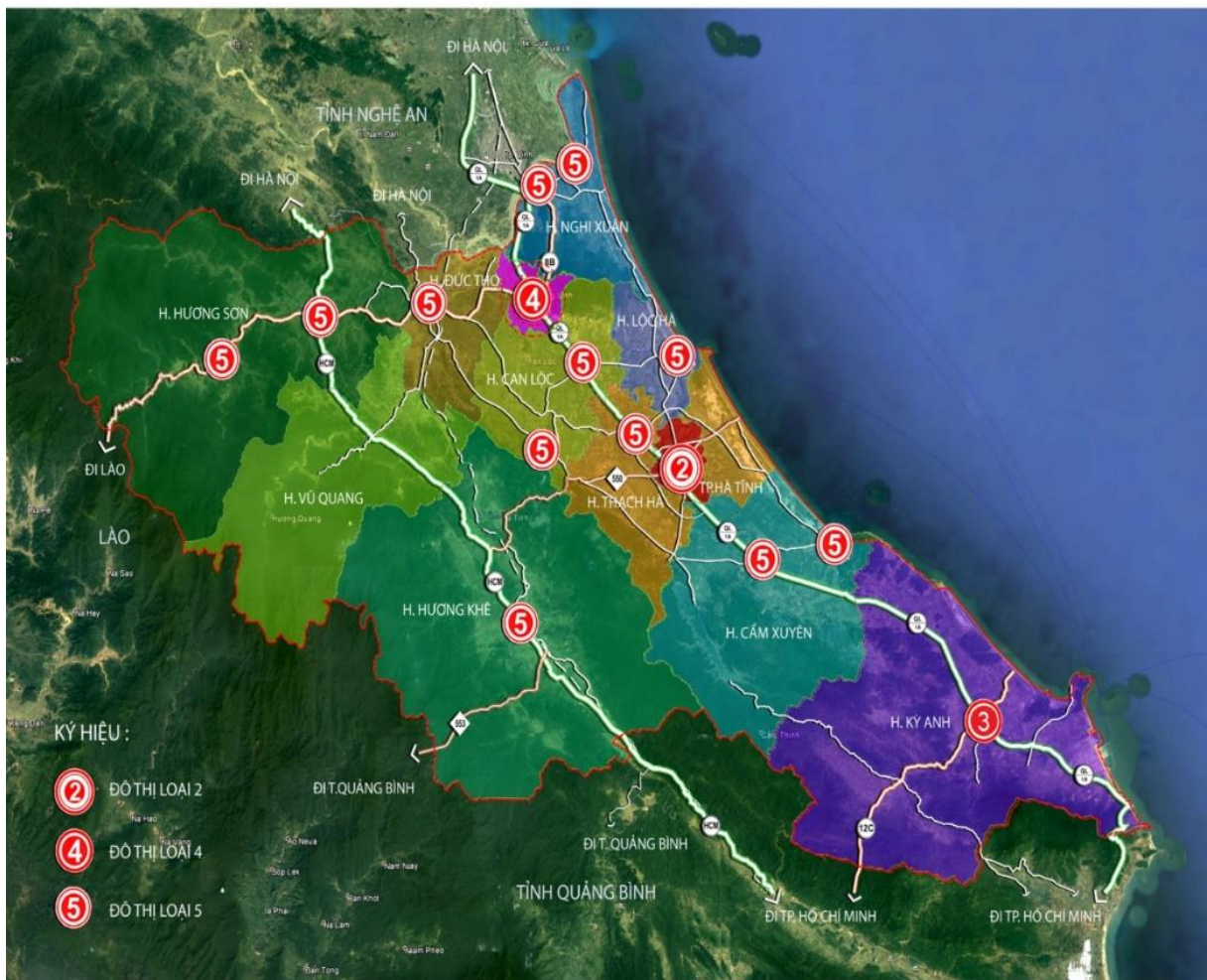
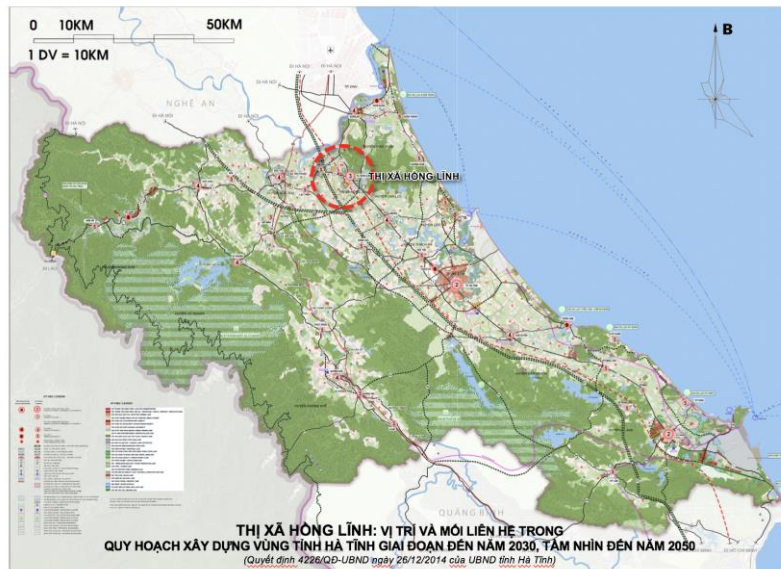
Thị xã Hồng Lĩnh hội tụ được nhiều yếu tố thuận lợi và đã có hàng trăm tổ chức, doanh nghiệp triển khai dự án đầu tư ở nhiều lĩnh vực công nghiệp chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí lắp ráp, dệt may...

2.2. Vị trí và liên hệ vùng

Thị xã Hồng Lĩnh nằm ở phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh, có vị trí địa lý:

- Phía Bắc giáp huyện Nghi Xuân;
- Phía Nam và giáp huyện Can Lộc;
- Phía Đông giáp huyện Nghi Xuân và huyện Can Lộc;
- Phía Tây giáp huyện Đức Thọ và huyện Can Lộc.

Thị xã nằm ở tọa độ 105,45 kinh độ đông - 18,32 vĩ độ Bắc, là nơi giao nhau của QL.1 và 8A. Trung tâm thị xã cách thành phố Vinh 15 km về phía Nam và thành phố Hà Tĩnh 35 km về phía bắc theo QL.1, cách Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo 92 km về phía đông theo QL.8.



Hình 1. Vị trí địa lý thị xã Hồng Lĩnh

Thị xã là đô thị trung tâm kinh tế, văn hoá - xã hội phía Bắc của tỉnh Hà Tĩnh, nơi có dòng sông La, sông Minh Giang (Kênh Nhà Lê) và sông Lam dưới chân dãy núi Hồng Lĩnh với 99 ngọn nổi tiếng.

Thị xã Hồng Lĩnh có 6 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 5 phường: Bắc Hồng, Đạm Liêu, Đức Thuận, Nam Hồng, Trung Lương và xã Thuận Lộc, với tổng diện tích khoảng 5.897,30 ha.

Kinh tế có tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm cao, cơ cấu chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, thương mại - dịch vụ. Đến nay thị xã Hồng Lĩnh đã có đủ tiền đề trở thành đô thị loại III.

2.3. Điều kiện tự nhiên

2.3.1. Địa hình

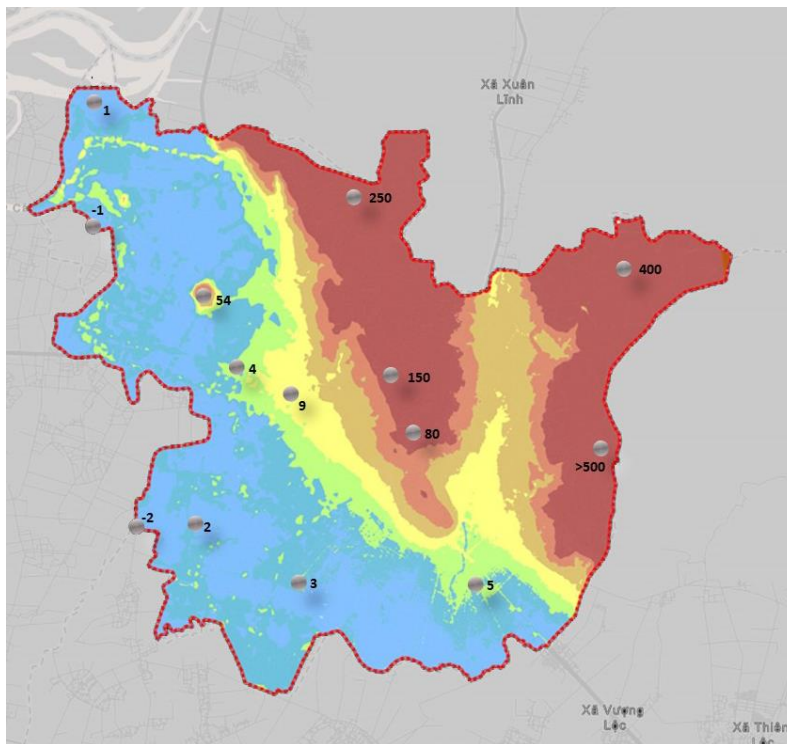
- Địa hình thị xã Hồng Lĩnh bao gồm 3 dạng chính: Địa hình đồi núi, địa hình thung lũng hẹp và địa hình đồng bằng. Hướng dốc chính của địa hình theo hướng Đông Bắc-Tây Nam và từ Đông sang Tây.

- Địa hình đồi núi với các khu vực nằm phía đông bắc, và phía đông thị xã (từ đường Kinh Dương Vương tới núi Thiên Tượng; và khu vực núi Hồng Lĩnh). Độ dốc sườn núi >20%, cao độ khu vực dân cư ven đồi núi từ 15÷110m; khu vực núi cao hiện là rừng, các di tích từ 150 ÷ 500m

- Địa hình thung lũng hẹp: Nằm giữa 2 dãy núi Thiên Tượng và Hồng Lĩnh, bám dọc theo QL.88B thuộc xã Đậu Liêu, có cao độ biến thiên từ 10÷20m, hướng dốc từ đông bắc xuống phía nam-tây nam

- Địa hình đồng bằng: Trải dài từ tây bắc xuống nam, từ đê La Giang tới đường Lê Hữu Trác, cao độ biến thiên trong khoảng 3÷10m, hướng dốc chính là từ bắc xuống nam và từ đông sang tây.

Ngoài ra còn có vùng thấp trũng nằm ven sông Minh, sông Vượng Lộc, cao độ từ 0 ÷ 3m. Bao gồm các cụm dân cư xã gắn liền với khu vực đất canh tác nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.



Hình 2. Phân tích địa hình thị xã Hồng Lĩnh 2022

Bảng phân vùng độ cao				
TT	Cao độ (m)	Màu		Diện tích (ha)
1	-3.3	0.0		2.1
2	0.0	2.0		1317.1
3	2.0	3.0		1179.8
4	3.0	5.0		482.4
5	5.0	10.0		444.5
6	10.0	20.0		560.6
7	20.0	50.0		377.1
8	50.0	>500		1484.7

2.3.2. Khí hậu

Thị xã Hồng Lĩnh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, là vùng có khí hậu chuyển tiếp của miền Bắc và miền Nam, với đặc trưng khí hậu nhiệt đới điển hình của

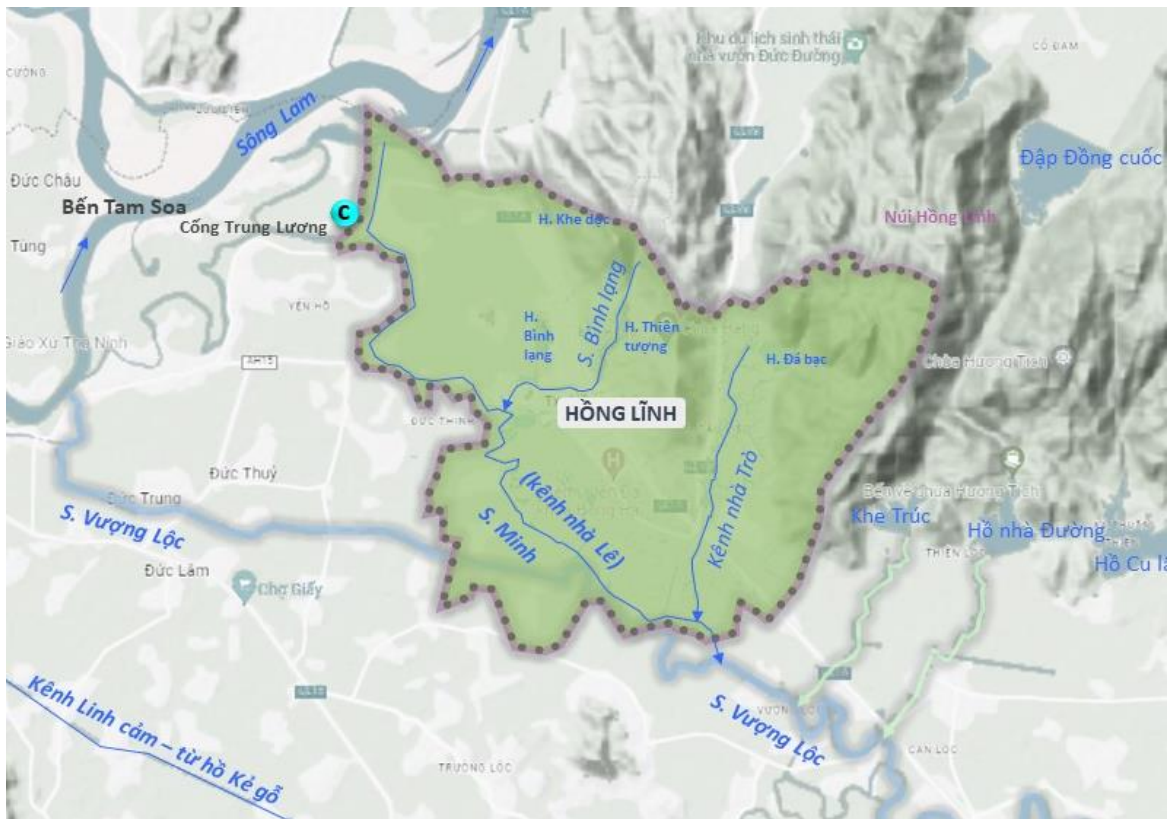
miền Nam nắng nóng và có một mùa đông giá lạnh của miền Bắc. Thời tiết có hai mùa rõ rệt:

- Mùa mưa: Mưa trung bình hằng năm từ 2500 mm đến 2650 mm. Mùa mưa từ tháng 3 đến tháng 10, lượng mưa chiếm 75% tổng lượng mưa cả năm.

- Mùa hè: Từ tháng 4 đến tháng 10, đây là mùa nắng gắt, có gió Tây Nam (thổi từ Lào) khô, nóng, lượng bốc hơi lớn nhất là từ tháng 05 đến tháng 08. Nhiệt độ trung bình tháng từ 24,7°C (tháng 4) đến 32,90 (tháng 6). Nhiệt độ cao nhất có thể lên đến 38,5 - 40°C.

Theo báo cáo của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu (2016), trong 54 năm qua (từ năm 1961 đến 2014), nhiệt độ không khí trung bình năm ở tỉnh Hà Tĩnh có xu thế tăng lên với tốc độ tăng tương đối đồng đều tại các trạm quan trắc, từ 0,1 - 0,20C/thập kỷ. Trong khi lượng mưa hàng năm có xu thế giảm tại 02 trạm ven biển Hà Tĩnh và Kỳ Anh với tốc độ giảm tương ứng là 44,7 mm/thập kỷ và 55,2 mm/thập kỷ. Tương tự, lượng bốc hơi năm ở khu vực tỉnh Hà Tĩnh có xu thế tăng tại trạm Hà Tĩnh với tốc độ 22 mm/thập kỷ. Trong thời kỳ 1961 - 2014, độ ẩm tương đối trung bình năm ở tỉnh Hà Tĩnh có xu thế giảm nhẹ với tốc độ giảm từ 0,03 - 0,96%/thập kỷ. Tốc độ giảm nhanh nhất ở trạm Hà Tĩnh và nhỏ nhất tại trạm Kỳ Anh. (tham khảo nội dung trong báo cáo QHT Tỉnh Hà Tĩnh)

2.3.3. Thủy văn



Hình 3. Sơ đồ hệ thống sông ngòi trong phạm vi thị xã Hồng Lĩnh

Thị xã Hồng Lĩnh, chịu chi phối thủy văn sông La (thuộc hệ thống sông Cả) nhưng được sự bảo vệ của tuyến đê La Giang nên thị xã chủ yếu chịu sự ảnh hưởng của các sông, suối, kênh nội vùng.

- Sông La: nằm ở phía tây bắc, là hợp lưu của hai sông Ngàn Phố và Ngàn Sâu và là chi lưu của sông Lam với độ dài 13 km. Đóng vai trò vận tải thủy từ vùng núi của xuống các vùng đồng bằng ven biển, là nguồn cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất cho nhiều địa phương.

- Sông Minh (kênh nhà Lê): Bắt đầu từ cống Trung Lương đến cầu Nghèn, dài 26 km. Kênh nhà Lê là tuyến đường thủy đầu tiên được khởi đào từ năm 983, thời Tiền Lê (981- 1009). Sông chảy quanh co theo hướng từ bắc – tây – và xuống phía nam. Đóng vai trò tưới, tiêu và vận chuyển hàng hóa từ Trung Lương đến cầu Nghèn (cát, sỏi, VLXD... bằng thuyền dưới 50 tấn) đây là tuyến đường thủy tiềm năng từ khu vực sông Cả kết nối ra biển (Cửa Sót).

Đối với thị xã Hồng Lĩnh, kênh nhà Lê đóng vai trò rất lớn trong việc tiêu thoát nước mặt, cung cấp nước tưới cho sản xuất nông lâm nghiệp. Khi mưa lũ từ sông La tràn về, thị xã điều tiết đóng cống Trung Lương, kênh sẽ tiêu thoát theo hướng Nam ra sông Nghèn, cửa Sót và ra biển.

Trong quy hoạch giai đoạn tới cần ưu tiên cải tạo sông Minh để hướng tới khả năng phục vụ đa mục tiêu, cải thiện về cảnh quan, hạ tầng cho thị xã, khai thác phát huy được các tiềm năng hiện có.

- Các thông số thủy văn sông La và sông Minh:

Sông La: (Tài liệu do Ban Quản Lý các công trình thủy nông Linh Cảm cấp)

- Mức nước trung bình lớn nhất (mùa lũ) : +5,59m.

Lũ ứng với tần suất $P=1\%$ $H_{max}: +7,93m$

- Mức nước trung bình hàng năm: +2,0m

- Mức nước trung bình nhỏ nhất (mùa kiệt): -1,5m.

+ Mức nước sông La ứng với các cấp báo động:

Báo động cấp 1: $H=3,0m$

Báo động cấp 2: $H= 4,6m$

Báo động cấp 3: $H= 5,59m$

Sông Minh:

- Mặt cắt trung bình sông Minh: (7÷10)m.

+ Cao độ đáy kênh : -2,1m đến -2,3m.

+ Cao độ bờ kênh : +1,2m đến +1,8m.

+ Mức nước trung bình : +0,8m

+ Mức nước trung bình nhỏ nhất (mùa kiệt): -0,3m (điều tra thực tế)

Vào mùa mưa hoặc trong thời điểm nước sông La cao hơn mực nước nội đồng, cống Trung Lương đóng để ngăn lũ, nhưng các khu vực phía ven sông Minh, khu vực có cao độ <2,5m thường bị úng ngập (khu vực QL.8A cắt qua sông Minh bị ngập khi mưa trận >100mm).

Hệ thống hồ: nằm ở phía đông bắc, hồ Thiên Tượng, hồ Đá bạc, hồ Khe dọc. Trong những năm vừa qua địa phương đã xây dựng và nâng cấp để tăng dung tích cho các hồ. Tuy nhiên với địa hình đồi núi, việc xây dựng gặp nhiều khó khăn, hàng năm cần đầu

tư tu bổ cải tạo để đảm bảo an toàn hồ đập, nâng cao chất lượng, cải tạo cảnh quan, tăng khả năng cấp nước sinh hoạt chính cho thị xã.

Điều kiện thủy văn rất có tiềm năng để phát triển du lịch gắn với nông nghiệp sinh thái, gắn với di tích lịch sử và văn hóa. Ngoài ra có thể khai thác về mặt vận tải thủy, du lịch sông nước, kết nối các vùng miền thông qua hệ thống sông Cả, tới Cửa sọt ra biển.

2.3.4. Tài nguyên khoáng sản

Thị xã Hồng Lĩnh có núi đá, đồi trọc và đồng bằng ven sông. Địa hình ấy đã tạo nên một nguồn tài nguyên khoáng sản khá dồi dào. Khoáng sản phi kim loại có đá Granite nằm phía Đông và Nam thị xã trên diện tích quy hoạch 400 ha, có thể khai thác hàng vạn m³/năm. Mỏ đất sét đen, vàng và trắng nằm ven sông Minh. Cát xây dựng phân bố ở các khe, suối trên núi Hồng Lĩnh. Ngoài ra Hồng Lĩnh còn có các loại khoáng sản khác như nước khoáng, than bùn, thạch anh.

2.3.5. Tài nguyên nước



Hình 4. Hồ Đá Bạc - phường Đạm Liêu - thị xã Hồng Lĩnh

Thị xã Hồng Lĩnh hiện có 4 hồ chứa nước: Thiên Tượng, Đá Bạc, Khe Dọc, Khe Môn, với tổng dung tích trên 5,3 triệu m³. Đặc biệt, nước hồ Thiên Tượng chất lượng rất tốt, về mùa mưa hàm lượng cặn không lớn hơn 100g/m³, về mùa khô nước sạch chỉ khử trùng là có thể cấp nước cho sinh hoạt; hồ Đá Bạc có dung tích chứa nước là 3 x 106m³, là nguồn dự trữ nước để cung cấp nước sinh hoạt cho nhà máy nước thị xã; hồ Khe Dọc có dung tích chứa nước là 0,8 x 106m³, là nguồn dự trữ nước để cung cấp nước sinh hoạt cho nhà máy nước thị xã. Cùng với nguồn nước của Sông Lam, sông Minh và hàng chục con suối lớn nhỏ trên núi Hồng đã tạo cho thị xã Hồng Lĩnh có nguồn tài nguyên nước dồi dào.

2.3.6. Tài nguyên động thực vật

Thị xã Hồng Lĩnh có 1.816 ha đất lâm nghiệp. Trong đó, đất có khoảng 1.654 ha rừng; trong đó rừng phòng hộ khoảng 1.369 ha; rừng sản xuất khoảng 285 ha. Thảm thực vật rừng Hồng Lĩnh khá đa dạng, nhiều loại và loài cây gỗ; nhiều loại bò sát, chim, thú sinh sống. Đặc biệt, khu thiên nhiên Suối Tiên - Thiên Tượng có giá trị về sinh thái, cảnh quan đặc sắc.

2.3.7. Tài nguyên du lịch

Danh thắng Núi Hồng - Sông La với cảnh đẹp "Núi Hồng - Hoan Châu đệ nhất danh Sơn" và những di tích nổi tiếng như Đền Đô Đài, Chùa Long Đàm, Đền Song Trạng nguyên; di tích danh thắng quốc gia Chùa và hồ Thiên Tượng; làng Rèn Truyền thống Vân Chàng - Trung Lương; kho tàng truyện kể, văn nghệ dân gian đậm đặc, thị xã Hồng Lĩnh là điểm đến của khách lữ hành.

Lấy thị xã Hồng Lĩnh làm tâm, trong vòng bán kính 20km là các điểm du lịch hấp dẫn đã có thương hiệu như: Khu di tích Nguyễn Du, khu lưu niệm Nguyễn Công Trứ, đền Chợ Củi, chùa Hương Tích, khu di tích Ngã ba Đồng Lộc, khu mộ và nhà lưu niệm Tổng Bí thư Trần Phú... có thể tạo thành những tour du lịch khép kín. Có vị trí địa lý đặc biệt thuận tiện về giao thông: nằm trên ngã ba đường xuyên Việt Bắc - Nam và đường xuyên Á Đông - Tây, cùng 3 khách sạn, nhiều nhà nghỉ với hàng trăm phòng; cơ sở hạ tầng dịch vụ có chất lượng, Thị xã Hồng Lĩnh có nhiều tiềm năng du lịch.

- Khu Du lịch Suối Tiên - Thiên Tượng: nằm trong quần thể danh thắng núi Hồng Lĩnh. Suối Tiên và hồ Thiên Tượng nằm ở lưng chừng núi giữa bạt ngàn thông xanh của đại ngàn Hồng Lĩnh. Suối Tiên được khởi nguồn từ đỉnh núi Thiên Tượng, nơi có Chùa Thiên Tượng nổi tiếng đẹp và linh thiêng. Phía dưới là hồ Thiên Tượng, diện tích 1km², trữ lượng trung bình 1 triệu m³. Dưới đập Hồ Thiên Tượng là đập Bàu Tiên. Suối Tiên - Thiên Tượng đã được Nhà nước công nhận Danh thắng Quốc gia - đã, đang dần trở thành một thương hiệu du lịch.

- Khu công viên trung tâm: nằm trên địa bàn phường Bắc Hồng, khu Công viên trung tâm đã được UBND Tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, với tổng diện tích là 72,5ha. Hiện tại công viên đã có hạng mục như: Sân vận động, sân Tennis, Nhà Văn hóa, đặc biệt là hồ Đại Rai với diện tích ...ha, trữ lượng ...m³, luôn trong xanh, hiền hòa, được ví như máy điều hòa thiên nhiên của Thị xã.

- Khu Di tích Lịch sử - văn hóa Đại Hùng: Đây là quần thể Di tích có lịch sử trên 700 năm, là điểm thờ cúng Thủy tổ Kinh Dương Vương và các bậc vua Hùng duy nhất của các tỉnh Miền Trung. Mỗi năm tại khu di tích có hai lễ hội chính đó là lễ Kỳ hỷ Đức Thủy tổ Kinh Dương Vương vào ngày 18/1 và Lễ hội giỗ tổ Hùng Vương vào ngày 10/3 âm lịch, thu hút hàng vạn người về tham dự.

- Đền Song trạng nguyên (Song Trạng nguyên từ): thờ hai cha con Trạng nguyên Sử Hy Nhan và Sử Đức Huy được xây dựng bên chân rú Ngọc ở ấp Ngọc Sơn, xã Bình Lăng Thượng, huyện Phi Lộc, nay là phường Đức Thuận. Hai ông có công tổ chức khai hoang, lập nên xóm Trại Đầu (ngày nay là các xã Ân Phú - Vũ Quang, Sơn Long, Sơn Trà - Hương Sơn) giúp Lê Lợi chống lại quân xâm lược nhà Minh.

- Đền Đô Đài: Đền Đô Đài thờ Bùi Cầm Hổ được xây dựng trên núi Bạch Ty, phía Tây dãy Ngàn Hồng, thuộc địa phận làng Kẻ Treo - Độ Liêu, huyện Thiên Lộc, nay là phường Đậu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh. Đền thờ vị phúc thần Đô Đài ngự sử Bùi Cầm Hổ (1390-1483).

- Di tích Đền cả (Dinh đô quan Hoàng Mười): còn gọi là Mỏ Hạc Linh Từ, kiến tạo cách đây trên 700 năm, vào thời Nhà Lý. Là ngôi đền lớn nhất của cả Tổng Minh Lương xưa, nơi giao nhau giữa ba con sông (Sông Lam, Sông La và Sông Minh); được cả 3 dòng sông bồi đắp tạo nên thế đất như hình mỏ Hạc. Đền hiện là một trong những điểm đến của du lịch văn hóa tâm linh hấp dẫn của du khách.

- Chùa Thiên Tượng: được dựng từ đời nhà Trần trên một ngọn núi cùng tên thuộc dãy Ngàn Hồng, ở địa phận làng Quỳnh Lâm xưa, nay là phường Trung Lương. Chùa Thiên Tượng có lịch sử ra đời trên 600 năm, ở vào một địa thế có cảnh quan đẹp, từng được xếp hạng trong danh mục các cổ tự trên đất nước Việt Nam từ thời nhà Trần đến thời Lê - Nguyễn. Ngày nay chùa Thiên Tượng cùng với hồ Thiên Tượng, Suối Tiên thuộc địa bàn thị xã Hồng Lĩnh đang trở thành một quần thể văn hóa du lịch hấp dẫn. Chùa đã được Nhà nước xếp hạng di tích danh thắng Quốc gia.

- Khu Di tích danh thắng chùa Hang: Được xây dựng từ thời Hậu Lê. Với bạt ngàn thông reo và những thảm cỏ xanh mượt, dòng nước mát từ đập khe Môn chảy vào hồ cảnh của vườn Lâm Tỳ Ni, nơi đây được ví như một Đà Lạt thu nhỏ.

- Làng Rèn truyền thống Vân Chàng - Trung Lương: đã tồn tại và phát triển hàng trăm năm qua. Có vẻ, truyện thần thoại và cả truyền thuyết, truyền ngôn về nghề rèn Vân Chàng - Trung Lương. Có đền thờ Thánh thợ rèn ở núi Tiên Sơn. Tương truyền từ thời Lý - Trần, Vân Chàng - Minh Lương đã là một làng nông - thủ công trù phú.

Gắn với các di sản vật thể là nhiều lễ hội truyền thống phong phú:

- Lễ hội Đền Đô Đài: có tên là “Lễ báo ân”. Lễ thường, năm một lần, mở vào ngày 12 tháng giêng âm lịch thì chỉ có cỗ thờ và làm lễ tế. Lễ kéo dài 3 ngày, 3 đêm có lễ rước kiệu, rước cỗ, có thi cỗ, thi vật, đánh đu, ném cù.

- Lễ hội Giỗ tổ Hùng Vương: tại Khu Di tích Đại Hùng, ngoài ngôi chùa có các lễ hội theo Phật giáo, thì tại Đền thờ Thủy tổ Kinh Dương Vương và các Vua Hùng mỗi năm đều có hai lễ hội chính, đó là lễ Kỳ hỷ Đức Thủy Tổ Kinh Dương Vương vào ngày 18 tháng Giêng và đặc biệt là lễ Giỗ Quốc Tổ Hùng Vương vào ngày 10 tháng 3. Lễ Hội thường được tổ chức 3 ngày, ngoài lễ tế tâm linh của các cụ cao niên, còn có các phần hội như: Văn nghệ, chọi gà, thi đẩy gậy, đấu vật... Thu hút hàng ngàn lượt du khách, nhân dân trong tỉnh và một số tỉnh lân cận về tham dự.

- Lễ hội đua thuyền Trung Lương: ngày mùng 3 tháng giêng hàng năm người dân tụ tập đến đền thờ Thành Hoàng làng tại Núi Tiên làm lễ cáo yết đất trời tổ tiên và rước thuyền về bên sông Minh để mở hội đua. Đây là lễ hội thu hút khá đông khách tham dự, bởi lễ hội được tổ chức vào dịp đầu xuân năm mới.

- Lễ hội Đền Cả - Dinh Đô Quan Hoàng Mười: Lễ hội được tổ chức vào những ngày đầu tháng 10, ngày chính lễ (10 tháng 10 ÂL) được xem như ngày kỳ hỷ của Ông Hoàng Mười, là một "Đức Thánh Minh" trong hàng các ông quan Hoàng của tín ngưỡng Đạo Mẫu. Lễ hội Đền Cả đã vượt phạm vi một làng, một vùng mà thu hút nhiều du khách về tham dự từ rất nhiều ngày trước khi diễn ra chính lễ.

2.4. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.4.1. Hiện trạng kinh tế

2.4.1.1. Tình hình tăng trưởng kinh tế

Giá trị một số ngành kinh tế chủ yếu (theo giá cố định năm 2010) ước đạt 7.091 tỷ đồng. Trong đó:

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 312 tỷ đồng, chiếm 4,4%.
- Khu vực công nghiệp – xây dựng đạt 3.661 tỷ đồng, chiếm 51,6%.
- Khu vực thương mại - dịch vụ đạt 3.118 tỷ đồng, chiếm 44%

2.4.1.2. Cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế thị xã Hồng Lĩnh chuyển dịch theo hướng tích cực với lợi thế về phát triển công nghiệp – xây dựng, thương mại – dịch vụ, giảm dần nông - lâm nghiệp - thủy sản đạt.

Giá trị sản xuất giai đoạn 2018-2022 (theo giá so sánh) các ngành kinh tế chủ yếu bình quân hằng năm tăng trên 8,7%; cơ cấu giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu chuyển dịch đúng hướng (tỷ trọng công nghiệp - xây dựng đạt 51,6% thương mại - dịch vụ đạt 44,0% nông - lâm nghiệp - thủy sản đạt 4,4%); thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 61 triệu đồng/người/năm.

2.4.1.3. Tài chính, ngân sách, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Tổng thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn ước đạt 739,2 tỷ đồng (trong đó phần thu do Chi cục thuế được phân cấp quản lý 473 tỷ đồng, phần thu trên địa bàn do Cục thuế tỉnh quản lý 266,2 tỷ đồng); thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh chiếm tỷ lệ ngày càng cao. Chi ngân sách cơ bản đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ. Chú trọng nuôi dưỡng nguồn thu và tạo nguồn thu mới; nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động tài chính. Hoạt động tín dụng trên địa bàn đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và người dân.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong giai đoạn 2016-2020 đạt trên 4.640 tỷ đồng, tăng hơn 44% so với giai đoạn 2011-2015; tỷ trọng vốn đầu tư của doanh nghiệp và nhân dân tăng nhanh, đến năm 2020 chiếm trên 75%. Thu hút thêm 64 dự án đầu tư, tổng vốn đăng ký trên 2.950 tỷ đồng, thị xã là một trong những điểm sáng về thu hút đầu tư của tỉnh; trên địa bàn hiện nay có trên 400 doanh nghiệp và chi nhánh hoạt động doanh nghiệp; hoàn thành việc chuyển đổi mô hình các hợp tác xã. Kinh tế tư nhân phát triển khá, đa dạng về ngành nghề, hiện có trên 3.500 hộ sản xuất, kinh doanh cá thể được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Qua đó cho thấy thị xã Hồng Lĩnh đang trong quá trình đẩy mạnh, đầu tư phát triển, là địa bàn được các cấp chú trọng đầu tư ngân sách thúc đẩy phát triển đô thị.

Bảng 1. Thu chi ngân sách trên địa bàn năm 2019 – 2021 (ĐV: tỷ đồng)

(Nguồn: Phòng Tài chính kế hoạch)

TT	Khoản	2019	2020	2021
I	Tổng thu NSNN	499,0	564,3	719,6
1	Thu ngân sách	105,0	103,7	139,5
	- Thu nội địa	104,7	103,5	139,4
	- Huy động, đóng góp	0,3	205,1	0,36
2	Thu chuyển giao ngân sách	377,8	425,1	510,5
3	Thu chuyển nguồn	55,7	0,32	63,4
4	Thu kết dư ngân sách	0,95	3,15	6,2
II	Tổng chi NSNN	469,4	534,6	480,7
1	Chi đầu tư phát triển	167,0	161,9	284,5
2	Chi thường xuyên	195,8	222,9	227,1
3	Chi chuyển nguồn	0,32	63,4	51,3
4	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	0,74	86,4	117,8

2.4.2. Hiện trạng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Dịch COVID-19 đã làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở sản xuất trên địa bàn, đặc biệt trong thời gian thị xã thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, một số cơ sở sản xuất phải dừng hoạt động. Tuy vậy, một số doanh nghiệp đã thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch để tiếp tục sản xuất kinh doanh; một số sản phẩm chủ yếu trên lĩnh vực như: Sợi, các sản phẩm may mặc, gia công cơ khí, vật liệu xây dựng không nung... vẫn đạt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất. Trên địa bàn có 618 cơ sở, doanh nghiệp tham gia sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực CN-TTCN, giải quyết việc làm cho trên 5.000 lao động, thu nhập bình quân của người lao động từ 5,0 - 6,5 triệu đồng/người/tháng

Dự án nhà máy bia Hà Nội - Nghệ Tĩnh đã hoàn thành việc nhập khẩu thiết bị và đang hoàn thành hạ tầng kỹ thuật, Hạ tầng cụm công nghiệp Công Khánh 2 đạt trên 80% khối lượng công việc, dự kiến quý I/2022 nhà máy bia sẽ vận hành chạy thử. Hạ tầng cụm công nghiệp Công Khánh 1 đang triển khai xây dựng các hạng mục, đạt khoảng 60% khối lượng công việc. Dự án Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, hiện đang thực hiện các thủ tục để khởi công dự án.

2.4.3. Hiện trạng phát triển thương mại - dịch vụ

Với lợi thế là trung tâm phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh, có tuyến QL.1 và QL.88 đi qua địa bàn, Hồng Lĩnh đang ngày càng phát huy tiềm năng và không ngừng nâng cao chất lượng, vai trò trong lĩnh vực phát triển dịch vụ, thương mại...

Thương mại - dịch vụ bình quân hàng năm tăng trên 7,54%, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11,5%. Các dịch vụ ngày càng phát triển về số lượng, đa dạng về ngành nghề, chất lượng được nâng cao, đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân; có trên 2.800 cơ sở hoạt động trên lĩnh vực thương mại - dịch vụ, giải quyết việc làm cho trên 3.800 lao động. Thực hiện tốt xã hội hóa đầu tư và chuyển đổi mô hình quản lý các chợ trên địa bàn. Du lịch văn hóa tâm linh từng bước được quảng bá và xã hội hóa đầu tư, khai thác. Di tích danh thắng chùa Hang trở thành điểm du lịch của tỉnh. Các ngành dịch vụ vận tải, viễn thông, ngân hàng, y tế, bảo hiểm... tăng trưởng khá, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống Nhân dân.

2.4.4. Hiện trạng phát triển nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản

Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản bình quân hàng năm tăng 1,13%; giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt và mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt trên 80 triệu đồng/năm. Xây dựng được một số mô hình sản xuất tập trung theo hướng liên kết với doanh nghiệp có hiệu quả. Công tác trồng, bảo vệ và chăm sóc rừng được quan tâm. Giữ vững và nâng cao chất lượng các nông thôn mới ở xã Thuận Lộc, đến nay đã đạt 20/20 nông thôn mới theo Quyết định số 05/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Một số sản phẩm OCOP bước đầu được hình thành.

Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới được tập trung chỉ đạo quyết liệt với nhiều giải pháp đồng bộ, huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân.

2.5. Hiện trạng dân số, lao động, việc làm

2.5.1. Dân số

Dân số thường trú trên địa bàn thị xã tính đến tháng 3/2023 là 46.574 người. Dân số tập trung đông nhất tại phường Bắc Hồng (11.034 người) và Nam Hồng (10.604 người); tỷ lệ tăng dân số tự nhiên toàn thị xã giai đoạn 5 năm vừa qua khoảng 0,4%.

Bảng 2. Hiện trạng dân số

TT	Đơn vị hành chính	Dân số đến tháng 3/2023
A	Thị xã Hồng Lĩnh	46.574
1	Phường Bắc Hồng	11.034
2	Phường Đậu Liêu	6.377
3	Phường Đức Thuận	7.215
4	Phường Nam Hồng	10.604
5	Phường Trung Lương	6.517
6	Xã Thuận Lộc	4.827

2.5.2. Lao động, việc làm

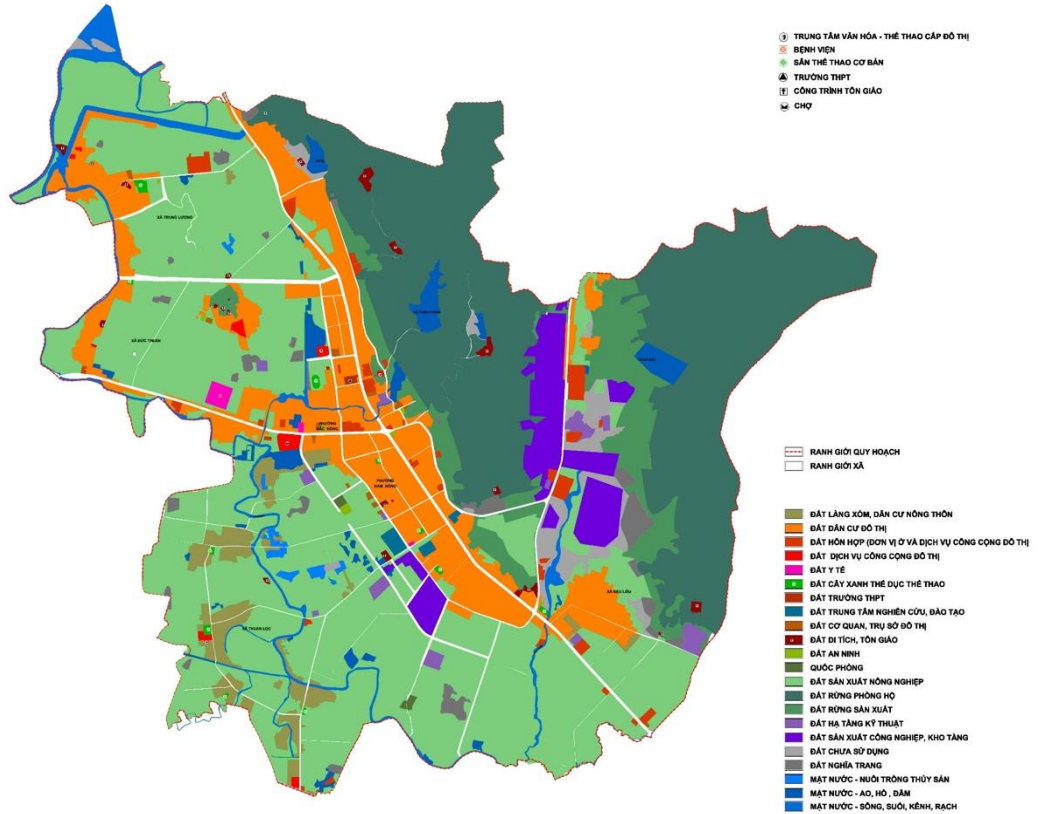
Năm 2023, số lao động tham gia hoạt động kinh tế khoảng 23.900 người, chiếm khoảng 51% tổng dân số. Trong đó: số lao động trên lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp là 6.400 người; số lao động trong lĩnh vực phi nông nghiệp khoảng 17.500 người.

Thị xã thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm, đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho trên 900 lao động, trong đó có 250 - 300 đi làm việc ở nước ngoài. Giai đoạn 2018-2022 các cơ sở dạy nghề trên địa bàn đã đào tạo nghề cho khoảng 10.000 lượt người, trong đó đào tạo nghề cho lao động nông thôn 1.000 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 80%.

Các doanh nghiệp thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo chế độ chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đến nay đạt 37,7%. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đến nay đạt 37,7%.

Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện kịp thời đầy đủ. Công tác giảm nghèo thực hiện có hiệu quả. Tỷ lệ hộ nghèo đến nay còn 1,96%.

2.6. Hiện trạng sử dụng đất



Hình 5. Hiện trạng sử dụng đất thị xã Hồng Lĩnh năm 2022

Bảng 3. Thống kê hiện trạng sử dụng đất thị xã Hồng Lĩnh năm 2022

(Nguồn: Phòng tài nguyên môi trường thị xã Hồng Lĩnh cấp năm 2023)

TT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên thị xã (1+2+3)		5.897,31	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.712,23	62,95
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.611,70	27,33
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	1.499,08	25,42
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	67,1	1,14
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	304,83	5,17
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.368,70	23,21
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	284,93	4,83
	Trong đó: đất có RSX là rừng tự nhiên	RSN		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	46,22	0,78
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	28,76	0,49
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.021,77	34,28
2.1	Đất quốc phòng	CQP	32,89	0,56
2.2	Đất an ninh	CAN	3,21	0,05
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	202,6	3,44
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	42,76	0,73

TT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2.6	Đất cơ sở sản xuất PNN	SKC	39,65	0,67
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	4,5	0,08
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	105,6	1,79
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia - cấp xã	DHT	959,85	16,28
	Đất giao thông	DGT	621,47	10,54
	Đất thủy lợi	DTL	123,76	2,1
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3,43	0,06
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	10,41	0,18
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	29,75	0,5
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	10,54	0,18
	Đất công trình năng lượng	DNL	7,82	0,13
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,01	0,02
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	12,51	0,21
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	13,35	0,23
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	23,36	0,4
	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	100,86	1,71
	Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		
	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
Đất chợ	DCH	1,59	0,03	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,32	0,11
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	19,55	0,33
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	54,98	0,93
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	344,76	5,85
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,66	0,16
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,05	0,03
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	11,04	0,19
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	124,1	2,1
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	58,27	0,99
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	163,31	2,77

Bảng 4. Thống kê hiện trạng sử dụng thị xã Hồng Lĩnh, thể hiện theo quy định của Thông tư 04/2022/TT-BXD

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ trọng (%)	B. quân (m ² /ng)	Dân số (người)
AB	Tổng diện tích tự nhiên	5.897,3		8 (ng/ha)	
A	Đất xây dựng	1.715,7	100,0	27 (ng/ha)	
I	Khu vực dân dụng	625,8	36,5	134,4	46.574
1	Đơn vị ở	471,5	27,5	101,2	46.574
<i>a</i>	<i>Đơn vị ở hiện hữu</i>	416,5	24,3	99,8	41.747
<i>b</i>	<i>Điểm DCNT (LX đô thị hóa)</i>	55,0	3,2	113,9	4.827

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ trọng (%)	B. quân (m ² /ng)	Dân số (người)
2	Dịch vụ - công cộng	27,1	1,6	5,8	
a	Giáo dục (trường THPT)	3,4	0,2	0,7	
b	Y tế (bệnh viện huyện)	9,6	0,6	2,1	
c	Dịch vụ (chợ)	1,6	0,1	0,3	
d	Công cộng khác (VH, XH, TDTT)	12,5	0,7	2,7	
3	Cơ quan, trụ sở	11,7	0,7	2,5	
4	Cây xanh sử dụng công cộng	19,6	1,1	4,2	
5	Giao thông đô thị	96,0	5,6	22%	
II	Khu vực ngoài dân dụng	1.089,8	63,5		
1	Sản xuất công nghiệp	352,4	20,5		
2	Trung tâm đào tạo nghiên cứu	11,2	0,7		
4	Trung tâm Y tế	0,0	0,0		
5	Trung tâm VH, TDTT và CC khác	0,0	0,0		
6	Dịch vụ, du lịch	42,8	2,5		
7	Cây xanh sử dụng hạn chế	0,0	0,0		
8	Cây xanh chuyên dụng	0,0	0,0		
9	Di tích, tôn giáo, tín ngưỡng	46,9	2,7		
10	An ninh	3,2	0,2		
11	Quốc phòng	32,9	1,9		
12	Giao thông đối ngoại	477,5	27,8	44%	
13	Hạ tầng kỹ thuật đầu mối	22,2	1,3		
15	Nghĩa trang, NTL, nhà hỏa táng	100,9	5,9		
B	Đất khác (ngoài đất xây dựng)	4.181,6	100,0		
1	Sản xuất nông nghiệp	2.182,3	52,2		
2	Lâm nghiệp	1.653,6	39,5		
3	Chưa sử dụng	163,3	3,9		
4	Hồ ao đầm	58,3	1,4		
5	Sông suối kênh rạch	124,1	3,0		

Bảng 5. So sánh một số chỉ tiêu sử dụng đất chính

TT	Loại đất	Diện tích	Bình quân	TC ĐT III
AB	Tổng diện tích tự nhiên	5.897,3 ha	7,9 ng/ha	14 ng/ha
I	Khu đất dân dụng	625,8 ha	134,4 m ² /ng	50-80 m ² /ng
1	Đơn vị ở	471,5 ha	101,2 m ² /ng	28-45 m ² /ng
3	Dịch vụ - công cộng	27,1 ha	5,8 m ² /ng	5 m ² /ng
5	Cây xanh sử dụng công cộng	19,6 ha	4,2 m ² /ng	5 m ² /ng
6	Giao thông toàn đô thị	621,5 ha	36% đất XD	16-26 %

Tổng diện tích đất xây dựng khoảng 1.716 ha chiếm khoảng 29% tổng diện tích tự nhiên toàn thị xã, trong đó:

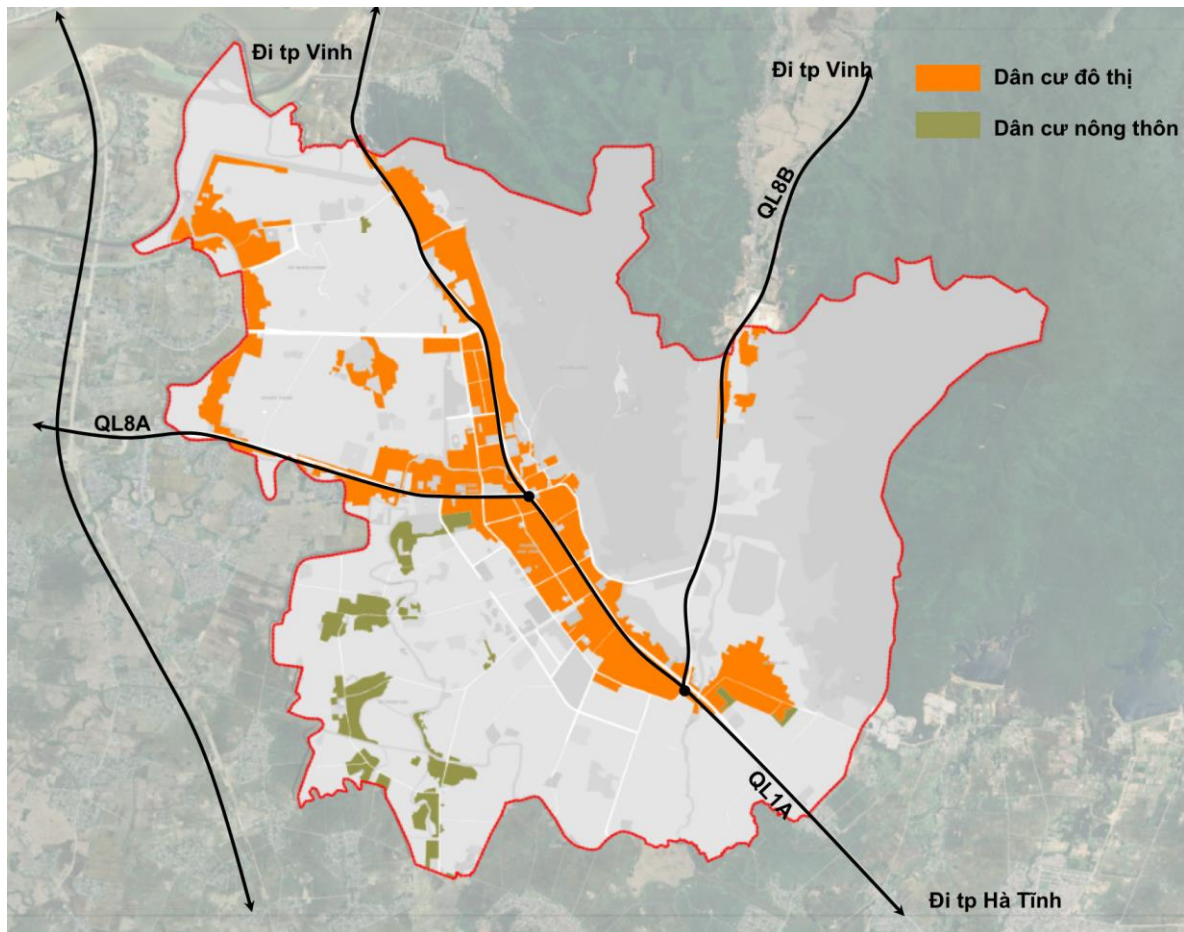
- Khu vực dân dụng có diện tích khoảng 626 ha, chiếm khoảng 37% đất xây dựng, bình quân 134 m²/người, bao gồm các loại đất: đơn vị ở đô thị và điểm dân cư nông thôn hiện hữu (không bao gồm đất trồng cây lâu năm gắn với nhà ở), dịch vụ công cộng, cơ quan và trụ sở cấp đô thị, cây xanh sử dụng công cộng, giao thông đô thị, hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị.

- Khu vực ngoài dân dụng có diện tích 1.090 ha, chiếm khoảng 63%, bao gồm các loại đất: sản xuất công nghiệp, trung tâm giáo dục đào tạo - nghiên cứu, trung tâm y tế, di tích - tôn giáo - tín ngưỡng, an ninh, quốc phòng, giao thông đối ngoại, hạ tầng kỹ thuật khác.

Đất khác (ngoài xây dựng) có diện tích khoảng 4.182 ha, chiếm khoảng 71% tổng diện tích tự nhiên toàn thị xã, bao gồm các loại đất: sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, trồng cây lâu năm gắn với nhà ở, nuôi trồng thủy sản, chưa sử dụng, hồ ao đầm, sông suối kênh rạch.

2.7. Hiện trạng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội

2.7.1. Hiện trạng nhà ở



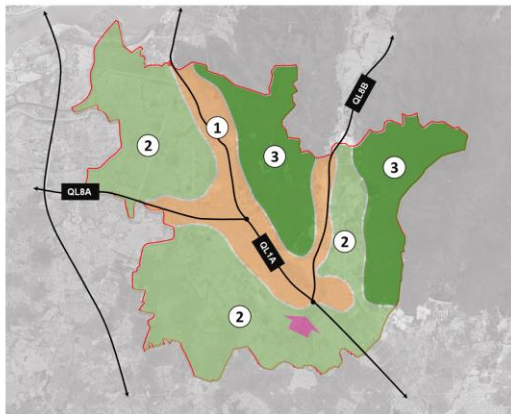
Hình 6. Sơ đồ hiện trạng phân bố đất ở



Khu dân cư TT. thị xã Hồng Lĩnh



Khu dân cư phía dưới núi Hồng Lĩnh



- ① VÙNG CẢNH QUAN ĐÔ THỊ HÓA
- ② VÙNG CẢNH QUAN NÔNG THÔN
- ④ VÙNG CẢNH QUAN ĐÔI NÚI



Hình 7. Mối quan hệ giữa nhà ở và môi trường cảnh quan

Trong những năm qua điều kiện ở của người dân thị xã Hồng Lĩnh ngày càng được cải thiện diện tích nhà ở bình quân đầu người và chất lượng nhà tăng đáng kể. Dân cư tập trung đông ở dọc theo các trục đường giao thông đối ngoại ở tuyến đường QL.1 và QL.8A (Đường Trần Phú), QL.8B, đường Thống Nhất. Nhà ở tại khu vực thị xã Hồng Lĩnh, yếu là nhà kiên cố và bán kiên cố (cấp IV), tập trung dọc tuyến QL.1 là các phường hiện hữu hình thành lên từ thị trấn cũ.

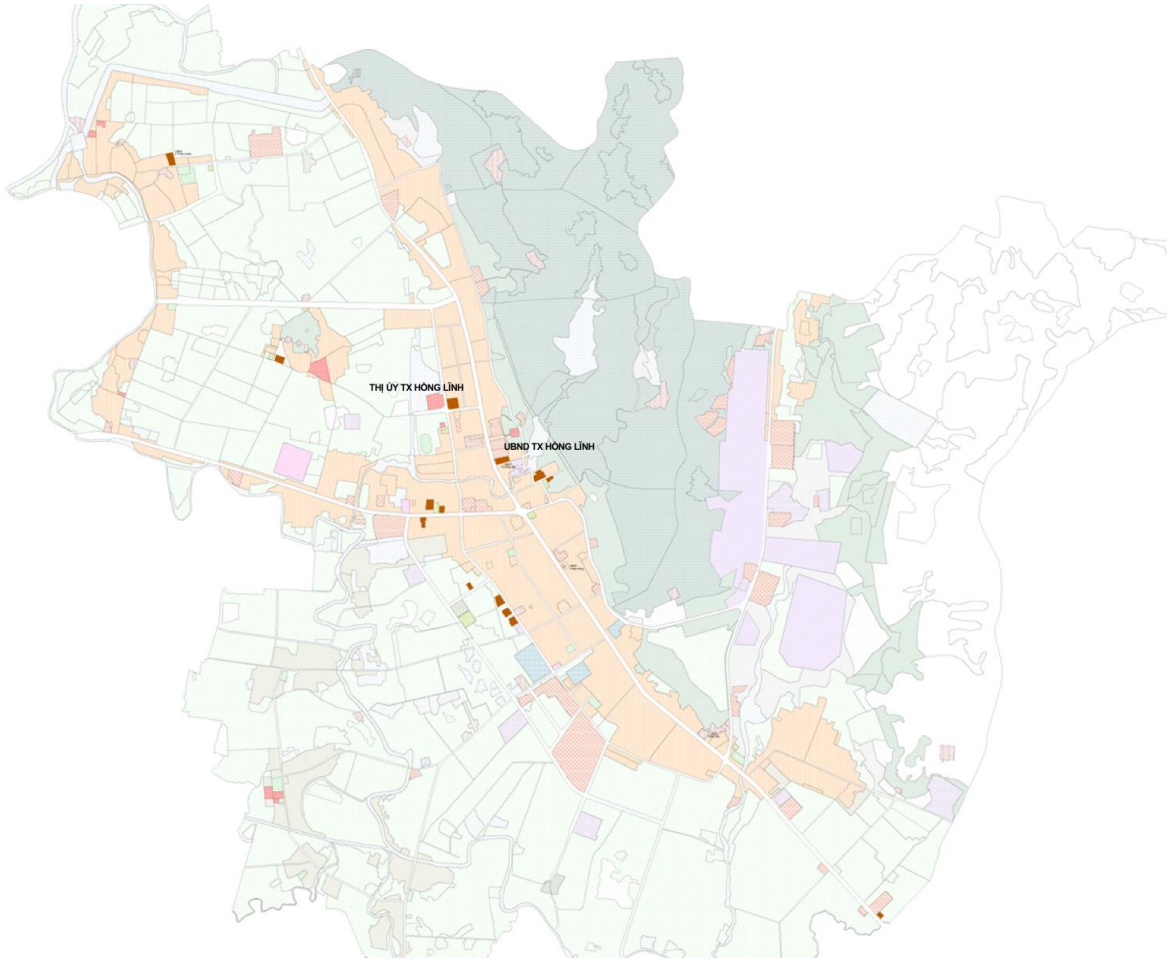
Đất xây dựng nhà ở tại đô thị khoảng 344,8 ha, chiếm khoảng 5,9% tổng diện tích tự nhiên toàn thị xã, bình quân khoảng 74 m²/người. Tuy nhiên, nhiều khu đất vẫn còn theo mô hình nhà ở nông thôn, tức là có đất trồng cây lâu năm xen kẽ với đất xây dựng nhà ở. Theo khảo sát sơ bộ, tổng đất xây dựng nhà ở khoảng 155,2 ha, bình quân 150 m²/hộ. Trong khi đất vườn còn khoảng 189,6 ha.

Đất xây dựng nhà ở nông thôn có khoảng 55,0 ha. Trong đó đất xây dựng nhà ở khoảng 24,2 ha; bình quân khoảng 250 m²/hộ. Đất trồng cây lâu năm gắn với nhà ở nông thôn khoảng 30,8 ha

2.7.2. Hiện trạng cơ sở hành chính

Trung tâm hành chính cấp thị xã bao gồm, trụ sở Thị ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thị xã và các cơ quan trực thuộc thị xã được bố trí tập trung và ổn định tại khu vực trung tâm dọc tuyến đường QL.1. Các công trình trụ sở cao 2-5 tầng, đa số

được cải tạo xây dựng lại và chất lượng cao, quy mô khoảng 9,66 ha và một số công trình hình chính sự nghiệp, quy mô khoảng 2,05 ha, chiếm khoảng 0,20 % tổng diện tích tự nhiên toàn thị xã.



Hình 8. Sơ đồ phân bố đất cơ quan, trụ sở



Trụ sở UBND thị xã Hồng Lĩnh



Trụ sở Thị ủy Hồng Lĩnh

2.7.3. Hiện trạng cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe

Công tác Y tế cơ sở trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh được triển khai và thực hiện tốt. Với mục tiêu chăm sóc sức khỏe nhân dân toàn thị xã, cũng như dân cư khu vực lân cận. Hệ thống y tế được đầu tư hoàn thiện theo 2 tuyến: thị xã và phường, xã.

Bảng 6. Thông kê công trình y tế trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh (Nguồn: Phòng Y tế)

TT	Công trình	Số giường	DT (m ²)	Địa điểm
I	Y tế ngành, tuyến tỉnh và thị xã	180		

TT	Công trình	Số giường	DT (m ²)	Địa điểm
1	Trung tâm y tế thị xã Hồng Lĩnh	150	83.905	Phường Đức Thuận
2	Bệnh viện đa khoa Hồng Hà	30	6.584	Phường Nam Hồng
II Các trạm y tế nội thị		30		
1	Trạm y tế phường Nam Hồng	5	1.201	Phường Nam Hồng
2	Trạm y tế phường Bắc Hồng	5	396	Phường Bắc Hồng
3	Trạm y tế phường Đậu Liêu	5	3.162	Phường Đậu Liêu
4	Trạm y tế phường Trung Lương	5	1.056	Phường Trung Lương
5	Trạm y tế phường Đức Thuận	5	1.000	Phường Đức Thuận
6	Trạm y tế xã Thuận Lộc	5	1.595	Xã Thuận Lộc



Hình 9. Sơ đồ phân bố cơ sở y tế

2.7.4. Hiện trạng cơ sở giáo dục - đào tạo

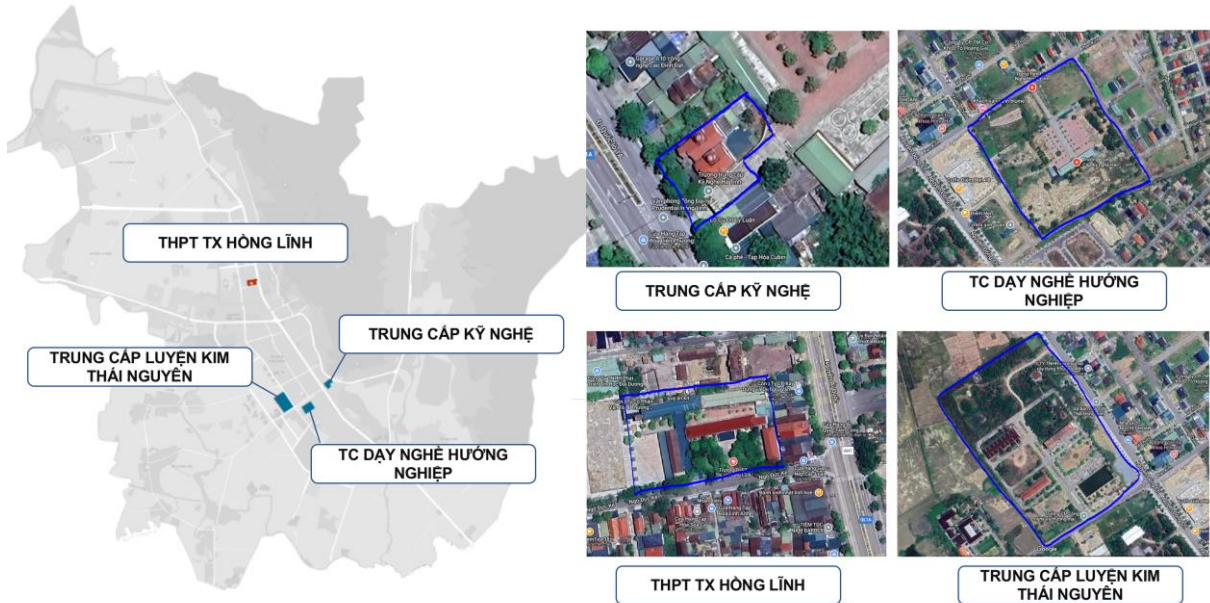
Trên địa bàn thị xã có 18 cơ sở giáo dục, trong đó: 07 trường mầm non (có 01 trường mầm non tư thục); 04 trường tiểu học; 04 trường trung học cơ sở; 02 trường THPT, 01 trường THCS, 01 trường THPT. Cơ sở vật chất các trường được đầu tư xây dựng kiên cố và chuẩn hóa. Có 02 trường dạy nghề là Trường Trung cấp Kỹ nghệ Hà Tĩnh (trong đó có hệ giáo dục thường xuyên) và Trường Cao đẳng Công thương Thái Nguyên.

Bảng 7. Tổng hợp cơ sở giáo dục – đào tạo trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh

(Nguồn: Phòng Giáo dục đào tạo)

TT	Công trình	DT (m ²)	Địa điểm
I Giáo dục			
1	Trường THPT Hồng Lĩnh (cơ sở 1)	12.441	Phường Bắc Hồng
2	Trường THPT Hồng Lĩnh (cơ sở 2)	22.040	Phường Bắc Hồng
II Đào tạo			
1	Trường Trung cấp Kỹ nghệ Hà Tĩnh (cơ sở 2)	27.300	Phường Nam Hồng
2	Trường Trung cấp Kỹ nghệ Hà Tĩnh (cơ sở 1)	22350	Phường Đậu Liêu

TT	Công trình	DT (m ²)	Địa điểm
3	Trường Cao đẳng Công thương Thái Nguyên Phân hiệu Hà Tĩnh	61.000	Phường Nam Hồng
4	Trung tâm chính trị Hồng Lĩnh	1.257	Phường Bắc Hồng



Hình 10. Sơ đồ phân bố đất giáo dục - đào tạo



Trường THPT Hồng Lĩnh



Trường Cao đẳng Công thương Thái Nguyên

2.7.5. Hiện trạng cơ sở văn hóa, thể dục - thể thao

Thị xã Hồng Lĩnh có 01 Trung tâm văn hóa cấp thị xã và có 5 nhà văn hóa thuộc các xã phường Bắc Hồng, Nam Hồng, Đậu Liêu, Đức Thuận, Thuận Lộc. Cần tăng cường xây dựng khu vui chơi giải trí... đáp ứng nhu cầu của người dân. Các công trình văn hóa các phường chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân, cần xây dựng thêm các công trình lớn, hình thức kiến trúc hiện đại tạo điểm nhấn, cảnh quan đô thị, tương xứng với tầm vóc đô thị trong tương lai.



Hình 11. Sơ đồ phân bố đất trung tâm văn hoá – thể thao



Hình 12. Trung tâm văn hóa thị xã Hồng Lĩnh

Trên địa bàn thị xã có trung tâm thể dục thể thao của thị xã, 1 sân đá bóng phường Nam (4,ha), nhiều sân tennis, trung tâm thể thao, sân bóng mini, sân cầu lông tại các cơ quan và sân thể thao gia đình, đã đáp ứng được nhu cầu tuy nhiên cần xây dựng các công trình quy mô nhỏ cấp phường, xã phục vụ nhu cầu của người dân.

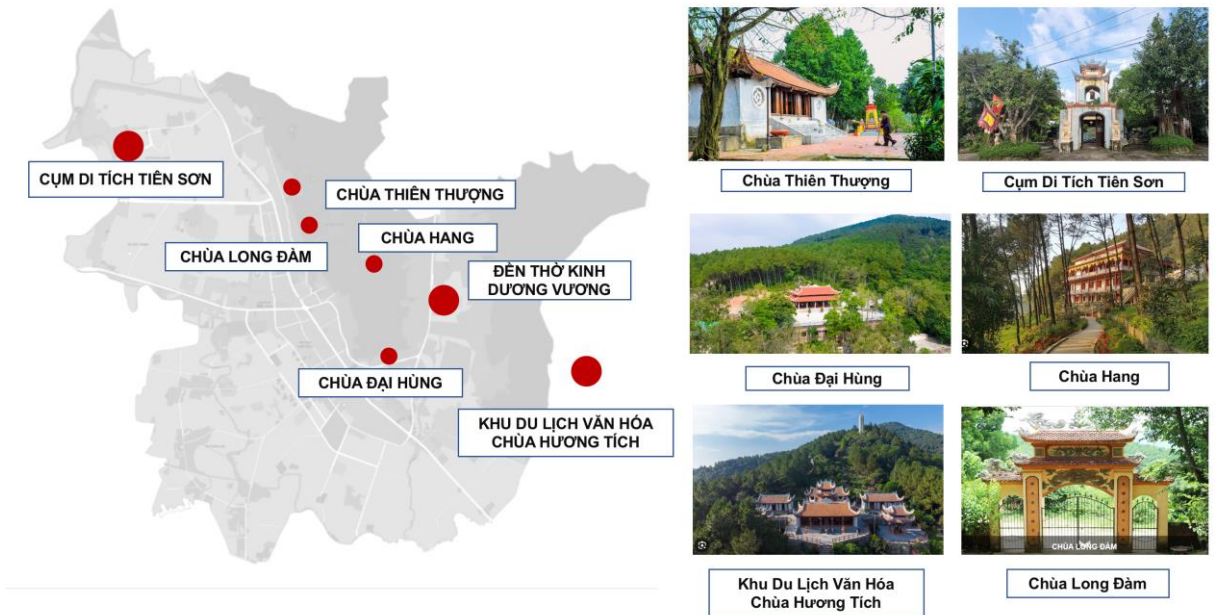
2.7.6. Hiện trạng di tích lịch sử - văn hóa

Hiện trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh có rất nhiều công trình di tích lịch sử cấp quốc gia, cấp tỉnh đã được công nhận, cụ thể như sau:

Bảng 8. Thống kê di tích tại thị xã Hồng Lĩnh (Nguồn: Phòng Văn hóa thông tin)

TT	Công trình	Diện tích (m ²)	Địa điểm
1	Chùa Thiên tượng	37.451	Phường Đức Thuận
2	Cụm di tích văn hóa Tiên Sơn	6.384	Phường Trung Lương
3	Đền thờ Bùi Đăng Đạt	200	Phường Trung Lương
4	Chùa Long Đàm	7.671	Phường Đức Thuận
5	Đền Tích Thiện	330	Phường Đức Thuận
6	Nhà thờ họ Lê	113	Phường Đức Thuận

TT	Công trình	Diện tích (m ²)	Địa điểm
7	Nhà thờ tiến sỹ Phan Hưng Tạo	205	Phường Đức Thuận
8	Nhà thờ Nguyễn Trọng Tương	724	Phường Đức Thuận
9	Đền Thánh Sư Thọ Rèn Vân Chàng	4.424	Phường Đức Thuận
10	Đền Song Trạng	2.710	Phường Đức Thuận
11	Đền Bùi Cầm Hổ	3.497	Phường Đạm Liêu
12	Nhà thờ Tiến sỹ Thái Kính	867	Phường Đạm Liêu
13	Chùa Đại Hùng	16.000	Phường Đạm Liêu
14	Nhà thờ Lê Lai Yến	407	Phường Đức Thuận
15	Đền Phúc Hải	1.352	Xã Thuận Lộc
16	Nhà thờ Trần Trọng Giới	155	Xã Thuận Lộc
17	Di tích danh thắng Chùa Hang	30.300	Phường Bắc Hồng
18	Nhà thờ Trần Văn Khải	153	Xã Thuận Lộc
19	Đền Cả	1,30	Phường Trung Lương
20	Đình Giao Tác	5.460	Xã Thuận Lộc
21	Đền Phúc Hội	490	Xã Thuận Lộc
22	Đền Quán Sơn Thái Nhạc và Đình Ngọc Sơn	1.845	Phường Đức Thuận
23	Đền Đông Xá	2.377	Phường Đạm Liêu

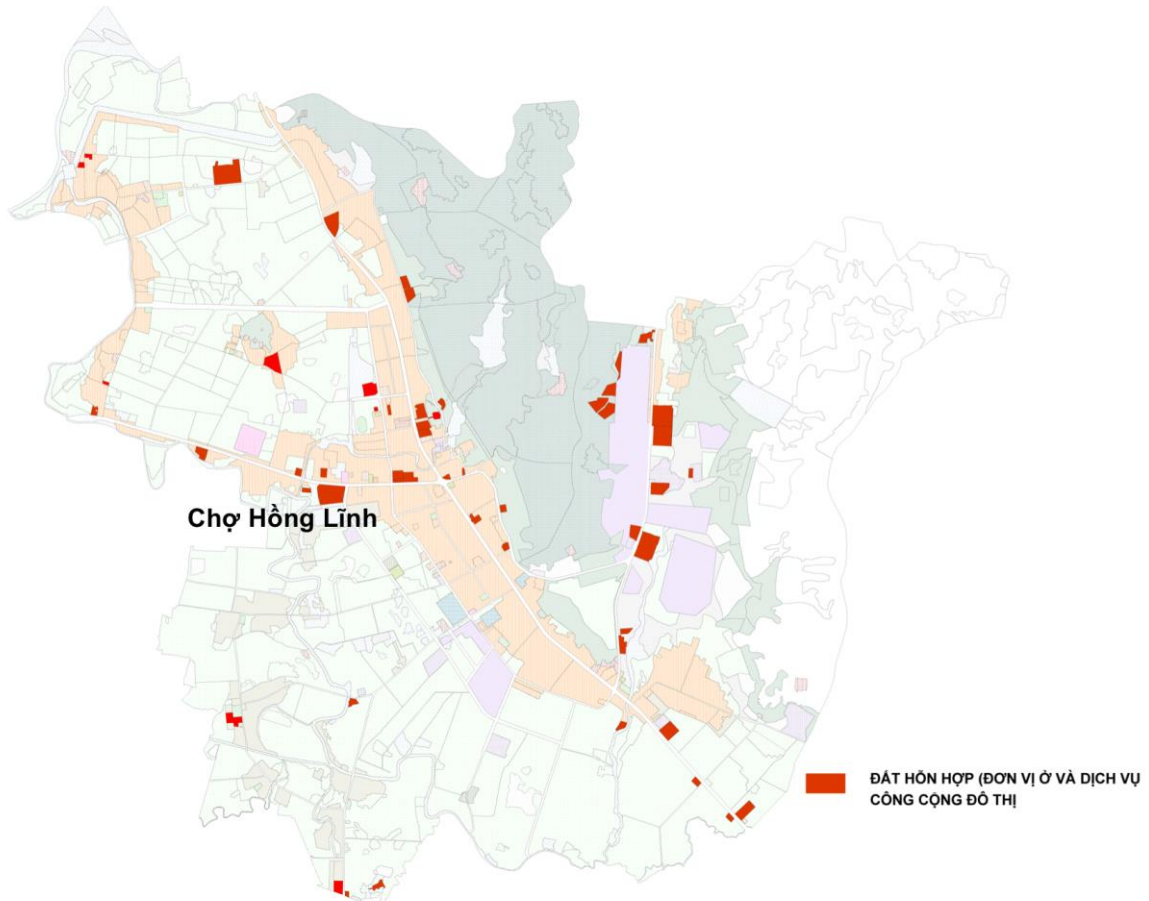


Hình 13. Một số công trình di sản văn hoá tiêu biểu

2.7.7. Hiện trạng cây xanh

Các công viên cây xanh tập trung như công viên Phường Bắc Hồng (7,09ha), Phường Nam Hồng (3,11ha), Phường Đức Thuận (2,57ha), Phường Trung Lương (1,14ha), Phường Đạm Liêu (2,62ha), nhiều cây xanh đường phố được đầu tư xây dựng và cải tạo.

2.7.8. Hiện trạng cơ sở dịch vụ, thương mại



Chợ Hồng Lĩnh



Trung tâm thương mại tổng hợp – siêu thị Hồng Lĩnh do Cty TNHH Như Nam đầu tư rất khang trang, hiện đại.

Hình 14. Sơ đồ phân bố công trình thương mại, dịch vụ

Hệ thống chợ cơ bản đáp ứng nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa của Nhân dân thị xã và các vùng phụ cận.

Chợ Trung Lương, diện tích 3.761,96m² do Hợp tác xã kinh doanh khai thác chợ Huyện - Trung Lương quản lý, khai thác;

Chợ Hồng Sơn - La Giang, diện tích 2.724,47m² do Công ty Cổ phần chợ La Giang quản lý, khai thác;

Chợ Hồng Lĩnh thuộc Trung tâm thương mại, siêu thị tổng hợp Hồng Lĩnh diện tích 5,7 ha, có 3 đình chính với hơn 1.000 điểm kinh doanh, đáp ứng các tiêu chuẩn đối với chợ loại I do Công ty TNHH Như Nam quản lý, khai thác.

Trên địa bàn có 03 siêu thị Vinmart, 01 siêu thị Coopmart, 04 siêu thị chuyên ngành (02 siêu thị điện thoại, 2 siêu thị điện máy) và hơn 30 cửa hàng tổng hợp có quy mô lớn.

Bảng 9. Thống kê công trình thương mại, dịch vụ

(Nguồn: Phòng Kinh tế)

TT	Danh mục công trình	Diện tích (m ²)
I	Siêu thị	
1	Trung tâm thương mại tổng hợp thị xã Hồng Lĩnh	57.758,7
2	Fpt Shop Hồng Lĩnh	200
3	Media Hồng Lĩnh	300
4	Điện máy xanh	200
5	Son Hải plaza	500
6	03 Vinmart	600
7	Coopmart	200
II	Chợ	
1	Chợ La Giang - Tổ dân phố Thuận Hồng, phường Đức Thuận	2.724,47
2	Chợ huyện Trung Lương, tổ dân phố La Giang, phường Trung Lương	3.761,96
3	Chợ Đồng Đán (đã có quy hoạch, chưa xây dựng) thôn Hồng Nguyệt, xã Thuận Lộc	12.856,00

2.7.9. Hiện trạng cơ sở sản xuất công nghiệp

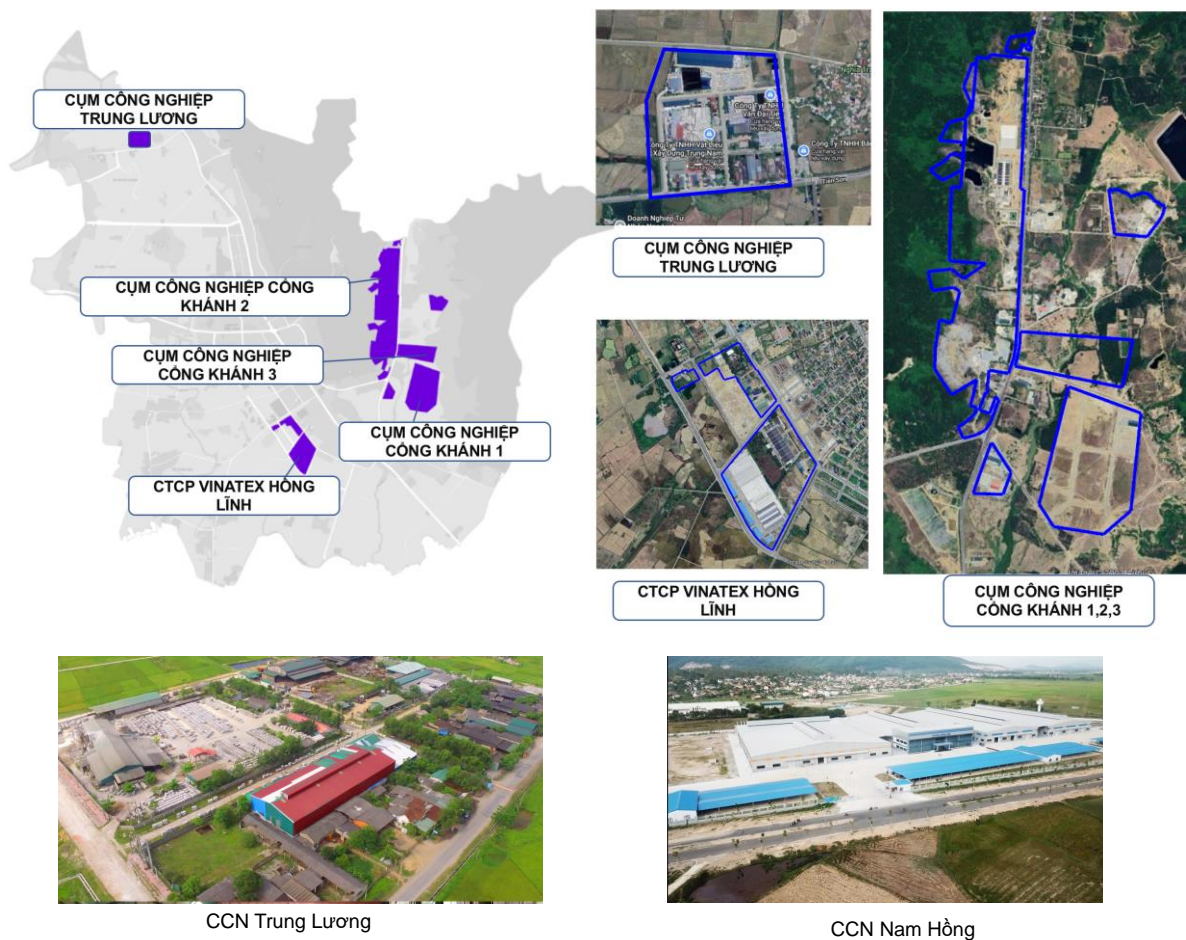
Trên địa bàn hiện có 04 cụm công nghiệp (CCN); tổng diện tích 120,26 ha; phần diện tích đã đầu tư hạ tầng 85,13ha; tỷ lệ lấp đầy đạt trên 85%, cụ thể:

- CCN Trung Lương được thành lập tại Quyết định số 3613/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 08/11/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh có diện tích 25,6 ha (phần quy hoạch mở rộng thêm 19,0 ha); phạm vi ranh giới: Phía Bắc giáp đất nông nghiệp; phía Nam giáp đường giao thông và trung tâm phường; phía Tây giáp đất nông nghiệp; phía Đông giáp đất nông nghiệp. Ngành nghề sản xuất: Rèn - đúc, gia công sửa chữa cơ khí gắn với làng nghề Trung Lương; cán kéo thép, vật liệu xây dựng. Phần diện tích 6,63ha, đến nay đã có 15 dự án đầu tư sản xuất kinh doanh với tỷ lệ lấp đầy 100%. Giá trị sản xuất năm 2020 đạt 137 tỷ đồng; giải quyết việc làm cho 330 lao động.

- CCN Nam Hồng được thành lập tại Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 14/11/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh có diện tích 42,9ha; phạm vi ranh giới: Phía Bắc giáp: Đường Phan Kính (quy hoạch rộng 55,0m); phía Nam giáp: Đường Minh Thanh (quy hoạch rộng 35,0m); phía Đông giáp: Đường Nguyễn Đồng Chi (quy hoạch rộng 55,0m); phía Tây giáp: Đường quy hoạch 35m. Ngành nghề sản xuất: Sợi, may mặc, gia công cơ khí.... Đến nay, có 12 dự án đang hoạt động, tỷ lệ lấp đầy đạt trên 90%. Giá trị sản xuất năm 2020 đạt 208 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 2.300 lao động.

- CCN Công Khánh 1 được thành lập tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh có diện tích 41,74ha; phạm vi ranh giới: Phía Bắc giáp: Đường quy hoạch rộng 20,5m; phía Nam giáp: Suối Cự Trâm, đường quy hoạch rộng 25m; phía Đông giáp: Đất nghĩa trang và đất chưa sử dụng; phía Tây giáp: Đường quy hoạch 25m do Công ty Cổ phần đầu tư IDI làm chủ đầu tư hạ tầng. Ngành nghề sản xuất: Sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp hỗ trợ, gia công cơ khí, chế biến lâm sản, sản xuất đồ dùng dân dụng, bao bì.

- CCN Công Khánh 2 được thành lập tại Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 3442/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh có diện tích 35,06ha, phạm vi ranh giới: Phía Bắc giáp: Đất rừng sản xuất; phía Nam giáp: Đường quy hoạch 25m; phía Đông giáp: Đường tránh QL.1 đoạn qua thị xã Hồng Lĩnh; phía Tây giáp: Đất rừng sản xuất do Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn làm chủ đầu tư hạ tầng, với ngành nghề chính: Sản xuất đồ uống (sản xuất bia, rượu); sản xuất bao bì, lon bia, các thiết bị phụ trợ phục vụ sản xuất bia và các ngành nghề khác đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đến nay, các hạng mục hạ tầng kỹ thuật cơ bản hoàn thành và dự án Nhà máy Bia Hà Nội - Nghệ Tĩnh có tổng mức đầu tư 1.230 tỷ đồng đang trong quá trình lắp đặt thiết bị.



Hình 15. Sơ đồ phân bố công trình công nghiệp

2.8. Hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

2.8.1. Hệ thống cao độ nền và thoát nước mặt

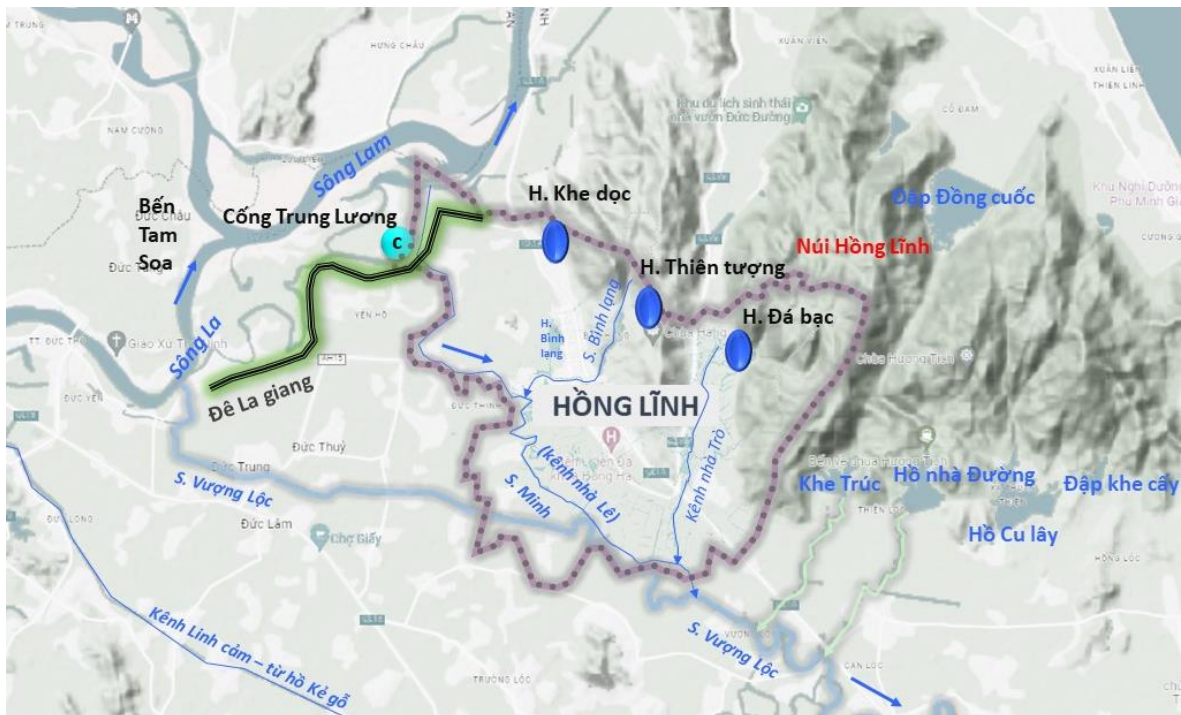
2.8.1.1. Công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai

- Hệ thống đê chống lũ: Thị xã Hồng Lĩnh thuộc lưu vực của sông La, được hệ thống đê La Giang bảo vệ (đê cấp I đảm bảo tần suất chống lũ 1%). Tổng chiều dài đê La Giang trong thị xã là 3,6km từ (K15+600 ÷ K19+200).

Cao trình mặt đê tại vị trí K16+200 cống Trung Lương: +8,8m, đảm bảo chống được lũ với tần suất $P=1\%$, ứng với cao trình mực nước lũ là 7,93m (lũ lịch sử 1978: 7,59m và lũ 1986: 7,51m).

Công điều tiết (dưới đê): cống Trung Lương có nhiệm vụ điều tiết mực nước của hệ thống tưới tiêu nội đồng và ngăn mặn cho khu vực canh tác.

Hệ thống sông Minh: với chức năng tưới và tiêu cho khu vực thị xã. Sông lưu thông với sông La ở phía Bắc qua cống Trung Lương, thuộc xã Trung Lương, lưu thông với sông Nghèn ở phía Nam qua hệ thống thủy nông Linh Cảm.



Hình 16. Sơ đồ hệ thống thủy lợi thị xã Hồng Lĩnh

2.8.1.2. Cao độ nền

Thị xã bao gồm 3 khu vực: Khu vực phía tây QL.1; khu vực nằm giữa đường Lê Hữu Trác và QL.1; và khu vực nằm ở phía nam đường QL.88A, đường Lê Hữu Trác ra phía tây, tây nam của ranh giới.

- Khu vực phía tây QL.1: là khu vực đồi núi, khu dân cư và đất canh tác của thị xã- không ngập lũ. Khu vực ngoài đê thường bị ngập trong mùa lũ- là đất canh tác theo vụ, mùa của thị xã). Nhìn chung nền của thị xã tương đối thuận lợi cho việc phát triển xây dựng. Phía Đông thị xã ít phải đầu tư cải tạo nền. Phía Tây thị xã - khu vực đồng bằng thấp trũng, khi xây dựng cần đầu tư tôn nền để tránh ngập úng cục bộ.

(1) Khu vực phía tây QL.1: Khu vực này có cao độ ổn định và nằm ở vùng cao nhất của thị xã, không bị ảnh hưởng của lũ

Khu vực thị xã cũ có mật độ xây dựng tương đối dày đặc nằm dọc QL.1, phần lớn các công trình đều xây dựng trên nền có cao độ >3,5m; cao độ trung bình khu dân cư khoảng 6,0m không bị ngập lụt. Cao độ tuyến QL.1 trong khoảng (3,4÷23,2)m; QL.88B từ (6,2÷14,5)m;

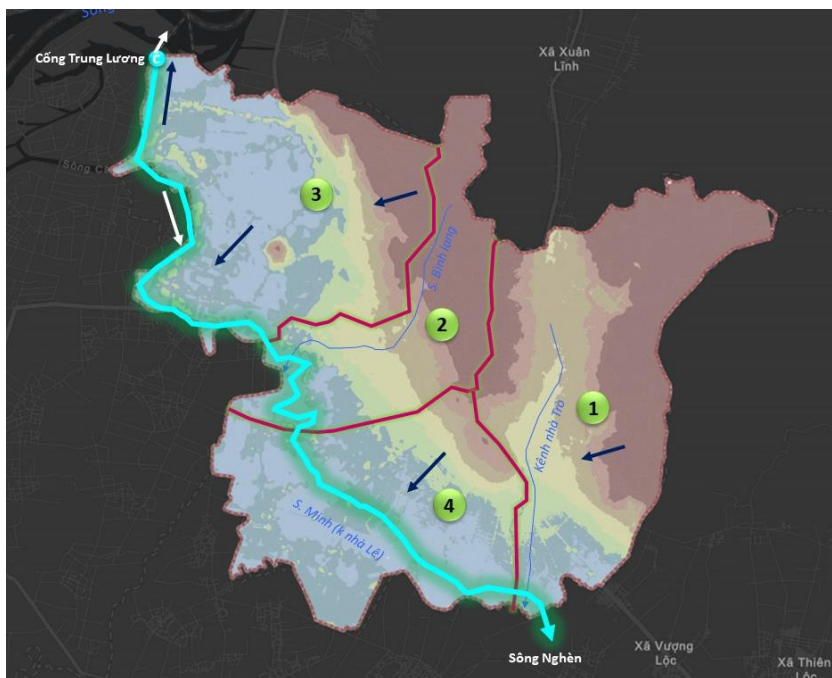
(2) Khu vực nằm giữa đường Lê Hữu Trác và QL.1: Khu dân cư xây dựng khá ổn định, thời điểm mưa to nước thoát không kịp có thể gây úng tạm thời tại các vị trí thấp trũng và chưa có cống tiêu thoát. Cao độ khu dân cư từ 2,8 ÷ 3,5m. Các tuyến đường giao thông chính như QL.8A trong khoảng (2,8÷14,5)m

Các vị trí tuyến QL.8A giao cắt sông Minh có cao độ $H < 3,0m$ có thể bị ngập với những trận mưa có cường độ mưa >100mm, thời gian ngập ngắn (trong vài giờ).

(3) Khu vực nằm ở phía nam đường QL.88A, đường Lê Hữu Trác ra phía tây, tây nam: Khu dân cư đã xây dựng nằm phân bố theo từng cụm phân tán, bám theo các tuyến đường liên thôn, liên xã có cao độ nền từ (2,2÷4,0)m ít khi bị ngập, khu vực canh tác có cao độ nền <2,0m bị ngập úng nhẹ (ngập 0,3m), trong thời gian ngắn.

Ngoài ra phía bắc là khu vực nằm ngoài đô: cao độ nền biến thiên từ (0,0÷1,8)m là vùng ngập thường xuyên trong mùa lũ (chiều cao ngập lũ trung bình 4m), là khu vực không phát triển xây dựng chỉ nên sử dụng để canh tác.

2.8.1.3. Hướng thoát nước mặt



Hình 17. Sơ đồ lưu vực thoát nước mặt

Thị xã có địa hình đồi núi chuyển tiếp xuống đồng bằng, xen kẽ các dải thung lũng hẹp, hướng thoát nước phụ thuộc vào địa hình tự nhiên và cải tạo sử dụng hệ thống sông hồ kênh rạch hiện có để thoát nước.

Lưu vực: Theo địa hình, hiện trạng mạng lưới sông ngòi và các trục giao thông, khu vực chia làm 4 lưu vực chính bao gồm:

+ **Lưu vực 1:** Nằm ở phía Đông- Đông Nam thị xã, nước mưa từ sườn núi phía Đông thị xã tập vào hồ Đá Bạc và kênh Nhà Trò sau đó thoát ra sông Minh (khi đóng cống Trung Lương, lưu vực 1 sẽ thoát vào kênh tiêu phía Nam theo hướng tiêu ra sông Nghèn).

+ **Lưu vực 2:** Gồm khu vực trung tâm thị xã và lưu vực thuộc núi Thiên tượng và núi Mông Gà. Nước mưa theo địa hình chảy về hồ Thiên Tượng và các tuyến cống rồi thoát ra sông Minh theo trục thoát suối Bình Lạng.

+ **Lưu vực 3:** Nằm về phía Bắc- Tây Bắc thị xã. Một phần nước mưa sẽ chảy vào Hồ Khe Dọc, theo các tuyến cống đổ ra sông Minh ở phía tây.

+ **Lưu vực 4:** Thuộc khu vực phía Nam QL.88A. Nước mưa theo các tuyến cống đổ ra sông Minh ở phía tây nam.

2.8.1.4. Hệ thống thoát nước mặt

Các trục tiêu thoát nước mặt chính của thị xã bao gồm:

Sông Minh (kênh nhà Lê): Chạy dọc từ phía bắc – tây xuống phía nam thị xã, là chi lưu của sông La, vào thời điểm công Trung Lương (dưới đê La giang) đóng để ngăn lũ sông La và ngăn mặn, thì sông Minh sẽ chuyển hướng chảy về phía Nam thông qua cống Đò Đệm vào hệ thống kênh thủy nông Linh Cảm.

Sông Minh tiếp nhận nguồn nước từ các suối Bình Lạng, Kênh Nhà Trò và tuyến mương thủy lợi phía Bắc thị xã ra sông La hoặc xuống phía nam ra Cửa sót. Ngoài ra vai trò tưới tiêu nội đồng của sông Minh cho thị xã cũng rất quan trọng. Trong quy hoạch phát triển nếu đầu tư cải tạo, sông Minh có thể trở thành tuyến giao thông thủy phục vụ du lịch trong khu vực thị xã.

Kênh Nhà Trò nằm ở phía đông; bắt nguồn từ các nhánh suối ở sườn núi Hồng Lĩnh, hiện đã có các hồ Khe Dọc và hồ Đá Bạc trữ nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt và nông nghiệp, sau đó điều tiết xuống kênh Nhà Trò để tiêu thoát cho lưu vực núi Hồng. Hướng thoát chính : Đông Bắc –Tây Nam.

Suối Bình Lạng: bắt nguồn từ khu vực sườn núi Thiên Tượng, với chức năng lưu thông hồ Thiên Tượng với sông Minh. Đóng vai trò tiêu thoát nước mặt chính của thị xã, theo hướng Đông- tây.

Thị xã Hồng Lĩnh chưa có hệ thống thoát nước đô thị chưa hoàn chỉnh, hệ thống hiện có là hệ thống thoát chung giữa nước mưa và nước thải sinh hoạt.

Các tuyến cống dọc hiện có chủ yếu thu thoát nước của trục giao thông chính và 1 phần khu dân cư bám theo trục đường, kích thước còn nhỏ không phù hợp với quy hoạch phát triển, chủ yếu thoát nước cho đường. Tỷ lệ các tuyến đường có cống thoát nước mưa chiếm khoảng 28%. Bao gồm các dạng kết cấu cống như sau:

+ Dọc QL.1 có 7,0km mương xây hở, mương đan và cống hộp (600x800-800x1000) mm.

+ Dọc theo QL.1, đoạn đi qua thị xã Hồng Lĩnh đã bố trí cầu, cống qua đường thoát nước từ Đông sang Tây chất lượng cống còn tương đối tốt tuy nhiên kích thước nhỏ so với nhu cầu tiêu thoát (\varnothing 600÷800)mm và thường bị bồi lắng, giảm khả năng tiêu thoát tại các vị trí tiếp nhận.

Các khu vực khác nằm phía tây đường Lê Hữu Trác là dân cư cụm xã, nước mưa chỉ được thu gom theo từng khu vực nhỏ, chủ yếu thoát theo địa hình tự nhiên ra các mương đất ruộng trũng ra kênh mương, rồi thoát ra sông Minh.

2.8.1.5. Các khu vực ngập úng đô thị

Nhiều năm trước đây vào mùa mưa tại thị xã thường xuyên bị ngập úng cục bộ gây ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân trong vùng. Điểm ngập úng sâu nhất ở phía bắc như Trung Lương, Đức Thuận, phía tây Thuận Lộc tại những vùng ruộng canh tác có cao độ nền thấp; khu vực Đậu Liêu chỉ ngập ngắn và cục bộ do nước thoát không kịp... Khi lượng mưa liên tục đạt mức 100–120 mm, nước sẽ dồn phía bắc, tây bắc, không tiêu thoát kịp gây ngập lụt. Điểm ngập sâu nước là khu vực thấp trũng tiếp giáp với QL.1, QL.8B sau đó lan tỏa ra khu vực lân cận. Nước ngập sâu tràn cả vào nhà dân, làm ảnh hưởng tới sinh hoạt của người dân. Nguyên nhân ngập lụt do đô thị hóa nhanh, nhiều khu vực ao hồ bị lấp, trong khi đó hệ thống thoát nước ở khu vực trung tâm thị xã có tiết diện mương cống không đáp ứng yêu cầu tiêu thoát.

2.8.1.6. Các khu vực ngập úng nội đồng

Các khu vực ruộng canh tác nông nghiệp của các xã trên địa bàn có cao độ nền từ +0,00÷2,00m. Đây là các khu vực thấp trũng của thị xã, nhiều tuyến kênh tiêu thủy lợi nội đồng tiêu thoát cho khu vực nội thị. Khi mực nước nội đồng lên cao kéo theo mực nước kênh chính dâng lên, gây khó khăn cho việc thoát nước trên sông Minh.

Nhìn chung, hệ thống thủy lợi tiêu thoát nội đồng bao gồm kênh tiêu, hồ đập hoạt động tương đối tốt. Tuy nhiên vào các thời điểm mực nước lũ sông Cả, sông La dâng cao hơn mực nước nội đồng, việc tiêu thoát sẽ bị chậm hơn, dẫn đến ngập úng cục bộ trong một thời gian ngắn, gây ảnh hưởng tới sinh hoạt và thiệt hại về sản xuất nông nghiệp của người dân.

2.8.1.7. Đánh giá đất xây dựng

Căn cứ các yếu tố chính về cao độ, độ dốc địa hình, chế độ thủy văn và hiện trạng đề điều, hiện trạng úng ngập, chế độ điều tiết của hệ thống công trình thủy lợi thị xã và vùng phụ cận (Huyện Linh Cảm). Sơ bộ đánh giá và phân loại đất xây dựng của khu vực lập quy hoạch như sau:

Đất đã xây dựng bao gồm các khu vực phía tây QL.1, ven đường Lê Hữu Trác và các dân cư ven núi Hồng Lĩnh có diện tích khoảng 950ha là đất đã xây dựng, chiếm tỷ lệ 16,1 % đất tự nhiên

- Đất xây dựng thuận lợi: 647,3ha, chiếm 11,0% tổng diện tích nghiên cứu thiết kế. Bao gồm các khu vực có cao độ nền > 3m không chịu ảnh hưởng úng do mưa tập trung, độ dốc nền nhỏ hơn 10%, khi xây dựng không cần tôn tạo nền, hoặc tôn tạo ở mức độ thấp với chiều cao đào đắp trung bình: $h < 0,5m$, tập trung ở phía Đông của thị xã, khu vực chân núi và dọc theo QL.1 với mật độ xây dựng tương đối dày đặc.

- Đất xây dựng ít thuận lợi bao gồm 1979,0 ha, chiếm 33,5 % tổng diện tích nghiên cứu. Với cao độ nền hiện trạng $1,5m < H < 3m$. Khi xây dựng cần tôn nền với chiều cao đắp nền trung bình < 1,5m. là các khu vực đất canh tác nằm trong đề bị ảnh hưởng úng ngập do mưa với cường độ lớn và tập trung.

- Đất xây dựng không thuận lợi bao gồm 2015ha chiếm 34,1% tổng diện tích đất tự nhiên, có cao độ nền hiện trạng: $H < 1,5m$. Khi xây dựng cần tôn nền với chiều cao đắp nền: $h > 2m$ và các khu vực sườn núi có độ dốc nền > 25%, nền địa chất là đá gốc khó san ủi.

- Đất mặt nước : bao gồm 306 ha, chiếm 5,2%.

Bảng 10. Đánh giá quỹ đất xây dựng theo tiêu chí cao độ nền

TT	Phân loại	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)
1	Đất hiện trạng đã xây dựng	16.1	950.0
2	Đất thuận lợi cho xây dựng	11.0	647.3
3	Đất ít thuận lợi do ngập, H ngập từ 0-1m	31.5	1859.0
4	Đất ít thuận lợi do độ dốc i từ 10-25%	2.0	120.0
5	Đất không thuận lợi do ngập, H ngập từ >1m	21.5	1270.0
6	Đất không thuận lợi do độ dốc i >25%	12.6	745.0
7	Mặt nước	5.2	306.0
	Tổng	100.0	5897.3

2.8.1.8. Đánh giá hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt

Thuận lợi: Quỹ đất đa dạng, gồm đồi núi dốc vừa và cả khu vực bằng phẳng, thuận lợi phát triển xây dựng. Hệ thống sông suối, kênh tiêu, trải dài từ đồi núi kết nối với các sông lớn, thuận lợi cho thoát nước mặt nhanh chóng, triệt để, có thể phát triển du lịch đường thủy, giao thông thủy, kết nối liên tỉnh và có thể ra biển

Hạn chế: Nhiều khu vực trung tâm nội thị có địa hình trũng thấp, dễ bị ngập úng khi trời mưa to kéo dài. Các khu vực có quỹ đất phát triển xây dựng mới phần lớn là ruộng, cần cải tạo nền, quá trình đầu tư cần chi phí san lấp. Phát triển xây dựng trên nền ruộng cần tính toán đầu tư nâng cấp công suất hoặc xây mới các cống điều tiết, kênh tiêu, hồ điều hòa để đảm bảo lấy quỹ đất phục vụ đắp nền, tạo hướng tiêu thoát nước cho khu vực cũ và khu vực phát triển mới.

Hệ thống công thoát nước chung, lòng mương, cống, bồi lắng, giảm tiết diện hạn chế khả năng thoát nước. Mật độ xây dựng tăng, hệ số mặt phủ giảm, hệ số thấm giảm, làm tăng lưu lượng nước mưa trên hệ thống chung, năng lực thoát nước bị quá tải khi mưa lớn.

2.8.2. Hệ thống giao thông vận tải

2.8.2.1. Giao thông đối ngoại

Đường bộ: Thị xã Hồng Lĩnh có các tuyến giao thông quốc gia quan trọng đi qua là QL.1, QL.88 và QL.88B.

- QL.1: Từ cầu Bến Thủy thuộc xã Xuân An, huyện Nghi Xuân đến Đèo Ngang thuộc xã Kỳ Nam, huyện Kỳ Anh. Đoạn qua thị xã dài gần 15km đạt tiêu chuẩn đường đô thị với lộ giới 41m, mặt đường 20,5m.

- QL.88: là tuyến giao thông quan trọng nối thị xã Hồng Lĩnh với cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, là tuyến lưu thông hàng hóa chủ yếu của khu vực miền Trung với nước bạn Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan. Đoạn qua thị xã dài 4,5km đạt tiêu chuẩn đường đô thị với lộ giới 35m, mặt đường rộng 21m.

- QL.88B: Từ thị xã Hồng Lĩnh đến cảng Xuân Hải. Đoạn qua thị xã dài 4,14km; kết nối với tuyến tránh QL.1 và QL.8, lộ giới 35m, mặt đường 16m.

Đường thủy: Trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh hiện tại có sông Minh, kênh 19/5 chảy qua có khả năng đáp ứng các loại tàu có tải trọng ≤ 20 tấn qua lại.

Đường sắt: Tuyến đường sắt Bắc Nam có ga Yên Trung, huyện Đức Thọ là một trong những ga tàu hỏa lớn của khu vực Bắc Trung Bộ cách thị xã khoảng 15km về phía

Tây. Tuy không nằm trong phạm vi địa giới thị xã Hồng Lĩnh nhưng tuyến đường sắt Bắc Nam có ảnh hưởng quan trọng tới sự trao đổi hàng hóa đối với sự phát triển của thị xã trong tương lai.

2.8.2.2. Giao thông đô thị



Hình 18. Một số hình ảnh đường giao thông tại thị xã Hồng Lĩnh

Hệ thống giao thông đô thị được quan tâm đầu tư khá hoàn chỉnh. Mạng lưới đường khá dày được tổ chức theo dạng ô bàn cờ dọc theo QL.1 và QL.8;

Hiện nay, các tuyến đường đô thị đã hình thành tương đối rõ ràng, mạch lạc, hệ thống vỉa hè, cây xanh đã và đang được hoàn thiện theo quy hoạch. Mạng lưới đường đô thị đảm bảo kết nối từ các tuyến giao thông đối ngoại đến các khu vực chức năng chính của đô thị. Cụ thể:

Các tuyến trục chính đô thị đã được hoàn thiện với quy mô 6 làn xe, $B_n=35-41m$, $B_m=20-21m$.

- Tuyến đường chính khu vực $B_n=18-25m$, $B_m=9-14m$.
- Tuyến đường khu vực $B_n=11,5-15m$, $B_m=7,5-9m$.
- Tuyến đường nội thôn, tổ dân phố $B_n=3-5m$, $B_m=2,5-4m$.

Tổng chiều dài mạng lưới giao thông chính có mặt cắt đường $\geq 7,5m$ là 66,2 km với diện tích đất giao thông đã xây dựng khoảng 195 ha. Với diện tích đất xây dựng hiện nay khoảng 1.011 ha, tỷ lệ diện tích đất giao thông so với đất xây dựng đạt trên 19%.

Bảng 11. Hiện trạng hệ thống giao thông thị xã Hồng Lĩnh

(Nguồn: Phòng Quản lý đô thị)

TT	Đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Dài (km)	Rộng (m)	
					Nền	Mặt
A GT đối ngoại				21,37		
1	Nguyễn Ái Quốc	Km 477+150 QL.1	Km 482+330 QL.1	5,18	41	20,5
2	Quang Trung	Km 482+330 QL.1	Km 487+780 QL.1	4,55	41	20,5
3	Trần Phú	Km 3+00 QL.8	Km 7+500 QL.8	4,50	35	21
4	Nguyễn Nghiễm	Km 0+00 QL.8	Km 3+00 QL.8	3,00	22	22
5	Bùi Cầm Hồ	Km 481+460 QL.1 (tránh QL.1)	Km 485+600 QL.1 (Ngã tư Đâu Liêu)	4,14	35	16
B Thị xã quản lý				102,3		
1	3 Tháng 2	Chợ Ngọc Sơn	Trần Phú (QL.8A)	1,94	25	14
2	Ngô Đức Kế	QL.1	Cầu kênh ông Đạt	0,74	15	7,5
3	Cao Thắng					
	- Đoạn 1	Km 481+890 QL.1	Đường 3/2	0,40	8	3,5
	- Đoạn 2	Đường 3/2	Đường Ngô Đức Kế	0,50	11,5	7,5
4	Suối Tiên					
	- Đoạn 1	Km 481+850 QL.1	Kinh Dương Vương	0,27	9	7,5
	- Đoạn 2	Kinh Dương Vương	Hồ Thiên Tượng	0,97	7	3,5
5	Minh Khai	Km482+200 QL.1	Núi Hồng Lĩnh	0,40	13	7,5
6	Mai Thúc Loan	Đường Nguyễn Biểu	Đường Sử Hy Nhan	0,80	12	6
7	Nguyễn Biểu	Km 450+540 QL.1	Kênh ông Đạt	0,55	15	7,5
8	Sử Hy Nhan					
	- Đoạn 1	Km 481+408 QL.1	Km 0+955 3/3	0,32	25	14
	- Đoạn 2	Km 0+955 3/2	Kênh ông Đạt	0,28	25	7,5
9	Lê Hữu Trác	Trần Phú (QL.8A)	Khe Bình Lạn	0,52	11,5	7,5
10	TDP 6, Đâu Liêu	3 Tháng 2	Đường khu dân cư	1,67	12	7
11	TDP 6, 7 Đâu Liêu	3 Tháng 2	Đường khu dân cư	4,67	13,5	6
12	Đường nội cụm phía Bắc CCN Nam Hồng	3 Tháng 2	Đường Lê Hữu Trác	0,98	25	14
13	Xuân Diệu	Lục, tổ 7, Bắc Hồng	Tương, tổ 7, B Hồng	0,51	8	3
14	Nguyễn Phan Chánh	Toại, tổ 7, B Hồng	Đường Ngô Đức Kế	0,48	4	3
15	Nguyễn Xí	Toàn, tổ 2, Bắc Hồng	Quang, tổ 2, B Hồng	0,50	8	4
16	Nguyễn Văn Giai	Bính, tổ 2, Bắc Hồng	Sỹ, tổ 1, Bắc Hồng	0,48	8	5
17	Hà Tôn Mục	NVH, tổ 1, Bắc Hồng	Đường, tổ 6, B Hồng	0,48	4	2
18	Võ Liêm Sơn	Cầu Đức Thuận	Liên, tổ 7, Bắc Hồng	0,16	5	3
19	Bình Lãng	Chi nhánh Điện lực	Nhà Tuyết, tổ 3, Bắc	0,39	10	5
20	Huy Cận	Liên, tổ 7, Bắc Hồng	Tuy , tổ 7, Bắc Hồng	0,35	7	5
21	Hoàng Ngọc Phách	Dương tổ 7	Học, tổ 7	0,34	4	2
22	Phan Đình Giót	Hòa (QL.1)	Thạch (3/2)	0,33	8	5
23	Hoàng Xuân Hãn	3 Tháng 2	Lê Hữu Trác	0,61	8	4

TT	Đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Dài (km)	Rộng (m)	
					Nền	Mặt
24	Phượng Hoàng	Km 0+400 QL.8B	Viba Thiên Tượng	6,50	6	3,5
25	Nguyễn Đồng Chi	Trần Phú (QL.8A)	Km485+650 QL.1	3,85	25	14
26	Lê Duẩn	Trần Phú (QL.8A)	Đường Phan Kính	1,51	15	9
27	Nguyễn Thiếp	Km 483+550 QL.1 Nguyễn Đồng Chi	Nguyễn Đồng Chi	0,58	15	9
	- Đoạn 1		Cầu Hồng Phúc	1,77	15	3,5
28	Phan Kính	Km4 84 QL.1	Giáp Song Lộc	4,30	15	7
29	Trường Chinh	Khôi 5 P. Nam Hồng	Khe Chợ	1,32	12	7,5
30	Đặng Dung	Quang Trung (QL.1)	Nhà Thờ Tiếp Võ	0,48	8	5
31	Phan Đình Phùng (Khe Chợ)	QL.1	Nguyễn Đồng Chi	0,71	15	5
32	Lê Văn Thiêm	Nhà Sỹ, tổ 8	Nguyễn Đồng Chi	0,46	18	9
33	Nguyễn Khắc Viện	NVH tổ 8, NH	Nhà Sứ tổ 8	0,49	15	9
34	Lê Thước	Tuấn, tổ 8	Nguyễn Đồng Chi	0,44	15	7
35	Nguyễn Đình Tứ	NVH tổ 8 - N Hồng	Trường Chinh	0,33	15	7
36	Nguyễn Hằng Chi	Ng hàng Chính sách	NVH tổ 5, N. Hồng	0,41	15	7,5
37	Phan Đăng Lư	Hùng, tổ 6	Dung, tổ 6 – N. Hồng	0,53	5,5	3
38	Nguyễn Huy Oánh	Sanh, tổ 6 – N. Hồng	Nguyên, tổ 6, N. Hồng	0,50	5	4
39	Đặng Tất	Thủy, tổ 7	Nhà anh Du, tổ 7	0,50	5	3
40	Đặng Thai Mai	Tác, tổ 8, Nam Hồng	Son , tổ 8, N. Hồng	0,50	5	3
41	Lê Ninh	Diên, tổ 3, N Hồng	tổ 3, Nam Hồng	0,46	4	2,5
42	Trịnh Khắc Lập	Quý, tổ 3, Nam Hồng	Bình, tổ 3, N Hồng	0,43	5,5	3
43	Nguyễn Tuấn Thiện	Lan Hải, tổ 4 - NH	Thiêm, tổ 4- NH	0,40	8	6
44	Nguyễn Biên	Kỷ, tổ 3 - NH	Thanh, tổ 3- NH	0,39	5	3
45	Hà Huy Tập	Nguyện, tổ 2- NH	Đường QH 70m	0,27	15	7,5
46	Phạm Hồng Thái	Thắng, tổ 4, N Hồng	Bình, tổ 4, N Hồng	0,32	9	6
47	Nguyễn Xuân Linh	Km 482+695 QL.1 Lê Duẩn Nguyễn Đồng Chi	Lê Duẩn	0,30	8	3,5
	- Đoạn 1		Nguyễn Đồng Chi	0,30	15	7,5
	- Đoạn 2		Đường 2/9	0,47	18	14
48	Nguyễn Huy Tự	Km 483+143 QL.1	Nguyễn Đồng Chi	0,78	8	3,5
49	Phan Anh	Khe Chợ	Phan Kính	1,21	12	6
50	Thái Kính	Đức, tổ 5, Đậu Liêu Hùng, tổ 5, Đậu Liêu	Hung, tổ 5, Đậu Liêu	1,05	8	3
	- Đoạn 1		anh Lư, tổ 4, Đ Liêu	0,70	11,5	7,5
51	Trần Nhân Tông	Km 484+730 QL.1 Nhà Đức, tổ 6, ĐL Đường 2/9	Đức, tổ 6, Đậu Liêu	0,38	8	4,5
	- Đoạn 1		2 Tháng 9	0,72	35	15
	- Đoạn 2		Thanh Lộc, Can Lộc	1,48	6	3
52	Đội Cung					

TT	Đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Dài (km)	Rộng (m)	
					Nền	Mặt
	- Đoạn 1	Cầu Treo Vọt	Hoàn, tổ 3, Đâu Liêu	0,35	10,5	7,5
	- Đoạn 2	Hoàn, tổ 3, Đâu Liêu	Trường bắn quân sự	1,79	8	3
53	Đại Hùng	CCN Cổng Khánh	Ngô Quyền	1,24	10	6
54	Ngô Quyền	Tĩnh, tổ 3, Đâu Liêu	Hết Đâu Liêu	1,83	10,5	7,5
55	19 Tháng 5					
	- Đoạn 1	Km485+395 QL.1	Nguyễn Đồng Chi	0,36	8	4,5
	- Đoạn 2	Nguyễn Đồng Chi	Quy hoạch 70m	1,74	18	9
56	Bùi Dương Lịch	Ki ốt Sơn Hải, ĐL	QL.88B	0,48	8	5,5
57	Phan Bội Châu					
	- Đoạn 1	Bến xe Hồng Lĩnh	Nhà ông Đoàn, tổ 3, Đâu Liêu	0,27	18	9
	- Đoạn 2	Nhà Đoàn, tổ 3, Đâu Liêu	Đường QH 19,5m	0,63	8	4,5
58	Lý Thường Kiệt	Thế, tổ 7, Đâu Liêu	Nghĩa, tổ 4, Đâu Liêu	1,15	5,5	3
59	Phan Chính Nghị	Nhận, tổ 3, Đâu Liêu	Thuận, tổ 1, Đ Liêu	0,74	4,5	3
60	Phan Chu Trinh	Km 486+535 QL.1	Kênh đá Bạc	0,47	7	5
61	Ngọc Sơn	Chợ Ngọc Sơn	Đường Thống Nhất	3,74	10	5,5
62	Phan Hưng Tạo	Cầu Tràng Cắn	Đường Ngọc Sơn	2,10	9	3,5
63	Võ Nguyên Giáp	Km 480+365 QL.1	Km1+321 Th. Nhất	2,80	50	15
64	Nguyễn Du	Tổ Thuận Hồng	Tổ Quỳnh Lâm	1,26	9	6
65	Phan Huy Chú	Thống Nhất	Đường QH 60m	0,22	5	3
66	Nguyễn Tr Trương	Trường THCS	QL.8A	1,22		
67	Phan Huy Ích	Nhà Phú, Thuận Hòa	Nhà thờ họ Nguyễn	0,36	4	3
68	Sử Đức Huy	Nhà Vinh, Ngọc Sơn	Núi Ngọc Sơn	0,30	5,5	3,5
69	Tiên Sơn (N1 cũ)	Km 478+370 QL.1	Nhà Huệ, tổ Điểm Lý	1,47	9	6
70	Nguyễn Khuyến	Đường Thống Nhất	Đê La Giang	0,80	8	3,5
71	Bùi Đăng Đạt	Nhà Hùng, Phúc Sơn	Nhà Vinh, Q Lâm	1,12	6	3,5
72	Đào Tấn	Km 478+145 QL.1	Hết Trung Lương	3,40	10	7
73	Lê Văn Huân	Nhà Đạt, tổ Tân Miếu	Khánh, tổ Tân Miếu	0,34	7	4,5
74	Đặng Nguyên Cẩn	Quế, tổ Tiên Sơn	Sông Minh	0,28	6	3
75	Kinh Dương Vương	Km 479+100 QL.1	Km0+300 QL.8B	4,20	18	9
76	Thống Nhất					
	- Đoạn 1	QL.88A	Cầu Võ Quý	1,32	9	7
	- Đoạn 2	Cầu Võ Quý	Đê La Giang	1,94	7,5	5
77	Nguyễn Công Trứ	NVH khối 1 cũ. ĐT	Minh, Tân Miếu, TL	0,31	4	3,5
78	2 Tháng 9	Trần Phú (QL.8A)	Minh Thanh	4,50	22	16
79	Ngõ 344, Q. Trung	Quang Trung	Thái Kính	0,30	11,5	7,5
80	TDP Thuận Hồng	Võ Nguyên Giáp	Nguyễn Biểu	0,85	13,5	7,5
81	Tuyến QL.1 – Ng.Du	Nguyễn Ái Quốc	Nguyễn Du	0,23	15	9
82	Đường trong TTTM	Trần Phú (QL. 8A)	2 Tháng 9	0,70	15	9

TT	Đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Dài (km)	Rộng (m)	
					Nền	Mặt
83	Tổ 5 Nam Hồng	Nguyễn Đồng Chi	Trường Chinh	0,51	15	9
84	Đường khu dân cư Mặt Ba	Khu dân cư Mặt Ba Trung Lương	Khu dân cư Mặt Ba Trung Lương	0,40	15	7,5
85	Lên chùa Long Đàm	Nguyễn Ái Quốc	Kinh Dương Vương	0,20	15	7,5
86	Tổ 4, 5, 6 Đậu Liêu	Nguyễn Đồng Chi	Tổ 4,5, 6 Đậu Liêu	0,57	15	7,5
87	Đường xã Thuận Lộc	Phan Kính	Xã Thuận Lộc	0,96	18	9
88	Tr. Phú - NM gạch	Trần Phú (QL.8A)	Hà Huy Tập	0,15	15	9
89	Vũ Diệm	Km483+550 QL.1	QL.8B	0,21	15	9
C Phường/xã quản lý:						
	Nội thôn, KDC			262,0	3	2,5-4

2.8.2.3. Dịch vụ vận tải hành khách công cộng

Để phục vụ cho nhu cầu vận tải hành khách, trên địa bàn thị xã có bến xe thị xã Hồng Lĩnh với quy mô diện tích 1,5ha. Vận tải hành khách công cộng ngoài các tuyến xe khách liên tỉnh, xe du lịch còn có các hãng taxi. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt khoảng 2,4%.

2.8.3. Hệ thống cấp điện

Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt của thị xã đạt khoảng 750 kWh/người/năm; địa bàn có 2 trạm 110/35kV/-25 MVA, 1 trạm biến áp 35/6Kv, 40 trạm biến áp 35/0,4Kv với tổng công suất 1.730KVA. Hiện nay đang xây dựng công trình đường dây và TBA 110 Kv Hồng Lĩnh tại thôn Thuận Giang, xã Thuận Lộc với tổng mức đầu tư 128 tỷ đồng (quy mô gồm 3 phần chính: TBA 110 Kv Hồng Lĩnh; đường dây 110 kV đấu nối vào TBA 110/35/22 kV và xuất tuyến đường dây trung áp 35 kV);

Mạng lưới đèn chiếu sáng, đèn trang trí tại đường trục chính và các khu cây xanh công cộng trong đô thị đã và đang được đầu tư xây dựng tạo cảnh quan chung cho thị xã, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân;

Các tuyến đường chính của đô thị, khu vực công cộng đã được đầu tư hệ thống chiếu sáng, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 95%. Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm khu vực nội thị được chiếu sáng đạt 75%.

2.8.4. Hệ thống thông tin liên lạc

Mạng bưu chính mở rộng khắp thị xã: Trung tâm Bưu điện, Trạm Viba Thiên Tượng tiếp sóng Đài Truyền hình Việt Nam, Trung tâm Truyền hình cáp, phục vụ nhu cầu cung cấp thông tin, nhu cầu giải trí cho toàn Thị xã và vùng phụ cận. Ngoài ra, trên địa bàn có 4 Bưu điện Văn hóa xã, 4 mạng Thông tin di động. Mạng Internet đủ năng lực đáp ứng nhu cầu; 100% phường, xã được phủ mạng điện thoại hữu tuyến. Đến nay thị xã Hồng Lĩnh có 100% ban, ngành, tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội đã kết nối mạng Lan và kết nối với mạng diện rộng của tỉnh.

Thị xã Hồng Lĩnh có 1 Đài Truyền thanh và Truyền hình, 1 bản tin của Thị ủy và hệ thống truyền thanh gồm 6 cơ sở thu, phát sóng truyền thanh trên toàn Thị xã. Công nghệ thông tin điện tử Thị xã đã đi vào hoạt động đến nay có trên 22,0 triệu lượt người truy cập. Hệ thống thông tin đại chúng thị xã Hồng Lĩnh bảo đảm cung cấp thông tin toàn

diện nhanh nhạy về mọi lĩnh vực đời sống của Thị xã, cũng như quảng bá thương hiệu cho các nhà đầu tư.

2.8.5. Hệ thống cấp nước

Nguồn nước mặt: Có sông Minh cách trung tâm thị xã 2 km, trữ lượng nước lớn; các hồ nước: Hồ Thiên Tượng có dung tích 0,88 x 106m³; hồ Khe Dọc 0,5 x 106m³; hồ Đá Bạc 3,0 x 106m³, các hồ có chất lượng nước rất tốt, đảm bảo việc đáp ứng nước sạch trên địa bàn và vùng phụ cận. Nguồn nước ngầm: Theo báo cáo kết quả tìm kiếm đã được Tổng Cục Địa chất tháng 10/1985 với trữ lượng cấp C1 là 480,4 m³/ngày.

Mạng lưới đường ống cấp nước trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh có đường kính từ D15-D300, tổng chiều dài khoảng 260 km. Tỷ lệ người dân khu vực nội thị được cấp nước từ nhà máy đạt 99,3%, tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch hợp vệ sinh khu vực nội thị thị xã đạt 100%, tỷ lệ thất thoát dưới 18%, cơ bản đáp ứng nhu cầu.

Hiện nay thị xã Hồng Lĩnh sử dụng nguồn nước sạch từ nhà máy nước Hồng Lĩnh có công suất 7.000 m³/nd. Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực nội thị thị xã Hồng Lĩnh là: 110 lít/người/ngày đêm.

Nguồn nước thô cung cấp cho dây chuyền sản xuất của Chi nhánh Cấp nước Hồng Lĩnh được lấy từ hồ Thiên Tượng (phường Bắc Hồng) với trữ lượng 880.000m³ và hồ Khe Dọc (phường Trung Lương) với trữ lượng gần 500.000 m³.

2.8.6. Hệ thống thoát nước

Hệ thống thoát nước mặt đã được thị xã chú trọng đầu tư xây dựng cùng với phát triển hạ tầng kỹ thuật. Dự án thoát nước thị xã Hồng Lĩnh đã được hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2014. Hệ thống thoát nước kết hợp để vận chuyển nước thải và nước mưa bằng tự chảy. Tổng chiều dài hệ thống thoát nước thị xã khoảng 170,76km, trong đó: Thị xã quản lý 48,93km, các phường xã quản lý 121,83km. Hệ thống thoát nước chủ yếu là mương có nắp đậy khẩu độ từ B400 trở lên, mương xây đá hộc và kênh kè đá hộc, phù hợp với nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương. Mật độ đường ống thoát nước chính trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt 3,5 km/km².

2.8.7. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải

Hệ thống thoát nước chung dọc theo các trục giao thông với tổng khoảng 55,7 km chiều dài mương thoát nước, các khu vực dân cư 100% nước thải sinh hoạt được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt 40% thông qua 03 hồ sinh học. Công suất xử lý nước thải 7000 m³/ngày, tổng diện tích các hồ 7,72ha, gồm có Hồ sinh học số 1: 1,96ha, tại phường Đức Thuận; Hồ sinh học số 2: 1,96ha, tại phường Nam Hồng; Hồ sinh học số 3: 3,80ha, tại phường Đậu Liêu.

Nước thải của các nhà máy công nghiệp được xử lý theo quy định sau đó xả ra hệ thống mương thoát nước ngoài nhà máy. Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới có trạm xử lý nước thải đạt 100%.

2.8.8. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn

Công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được các tổ chức thu gom thực hiện; có 3 mô hình tổ chức thu gom, vận chuyển rác đang được áp dụng trên địa bàn, đó là:

- Mô hình Hợp tác xã: Thực hiện tại phường Trung Lương;

- Mô hình Đội vệ sinh môi trường: Thực hiện tại phường Đâu Liêu, phường Đức Thuận và xã Thuận Lộc;

- Mô hình Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hồng Lĩnh: Thực hiện tại phường Bắc Hồng, Nam Hồng;

Hình thức thu gom, vận chuyển: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh được công nhân vệ sinh môi trường thu gom bằng xe đẩy tay về tập kết tại các điểm trung chuyển; xe chuyên dụng của Công ty cổ phần môi trường đô thị Hồng Lĩnh đến thu gom, vận chuyển về bãi rác thị xã ở phường Nam Hồng (diện tích 4,2 ha) để xử lý. Trung bình mỗi ngày có khoảng 30,5 tấn rác được thu gom về xử lý chôn lấp.

2.9. Đánh giá hiện trạng tổng hợp

2.9.1. Công tác quy hoạch và quản lý phát triển đô thị

Công tác lập và quản lý quy hoạch dần đi vào nề nếp, các hồ sơ quy hoạch lập theo đúng trình tự quy định của pháp luật, chất lượng hồ sơ ngày càng được nâng cao. Công tác giám sát, quản lý quy hoạch theo quy hoạch được duyệt được tăng cường và giám sát thực hiện một cách chặt chẽ, hiệu quả. Có thể kể đến một số kết quả cụ thể:

- Tổ chức thực hiện hoàn thành các đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 cho 5 phường nội thị và quy hoạch nông thôn mới xã Thuận Lộc; Tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu trên địa bàn đạt 100%.

- Tổ chức thực hiện hoàn thành đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 xây dựng Công viên trung tâm thị xã Hồng Lĩnh.

- Tổ chức thực hiện hoàn thành đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 xây dựng Trung tâm thương mại thị xã Hồng Lĩnh.

- Tổ chức thực hiện hoàn thành lập đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 xây dựng các cụm công nghiệp trên địa bàn nhằm thu hút các doanh nghiệp đầu tư và phát triển đô thị như: Cụm công nghiệp Nam Hồng; Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Trung Lương; Cụm công nghiệp Công Khánh 1 và 2.

- Tổ chức thực hiện hoàn thành các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 xây dựng các khu dân cư trên địa bàn thị xã như: Khu dân cư Đồng Chại phường Nam Hồng; khu dân cư phía Đông và phía Tây Trường GDTX; khu dân cư phía Đông đường Phan Hưng Tạo; khu dân cư tổ dân phố 2, tổ dân phố 7, tổ dân phố 10 phường Bắc Hồng; khu dân cư tổ dân phố Thuận Hồng (Khối 7,8) phường Đức Thuận; khu dân cư phía Đông đường Thống Nhất, phường Đức Thuận; Khu dân cư tổ dân phố 1, tổ dân phố 2 và tổ dân phố 3 phường Đâu Liêu; Khu dân cư tổ dân phố 6, 7 phường Đâu Liêu; khu dân cư Nền tế, Mụ Tý, Hồng Nguyệt, Tân Hòa, Phúc Thuận xã Thuận Lộc.

- Tổ chức thực hiện hoàn thành các Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/500 cho các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thị xã.

- Về cấm mốc quy hoạch theo quy hoạch chung, phân khu: Các dự án quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND Thị xã đã chỉ đạo các cấp, ngành tổ chức công bố, công khai và tuyên truyền phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng... để mọi công dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận nghiên cứu, khai thác.

- Hoàn thành việc lập quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 về việc ban hành quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Quản lý về công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn các phường trong những năm qua đã đi vào nề nếp, ý thức chấp hành pháp luật của người dân về xây dựng ngày được chú trọng. Tỷ lệ các công trình xin phép và thực hiện theo giấy phép xây dựng ngày càng nâng cao.

- Triển khai Chương trình phát triển đô thị thị xã Hồng Lĩnh đến năm 2030, đến nay đang hoàn thiện và tổ chức lấy ý kiến góp ý của các ban, ngành liên quan.

2.9.2. Công tác quản lý đầu tư xây dựng

Các công trình trên địa bàn thị xã cơ bản đều thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo chất lượng, tổ chức quản lý chặt chẽ về quy trình, quy phạm của nhà nước cũng như đảm bảo phù hợp quy hoạch đã góp phần đáng kể cho sự thắng lợi về công tác xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị. Trong thời gian qua dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Thị xã và sự điều hành quyết liệt của Chính quyền đã tạo cho nền kinh tế của Thị xã Hồng Lĩnh có nhiều khởi sắc, kết cấu cơ sở hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư một cách đáng kể, một số công trình đã được tiến hành nghiệm thu bàn giao đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả. Cụ thể:

- Đầu tư xây dựng mới phát triển hệ thống giao thông trên địa bàn theo đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu được duyệt như: Đường Võ Nguyên Giáp, Trần Phú (8A), Nguyễn Nghiễm (8B), Sử Hy Nhan, Lê Hữu Trác, Nguyễn Xuân Linh, Lê Duẩn, đường lên Đài tưởng niệm, Cao Thắng...

- Đầu tư cải tạo nâng cấp một số tuyến đường như: đường 3/2, đường Nguyễn Đổng Chi, đường Trường Chinh, đường Nguyễn Thị Minh Khai, đường Nguyễn Biền, đường Thống Nhất, đường Tiên Sơn...

- Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật tại các khu dân cư trên địa bàn như: Khu dân cư Đồng Chại phường Nam Hồng; khu dân cư phía Đông và phía Tây Trường GDTX; khu dân cư tổ dân phố 2, tổ dân phố 7, tổ dân phố 10 phường Bắc Hồng; khu dân cư tổ dân phố Thuận Hồng (Khối 7,8) phường Đức Thuận;

- Hoàn thành công tác đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Hồng Lĩnh.

- Hoàn thành đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại thị xã Hồng Lĩnh.

- Hoàn thành đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa thị xã Hồng Lĩnh.

- Hoàn thành đầu tư xây dựng hệ thống thoát và xử lý nước thải chung thị xã.

- Hoàn thành công tác đầu tư xây dựng và cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc của các cơ quan trên địa bàn thị xã theo định hướng quy hoạch như: Ban chỉ huy quân sự; Công an; Chi cục thuế; Kho bạc Nhà nước; Bảo hiểm xã hội...

- Tổ chức thực hiện tốt công tác chỉnh trang đô thị trên địa bàn với kết quả đạt được năm sau cao hơn năm trước, đến nay cơ bản các tuyến đường ngõ phố trên địa bàn đã được đầu tư thực hiện.

2.9.3. Thành quả

- Trong suốt quá trình phát triển, công tác lập quy hoạch, quản lý quy hoạch tại thị xã Hồng Lĩnh luôn được quan tâm chú trọng và triển khai thực hiện.

- Đạt được sự quyết tâm cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn.

- Kinh tế tiếp tục phát triển, chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh giữ vững.

- Đã có 50/59 tiêu chí đáp ứng đô thị loại III; kết cấu hạ tầng đô thị ngày càng được đầu tư, nâng cấp; một số công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn đang chuẩn bị khởi công có tác động trực tiếp tới hoàn thành các tiêu chí còn thiếu; nguồn vốn xã hội hóa đầu tư vào Thị xã ngày càng nâng cao.

2.9.4. Hạn chế

- Về phát triển kinh tế - xã hội: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; chưa tạo ra được bước đột phá để thúc đẩy phát triển. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; thương mại, dịch vụ, du lịch, các cơ sở sản xuất còn ở quy mô nhỏ, hiệu quả thấp; việc giới thiệu, tiêu thụ một số sản phẩm làng nghề truyền thống và xử lý môi trường còn hạn chế; các loại hình dịch vụ chưa đa dạng, chưa tạo ra được sự vượt trội về chất lượng; Sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, hàng hóa quy mô lớn, liên kết với doanh nghiệp còn hạn chế; giá trị sản xuất/đơn vị diện tích chưa đạt kế hoạch; hoạt động của các hợp tác xã dịch vụ sản xuất nông nghiệp hiệu quả chưa cao; công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, quản lý trật tự đô thị còn nhiều bất cập, chưa tạo ra được những điểm nhấn cảnh quan đô thị; kết cấu hạ tầng đô thị chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Về huy động nguồn lực đầu tư phát triển đô thị: Việc huy động các nguồn vốn đầu tư toàn xã hội từ ngân sách Nhà nước đạt còn thấp so với nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị thị xã Hồng Lĩnh, việc xã hội hóa đầu tư đạt kết quả còn hạn chế, các công trình xã hội hóa đầu tư quy mô còn nhỏ, các hình thức đầu tư chưa đa dạng, nhất là trong các lĩnh vực xã hội và công trình phục vụ công cộng, nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia chưa được quan tâm đầu tư; nguồn vốn của ngân sách thị xã dành cho đầu tư chưa ổn định, vững chắc (do phụ thuộc vào nguồn thu từ cấp quyền sử dụng đất); công tác quản lý nhà nước trong đầu tư còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, do thay đổi các cơ chế chính sách về quản lý đầu tư, nên công tác triển khai thực hiện các thủ tục hồ sơ trong đầu tư còn khó khăn, chậm trễ, các dự án xã hội hóa đầu tư chưa được quan tâm hỗ trợ nhiều về cơ chế chính sách; Các dự án xã hội hóa đầu tư có quy mô lớn chủ yếu đang ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư và đang đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động nên chưa có cơ sở đánh giá, rút kinh nghiệm để tuyên truyền nhân rộng.

- Về hạ tầng kỹ thuật: Một số tuyến đường quy hoạch không phù hợp với hiện trạng khiến khó thực hiện theo quy mô tuyến đường; Quy hoạch sử dụng đất không đáp ứng nhu cầu thực tiễn, tỷ lệ phân bổ sử dụng đất không phù hợp nhất là đất dịch vụ; Việc phân bổ tầng cao chưa phù hợp với nhu cầu thực tiễn của thị xã nhất là các khu nhà ở riêng lẻ; Việc quy hoạch đất nghĩa trang của thị xã khó khả thi; Hệ thống quy hoạch thoát nước, cấp điện, cấp nước đang còn nhiều bất cập cần phải điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu phát triển... khiến khó hấp dẫn đầu tư.

2.9.5. Nguyên nhân

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND - UBND và các sở, ban ngành cấp tỉnh đối với Thị xã; các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được ban hành và triển khai thực hiện kịp thời, được Nhân dân đồng tình cao và tích cực hưởng ứng trong quá trình thực hiện. Thị xã Hồng Lĩnh đã có nhiều đột phá trong thu hút đầu tư, ban hành nhiều cơ chế, chính sách thuận lợi, có nhiều

đổi mới, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và triển khai tổ chức thực hiện, đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân phát triển sản xuất, kinh doanh. Các hoạt động chỉ đạo quản lý điều hành được tập trung, công khai, dân chủ tạo sự đoàn kết, đồng thuận, nhất trí cao của cả hệ thống chính trị từ Thị xã đến phường xã, đã tạo được niềm tin, sự ủng hộ, hưởng ứng của cộng đồng doanh nghiệp và quần chúng nhân dân.

- Với xuất phát điểm thấp, cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ, nguồn vốn đầu tư để xây dựng và thực hiện các dự án trong đô thị còn hạn chế nên việc triển khai thực hiện theo quy hoạch còn gặp nhiều khó khăn, tốc độ phát triển đô thị trên địa bàn thị xã còn chậm.

- Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, Chính phủ cải cách thắt chặt đầu tư công nên các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn còn hạn chế; một số Luật, Nghị định, mới có hiệu lực nên có nhiều thay đổi trong quá trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư và thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, làm ảnh hưởng đến tiến độ các dự án; nhu cầu đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chỉnh trang đô thị của thị xã Hồng Lĩnh rất lớn nhưng nguồn vốn đầu tư của Trung ương, của tỉnh bố trí dàn trải, đạt thấp so với tổng mức đầu tư được phê duyệt. Nguồn vốn đầu tư của thị xã quá nhỏ, chưa ổn định.

- Quá trình khảo sát nghiên cứu báo phát triển kinh tế chưa sát đúng; việc dự báo về thủy văn chưa tính đến bất thường của khí hậu, nhất ảnh hưởng của mưa lớn bất thường, như tăng tần suất, lượng mưa... mà quy hoạch chưa tính toán đến.

3. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

3.1. Vị thế thị xã Hồng Lĩnh trong bối cảnh phát triển vùng

3.1.1. Quy hoạch xây dựng vùng Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh

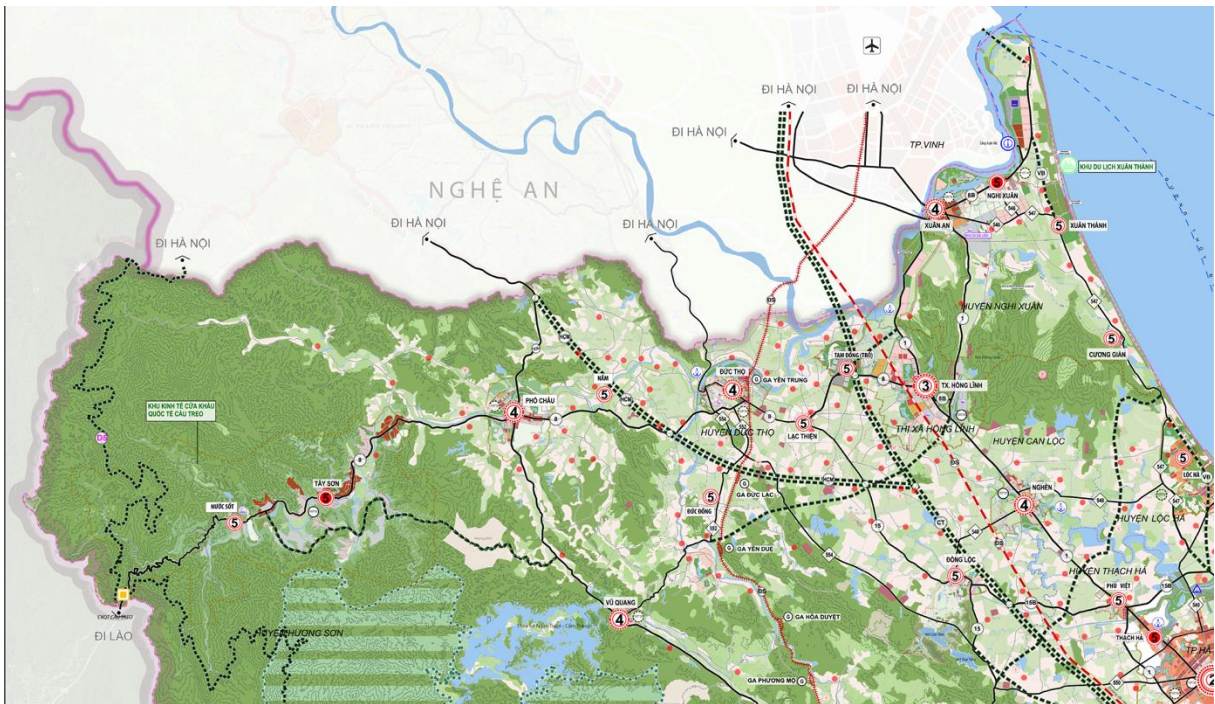
Quy hoạch xây dựng vùng Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh đến năm 2025 (Quyết định 2082/QĐ-TTg ngày 21/11/2011) đã xác định vai trò của thị xã Hồng Lĩnh như sau:

- Là vùng kinh tế tổng hợp đóng vai trò động lực của khu vực Bắc Trung Bộ với các ngành kinh tế chủ đạo phát triển của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, có vai trò quan trọng về an ninh quốc phòng của vùng và quốc gia.

- Là đầu mối giao thương hàng hóa và dịch vụ của vùng Bắc Trung Bộ, cửa ngõ kết nối với thị trường quốc tế trong khu vực.

- Là vùng có nhiều di tích lịch sử văn hóa gắn liền với danh nhân văn hóa quốc gia và quốc tế, các cảnh quan thiên nhiên đặc sắc cần được bảo tồn tôn tạo và khai thác phục vụ du lịch nhân văn và phát triển kinh tế xã hội của vùng.

3.1.2. Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Tĩnh



Hình 19. Trích Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Tĩnh (năm 2014)

Quyết định 4226/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (QHV 2014) có các định hướng sau liên quan thị xã Hồng Lĩnh:

- Thị xã Hồng Lĩnh là đô thị hạt nhân của vùng kinh tế phía Bắc, vùng phát triển năng động thứ 2 của tỉnh. Thị xã Hồng Lĩnh đẩy mạnh phát triển kinh tế, đặc biệt là công nghiệp, dịch vụ, thương mại trên cơ sở khai thác lợi thế về giao thông, vị trí địa lí. Đặc biệt, thị xã Hồng Lĩnh cần hỗ trợ mạnh mẽ sự hình thành phát triển của các khu công nghiệp, các khu vực phụ cận phát triển như: Cung cấp các khu đô thị, khu nhà ở xã hội, tiện ích công cộng cho hàng vạn công nhân, lao động đã và đang tới làm việc và sinh sống trên địa bàn khu vực phía Bắc của Tỉnh.

- Thị xã Hồng Lĩnh thuộc Vùng 2 (Vùng đồng bằng và một phần đồi núi phía Bắc - dọc theo QL.88, gồm các huyện Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn và thị xã Hồng Lĩnh). Trọng tâm của vùng này là Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo và các đô thị Hồng Lĩnh, Nghi Xuân, Xuân An. Khu vực này tập trung phát triển công nghiệp chế biến, các cụm dịch vụ hậu cần, lấy công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - thương mại - dịch vụ làm mũi nhọn. Khai thác du lịch biển và cửa khẩu.

- Nằm trên trục phát triển kinh tế Bắc Nam QL.1: gắn kết Khu kinh tế Vũng Áng với mỏ sắt Thạch Khê và các đô thị động lực: Xuân An, Hồng Lĩnh, Nghèn, Phù Việt, Thạch Hà, thành phố Hà Tĩnh, Cẩm Xuyên, Kỳ Phong, Kỳ Đông, Kỳ Anh. Đường bộ ven biển gắn kết các đô thị động lực bao gồm: Kỳ Ninh, Kỳ Xuân, Thiên Cẩm, Lộc Hà, Cương Gián, Xuân Thành.

- Nằm trên trục phát triển kinh tế Đông Tây QL.88: gắn kết Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo và các Khu kinh tế ven biển. Các đô thị động lực bao gồm: Nước Sốt, Tây Sơn, Phố Châu, Nậm, Đức Thọ, Lạc Thiện, Tam Đồng, Hồng Lĩnh, Xuân An, Nghi Xuân.

- Thị xã Hồng Lĩnh bố trí: 01 trung tâm văn hoá cấp vùng, 01 trung tâm thương mại cấp khu vực, 01 trung tâm y tế cấp khu vực, 01 trung tâm đào tạo cấp khu vực.

- Phát triển các khu vực du lịch văn hóa tâm linh gắn với các di tích lịch sử, cách mạng và các địa danh lịch sử gắn với các danh nhân văn hóa tại các địa phương.

- Phát triển cụm công nghiệp theo Quyết định 3774/QĐ-UBND ngày 27/11/2013 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025.

3.1.3. Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh

Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt năm 2023, với các định hướng sau liên quan thị xã Hồng Lĩnh:

Hệ thống đô thị của Hà Tĩnh được phát triển theo 03 hành lang kinh tế chính với 03 trung tâm đô thị động lực, trên cơ sở phát huy lợi thế giao thông của các tuyến QL.8 qua địa bàn. Trong đó, chuỗi đô thị dọc theo QL.1 và đường ven biển là trung tâm phát triển các hoạt động kinh tế của tỉnh với cả ba trung tâm đô thị động lực.



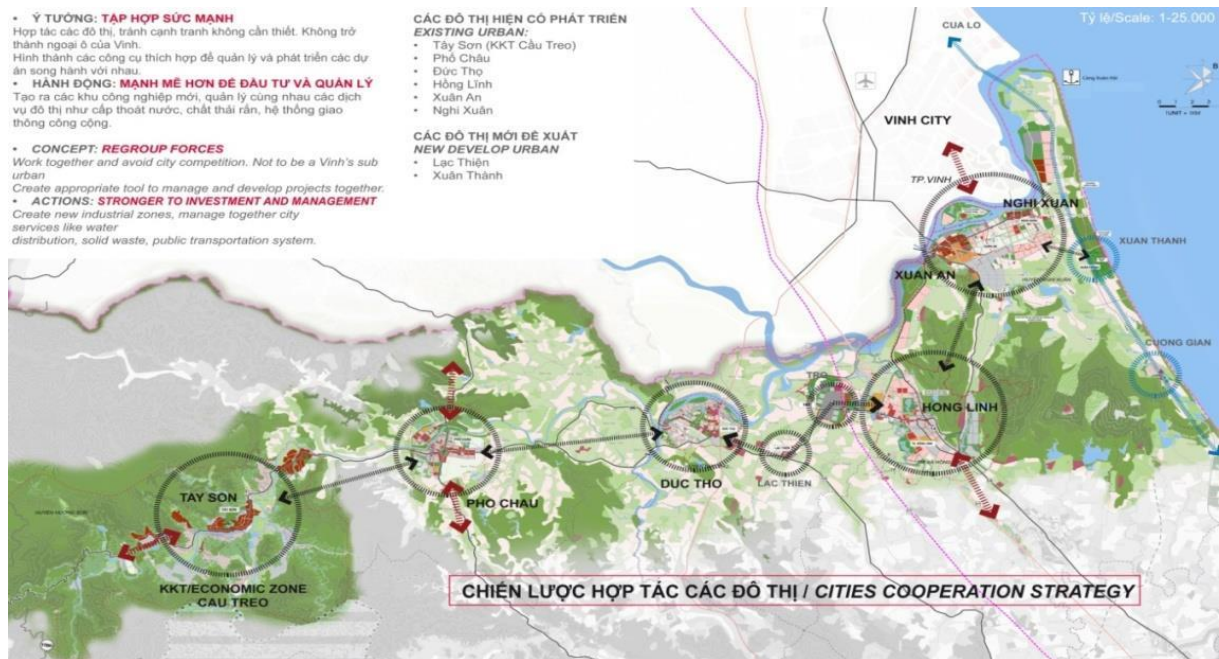
Hình 20. Hệ thống đô thị trục 1 (Trích Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh)

Chuỗi đô thị dọc theo QL.1 và QL.8 ven biển (trục 1): là trục đô thị chính của Hà Tĩnh, được phát triển nhằm tận dụng lợi thế giao thông của QL.1, QL.8 ven biển, đồng thời gắn kết với hệ thống giao thông mới là đường bộ cao tốc và đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Trục 1 gồm 02 tuyến đô thị là:

(1) Tuyến đô thị dọc theo QL.1: bao gồm Xuân An, Hồng Lĩnh, Nghèn, Phù Việt, Thạch Hà, thành phố Hà Tĩnh, Cẩm Xuyên, Kỳ Phong, Kỳ Đông, Kỳ Anh.

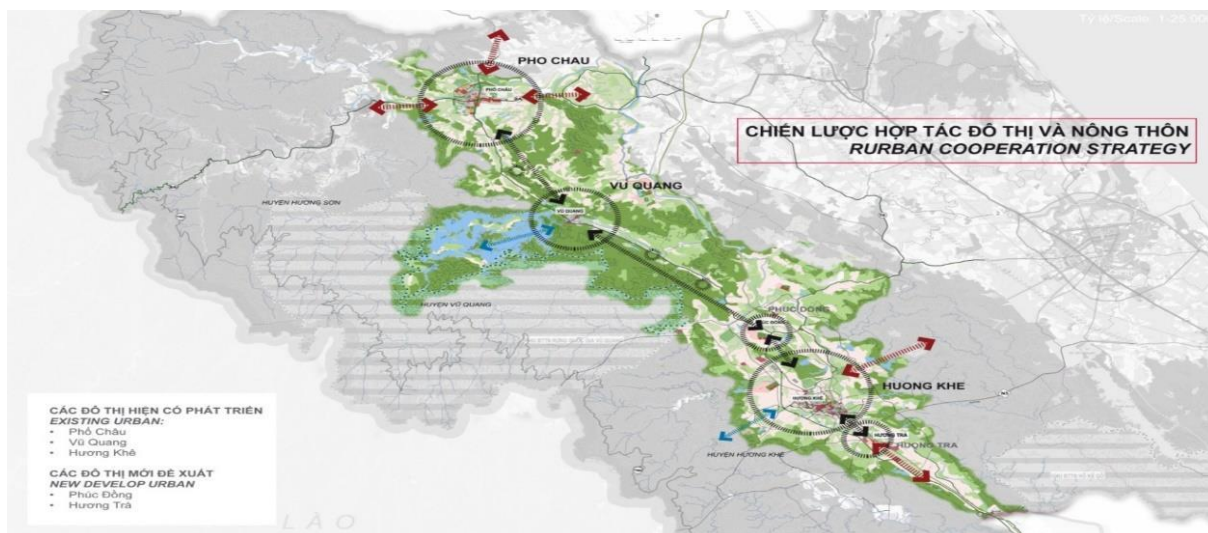
(2) Tuyến đô thị ven biển.

Trong chuỗi này, hình thành 03 trung tâm đô thị động lực, gồm: (a) Trung tâm đô thị xung quanh thành phố Hà Tĩnh, trong đó thành phố Hà Tĩnh là hạt nhân; (b) Trung tâm đô thị phía Bắc lấy thị xã Hồng Lĩnh là hạt nhân; và (c) Trung tâm đô thị phía Nam lấy thị xã Kỳ Anh là hạt nhân.



Hình 21. Hệ thống đô thị trục 2 (Trích Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh)

Chuỗi đô thị dọc theo QL.8 (trục 2): với các đô thị động lực Nước Sốt, Tây Sơn, Phố Châu, Nậm, Đức Thọ, Lạc Thiên, Tam Đồng, Hồng Lĩnh, Xuân An, Tiên Điền; lấy thị xã Hồng Lĩnh là đô thị hạt nhân, gắn với thị trấn Xuân An, Tiên Điền và vùng phụ cận, sau năm 2030 trở thành thành phố phía Bắc của tỉnh. Thị xã Hồng Lĩnh và thị trấn Tiên Điền sẽ phát triển là đô thị loại III, thị trấn Xuân An phát triển là đô thị loại IV. Cụm đô thị này sẽ trở thành đô thị trung tâm của vùng Nam Nghệ An – Bắc Hà Tĩnh. Việc mở rộng thị xã Hồng Lĩnh theo hướng Đông Bắc dọc bờ Nam sông La tới Xuân An, Tiên Điền ở Nam cầu Bến Thủy, cùng với đô thị Nghi Xuân sẽ giúp tăng cường liên kết với thành phố Vinh và các đô thị khác thuộc vùng Nam Nghệ An trong phát triển du lịch, thương mại xuyên biên giới (qua KKTCK Cầu Treo) và các ngành công nghiệp vật liệu và sản xuất hàng tiêu dùng.



Hình 22. Hệ thống đô thị trục 3 (Trích Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh)

Chuỗi đô thị dọc đường Hồ Chí Minh (trục 3): gồm các đô thị động lực dọc theo đường Hồ Chí Minh: Phố Châu, Vũ Quang, Phúc Đồng, Hương Khê, Hương Trà, La Khê, Tây Sơn.

Về hệ thống đô thị, quy hoạch ưu tiên phát triển các đô thị động lực gồm:

Bảng 12. Lộ trình phát triển hệ thống đô thị của Hà Tĩnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và 2050 (Trích Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh)

A	Các đô thị hiện hữu	2020	2025	2030	2050
1	Thành phố Hà Tĩnh	II	II	II	I
2	Thị xã Hồng Lĩnh	IV	III	III	II
3	Thị xã Kỳ Anh	IV	II	II	II
4	Thị trấn Nghèn	V	IV	IV	III
5	Thị trấn Hương Khê	V	IV	IV	III
6	Thị trấn Phố Châu	V	IV	IV	III
7	Thị trấn Tây Sơn	V	V	IV	III
8	Thị trấn Thiên Cầm	V	IV	IV	III
9	Thị trấn Cẩm Xuyên	V	IV	IV	III
10	Thị trấn Đức Thọ	V	IV	III	III
11	Thị trấn Thạch Hà	V	IV	IV	IV
12	Thị trấn Vũ Quang	V	V	IV	IV
13	Thị trấn Xuân An	V	IV	IV	IV
14	Thị trấn Tiên Điền	V	V	IV	III
15	Đô thị Đồng Lộc	V	V	IV	
16	Thị trấn Lộc Hà	V	V	IV	IV
B	Các đô thị dự kiến hình thành				
17	Đô thị Kỳ Phong (Voi)		V	IV	
18	Đô thị Kỳ Đồng		V	V	IV
19	Đô thị Kỳ Trung		V	IV	
20	Đô thị Kỳ Xuân		V	IV	

21	Đô thị Kỳ Lâm		V	IV	
22	Đô thị Hương Trà		V	V	
23	Đô thị Phúc Đồng		V	V	
24	Đô thị La Khê		V	V	
25	Đô thị Nậm		V	V	
26	Đô thị Nước Sốt		V	V	
27	Đô thị Tam Đồng (Ngã tư Trỏ)		V	V	
28	Đô thị Lạc Thiện		V	V	
29	Đô thị Đức Đồng		V	V	
30	Đô thị Việt Tiến		V	IV	
31	Đô thị Xuân Thành		V	IV	IV
32	Đô thị Cương Gián		V	V	V
33	Đô thị Xuân Trường		V	V	
34	Đô thị Xuân Hội		V	V	

Về kết cấu hạ tầng, Hà Tĩnh đặt trọng tâm vào giao thông, cảng biển, thủy lợi, hệ thống điện và thông tin truyền thông. Trong đó, tỉnh lên kế hoạch phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải đầu tư, nâng cấp các tuyến đường huyết mạch theo trục Bắc – Nam về đường bộ, đường sắt và đường thủy.

- Khu kinh tế Vũng Áng ở thị xã Kỳ Anh được nghiên cứu mở rộng quy mô, ranh giới sang một số xã của huyện Kỳ Anh và một phần của khu vực biển. Đây sẽ là trung tâm kinh tế và đô thị phía nam Hà Tĩnh, đầu mối trung chuyển hàng hóa của tỉnh và cả nước. Hà Tĩnh đặt mục tiêu đến năm 2030, Vũng Áng trở thành trung tâm logistics quan trọng của địa phương cũng như miền Trung, là đầu mối cảng cho Lào và đông Thái Lan.

- Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo sẽ điều chỉnh một phần chức năng theo hướng thương mại, du lịch và công nghiệp chế biến, phát triển sản xuất cây lâm nghiệp và công nghiệp, du lịch sinh thái...

3.1.4. Quy hoạch giao thông tỉnh Hà Tĩnh



Hình 23. Quy hoạch giao thông tỉnh Hà Tĩnh

Quyết định 3357/QĐ-UBND ngày 8/1/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt ‘Quy hoạch phát triển giao thông vận tải, đường thủy nội địa tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030’ có các định hướng sau liên quan thị xã Hồng Lĩnh:

- QL.1: Hoàn thành nâng cấp, mở rộng tuyến hiện có đạt quy mô 4 làn xe cơ giới, các tuyến tránh qua các đô thị và khu kinh tế xây dựng theo các quy hoạch xây dựng các đô thị và khu kinh tế được phê duyệt.

- Đường bộ cao tốc Bắc Nam: Hướng tuyến và quy mô mặt cắt ngang thực hiện theo Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 21/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường cao tốc Bắc Nam phía Đông.

- QL.88: Định hướng đến năm 2020 hoàn thành nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III 2 làn xe, riêng đoạn từ thị xã Hồng Lĩnh đến thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn dài 37 km, dự kiến đến năm 2030 là đường cao tốc 4 - 6 làn xe.

- Trục Đông Tây 1: Mở thêm tuyến mới nối từ thị trấn Đức Thọ ra QL.1, điểm nối QL.1 tại ngã ba Bần (phường Trung Lương - thị xã Hồng Lĩnh). Hình thành trục xuyên suốt từ cảng Xuân Hải lên cửa khẩu cầu Treo. Đầu tư xây dựng với tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

- Trục Đông Tây 2: Mở thêm tuyến mới nối từ Tỉnh lộ 552 ra QL.1, điểm nối vào QL.1 tại Km 485+650 (giao với đường Bùi Cầm Hổ, phường Đậu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh). Hình thành trục xuyên suốt từ thị trấn Xuân An ra đường Hồ Chí Minh về phía Nam của Vùng. Đầu tư xây dựng với tiêu chuẩn đường cấp IV.

- Cải tạo nâng cấp tuyến đường sắt Bắc Nam hiện hữu. Nâng cấp các ga Yên Trung, Hương Phố thành ga hỗn hợp. Cải thiện điều kiện bốc dỡ hàng hóa. hệ thống kho bãi và giao thông trung chuyển.

- Quy hoạch tuyến đường sắt cao tốc Bắc Nam đi qua tỉnh. Xây dựng mới tuyến đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ, tuyến đường sắt Thạch Khê - Vũng Áng.

3.2. Dự báo phát triển

3.2.1. Dự báo về phát triển kinh tế

Bảng 13. Dự báo cơ cấu lao động thị xã Hồng Lĩnh 2030-2045

	Cơ cấu kinh tế 2022	Tăng (%/năm)	GRDP (tỷ đ)	Tỷ trọng (%)	Bình quân (tr đ/ng.n)
	Tổng sản phẩm	3,4	7.091	100,0	152
1	Công nghiệp - xây dựng	4,0	3.661	51,6	
2	Thương mại - dịch vụ	3,0	3.118	44,0	
3	Nông - lâm - thủy sản	1,0	312	4,4	
	Cơ cấu kinh tế 2030	Tăng (%/năm)	GRDP (tỷ đ)	Tỷ trọng (%)	Bình quân (tr đ/ng.n)
	Tổng sản phẩm	6,8	11.985	100,0	194
1	Công nghiệp - xây dựng	7,0	6.290	52,5	
2	Thương mại - dịch vụ	7,0	5.356	44,7	
3	Nông - lâm - thủy sản	1,0	338	2,8	
	Cơ cấu kinh tế 2045	Tăng (%/năm)	GRDP (tỷ đ)	Tỷ trọng (%)	Bình quân (tr đ/ng.n)

	Tổng sản phẩm	5,9	28.305	100,0	281
1	Công nghiệp - xây dựng	6,0	15.076	53,3	
2	Thương mại - dịch vụ	6,0	12.837	45,4	
3	Nông - lâm - thủy sản	1,0	392	1,4	

Hiện trạng năm 2022: Tổng quy mô nền kinh tế theo niên giám thống kê thị xã năm 2022 đạt khoảng 7.091 tỷ đồng, bình quân 281 triệu đồng/người. Cơ cấu nền kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, đô thị hoá mạnh. Khu vực công nghiệp – xây dựng có đóng góp dẫn đầu, chiếm khoảng 52%. Khu vực dịch vụ chiếm khoảng 44%. Khu vực nông lâm ngư nghiệp chiếm khoảng 4%.

Đến năm 2030: Các chuyển biến nhanh và tích cực về phát triển hạ tầng và đô thị như: đường cao tốc Bắc Nam nối đến Hà Tĩnh, mở rộng thành phố Vinh, phát triển các dự án du lịch tại Nghi Xuân, phát triển trung tâm logistics và KKTCK Cầu Treo, mở rộng QL.8, tăng cường phát triển công nghiệp tại Hồng Lĩnh... đang tạo đà phát triển mới, khiến giai đoạn 2023-2030 sẽ chứng kiến bước chuyển biến quan trọng của nền kinh tế thị xã, với tư cách là đô thị trung tâm tiểu vùng phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh. Dự kiến chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế sẽ ở mức 6,8% trong giai đoạn này, với đóng góp chính của khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

Như vậy, tổng quy mô nền kinh tế thị xã đến năm 2030 phấn đấu đạt khoảng 11.985 tỷ đồng, bình quân 194 triệu đồng/người. Cơ cấu nền kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, đô thị hoá mạnh. Khu vực công nghiệp – xây dựng dẫn đầu, chiếm 52%. Khu vực dịch vụ chiếm 45%. Khu vực nông lâm ngư nghiệp chiếm khoảng 3%. Dự kiến chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế sẽ ở mức 6,8% trong giai đoạn này, với đóng góp chính của khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

Đến năm 2045: Tiếp nối đà phát triển của giai đoạn 2030, trong giai đoạn này, có lẽ thị xã Hồng Lĩnh đã được mở rộng, trở thành một thành phố công nghiệp, đô thị loại III, với quy mô dân số và đất đai lớn hơn nhiều so với phạm vi cũ. Các số liệu tính toán trong bảng trên, vì vậy, chỉ áp dụng với phần địa giới hành chính hiện nay của thị xã. Dự kiến chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế sẽ ở mức 5,9% trong giai đoạn này, với đóng góp chính của khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

Như vậy, tổng quy mô nền kinh tế thị xã đến năm 2045 phấn đấu đạt khoảng 11.985 tỷ đồng, bình quân 194 triệu đồng/người. Cơ cấu nền kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, đô thị hoá mạnh. Khu vực công nghiệp – xây dựng dẫn đầu, chiếm khoảng 52%. Khu vực dịch vụ chiếm khoảng 46%. Khu vực nông lâm ngư nghiệp chiếm khoảng 2%.

3.2.2. Dự báo về lao động

Bảng 14. Dự báo cơ cấu lao động thị xã Hồng Lĩnh 2030-2045

Cơ cấu lao động 2022		Số LĐ (người)	HSTT (%)	DS tương ứng	NSLĐ (tr đ/đ.n)
AB	Tổng số người trong độ tuổi LĐ	23.950	51,4	46.574	
A	Số LĐ thất nghiệp	2.880	12,0	2.880	
B	Số LĐ có việc làm	21.070	100,0	46.574	
1	Số LĐ làm việc ở địa phương khác	9.651	45,8	21.333	622
2	Số LĐ làm việc trong thị xã	11.419	100,0	25.241	621

	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>	5.786	50,7	12.790	633
	<i>Thương mại - dịch vụ</i>	5.175	45,3	11.439	602
	<i>Nông - lâm - thủy sản</i>	958	8,4	2.118	326
Cơ cấu lao động 2030		Số LĐ (người)	HSTT (%)	DS tương ứng	NSLĐ (tr đ/lđ.n)
AB	Tổng số người trong độ tuổi LĐ	32.258	51	63.251	
A	Số LĐ thất nghiệp	1.613	5	1.613	
B	Số LĐ có việc làm	30.645	95	63.251	
1	Số LĐ làm việc ở địa phương khác	9.194	30	18.975	964
2	Số LĐ làm việc trong thị xã	21.452	70	44.276	802
	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>	11.155	52,0	23.023	813
	<i>Thương mại - dịch vụ</i>	9.653	45,0	19.924	800
	<i>Nông - lâm - thủy sản</i>	644	3,0	1.328	663
Cơ cấu lao động 2045		Số LĐ (người)	HSTT (%)	DS tương ứng	NSLĐ (tr đ/lđ.n)
AB	Tổng số người trong độ tuổi LĐ	56.616	55	102.937	
A	Số LĐ thất nghiệp	1.132	2	1.132	
B	Số LĐ có việc làm	55.483	98	102.937	
1	Số LĐ làm việc ở địa phương khác	11.097	20	20.587	1.661
2	Số LĐ làm việc trong thị xã	44.387	80	82.350	1.126
	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>	11.155	52,0	20.695	2.242
	<i>Thương mại - dịch vụ</i>	9.653	45,0	17.910	2.537
	<i>Nông - lâm - thủy sản</i>	644	3,0	1.194	770

Hiện trạng năm 2022: Tổng số người trong độ tuổi lao động tại thị xã khoảng 23.950 người, chiếm 51% dân số, trong đó số lao động có việc làm chiếm khoảng 88%. Trong số lao động làm việc, có khoảng 46% làm việc bên ngoài thị xã, 54% làm việc trong thị xã. Như vậy, tổng quy mô kinh tế toàn thị xã khoảng 7.091 tỷ đồng được đóng góp bởi khoảng 11.420 lao động làm việc trong thị xã, với năng suất lao động bình quân đầu người khoảng 622 triệu đồng/năm.

Dự kiến đến năm 2030: Tổng số người trong độ tuổi lao động tại thị xã khoảng 32.250 người, tăng trưởng theo dân số, chiếm khoảng 51% tổng dân số. Số lao động làm việc tại thị xã chiếm khoảng 70% tổng số lao động có việc làm. Như vậy, tổng quy mô kinh tế toàn thị xã khoảng 11.985 tỷ đồng được đóng góp bởi khoảng 21.450 lao động làm việc trong thị xã, với năng suất lao động bình quân khoảng 802 triệu đồng/năm.

Dự kiến đến năm 2045: Tổng số người trong độ tuổi lao động tại thị xã khoảng 56.600 người, tăng trưởng theo dân số, chiếm khoảng 55% tổng dân số. Số lao động làm việc tại thị xã chiếm khoảng 80% tổng số lao động có việc làm. Như vậy, tổng quy mô kinh tế toàn thị xã khoảng 28.305 tỷ đồng được đóng góp bởi khoảng 44.390 lao động làm việc trong thị xã, với năng suất lao động bình quân khoảng 1,13 tỷ đồng/năm.

3.2.3. Dự báo về dân số và nhu cầu đất xây dựng

Xác định năm hiện trạng của điều chỉnh quy hoạch lần này là 2022, với dân số được công bố chính thức là 46.594 người. 03 kịch bản dự báo được tính toán trên các giả định sau:

Kịch bản thấp: Dự báo dựa trên giả thiết có nhiều bất lợi như dịch bệnh, thiên tai, các dự án giao thông quốc gia chậm tiến độ, tính hình kinh tế vùng không thuận lợi. Kịch bản này lựa chọn chỉ tiêu tăng trưởng dân số ở mức thấp cho giai đoạn đến năm 2030 (2,8%) và chậm dần ở giai đoạn tiếp theo (2,1%).

Kịch bản trung bình: dự báo trên giả thiết các kế hoạch, quy hoạch diễn ra đúng dự kiến, không xảy ra các biến cố lớn, tạo ra các bối cảnh bất lợi hoặc đặc biệt có lợi cho địa bàn. Kịch bản này lựa chọn chỉ tiêu tăng trưởng dân số ở mức trung bình và tương đối đều cho cả giai đoạn đến năm 2030 (3,6%) và 2045 (3,3%). Đây là mức tăng trưởng thường gặp ở các đô thị công nghiệp Việt Nam thời kỳ đầu công nghiệp hoá, phù hợp với bối cảnh thị xã Hồng Lĩnh giai đoạn 2030-2045.

Kịch bản cao: dự báo dựa trên giả thiết có nhiều thuận lợi về bối cảnh phát triển vùng cũng như ưu tiên quốc gia trong phát triển liên kết vùng Bắc Trung Bộ được xúc tiến. Kịch bản này lựa chọn chỉ tiêu tăng trưởng dân số ở mức rất cao trong giai đoạn đột biến thuận lợi đến năm 2030 (6,8%), và sau đó trở về mức tăng trưởng thấp ở giai đoạn tiếp theo (2,1%).

Bảng 15. Lựa chọn kịch bản phát triển dân số

Kịch bản 1: thấp	2022	2030	2045
Dân số	~ 46.600	~ 58.000	~ 79.000
Tỷ suất tăng trưởng hàng năm		2,8%	2,1%
<i>Tăng tự nhiên</i>		1,0%	0,9%
<i>Tăng cơ học</i>		1,8%	1,2%
Số dân tăng so với năm 2022		11.400	21.000
Kịch bản 2: trung bình	2022	2030	2045
Dân số	~ 46.600	~ 61.800	~ 100.600
Tỷ suất tăng trưởng hàng năm		3,6%	3,3%
<i>Tăng tự nhiên</i>		1,0%	0,9%
<i>Tăng cơ học</i>		2,6%	2,4%
Số dân tăng so với năm 2022		15.200	54.000
Kịch bản 3: cao	2022	2030	2045
Dân số	~ 46.600	~ 79.000	~ 108.000
Tỷ suất tăng trưởng hàng năm		6,8%	2,1%
<i>Tăng tự nhiên</i>		1,0%	0,9%
<i>Tăng cơ học</i>		5,8%	1,2%
Số dân tăng so với năm 2022		32.400	29.000

So sánh 03 kịch bản đề xuất: Khả năng xuất hiện tính huống khó khăn theo Kịch bản 1 ít xảy ra. Theo kịch bản này, các mục tiêu phân đầu của thị xã đều không đạt được, kể cả mục tiêu nâng cấp đô thị. Khả năng phát triển nóng trong giai đoạn 7 năm tới theo Kịch bản 3 cũng khó xảy ra, do ảnh hưởng của các phát triển hạ tầng thường không ngay lập tức có tác dụng lên đô thị, mà thường cần trải qua quá trình tích tụ các mối quan hệ kinh tế - xã hội khá dài lâu (thường trong khoảng 10 năm). Do đó, một kịch bản ở mức độ trung bình như kịch bản 2 là đáng lựa chọn hơn cả.

Phân tích Kịch bản chọn: Sau khi chọn lựa kịch bản 2, các chỉ tiêu về nhu cầu đất xây dựng được tiếp tục phân khai cụ thể như sau:

Bảng 16. Các chỉ tiêu về nhu cầu đất xây dựng

Kịch bản 2: CHỌN	2022	2030	2045
Dân số	~ 46.600	~ 61.800	~ 100.600
Số dân tăng so với năm 2022		~ 15.200	~ 38.800
Nhu cầu việc làm mới (so với năm 2022)		7.600	27.000
<i>Việc làm mới hàng năm (vl)</i>		950	1.800
Việc làm mới trong SXCN (so với năm 2022)		3.800	13.500
<i>Nhu cầu tăng đất công nghiệp (ha)</i>		95	338
Việc làm mới trong TMDV (so với năm 2022)		3.800	13.500
<i>Nhu cầu tăng đất TMDV (ha)</i>		38	135
Nhu cầu tăng đất dân dụng (so với năm 2022)		122	432
<i>Nhu cầu tăng đất ĐVO (ha)</i>		68	243
<i>Nhu cầu đất công cộng đô thị (ha)</i>		8	27
<i>Nhu cầu đất cây xanh đô thị (ha)</i>		8	27
Phân bố dân cư theo phường (người)			
- Phường Bắc Hồng	11.034	12.928	17.400
<i>Tỷ suất tăng trưởng hàng năm</i>		2,0%	2,0%
- Phường Đậu Liêu	6.377	12.707	26.416
<i>Tỷ suất tăng trưởng hàng năm</i>		9,0%	5,0%
- Phường Đức Thuận	7.215	9.140	14.239
<i>Tỷ suất tăng trưởng hàng năm</i>		3,0%	3,0%
- Phường Nam Hồng	10.604	12.424	16.721
<i>Tỷ suất tăng trưởng hàng năm</i>		2,0%	2,0%
- Phường Trung Lương	6.517	8.256	12.862
<i>Tỷ suất tăng trưởng hàng năm</i>		3,0%	3,0%
- Xã Thuận Lộc	4.827	6.351	12.945
<i>Tỷ suất tăng trưởng hàng năm</i>		3,5%	4,9%
Phân bố dân cư theo phân khu			
- PK phía Bắc (Tr. Lương + Đức Thuận)	13.732	17.400	27.100
- PK trung tâm (B-N Hồng + Thuận Lộc)	26.465	31.700	47.100
- PK phía Nam (Đậu Liêu)	6.377	12.700	26.400

3.2.4. Dự kiến các chỉ tiêu quy hoạch chính

Căn cứ:

- Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng, Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Về phân loại đô thị, và Nghị quyết 26/2022/UBTVQH13 ngày 21/9/2022, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 1210;

- Tình hình cụ thể tại địa bàn thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;

- Dự báo quy mô dân số, đất đai thị xã Hồng Lĩnh giai đoạn phát triển đô thị giai đoạn từ năm 2020 đến các năm 2030, 2045;

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính dự kiến áp dụng cho đồ án điều chỉnh quy hoạch chung được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. Dự kiến các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật QHC thị xã Hồng Lĩnh đến năm 2045

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1	Dân số	Người	Xem Bảng 3
2	Đất đai		
	Chỉ tiêu đất dân dụng bình quân (mới)	người/ha	< 100
	Chỉ tiêu đất dịch vụ công cộng cấp đô thị	m ² /người	≥ 4
	Chỉ tiêu đất cây xanh công cộng đô thị	m ² /người	≥ 5
3	Hạ tầng kỹ thuật		
3.1	Giao thông		
	Chỉ tiêu đất giao thông (đến đường khu vực)	% đất XD đô thị	≥ 13
	Mật độ lưới đường (tính đến đường khu vực)	Km/km ²	6,5 - 8
3.2	Cấp nước		
	Nội thị	lít/người/ngày	100 - 120
	Ngoại thị	lít/người/ngày	60 - 80
3.3	Cấp điện		
	Sinh hoạt	w/người	350
	Công cộng	%	≥ 30
	Công nghiệp – Kho tàng	kW/ha	50 - 350
3.4	Thoát nước	lít/người/ngày	≥ 80% CN
3.5	Chất thải rắn	kg/người/ngày	0,9

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN

4.1. Định hướng mở rộng địa giới hành chính thị xã

4.1.1. Phạm vi mở rộng

Đối với thị xã Hồng Lĩnh, Quy hoạch tỉnh xác định đến năm 2025, mở rộng và nâng cấp thị xã lên đô thị loại III.

Trước mắt, nếu so sánh hiện trạng năm 2022 với các tiêu chí thị xã, đô thị loại III, thì Hồng Lĩnh chưa đạt chuẩn, cả về diện tích và dân số. Đồng thời, huyện Đức Thọ cũng chưa đạt tiêu chuẩn huyện. Do đó, việc mở rộng địa giới hành chính 02 đơn vị hành chính này là cần thiết và cấp bách.

Bảng 17. Đánh giá hiện trạng thị xã Hồng Lĩnh và huyện Đức Thọ theo các tiêu chuẩn hành chính, đô thị hiện hành

Hiện trạng năm 2022	Diện tích	Dân số	Số ĐVHC
Thị xã Hồng Lĩnh 2022	59	46.574	6
Huyện Đức Thọ 2022	203	125.704	16
Tiêu chuẩn NQ-1210 và NQ-26	MĐ DS	Dân số	
Đô thị loại IV	12	50.000	
Đô thị loại III	14	100.000	
Tiêu chuẩn NQ-1211 và NQ-27	Diện tích	Dân số	Số ĐVHC
Thị xã	200	100.000	10
Huyện	450	120.000	13
Đánh giá	Diện tích	Dân số	Số ĐVHC
TX Hồng Lĩnh so với tiêu chuẩn TX	29%	47%	60%
TX Hồng Lĩnh so với ĐT loại IV	66%	93%	
H. Đức Thọ so với tiêu chuẩn huyện	45%	105%	123%

Tờ trình 263, ngày 17/10/2023 của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, về Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Hà Tĩnh, đã xác định: “Điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính của thị xã Hồng Lĩnh trên cơ sở sáp nhập một số xã liền kề của huyện Đức Thọ, đồng thời sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số huyện Vũ Quang vào phân diện tích tự nhiên, dân số còn lại của huyện Đức Thọ để hình thành đơn vị hành chính cấp huyện mới”.

Trên tinh thần đó, thị xã Hồng Lĩnh cụ thể hóa phương án mở rộng như sau:

(1) Sáp nhập một phần huyện Đức Thọ gồm 06 xã An Dũng, Bùi La Nhân, Lâm Trung Thủy, Quang Vĩnh, Thanh Bình Thịnh, Yên Hồ, thành lập khu vực ngoại thị của thị xã Hồng Lĩnh mở rộng;

(2) Nâng cấp xã Thuận Lộc lên phường, thành lập khu vực nội thị của thị xã Hồng Lĩnh mở rộng. Sau sáp nhập, thị xã Hồng Lĩnh sẽ có quy mô như sau:

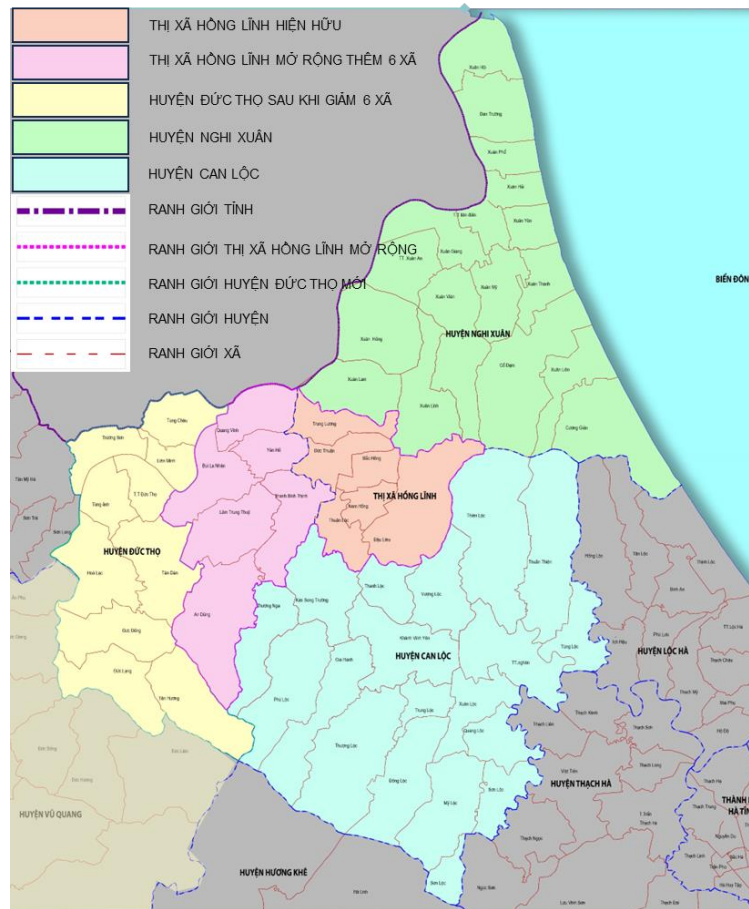
- Tổng diện tích tự nhiên khoảng 14.268 ha;

- Quy mô dân số (năm 2022) khoảng 104.700 người, trong đó khu vực nội thị khoảng 46.600 người, chiếm (44% tổng quy mô dân số thị xã);

- Mật độ dân số (năm 2022) khoảng 7,3 người/ha, trong đó khu vực nội thị khoảng 7,9 người/ha;

- Có 12 đơn vị hành chính trực thuộc với 06 phường, 06 xã.

Cụ thể như sau:



Hình 24. Phương án mở rộng địa giới hành chính thị xã Hồng Lĩnh và huyện Đức Thọ

Bảng 18. Phương án mở rộng địa giới hành chính thị xã Hồng Lĩnh

TT	Đơn vị hành chính 2022	DT (ha)	Dân số	MĐDS
AB	Thị xã Hồng Lĩnh mở rộng (HLMR)	14.268	104.706	7,3
	So sánh tiêu chuẩn thị xã (NQ 1211 và NQ 27)	71%	105%	
A	Thị xã Hồng Lĩnh hiện hữu (nội thị HLMR)	5.897	46.574	7,9
1	Phường Bắc Hồng	556	11.034	19,8
2	Phường Đậu Liêu	2.436	6.377	2,6
3	Phường Đức Thuận	836	7.215	8,6
4	Phường Nam Hồng	469	10.604	22,6
5	Phường Trung Lương	858	6.517	7,6
6	Xã Thuận Lộc (nâng cấp lên phường)	742	4.827	6,5
B	Một phần Huyện Đức Thọ (ngoại thị HLMR)	8.370	58.132	6,9
1	Xã An Dũng	2.472	10.096	4,1
2	Xã Bùi La Nhân	1.360	8.842	6,5
3	Xã Lâm Trung Thủy	1.503	13.431	8,9
4	Xã Quang Vinh	927	3.787	4,1

TT	Đơn vị hành chính 2022	DT (ha)	Dân số	MĐDS
5	Xã Thanh Bình Thịnh	1.365	16.825	12,3
6	Xã Yên Hồ	744	5.151	6,9

Bảng 19. Đánh giá phương án mở rộng địa giới hành chính thị xã Hồng Lĩnh

Đơn vị hành chính	D. tích (ha)	Dân số 2022		Dân số 2030		Dân số 2045	
		(người)	(ng/ha)	(người)	(ng/ha)	(người)	(ng/ha)
Thị xã Hồng Lĩnh MR	14.268	104.706	7,3	135.445	9,5	210.400	14,7
- Nội thị	5.897	46.574	7,9	61.805	10,5	100.583	17,1
- Ngoại thị	8.370	58.132	6,9	73.640	8,8	109.817	13,1
Tiêu chuẩn TX, ĐT-III	20.000	100.000	14	100.000	14	100.000	14
<i>So sánh đạt</i>	<i>71%</i>	<i>Vượt</i>	<i>52%</i>	<i>Vượt</i>	<i>68%</i>	<i>Vượt</i>	<i>Vượt</i>
Tiêu chuẩn TP, ĐT-II	15.000	200.000	18	200.000	18	200.000	18
<i>So sánh đạt</i>	<i>95%</i>	<i>52%</i>	<i>41%</i>	<i>68%</i>	<i>53%</i>	<i>Vượt</i>	<i>82%</i>

Bảng 20. Đánh giá phương án thành lập ĐVHC mới Đức Thọ - Vũ Quang

TT	Tên đơn vị	DT (ha)	Dân số	MĐDS
AB	ĐVHC mới Đức Thọ + Vũ Quang	75.746	103.592	5,6
	Tiêu chuẩn huyện (tối thiểu)	45.000	120.000	2,7
	So sánh đạt (%)	168	86	
	Tiêu chuẩn huyện miền núi (tối thiểu)	85.000	80.000	0,9
	So sánh đạt (%)	89	129	
A	Huyện Đức Thọ (còn lại)	11.980	67.572	21,9
1	Thị trấn Đức Thọ	670	14.685	4,1
2	Xã Đức Đồng	1.584	6.483	2,2
3	Xã Đức Lạng	1.592	3.501	4,5
4	Xã Hòa Lạc	1.632	7.309	9,6
5	Xã Liên Minh	573	5.503	5,3
6	Xã Tân Dân	1.722	9.112	1,0
7	Xã Tân Hương	1.552	1.562	10,7
8	Xã Trường Sơn	824	8.774	7,1
9	Xã Tùng Ảnh	869	6.188	4,6
10	Xã Tùng Châu	961	4.455	0,6
B	Huyện Vũ Quang	637,66	36.020	1,1
1	Thị trấn Vũ Quang	3798	4.028	2,0
2	Xã Ân Phú	1.036	2.087	2,5
3	Xã Đức Bồng	1.474	3.686	2,7
4	Xã Đức Giang	1.139	3.101	2,3
5	Xã Đức Hương	1.760	3.981	1,0
6	Xã Đức Liên	2.598	2.480	2,4
7	Xã Đức Lĩnh	2.410	5.813	0,8
8	Xã Hương Minh	3.918	2.979	0,2

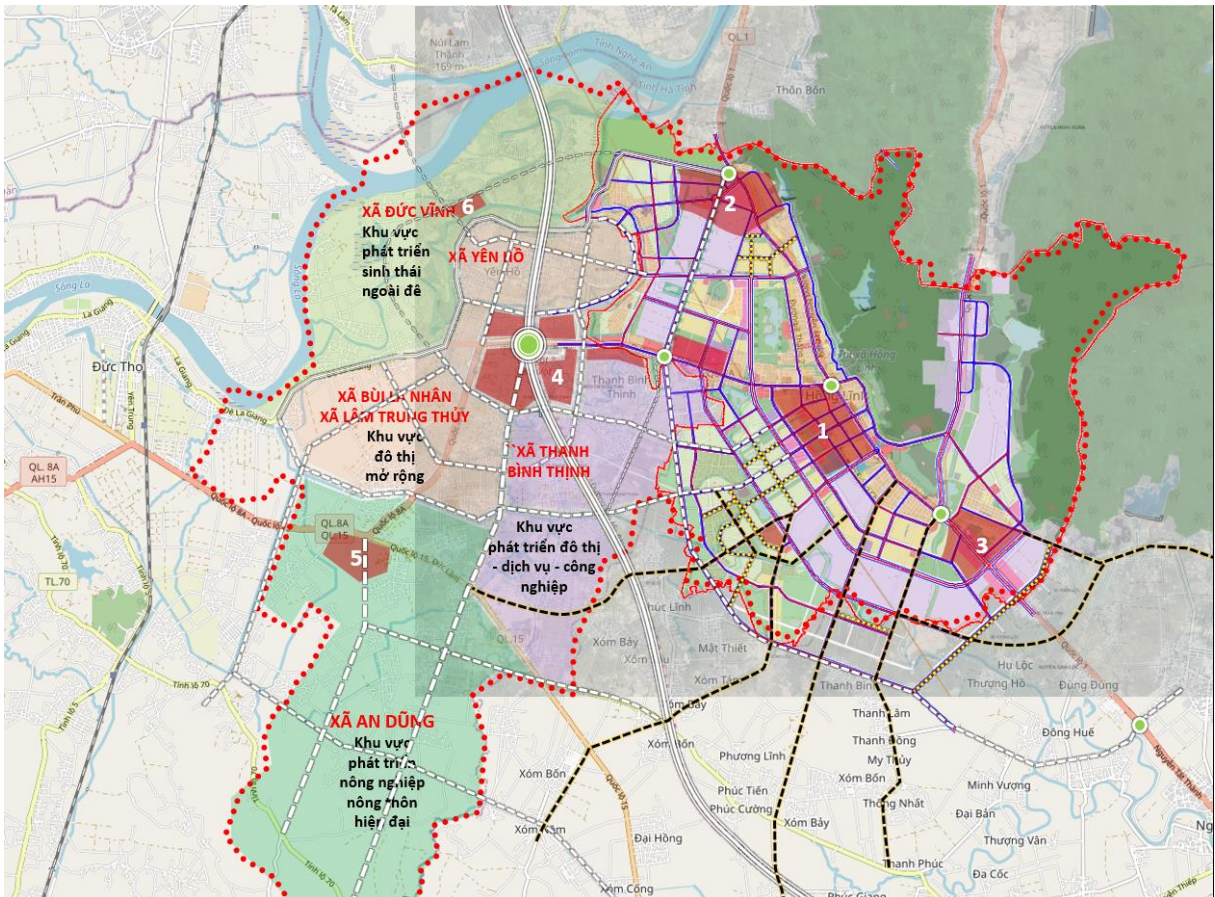
TT	Tên đơn vị	DT (ha)	Dân số	MĐDS
9	Xã Quang Thọ	25.801	3.938	0,2
10	Xã Thọ Điền	19.833	3.927	5,6

4.1.2. Mục tiêu phát triển

Mục tiêu thị xã phân đầu trên cơ sở địa bàn mở rộng như sau:

- Đến năm 2025: mở rộng thị xã và phân đầu cơ bản đạt tiêu chuẩn đô thị loại III
- Đến năm 2026: thành lập Khu công nghiệp Nam Hồng Lĩnh
- Đến năm 2027: thu hút nhà sản xuất mũi nhọn vào các khu cụm công nghiệp
- Đến năm 2030: hoàn thiện tiêu chuẩn đô thị loại III, tiến tới thành lập thành phố
- Đến năm 2035: thành lập thành phố và phân đầu cơ bản đạt tiêu chuẩn đô thị loại II trên cơ sở địa bàn thị xã mở rộng (6 phường xã)
- Đến năm 2045: hoàn thiện tiêu chuẩn đô thị loại II.

4.1.3. Định hướng phát triển toàn địa bàn (thị xã mở rộng)



Hình 25. Định hướng phát triển thị xã mở rộng

Nhận xét:

Nếu như mở rộng ra 6 xã huyện Đức Thọ, trọng tâm địa lý của thị xã sẽ nằm tại nút giao cao tốc. Khu vực đô thị hiện hữu (5 phường + 1 xã) lại ở vị trí rìa của đơn vị hành chính mới. Dự địa và hướng mở rộng rõ ràng là sang phía Tây.

Như vậy, trong tương lai, thị xã có thể tính đến phát triển các khu cụm công nghiệp ở khu vực mới mở rộng, tại địa điểm thuận lợi kết nối vào cao tốc.

Không gian ven sông La cũng được kéo dài, mở rộng, trở thành một cấu phần quan trọng trong cấu trúc thị xã mở rộng, thúc đẩy phát triển du lịch và vận tải đường thủy.

Song trong ngắn hạn, khu vực mới mở này còn thiếu thôn giao thông và hạ tầng, chưa thể. Khu vực cần được ưu tiên 2 định hướng lớn:

Quy hoạch trước hết là mạng lưới giao thông liên kết chặt chẽ, kế thừa, tối ưu hóa mạng hiện trạng. Hình trên cho thấy các kết nối Đông - Tây và Bắc - Nam, tận dụng các đường hiện hữu, các đường quy hoạch thị xã hiện nay.

Quy hoạch mạng lưới trung tâm đô thị để làm bàn đạp phát triển khu vực mở rộng. Hình trên cho thấy có ít nhất 2 khu trung tâm mới cần được tập trung phát triển để mở rộng ảnh hưởng sang phía Tây tại nút giao cao tốc và nút giao QL.8A, QL.15.

Định hướng mô hình đô thị:

Đô thị mới Hồng Lĩnh trên địa bàn sẽ phát triển theo mô hình tập trung, đa cực, với cấu trúc như sau:

*** Chia làm 05 khu vực theo tính chất chức năng nổi trội:**

1) Khu vực đô thị hiện hữu: Phát triển khu vực thị xã hiện hữu thành nội thị của thị xã mở rộng, với 03 phân khu (1a: Bắc, 1b: Trung tâm và 1c: Nam). Lưu ý: Khu vực dãy núi Hồng Lĩnh nằm trong cả 03 phân khu: Bảo vệ rừng, bảo vệ cảnh quan, duy trì đa dạng sinh học; phát triển du lịch tâm linh - sinh thái; liên kết với Vinh, Nghi Xuân, Can Lộc phát triển vòng cung du lịch núi - sông - biển.

2) Khu vực ngoài đô: Gồm địa bàn xã Quang Vinh và phần ngoài đô phường Trung Lương. Duy trì và nâng cao chất lượng sống các khu dân cư hiện hữu theo định hướng sinh thái; phát triển du lịch cộng đồng, du lịch cảnh quan sông, du lịch tâm linh; phát triển năng lượng tái tạo (gió).

3) Khu vực đô thị mở rộng: Gồm địa bàn các xã Yên Hồ, Bùi La Nhân, Lâm Trung Thủy. Từng bước phát triển theo tiêu chuẩn khu vực nội thị đô thị loại III.

4) Khu vực phát triển đô thị - dịch vụ - công nghiệp: Gồm địa bàn xã Thanh Bình Thịnh. Tận dụng vị trí thuận lợi tiếp cận vào nút giao cao tốc, tập trung phát triển công nghiệp quy mô lớn, phối hợp với đô thị và dịch vụ hỗ trợ.

5) Khu vực phát triển ngoại thị: Gồm địa bàn xã An Dũng. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, phát triển nông thôn hiện đại, đạt tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao.

*** Đẩy mạnh phát triển theo 05 trục chính Bắc - Nam gồm:**

1) QL.1 hiện hữu: Là trục phát triển chuỗi trung tâm đô thị hiện hữu.

2) Đường tránh QL.1: Là trục vành đai vực nội thị. Kết nối từ QL.1 tại đỉnh phía Bắc Thị xã, qua CCN Trung Lương, vòng qua rìa phía Tây xã Thuận Lộc, đi tiếp qua địa bàn các xã Thanh Lộc, Vượng Lộc (huyện Can Lộc), đầu nối với QL.1 tại giao điểm với đường Thiên Lộc - Tân Sơn hiện hữu.

3) Đường gom 2 bên cao tốc: Là trục trung tâm khu vực đô thị phát triển mới, có chức năng chuyển tiếp giữa giao thông cao tốc và giao thông đô thị.

4) QL.15: là trục liên kết phía Tây đồng bằng Nghệ An - Hà Tĩnh.

5) ĐT.70: là trục hỗ trợ QL.15.

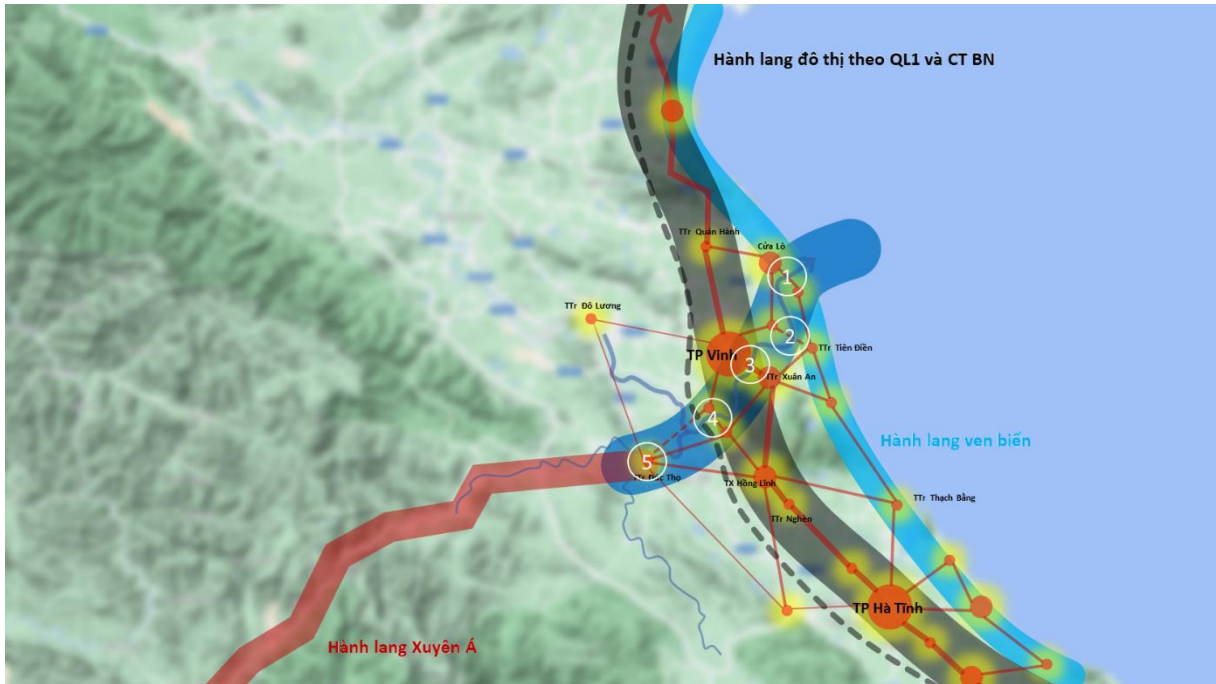
*** Liên kết, lan tỏa ảnh hưởng đô thị sang hướng Tây theo 07 trục:**

- 1) Đường đê la Giang: Là trục cảnh quan ven sông.
- 2) QL.8A: trục kết nối cửa khẩu Cầu Treo và đô thị Hồng Lĩnh.
- 3) Đường Nguyễn Xuân Linh nối dài đến gặp đường Đê La Giang tại làng Triều Đông (xã Bùi La Nhân).
- 4) Đường Nguyễn Thiệp nối dài đến gặp đường Đê La Giang tại gần ngã ba chợ Trỗ (xã Yên Hồ).
- 5) Đường Phan Kính nối dài (mới) đến gặp QL.15 tại kênh thủy lợi (xã An Dũng).
- 6) Đường Phan Kính nối dài (theo tuyến hiện hữu) đến gặp ĐT.6 tại trung tâm xã Song Lộc (huyện Can Lộc).
- 7) Đường Trần Nhân Tông nối dài (theo tuyến hiện hữu) đến gặp ĐT.6 tại trung tâm xã Thanh Lộc (huyện Can Lộc).

*** Hình thành mạng lưới trung tâm gồm 06 khu vực:**

- 1) Khu trung tâm thị xã hiện hữu: Tại khu vực phát triển đô thị tập trung xung quanh nút giao Võ Nguyên Giáp – Nguyễn Ái Quốc, thuộc địa bàn phường Bắc Hồng và Nam Hồng. Là trung tâm tổng hợp (hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, thể thao, du lịch) cấp vùng.
- 2) Khu trung tâm cửa ngõ phía Bắc thị xã hiện hữu: Tại khu vực phát triển đô thị tập trung xung quanh nút giao Đào Tấn – Nguyễn Ái Quốc, thuộc địa bàn phường Trung Lương. Là trung tâm cấp đô thị phát triển mạnh về thương mại, dịch vụ, văn phòng, hỗ trợ công nghiệp.
- 3) Khu trung tâm cửa ngõ phía Nam thị xã hiện hữu: Tại khu vực phát triển đô thị tập trung phía Nam nút giao Nguyễn Đổng Chi – Quang Trung, thuộc địa bàn xã Đậu Liêu. Là trung tâm cấp đô thị phát triển mạnh về dịch vụ, văn phòng, hỗ trợ công nghiệp.
- 4) Khu trung tâm đô thị mới: Tại khu vực phát triển đô thị tập trung xung quanh nút cao tốc, thuộc địa bàn giáp biên các xã Yên Hồ, Thanh Bình Thịnh, Bùi La Nhân. Là trung tâm tổng hợp cấp vùng về thương mại, dịch vụ, công nghiệp, logistics.
- 5) Khu trung tâm ngoại ô: Tại khu vực phát triển tập trung xung quanh nút giao QL.8A - QL.15, thuộc địa bàn xã An Dũng. Là trung tâm cấp khu vực hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- 6) Khu trung tâm đô thị sinh thái ven sông: Tại vị trí trung tâm hiện hữu xã Đức Vĩnh. Là trung tâm cấp khu vực, hỗ trợ phát triển đô thị sinh thái và du lịch ven sông.

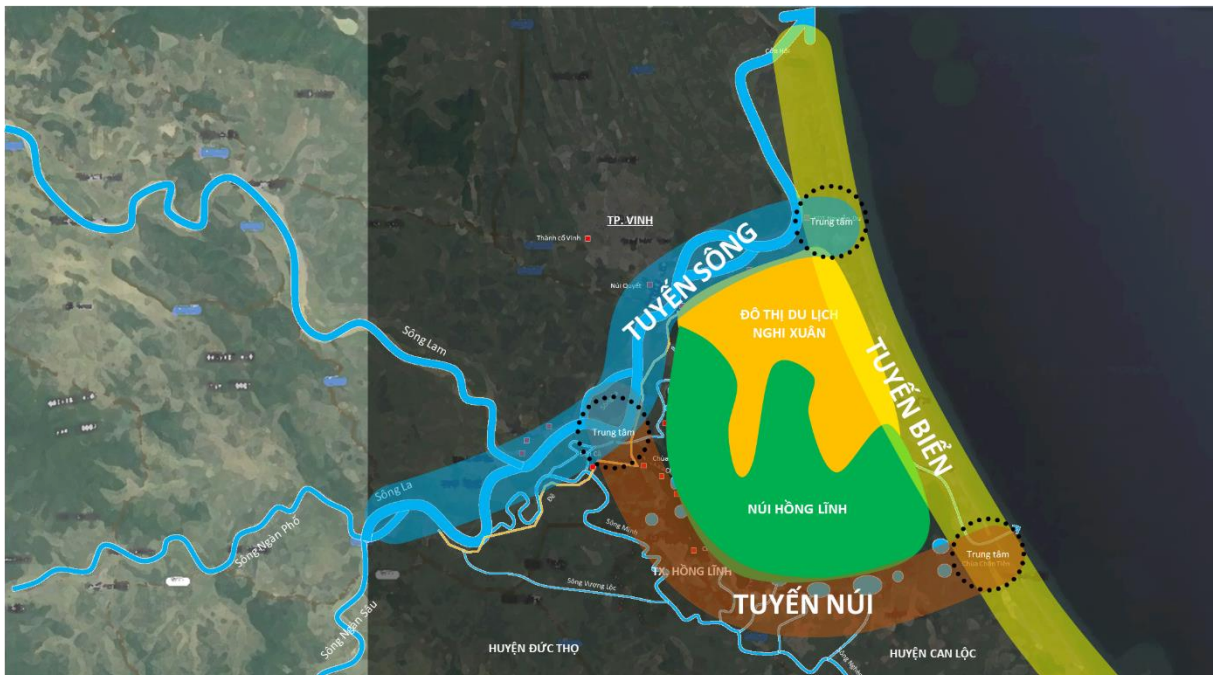
4.2. Nhận diện mô hình phát triển Tiểu vùng phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh



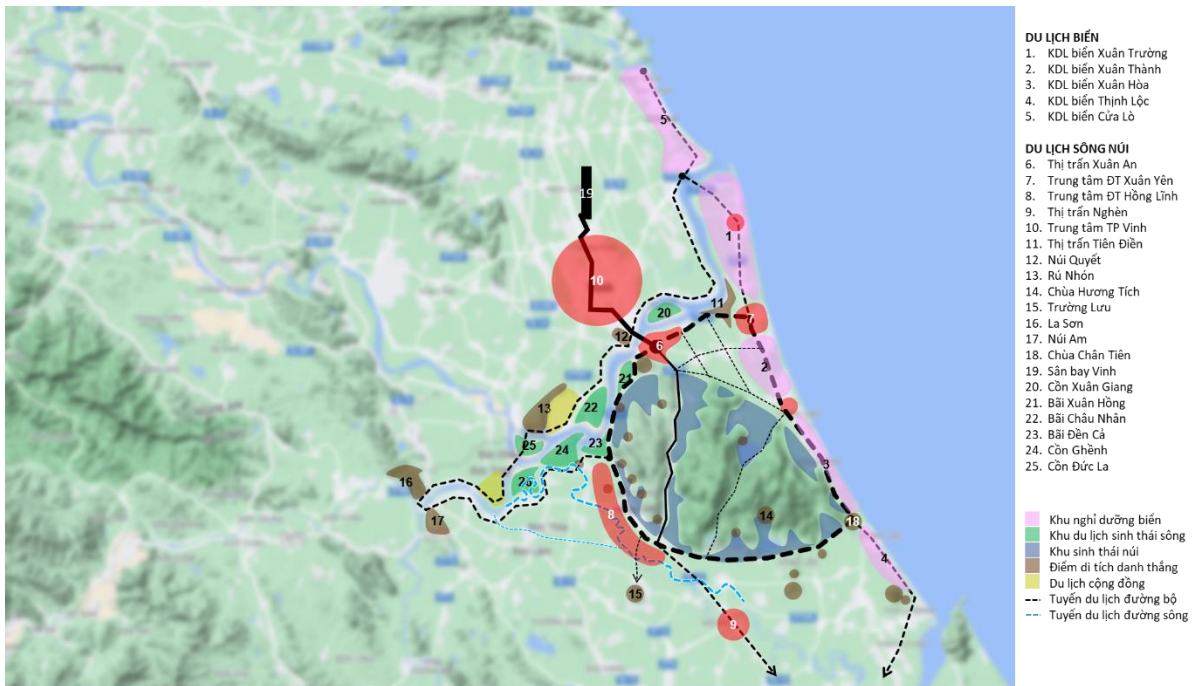
Hình 26. Hành lang sông La, ven biển, QL.1-CTBN

Tuyến đường bộ xuyên Á Vientian – Vũng Áng qua QL.8 tiếp tục là kết nối kinh tế quan trọng của CHDCND Lào và vùng Bắc Trung Bộ. Các tuyến QL.1, cao tốc Bắc Nam, cao tốc ven biển, đường HCM đều mạnh lên do hạ tầng được xây mới, nâng cấp, và các đô thị trên tuyến phát triển mạnh.

Trong bối cảnh đó, hệ thống đô thị - nông thôn của Nghệ An và Hà Tĩnh đang liên kết địa bàn mạnh mẽ hơn, tạo thành một hành lang kinh tế dọc theo hành lang xuyên Á, đồng thời là hành lang sông Ngàn Trươi, Ngàn Phố, sông Lam, sông La. Hồng Lĩnh nằm ở giao điểm của 2 hành lang kinh tế quan trọng nhất, trở thành địa bàn có động lực phát triển mạnh, là nơi có khả năng chi phối và định hướng phát triển các đô thị lân cận.



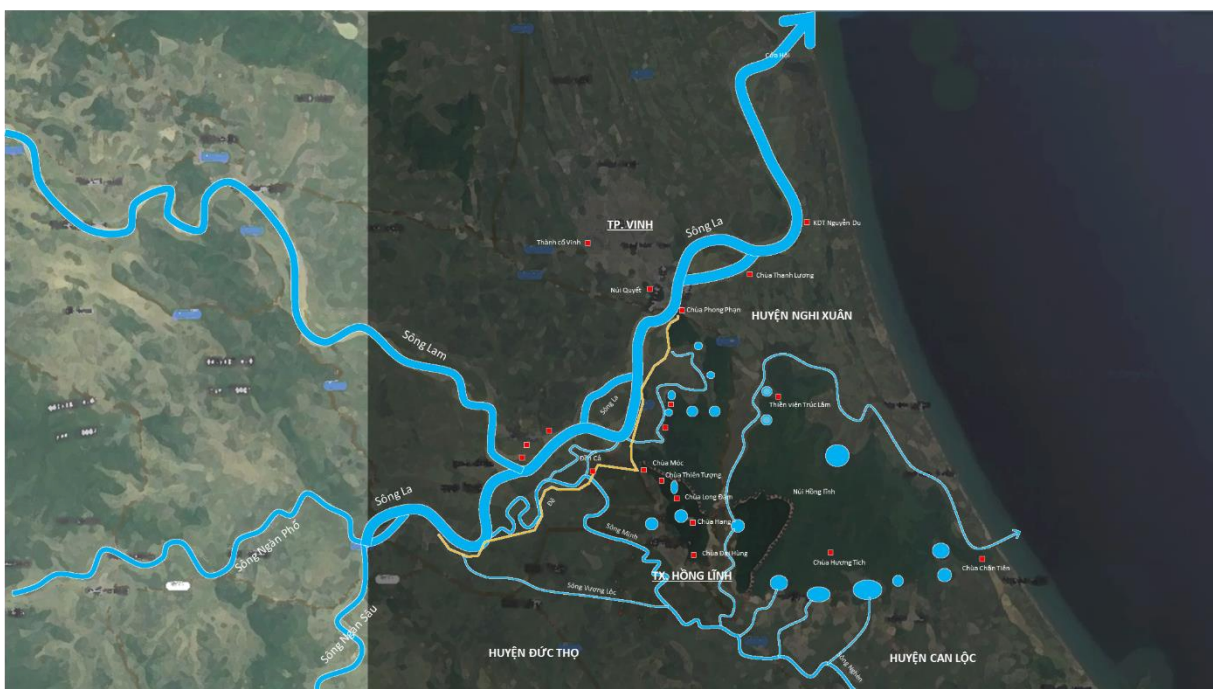
Hình 27. Tuyến du lịch núi Hồng - sông La



Hình 28. Không gian cảnh quan văn hóa núi Hồng – sông La

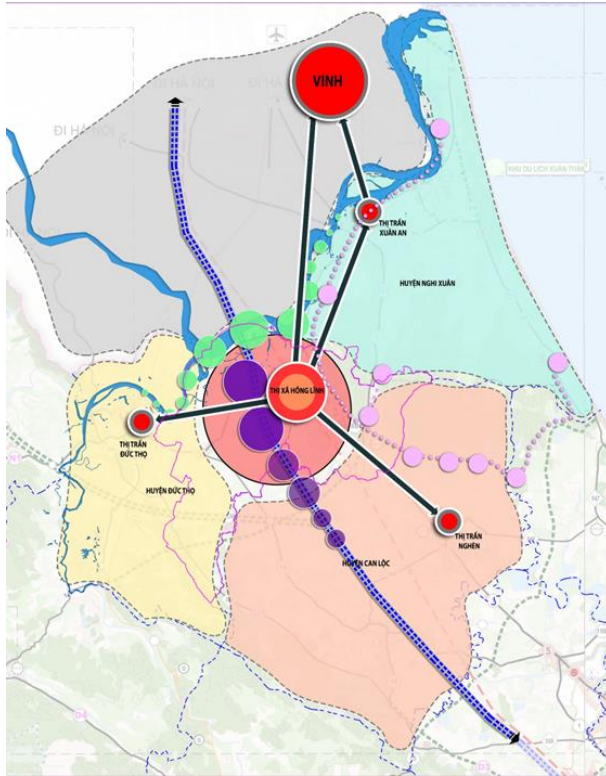
Du lịch Bắc Hà Tĩnh, Nam Nghệ An lấy sông La, núi Hồng và không gian biển làm sản phẩm đặc trưng. Trong bối cảnh đó, Nghi Xuân nắm giữ du lịch biển, Hồng Lĩnh Can Lộc nắm giữ du lịch sông và núi. Khi liên kết 3 tuyến lại thì có một vòng tròn du lịch khép kín tạo nên một tuyến du lịch tuần hoàn. Một huyện riêng rẽ không thể phát triển toàn diện chiến lược này. Hồng Lĩnh cần mở rộng ra sông để trở thành một thành phố ven sông đúng nghĩa.

Cảnh quan văn hóa núi Hồng – sông La là một hệ sinh thái tự nhiên – nhân tạo có giá trị lớn lao đối với quốc gia. Chuỗi cảnh quan cần được bảo tồn và phát triển hài hòa, liên quan đến nhiều địa bàn khác nhau. Địa bàn Hồng Lĩnh là một trong 3 đầu mối quan trọng của vùng cảnh quan này.



Hình 29. Bảo tồn tự nhiên núi Hồng – sông La

Hệ sinh thái tự nhiên núi Hồng – sông La không chỉ gồm núi và sông này, mà gồm cả các chi lưu như sông Minh, sông Vượng Lộc. Địa bàn hạn chế của Hồng Lĩnh hiện nay khiến việc quản lý tài nguyên nước toàn lưu vực bị hạn chế về cả về tầm nhìn và giải pháp. Khi mở rộng ra đến sông Vượng Lộc, vấn đề này sẽ được kiểm soát.



- Cao tốc Bắc Nam mở nút giao tại cửa phía Tây thị xã Hồng Lĩnh. Nút này là tiền đề để phát triển tuyến công nghiệp 2 bên cao tốc, hiện nằm tại địa bàn huyện Đức Thọ.

- Phát triển du lịch sông La cần cú hích từ trung tâm phía Bắc thị xã Hồng Lĩnh. Sông không gian ven sông hiện nay chủ yếu thuộc Đức Thọ và Nghi Xuân.

- Tiểu vùng phía Bắc cần trung tâm là một đô thị mạnh. Việc hình thành được 1 thị xã, đô thị loại III như Hồng Lĩnh là khó khăn và lâu dài, điều này Nghi Xuân, Đức Thọ còn cần cả thập kỷ mới theo kịp. Do vậy, cần tập trung ưu tiên nguồn lực để đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, khẳng định Hồng Lĩnh là thành phố loại III, trung tâm của Tiểu vùng.

Hình 30. Mô hình phát triển Tiểu vùng phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh

4.3. Nguyên tắc phát triển không gian kinh tế đô thị

Các định hướng phát triển không gian có nền tảng từ việc vận dụng 06 nguyên tắc phát triển kinh tế đô thị sau vào cơ chế chính sách địa phương:

4.3.1. Nguyên tắc 1: Thu gọn vòng tuần hoàn kinh tế nhờ phối hợp tối ưu các nhân tố ngoại sinh và nội sinh

Theo lý thuyết và thực tế chứng minh nền kinh tế của các nước phát triển là sự kết hợp đồng thời giữa hai loại hình kinh tế sản xuất đến từ bên ngoài đô thị và kinh tế tại chỗ khai thác các tiềm lực địa phương. “Kinh tế sản xuất” là các hoạt động kinh tế đem lại nguồn thu hiệu quả từ bên ngoài tác động vào thị xã Hồng Lĩnh, là chiến lược phát triển đồng thời 07 yếu tố quan trọng của nền kinh tế hiện đại nhằm tạo ra nhiều công ăn việc làm và hiệu quả kinh tế cao như:

- Dịch vụ thương mại: phát triển các khu trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, nhà hàng và hệ thống dịch vụ khác đi kèm với các chức năng kinh tế tổng thể.

- Công nghiệp xanh: đổi mới sản xuất nội thị theo hướng công nghiệp sạch, công nghệ cao.

Hành động ưu tiên cần tập trung chủ yếu vào việc thu hút các hoạt động kinh tế tiên phong, hướng tới xây dựng những khu thương mại dịch vụ, nghiên cứu phát triển, trụ sở chính của các công ty lớn...

Hồng Lĩnh hiện đang trải qua giai đoạn nền kinh tế sản xuất ngày càng lớn mạnh, trở nên không tương quan với mô hình đô thị hiện có. Điều kiện sống, đi lại, giao thông

ngày càng được nâng cao dẫn tới hình thành một lĩnh vực kinh tế mới đầy tiềm năng, nền kinh tế tại chỗ.

Người lao động làm việc trong ngày tại một nơi nhưng do điều kiện giao thông thuận tiện, có nhiều thời gian và bị hấp dẫn bởi các yếu tố khác nên sẽ dẫn đến khả năng họ đem thu nhập có được đi tiêu ở một nơi nào đó không phải là nơi họ làm việc. Như vậy, việc tạo cơ hội chi tiêu đội ngũ lao động có trình độ cao này ngay trong thị xã sẽ giúp quay vòng vốn phát triển nhanh và tại chỗ.

Việc phát triển các thị xã quy mô vừa như Hồng Lĩnh đòi hỏi cùng lúc phát triển cả nền kinh tế sản xuất và nền kinh tế tiêu dùng tại chỗ. Chiến lược phát triển kinh tế sản xuất sẽ thu hút nguồn nhân lực chuyên môn cao (1). Sau đó, xây dựng đô thị chất lượng cao với các dịch vụ đa dạng, nguồn cung cấp nhà ở phù hợp và đem lại hình ảnh thị xã thân thiện sẽ thúc đẩy phát triển thông qua việc bổ sung các nguồn thu lớn cho thu nhập từ sản xuất (2). Từ đó sẽ giữ lại tối đa sự thịnh vượng cho đô thị và giảm thất thoát ra ngoài (3).

4.3.2. Nguyên tắc 2: Kết nối các thành phần kinh tế đô thị

Cần có kế sách để thu hút các nhà đầu tư tư nhân cũng như đầu tư công. Điều này có thể đạt được từ 02 nhóm chính sách:

(1) Đất đai là nguồn lực chính để kích hoạt phát triển. Nguồn quỹ đất có sẵn khá lớn của Hồng Lĩnh cần được phát triển từng bước, đem lại hiệu quả tối ưu: Hạ tầng phải đi trước nhằm tối ưu hoá nguồn thu ngân sách từ giá trị gia tăng. Hệ thống giao thông cấp vùng cần ưu tiên các dự án đảm bảo giao thông thuận lợi với vùng thủ đô Hà Nội cho người lao động và các khu vực sản xuất. Ở quy mô đô thị, hệ thống giao thông công cộng hiệu quả là bước đi cần ưu tiên sớm. Chính quyền cần nắm giữ các quỹ đất chính để làm chủ thị trường giá đất, giữ mức giá phải chăng dài hạn. Cần thiết lập và kiểm soát việc dự trữ quỹ đất. Hạn chế việc giao tư nhân các quỹ đất lớn. Xây dựng chiến lược phát triển quỹ đất ngay sau quy hoạch và nghiêm túc thực hiện chiến lược trong ngắn hạn và dài hạn.

(2) Tạo ra nhiều cơ hội phát triển thương mại dịch vụ: thông qua khai thác tốt các vị trí lợi thế trong đô thị, bố trí các cụm ngành động lực hợp lý, tạo cơ hội để các nhóm kinh tế đô thị phối hợp nhau thành cụm. Chất lượng đô thị chính là yếu tố kích hoạt khiến các nhà đầu tư tìm đến để kinh doanh.

(3) Hỗ trợ đầu tư tư nhân và phát triển doanh nghiệp: Đầu tư công cho hạ tầng và tháo gỡ các điểm nghẽn trong phát triển cụm ngành là các hành động cần thiết để giúp doanh nghiệp vượt qua các khó khăn ban đầu trong quá trình khởi nghiệp tại địa phương. Nhiều hình thức trợ cấp vốn và kiến thức cho cộng đồng cũng có khả năng giúp tăng cường sáng tạo trong kinh doanh. Hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) trong các trường đại học, viện nghiên cứu là cần thiết, và cần gắn với thực tế phát triển của doanh nghiệp trong tỉnh, hướng vào hỗ trợ các doanh nghiệp lớn nhỏ, thay vì học tập, nghiên cứu lý thuyết cơ bản.

4.3.3. Nguyên tắc 3: Phát triển nguồn nhân lực

Để tăng cường thu hút kinh tế, địa phương cần cung cấp nguồn lao động chất lượng cao phù hợp các ngành nghề tại chỗ. Quy hoạch tổng thể hiện nay khuyến khích các hoạt động sản xuất liên quan đến giáo dục và đào tạo nghề mà việc này có thể thu hút các ngành công nghiệp sản xuất (ít gây ô nhiễm, nguồn nhân lực được đào tạo chuyên

sâu), các hoạt động y tế. Việc thực hiện chiến lược về nguồn nhân lực và việc làm sẽ áp dụng hình thức hệ thống cụm sao cho phù hợp với thị xã Hồng Lĩnh.

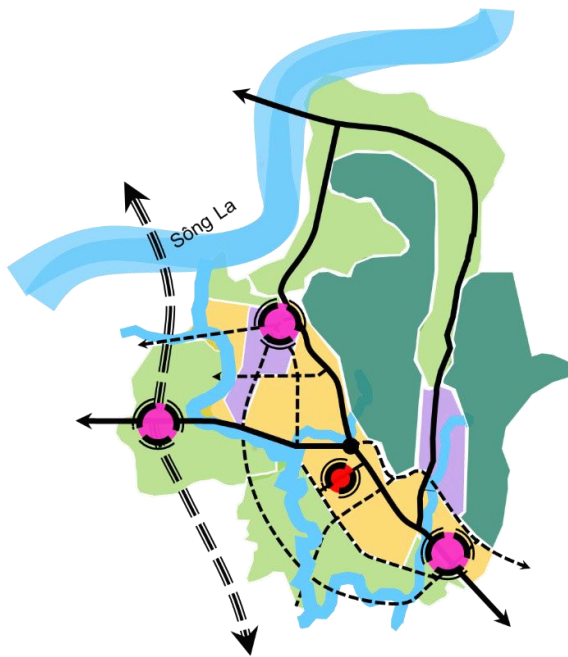
4.3.4. Nguyên tắc 4: Nâng cao chất lượng sống tạo đòn bẩy phát triển

Để giữ lại lực lượng lao động và sự chi tiêu của trong thị xã, cần phát triển dịch vụ công cộng một cách đồng bộ và có tính cạnh tranh cao với các địa phương lân cận. Trong đó các nhân tố cơ bản là: Môi trường tự nhiên trong lành, nhiều cảnh quan đẹp; Nhà ở đa dạng, đáp ứng nhiều phân khúc và có giá cả phải chăng, ổn định; Dịch vụ công thân thiện, dịch vụ đô thị đầy đủ, đa dạng; Giao thông thuận tiện, GTCC phát triển và chi phí thấp; Văn hoá, thể thao, y tế phát triển cao hơn các địa bàn lân cận.

4.3.5. Nguyên tắc 5: Xây dựng và quảng bá thương hiệu đô thị

Trong thời kỳ hậu công nghiệp sắp tới, văn hoá chính là nền công nghiệp không khói giúp nâng cao sức cạnh tranh đô thị. Đó cũng là nền tảng của phát triển đô thị sáng tạo (creative city). 04 Thương hiệu đô thị đề cập trong phần “Động lực cản trở thành chính sách và các hoạt động thiết thực của chính quyền và truyền thông nhân dân. Song hành với phát triển kinh tế, các thương hiệu sẽ ngày một trở nên đáng tin cậy, trở thành niềm tự hào, và thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đến với thị xã.

4.4. Định hướng mô hình phát triển đô thị đa cực

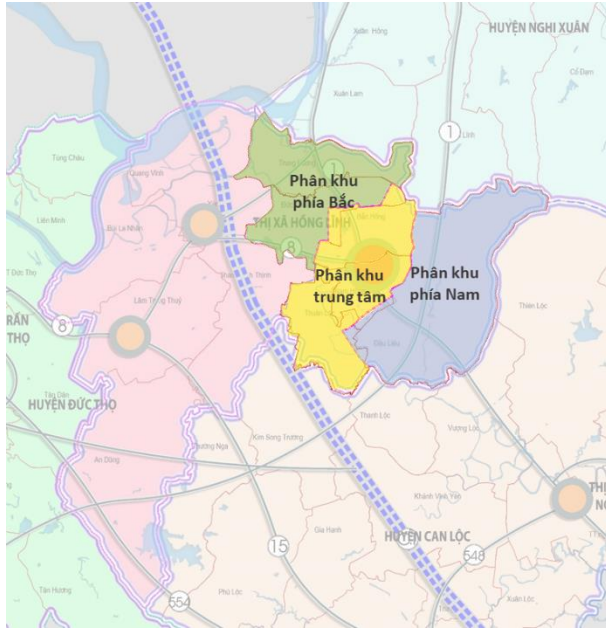


Hình 31. Mô hình phát triển đô thị đa cực

QHC 2023 tiếp nối lựa chọn của QHC 2007 về định hướng Thị xã Hồng Lĩnh chuyển đổi từ mô hình đô thị một trung tâm sang mô hình đô thị “đa trung tâm mở” gắn với các khu vực phụ cận, các huyện trong tỉnh Hà Tĩnh. Hệ thống đa trung tâm liên kết chặt chẽ với nhau bằng kết nối giao thông và hoạt động kinh tế đa dạng. Bảo vệ các di tích lịch sử văn hóa vùng miền... và các hệ sinh thái tự nhiên núi Hồng Lĩnh, sông La, sông Minh...:

- 1) Chính giữa: Trung tâm tổng hợp (gồm Trung tâm mới + hiện hữu);
- 2) Phía Bắc: Trung tâm doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo;
- 3) Phía Tây: Cửa ngõ mới;
- 4) Phía Đông: bảo tồn tự nhiên và di sản văn hóa núi Hồng Lĩnh;
- 5) Phía Nam: Trung tâm đô thị - dịch vụ - công nghiệp.

4.5. Định hướng phân khu đô thị



Phân chia không gian thị xã Hồng Lĩnh theo 3 phân khu:

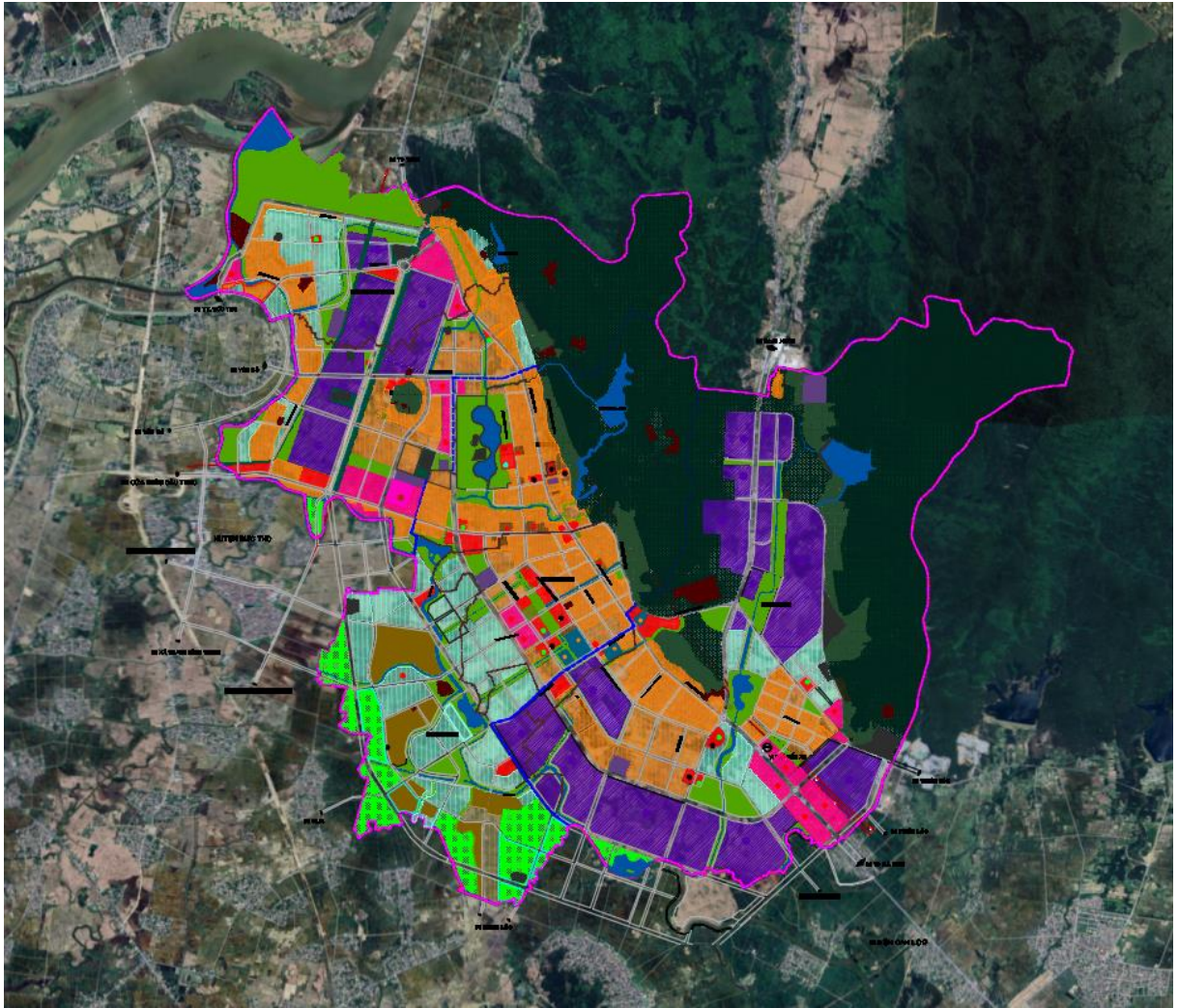
- Phân khu phía Bắc: cơ bản gồm toàn bộ dân số và diện tích 2 phường Trung Lương và Đức Thuận;
- Phân khu Trung tâm: cơ bản gồm toàn bộ dân số và diện tích 2 phường Bắc Hồng và Nam Hồng và xã Thuận Lộc;
- Phân khu phía Nam: cơ bản gồm toàn bộ dân số và diện tích phường Đậu Liêu.

Hình 32. Phân khu đô thị Hồng Lĩnh

Bảng 21. Phân bố diện tích và dân số theo các phân khu

Phân khu	Phía Bắc	Trung tâm	Phía Nam	Toàn thị xã
Diện tích tự nhiên (ha)	1.585,8	1.800,6	2.511,0	5.897,3
<i>Tỷ lệ trên toàn đô thị</i>	<i>27%</i>	<i>31%</i>	<i>42%</i>	<i>100%</i>
Dân số 2022	13.732	26.465	6.377	46.574
<i>Tỷ lệ trên toàn đô thị</i>	<i>29%</i>	<i>57%</i>	<i>14%</i>	<i>100%</i>
Dân số 2030	17.395	31.703	12.707	61.805
<i>Tỷ lệ trên toàn đô thị</i>	<i>28%</i>	<i>51%</i>	<i>21%</i>	<i>100%</i>
Dân số 2045	27.101	47.066	26.416	100.583
<i>Tỷ lệ trên toàn đô thị</i>	<i>27%</i>	<i>47%</i>	<i>26%</i>	<i>100%</i>
Đơn vị hành chính	Cơ bản gồm 02 phường Trung Lương và Đức Thuận	Cơ bản gồm 02 phường Bắc Hồng, Nam Hồng và 01 xã Thuận Lộc	Cơ bản gồm 01 phường Đậu Liêu	05 phường Trung Lương, Đức Thuận, Bắc Hồng, Nam Hồng, Đậu Liêu; và 01 xã Thuận Lộc
Tính chất	Khu đô thị cửa ngõ phía Bắc	Khu đô thị trung tâm	Khu đô thị cửa ngõ phía Nam	Trung tâm Tiểu vùng phía Bắc

5. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



STT	Tên nhóm chức Loại chức năng Mã định danh	Ký hiệu		Tên phân loại	Đơn vị	Mô tả	Chiều cao	Màu	Định dạng	Mã định danh	Mô tả	Đơn vị	Mã định danh	Mô tả	Đơn vị	Mã định danh	Mô tả	Đơn vị	Mã định danh	Mô tả	Đơn vị																																																																															
		Hình dạng	Quy hoạch																																																																																																	
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

Hình 33. Sơ đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2045

Bảng 22. Thống kê sử dụng đất giai đoạn 2022-2030-2045 (ĐV: ha)

TT	Loại đất	QH đến 2030		QH đến 2045	
		Diện tích	Bình quân	Diện tích	Bình quân
AB	Tổng diện tích tự nhiên	5.897,3	11 ng/ha	5.897,3	17 ng/ha
A	Đất xây dựng	2.153,6	29 ng/ha	3.029,4	33 ng/ha
I	Khu vực dân dụng	691,8	112,0	912,9	90,9
1	Đơn vị ở	514,0	83,2	688,9	68,5
a	Đơn vị ở hiện hữu	416,2	90,0	415,5	90,0
b	Đơn vị ở mới	42,9	45,0	217,4	45,0
c	Làng xóm đô thị hóa	55,0	90,0	55,0	90,0
2	Dịch vụ - công cộng	27,1	4,4	40,0	4,0
a	Giáo dục (trường THPT)	3,4	0,6	5,0	0,5
b	Y tế (bệnh viện huyện)	9,6	1,5	15,0	1,5
c	Dịch vụ (chợ)	1,6	0,3	5,0	0,5
d	Công cộng khác (VH, XH, TDTT)	12,5	2,0	15,0	1,5
3	Cơ quan, trụ sở	11,7	1,9	15,0	1,5
4	Cây xanh sử dụng công cộng	31,0	5,0	50,0	5,0
5	Giao thông đô thị	108,0	22%	120,0	18%
II	Khu vực ngoài dân dụng	1.432,1		2.116,6	
1	Sản xuất công nghiệp	501,0		798,2	
2	Trung tâm đào tạo nghiên cứu	12,4		14,9	
4	Trung tâm Y tế	2,9		8,6	
5	Trung tâm VH, TDTT và công cộng khác	0,0		0,0	
6	Dịch vụ, du lịch	51,3		68,5	
7	Cây xanh sử dụng hạn chế	22,8		68,5	
8	Cây xanh chuyên dụng	118,3		354,9	
9	Di tích, tôn giáo, tín ngưỡng	46,9		46,9	
10	Hỗn hợp	23,3		70,0	
11	An ninh	3,2		3,2	
12	Quốc phòng	32,9		32,9	
13	Giao thông đối ngoại	490,1		515,3	24%
14	Hạ tầng kỹ thuật	26,1		33,8	
15	Nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	100,9		100,9	
B	Đất khác (ngoài đất xây dựng)	3.743,7		2.867,9	
1	Sản xuất nông nghiệp	1.553,2		295,2	
2	Lâm nghiệp	1.653,6		1.653,6	
3	Dự trữ phát triển (chưa sử dụng)	336,4		682,5	
4	Hồ ao đầm	72,2		100,0	
5	Sông suối kênh rạch	128,3		136,6	

(Chi tiết xem Phụ lục 4).

Bảng 23. Quy định quản lý theo chức năng sử dụng đất

TT	Chức năng sử dụng đất	Quy định quản lý
A	Đất xây dựng	Cho phép/khuyến khích xây dựng
I	Khu vực dân dụng	Xây dựng các chức năng trực tiếp phục vụ dân cư thị xã
1	Đơn vị ở <i>- Đơn vị ở mới</i> <i>- Đơn vị ở hiện hữu</i> <i>- Làng xóm đô thị hóa</i>	Xây dựng khu dân cư đô thị, bao gồm nhà ở và cơ sở công cộng dịch vụ liên quan, phục vụ cộng đồng dân cư thường trú <i>Xây mới khu dân cư đô thị, đạt chuẩn ĐVO đô thị loại I</i> <i>Cải tạo chỉnh trang hoặc giữ nguyên khu dân cư đô thị hiện có, tiến tới đạt chuẩn ĐVO đô thị loại I</i> <i>Cải tạo khu dân cư nông thôn hiện có bị nhập vào đô thị, tiến tới đạt chuẩn ĐVO đô thị loại I</i>
2	Dịch vụ - công cộng <i>- Thương mại – dịch vụ</i> <i>- Y tế</i> <i>- Giáo dục - Đào tạo</i> <i>- Thể thao - Văn hoá</i>	Xây dựng HTXH phục vụ dân cư thị xã, không bao gồm CC cấp ĐVO Xây dựng công trình chợ, điểm dịch vụ cấp xã Xây dựng công trình khám chữa bệnh, CSSK Xây dựng công trình phục vụ giáo dục, đào tạo Xây dựng công trình phục vụ thể dục thể thao
3	Cơ quan, trụ sở 1	Trụ sở cơ quan hành chính cấp phường, thị trấn, thị xã
4	Cây xanh sử dụng công cộng	Xây dựng không gian xanh phục vụ hoạt động của dân cư thị xã
5	Giao thông 1 (cấp đô thị, không bao gồm ĐVO)	Xây dựng đường giao thông phục vụ dân cư thị xã, tính đến cấp đường khu vực, không bao gồm giao thông đơn vị ở
6	Hạ tầng kỹ thuật 1	Xây dựng công trình HTKT cấp xã
II	Khu vực ngoài dân dụng	Xây dựng các chức năng phục vụ vượt ra ngoài phạm vi thị xã
1	Đất Khu cụm công nghiệp	Xây dựng Khu cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất và các chức năng liên quan
2	Trung tâm đào tạo nghiên cứu	Xây dựng các trường đào tạo, cơ sở nghiên cứu cấp tỉnh trở lên
3	Cơ quan trụ sở 2	Xây dựng trụ sở hành chính, đơn vị sự nghiệp tỉnh và Trung ương đóng trên địa bàn, và các chức năng liên quan
4	Trung tâm y tế	Xây dựng khu phức hợp gồm cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở nghiên cứu y dược và các chức năng liên quan
5	Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	Xây dựng khu phức hợp gồm trung tâm thể thao văn hoá cấp vùng và các chức năng liên quan
6	Dịch vụ, du lịch	Xây dựng khu phức hợp gồm cơ sở thương mại dịch vụ và các chức năng liên quan
7	Cây xanh sử dụng hạn chế	Cây xanh trồng trong khuôn viên các công trình, công viên chuyên đề do tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng

TT	Chức năng sử dụng đất	Quy định quản lý
8	Cây xanh chuyên dụng	Cây xanh trong vườn ươm, đất cây xanh phục vụ nghiên cứu, đất cây xanh cách ly
9	Di tích, tôn giáo, tín ngưỡng	Xây dựng hoặc bảo tồn không gian di sản văn hóa, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng và các chức năng liên quan
10	Điểm dân cư nông thôn - Làng xóm hiện hữu - Làng xóm mới	Xây dựng khu dân cư nông thôn, bao gồm nhà ở và cơ sở công cộng dịch vụ liên quan, phục vụ cộng đồng dân cư thường trú <i>Cải tạo chỉnh trang hoặc giữ nguyên khu dân cư nông thôn hiện có, tiến tới đạt chuẩn NTM</i> <i>Xây mới khu dân cư ngoại ô sinh thái, có mật độ tương đồng các làng xóm hiện hữu/chỉnh trang lân cận</i>
11	Đất Hỗn hợp - Mật độ cao - Mật độ thấp	Xây dựng khu / cụm công trình phối hợp các chức năng giữa dân dụng và ngoài dân dụng <i>Xây dựng trung tâm phức hợp có mật độ cao, trong đó có nhà ở cao tầng</i> <i>Xây dựng khu phức hợp có mật độ trung bình hoặc thấp, trong đó có nhà ở</i>
12	An ninh	Giao ngành An ninh quản lý
13	Quốc phòng	Giao Quân đội quản lý
14	Giao thông 2	Xây dựng đường giao thông đối ngoại của thị xã, thường bao gồm đường tỉnh, QL.8 và cao tốc
15	Hạ tầng kỹ thuật 2	Xây dựng cơ sở hạ tầng đầu mối như: bến xe, cảng, bãi, nhà máy nước, trạm điện, NMXLNT...
16	Nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	Xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa và chức năng liên quan
B	Đất khác (ngoài xây dựng)	Cấm/hạn chế xây dựng
1	Sản xuất nông nghiệp	Dùng để sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, hoặc công viên sinh thái nông nghiệp.
2	Lâm nghiệp	Bảo vệ và phát triển các loại rừng sản xuất, phòng hộ và đặc dụng
3	Dự trữ phát triển	Chưa sử dụng trong thời kỳ quy hoạch (đến 2045), tiếp tục sử dụng đất theo chức năng hiện có, sẽ được sử dụng làm đất xây dựng trong giai đoạn tầm nhìn (đến 2050)
4	Hồ ao đầm	Không gian mặt nước tập trung, sử dụng làm cảnh quan trong đô thị
5	Sông suối kênh rạch	Bảo vệ các không gian nước quan trọng như sông, suối, hồ điều hòa, kênh thủy lợi

6. ĐỊNH HƯỚNG KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

6.1. Nguyên tắc

Quy hoạch chung xây dựng thị xã Hồng Lĩnh và các hướng dẫn thiết kế đô thị sẽ tập trung làm rõ các vấn đề về cấu trúc đô thị của thị xã Hồng Lĩnh, vấn đề bảo tồn khu phố cũ, phát triển đô thị mới và các vấn đề môi trường đô thị, theo đó tập trung vào các nguyên tắc thiết kế đô thị cụ thể sau:

1) *Tính đặc trưng*: xây dựng thị xã Hồng Lĩnh có bản sắc, sinh động, xứng tầm là đô thị trung tâm của tiểu vùng phía Bắc tỉnh.

2) *Tính liên kết vùng*: bảo tồn văn hóa lịch sử, cảnh quan tự nhiên núi Hồng, sông Minh... liên kết với chuỗi cảnh quan sông La... hình thành tuyến du lịch có thể kéo dài thời gian lưu trú.

3) *Tính hài hòa tự nhiên*: hình thành cảnh quan trong đó cảnh quan ven núi, ven sông với không gian đô thị, nông thôn kết nối hài hòa.

4) *Tính công ích*: hình thành khu vực trọng điểm, không gian mở đặc thù và có tính giá trị công cộng cao, phát huy được giá trị bản địa.

5) *Tính bền vững*: bảo tồn giá trị cốt lõi của địa bàn là cảnh quan tự nhiên, mạng lưới mặt nước và cây xanh công cộng đô thị.

6.2. Định hướng chung

Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan tổng thể đô thị Hồng Lĩnh thông qua phân vùng theo đặc trưng cảnh quan như sau:

- Cảnh quan trung tâm đô thị: ưu tiên phát triển hỗn hợp, cao tầng, mật độ cao, tập trung các chức năng chính quả đô thị;

- Cảnh quan đô thị ven sông: ưu tiên phát triển không gian cây xanh, đường dạo ven sông, công trình thương mại dịch vụ, tầng cao vừa và đa dạng, có điểm nhấn tại các vị trí nút giao, đầu cầu;

- Cảnh quan ngoại ô ven sông: ưu tiên phát triển không gian cây xanh, đường dạo ven sông, công trình thương mại dịch vụ, mật độ thấp, thưa thoáng xen lẫn cây xanh, tầng cao đa dạng, có điểm nhấn tại các vị trí nút giao, đầu cầu;

- Cảnh quan sinh thái nông nghiệp: ưu tiên phát triển không gian mở, dịch vụ sinh thái, du lịch trải nghiệm nông nghiệp – nông thôn; hạn chế xây dựng công trình;

- Cảnh quan các khu chức năng: giáo dục – đào tạo, y tế, khu cụm công nghiệp, được quản lý theo quy định sử dụng đất;

- Cảnh quan khu vực hai bên đường nối nút vào cao tốc tương lai: ưu tiên phát triển hỗn hợp, ưu tiên các công trình văn phòng, thương mại dịch vụ lớn, ưu tiên các công trình cao tầng có kiến trúc đẹp, mang tính điểm nhấn;

- Cảnh quan các tuyến thương mại chính: ưu tiên phát triển công trình hỗn hợp cao tầng, công trình thương mại dịch vụ, kiến trúc hiện đại – bản địa, các khu đô thị kiểu mẫu có hạ tầng đồng bộ chất lượng cao, công trình hoạt động ngày đêm;

- Cảnh quan các tuyến giao thông vùng: đảm bảo không gian cách ly giảm ồn và khói bụi, xây dựng các tuyến đường gom song song, ưu tiên công trình kích thước lớn

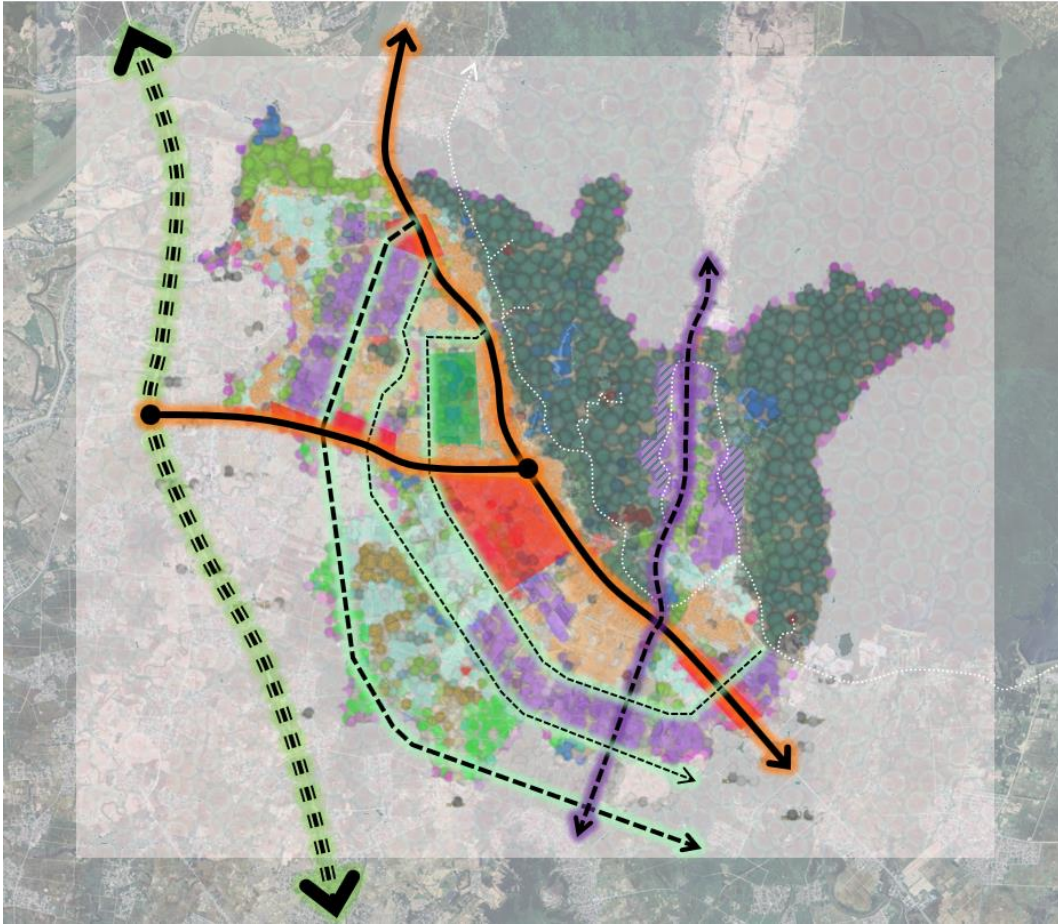
có thể nhận diện từ xa, ưu tiên các chức năng thương mại dịch vụ lớn, có nhu cầu tiếp cận nhanh với giao thông vùng;

- Cảnh quan các khu vực cửa ngõ: ưu tiên công trình điểm nhấn về chiều cao, có kiến trúc đẹp, có thể nhận diện từ xa, thiết kế giao thông công trình phải đảm bảo dễ tiếp cận song không gây ùn tắc cho đường gom.



Hình 34. Phối cảnh tổng thể

6.3. Khung thiết kế đô thị tổng thể



Hình 35. Sơ đồ định hướng không gian kiến trúc cảnh quan – Khung thiết kế đô thị

Khung thiết kế đô thị trên nhận diện và xác định các cấu trúc sau:

- Cấu trúc không gian kiến trúc, cảnh quan toàn đô thị;
- Các khu vực trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, quảng trường lớn, điểm nhấn tạo lập hình ảnh đô thị;
- Các khu vực tự nhiên.
- Các khu đô thị với định hướng bảo tồn, cải tạo chỉnh trang, hoặc phát triển mới;
- Các khu vực dự trữ phát triển.

6.4. Các trục chính

- Đường vành đai đô thị Hồng Lĩnh (tránh QL.1): là tuyến vành đai phía Tây thị xã. Yêu cầu: đảm bảo khoảng cách ly, phát triển công trình lớn.

- Đường QL.8B kéo dài: là tuyến hiện hữu liên kết công nghiệp. Khuyến khích phát triển các công trình công nghiệp và đô thị quy mô trung bình đến lớn.

- Sông Minh, Sông Vượng Lộc: là tuyến liên kết thủy bộ, đồng thời là tuyến cảnh quan xanh có giá trị lịch sử văn hóa. Yêu cầu: xây dựng cảnh quan xanh, không gian công cộng, đường dạo ven sông, bến sông, quảng trường, bãi đậu xe công cộng. Khuyến khích phát triển công trình thương mại dịch vụ quy mô nhỏ và trung bình, kiến trúc hài hòa thiên nhiên và có điểm nhấn, đa dạng về chiều cao.

- QL.1 (đường Nguyễn Ái Quốc): là tuyến hiện hữu vốn là trục xương sống đô thị. Khuyến khích phát triển các công trình hỗn hợp quy mô trung bình, thay thế dần công trình nhà ở thấp tầng. Yêu cầu: trước mắt cần có giải pháp phân luồng, lâu dài cải tiến tuyến này thành dạng đại lộ (boulevard), đưa giao thông nặng vào làn trong, giao thông chậm ra làn ngoài, nhằm nâng cao chất lượng đô thị hai bên.

- Đại lộ Hồng Lĩnh (QL.8A, đường Trần Phú): là tuyến hiện hữu, con đường bộ mặt của thị xã Hồng Lĩnh, kết nối trung tâm thị xã với cao tốc Bắc Nam, vừa là trục giao thông chính đô thị vừa là hành lang xanh. Khuyến khích phát triển công trình lớn, điểm nhấn, công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ và ở, công trình mang các chức năng công cộng chính của thị xã.

- Cao tốc Bắc - Nam: là tuyến đường đang xây dựng, dự kiến sớm hoàn thành đoạn qua Hà Tĩnh, là hành lang cao tốc kề cận đô thị, có vành đai xanh lớn, tương lai có thể gồm đường sắt cao tốc và một số tuyến GTCC quan trọng khác. Yêu cầu: hành lang xanh cách ly đồng thời là hành lang cảnh quan ven đô thị. Trên tuyến có nút giao lập thể là cửa ngõ vào thị xã, sắp hoàn thành xây dựng. Ưu tiên phát triển công trình dịch vụ, công nghiệp lớn, điểm nhấn dọc tuyến để đánh dấu hình ảnh đô thị Hồng Lĩnh, xây dựng tường chắn âm thanh hoặc giải pháp tương đương để giảm thiểu tiếng ồn và khói bụi vào đô thị.

6.5. Các khu vực cửa ngõ đô thị

- Nút giao QL.1 đầu thị xã: là cửa ngõ truyền thống, phát triển cụm trung tâm phân khu đô thị phía Bắc.

- Nút giao Hồng Lĩnh: là nút giao lập thể, cửa ngõ tương lai vào thị xã Hồng Lĩnh từ cao tốc.

- Bến đền Ông Hoàng Mười (sông La): là cửa ngõ du lịch đường sông. Bố trí bến và âu thuyền. Tổ chức dịch vụ giao thông thủy công cộng kết hợp với các dịch vụ vận tải hành khách xã hội hóa nhằm phát triển tuyến du lịch đường thủy sông La, trong tầm nhìn dài hạn, sẽ nối du lịch đường thủy từ Hồng Lĩnh đi Tiên Điền, Cửa Hội.

Đối với cửa ngõ chính: trong phạm vi 800-1.000m xung quanh nút giao, khuyến khích công trình điểm nhấn cao tầng, công trình hỗn hợp, trung tâm thương mại lớn, không gian mở có sức hấp dẫn và sức chứa công cộng cao, bến bãi đỗ xe quy mô trung bình hoặc lớn. Các tuyến đường nối từ nút giao hướng đến trung tâm thị xã được coi là các con đường bộ mặt, cần chọn lựa công trình kiến trúc có giá trị thẩm mỹ và công năng phù hợp chức năng phố. Cần thực hiện đồ án thiết kế đô thị riêng để chọn lựa phương án phát triển đem lại hiệu quả cao. Các dự án phát triển mới hoặc tái thiết cần được chọn lựa kỹ lưỡng về chức năng đóng góp cho đô thị, cũng như hiệu quả thẩm mỹ từ các góc nhìn trên các tuyến đường liên quan.

6.6. Các khu vực trung tâm

Mạng lưới trung tâm hoạt động đô thị Hồng Lĩnh gồm các khu vực chính sau:

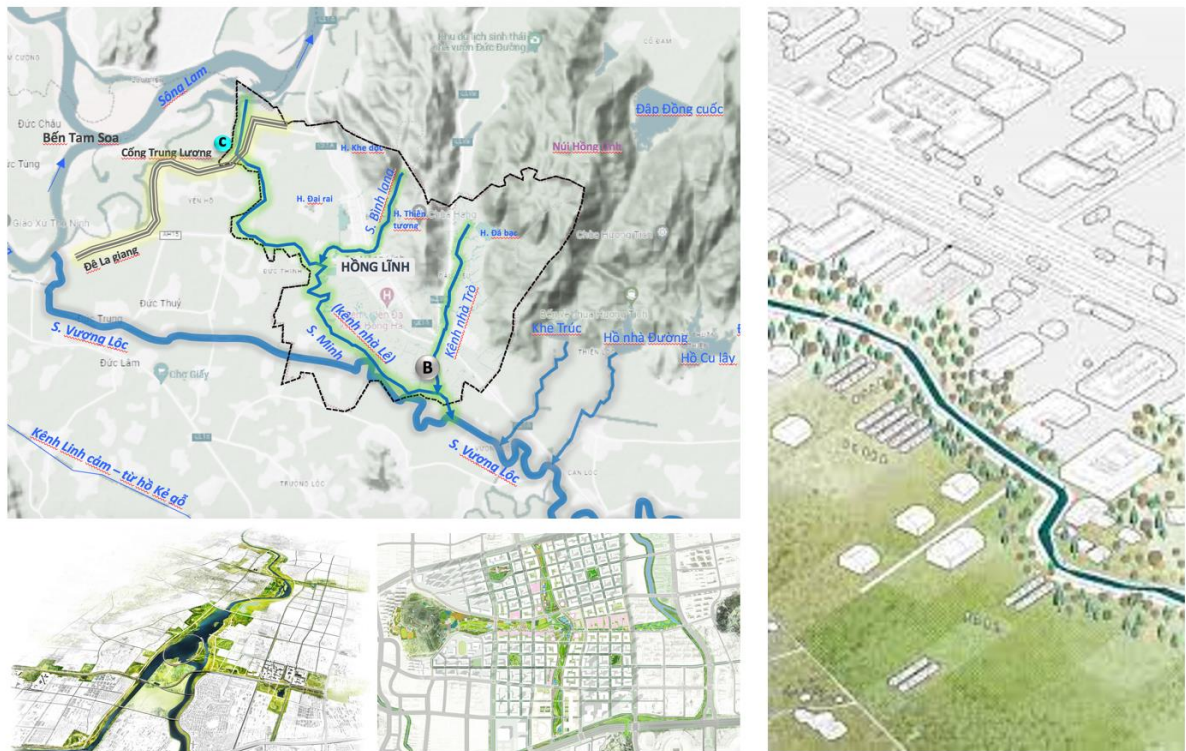
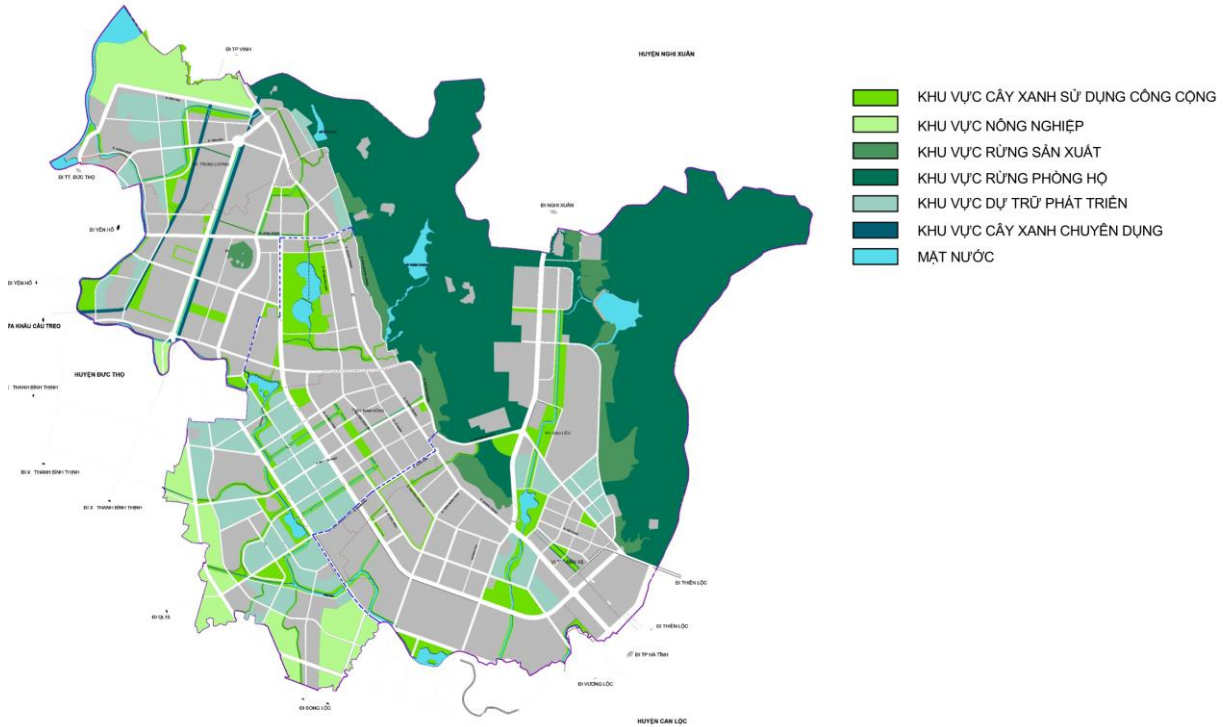
- Khu vực lõi phân khu Trung tâm: là khu vực hiện hữu mở rộng.

- Khu vực lõi phân khu phía Bắc: là khu vực phát triển mới.

- Khu vực lõi phân khu phía Nam: là khu vực phát triển mới, tập trung quanh ngã ba QL.8B và QL.1.

Tại các khu vực trung tâm: tăng cường diện tích và chất lượng không gian mở (bao gồm đường phố, quảng trường, công viên, mặt nước); khuyến khích tạo dựng các không gian đi bộ; khuyến khích xây dựng cao tầng, công trình hỗn hợp đa chức năng trong đó có nhà ở, phát triển giao thông công cộng, tạo dựng không gian phố với hoạt động đô thị sống động. Hạn chế xây dựng nhà ở mật độ thấp, thấp tầng dàn trải.

6.7. Không gian xanh



Hình 36. Sơ đồ định hướng không gian xanh

Hệ thống không gian xanh lấy núi Hồng Lĩnh làm trung tâm, sông Minh, Vượng Lộc làm vành đai.

Bảo tồn cảnh quan xanh núi Hồng Lĩnh: Bảo vệ rừng, trồng rừng, khai thác rừng hợp lý. Phát triển một số ngành cây dược liệu, liên kết với các doanh nghiệp dược liệu để từng bước hình thành chuỗi ngành kinh tế. Chính trang các tuyến đường lên các chùa trên núi, có mặt cắt khoảng 3m, dành cho xe đạp, xe điện chuyên dụng, không khuyến khích sử dụng xe hơi. Xác định chỉ giới bảo vệ tại viền chân núi, cấm xây dựng công trình dạng nhà trong phạm vi chỉ giới bảo vệ. Xây dựng tuyến đường xe đạp theo viền chân núi để hạn chế tác động của sạt lở và lũ ống. Bảo vệ và phục hồi chức năng sinh thái của các dòng supoois, dòng chảy tự nhiên trên núi; liên kết với các hồ chứa, các kênh dẫn xuống đồng bằng.

Bảo tồn, hồi sinh các tuyến suối, kênh, rạch nối từ dãy núi Hồng Lĩnh xuống các sông suối đồng bằng. Phát triển các tuyến này thành tuyến cảnh quan xanh đô thị. Nghiên cứu chỉnh trang cải tạo trên cơ sở đặc điểm các kênh dẫn từ núi xuống có độ dốc lớn, nước dễ cạn trong mùa khô, do đó cần có giải pháp kè tầng bậc để giữ nước và lọc rác.

Xây dựng hệ thống không gian xanh tập trung tại các khu vực tụ thủy, dọc theo các hành lang sông và quanh các hồ lớn. Biến các không gian xanh này thành hệ thống công viên, khu vui chơi giải trí cho người dân đô thị.



Hình 37. Thiết kế cảnh quan công viên nông nghiệp ven sông La

Xây dựng không gian ngoài đô thị ven sông La thành công viên nông nghiệp với cấu trúc 3 tầng bậc. Bậc 1 ngang cấp đê, phát triển các công viên nhỏ dạng ban-công nhìn ra sông, trở thành các công viên đô thị. Bậc 2, phát triển công viên cảnh quan lưỡng dụng, tổ chức các không gian vui chơi giải trí bán ngập. Bậc 3 phát triển không gian nông nghiệp ven sông, cảnh quan nông nghiệp vừa có giá trị du lịch trải nghiệm, vừa tạo ra hoa lợi.



Hình 38. Thiết kế cảnh quan công viên trung tâm thị xã

Công viên trung tâm thị xã vừa là một không gian trữ nước, vừa là không gian vui chơi giải trí và sinh hoạt của cộng đồng dân cư toàn thị xã. Với vị trí tại trung tâm, kê bên đường chính đô thị, khu vực này sẽ trở thành nơi thường được lui tới nhất của toàn bộ cộng đồng, mang tính biểu tượng văn hóa cho Hồng Lĩnh trong thời kỳ phát triển. Do đó, thiết kế không gian công viên này cần tính đến sự chồng lớp của nhiều nhóm hoạt động như: sự kiện lớn, vui chơi giải trí hàng ngày, tuyến đạo bộ - xe đạp, thưởng ngoạn văn hóa, thể dục thể thao, giao lưu, học tập... đồng thời cần xét đến các yếu tố tự nhiên như hồ, kênh, không gian trữ nước, không gian sinh thái, cảnh quan.

6.8. Quản lý tầng cao, chiều cao và mật độ đô thị

6.8.1. Tầng cao, chiều cao xây dựng

- Đối với các khu vực khuyến khích cao tầng (và nói chung trên toàn đô thị), không quản lý tầng cao thông qua chỉ tiêu “tầng cao tối đa” mà thông qua “hệ số sử dụng đất tối đa”, với hệ thống quy định đã có trong quy chuẩn (phụ thuộc chiều rộng đường tiếp cận và kích thước ô đất). Trong trường hợp công trình điểm nhấn không thuộc phạm vi khống chế đặc biệt nào khác, HSSDD tối đa là 20 lần.

- Các khu vực khống chế đặc biệt gồm: hành lang kỹ thuật, không gian ven sông, không gian xung quan các quảng trường và hồ lớn. Các khống chế đặc biệt được thể hiện qua mặt cắt điển hình đối với từng loại.

- Các trường hợp khác: Xác định hệ thống quy định HSSDD theo phân loại sử dụng đất và theo quy định gắn với các khu vực kiến trúc cảnh quan.

6.8.2. Mật độ xây dựng

- Đồ án quy hoạch chung quản lý thông qua mật độ dân số từng phân khu. Các đồ án quy hoạch phân khu sẽ cụ thể hóa thành chỉ tiêu quản lý mật độ xây dựng lô đất.

- Đối với hầu hết các trường hợp, mật độ xây dựng được quy hoạch chung kiểm soát thông qua quy định sử dụng đất.

7. ĐỊNH HƯỚNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

7.1. Hệ thống cao độ nền và thoát nước mặt

7.1.1. Cơ sở thiết kế

- Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh hiện hành;
- Bản đồ nền địa hình thị xã Hồng Lĩnh tỷ lệ 1/10.000 năm 2023;
- Các đồ án quy hoạch xây dựng, các dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt và đang triển khai trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh;
- Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Cả.
- Quyết định 1588/QĐ-TTg ngày 24/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thủy lợi khu vực miền Trung giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng;
- Quyết định 1461/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch tổng thể hệ thống thủy lợi Hà Tĩnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- QCVN 01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 07: 2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- TCVN 7957-2008 Thoát nước – Mạng lưới công trình bên ngoài và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế.

7.1.2. Nguyên tắc thiết kế

- Tuân thủ cao độ khống chế nền xây dựng đã được xác định trong các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch nông thôn mới, và các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn.
- Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên, kế thừa hiện trạng và các dự án san nền đang triển khai.
- Độ dốc dọc đường theo quy chuẩn hiện hành để đảm bảo giao thông và thoát nước mưa tự chảy.
- Cao độ xây dựng khống chế cho các khu đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư tuân thủ quy chuẩn hiện hành, mức độ quan trọng của từng đô thị, không mâu thuẫn với các quy hoạch đã được duyệt và hài hòa giữa khu xây dựng mới và khu hiện có.
- Quy hoạch san đắp nền kết hợp chặt chẽ với quy hoạch thoát nước mưa, đảm bảo không bị ảnh hưởng của lũ lụt, sạt lở, các tác động bất lợi của thiên nhiên và việc biến đổi khí hậu.
- Hệ thống thoát nước hoạt động theo nguyên tắc tự chảy.
- Hệ thống thoát nước được thiết kế đảm bảo tính kế thừa các quy hoạch đã được phê duyệt, phù hợp với hiện trạng và dự báo phát triển của khu vực thiết kế, bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu.

7.1.3. Định hướng công trình thủy lợi và công trình phòng chống thiên tai

Về cơ bản quy hoạch điều chỉnh tuân thủ các định hướng công trình thủy lợi và công trình phòng chống thiên tai, các quy hoạch cấp trên đã phê duyệt.

7.1.3.1. Giải pháp phi công trình

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng các phương pháp tưới tiết kiệm.
- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách của Đảng và Nhà nước về quản lý, khai thác, bảo vệ các công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai.
- Xây dựng cơ chế chính sách và đổi mới công tác tổ chức, nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai.
- Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong nghiên cứu, tính toán, thiết kế, xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai.
- Sử dụng các công nghệ hiện đại trong cảnh báo sớm thiên tai.
- Cắm mốc chỉ giới bảo vệ hồ thủy lợi, các tuyến đê, công trình thủy lợi khác.
- Bảo vệ hành lang đê, hàng lang thoát lũ.
- Tăng cường trồng cây ổn định bờ sông, kênh, bảo vệ thân đê.
- Bố trí và sắp xếp dân cư vùng ảnh hưởng thiên tai đến các khu vực an toàn.

7.1.3.2. Giải pháp công trình

- Nạo vét, kiên cố hóa hệ thống kênh tiêu, kênh dẫn nước, khơi thông liên mạch toàn mạng lưới. Sử dụng vật liệu tự nhiên thân thiện môi trường như gạch đá, tre, thân cây liễu... (hạn chế tối đa nhất với bê tông).
- Mở rộng lòng các kênh tiêu, sông nhỏ tiêu nước ra sông Nghèn.
- Kết nối liên thông các kênh tưới tiêu, để hỗ trợ tiêu nước ra sông. Xây dựng hồ điều hòa kết hợp kênh dẫn tạo nguồn sinh thủy để cải tạo cảnh quan, điều hòa không khí, thoát nước mưa, tạo không gian kiến trúc, cảnh quan khu vực. Phát triển hệ thống không gian mặt nước để hướng tới phát triển đô thị xanh, bền vững. Cây xanh mặt nước đóng vai trò lớn trong việc làm giảm nhiệt độ, tăng độ ẩm, cấp oxy và chống ồn đô thị.
- Tăng cường mật độ, chất lượng đối với rừng đầu nguồn. Xây dựng bờ taluy, tường chắn tại những khu vực xung yếu để ổn định nền đảm bảo an toàn cho hạ du.
- Nâng cấp, cải tạo, xây mới cống tưới tiêu đầu mối.
- Duy tu, bảo dưỡng, hoàn thiện mái kè tuyến đê sông.
- Xây dựng, tu bổ cống tiêu dưới đê, điểm canh đê.
- Nâng cao trình độ các đoạn đê còn thiếu đảm bảo an toàn chống lũ.

7.1.4. Định hướng cao độ nền

7.1.4.1. Giải pháp thiết kế

Định hướng chung:

Theo khảo sát thủy văn hệ thống sông nội đồng, lũ lịch sử cao nhất có mực nước $\leq 2,8\text{m}$ nên khu vực đô thị hiện hữu, khu vực dự kiến mở rộng có cao độ nền $H > 2,8\text{m}$ hầu như không chịu ảnh hưởng chế độ thủy văn khi mùa mưa lũ đến, chỉ có khu vực có

nền thấp trung ảnh hưởng ngập lũ, phải tôn nền kết hợp bơm cưỡng bức khi mực nước nội đồng dâng cao.

Căn cứ đặc điểm địa hình và các tính khác nhau của từng khu vực trong thị xã, cao độ nền xây dựng tối thiểu được tính toán và xác định phù hợp với chức năng của từng khu vực.

+ Đối với khu vực xây dựng mới có đê, kè bảo vệ, cao trình được xác định dựa theo công thức sau (thiết kế theo QCVN 01:2021/BXD)

$$H_{xd} = H_{mn.max} + H_{bdkh} + a$$

Trong đó: H_{xd} : Cao trình thiết kế tối thiểu (m)

$H_{mn.max}$: Mực nước ngập tính toán (m)

a : Trị số độ gia tăng an toàn (m)

Xác định mực nước ngập tính toán $H_{mn.max}$: Mực nước tính toán là mực nước tính theo tần suất, đảm bảo sự hoạt động bình thường của công trình.

H_{bdkh} : Lựa chọn mực nước biến đổi khí hậu $H_{bdkh}=0,22\text{cm}$ (Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam - Bộ TNMT năm 2020).

Lựa chọn $H_{bdkh} = 0,22\text{cm}$ (đến năm 2050).

a : Trị số độ gia tăng an toàn

$a = 0,3$ m (đối với khu vực xây dựng dân dụng)

$a = 0,5$ m (đối với khu vực xây dựng công nghiệp, kho tàng)

Cao độ khống chế xây dựng cho thị xã khu vực có đê, kè biển bảo vệ: $H_{xd} \geq 2,7 + 0,22 + 0,3 = +3,22\text{m}$. Để đảm bảo an toàn cho thị xã Hồng Lĩnh lựa chọn cao độ khống chế chung $H_{xd} \geq +3,3\text{m}$. Đối với khu vực cây xanh $H_{cx} \geq 2,7$. Chọn $H_{cx} \geq +2,7\text{m}$.

Đối với khu vực xây mới:

+ Khu công nghiệp cao độ nền xây dựng nhỏ nhất $H_{min} \geq +3,5\text{m}$.

+ Khu vực nhà ở và các công trình xây dựng khác: $H_{min} \geq 3,3\text{m}$

+ Khu vực công viên cây xanh cao độ nền nhỏ nhất $H_{min} \geq +2,7\text{m}$.

+ Khu vực lưu trữ, điều tiết nước mưa, thích ứng sống chung với lũ: Chỉ cải tạo cục bộ từng công trình đạt cao độ từ $2,7 \div 3,3\text{m}$, bố trí dải cây xanh mặt nước để thoát lũ, tăng hệ số mặt phủ

Đối với khu vực cải tạo xen cây:

+ Với những khu vực có mật độ xây dựng thưa thoáng các lõi trũng có cao độ nền $< 2,8\text{m}$, dự kiến tôn nền lên cao trình tối thiểu $> 3,0\text{m}$ để tránh ngập úng và hài hoà với những công trình hiện có, đảm bảo không làm cản trở tới hướng thoát chung của các khu vực xung quanh.

+ Với những khu vực có cao độ nền $> 3,3\text{m}$ có thể cải tạo nền để phù hợp cho thoát nước, tuy nhiên không tác động xấu tới việc thoát nước chung.

Độ dốc nền khu vực đắp khống chế tối thiểu $I_{min} \geq 0,004$ để đảm bảo thoát nước và giảm thiểu khối lượng đất đắp.

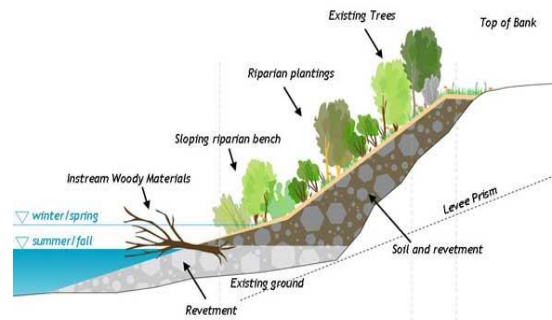
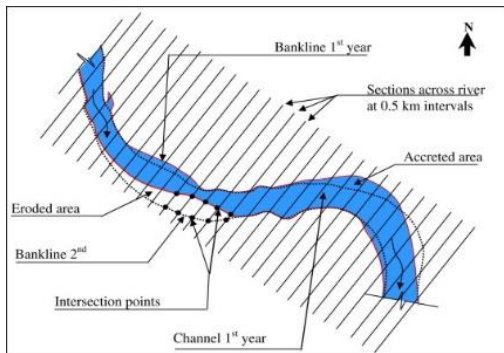
Nguồn đất đắp: Dự kiến lấy từ nạo vét xây dựng hồ điều hòa cùng tuyến kênh dẫn, khai thác từ nguồn cát sông và từ việc nạo vét, cải tạo tuyến sông Minh.

7.1.4.2. Khối lượng san nền (tạm tính):

Khối lượng đất đào (các hồ, kênh mương): 1.184.000 m³

Khối lượng đất đắp: 1.544.000 m³

Khối lượng đắp còn thiếu được bổ sung quỹ đất xây dựng đường giao thông khu vực ven sườn núi và từ công tác nạo vét xây dựng hồ điều hòa cùng tuyến kênh dẫn, khai thác từ nguồn cát sông và từ việc nạo vét, cải tạo tuyến sông Minh



Hình 39. Sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, gia cố bờ sông, cải tạo hướng dòng chảy bất lợi. Tận dụng không gian cây xanh mặt nước để phát triển bền vững

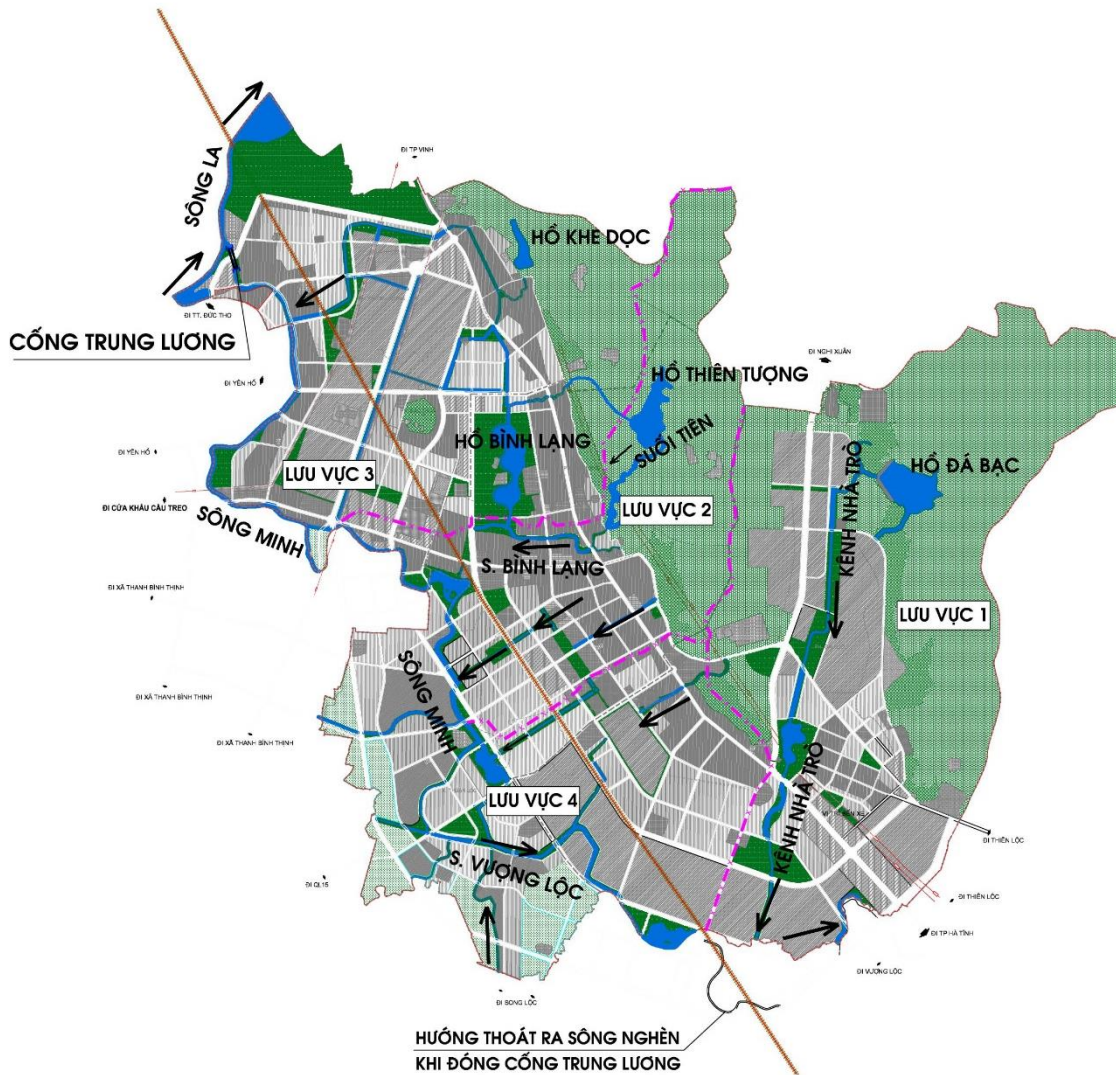
7.1.5. Định hướng thoát nước mặt

7.1.5.1. Giải pháp thiết kế hệ thống

Đối với khu vực đô thị tập trung: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng, xây dựng đồng bộ mạng lưới thoát nước, kết hợp với các cống tiêu khi mưa lớn, triều cường.

Đối với khu vực dân cư phân tán theo xã: Khu dân cư hiện hữu sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng (nước thải xử lý tại chỗ theo từng cụm công trình). Bố trí các hồ điều hòa tại khu vực xử lý nước thải để phòng sự cố và dự trữ nước để tưới cây chống hạn hán.

Lưu vực: Khu vực chia làm nhiều lưu vực nhỏ. Cơ bản được chia làm 4 lưu vực thoát ra các sông chính bao gồm: hồ Đá Bạc, hồ Khe Dọc, kênh Nhà Trò; suối Bình Lạng, sông Minh.



Hình 30. Sơ đồ phân lưu vực thoát nước mưa và các trục tiêu chính

+ **Lưu vực 1:** Nằm ở phía Đông- Đông Nam thị xã gồm khu vực Bắc Hồng, Đậu Liêu. Nước mưa từ sườn núi phía Đông thị xã tập trung theo kênh Nhà Trò, cống B2000mm, cống qua QL.1, sau đó thoát ra sông Minh (khi đóng cống Trung Lương, lưu vực 1 sẽ thoát vào kênh tiêu phía Nam theo hướng tiêu ra sông Nghèn). Diện tích khoảng 1769 ha.

+ **Lưu vực 2:** Gồm khu vực trung tâm thị xã và lưu vực thuộc núi Thiên tượng và núi Mồng Gà. Nước mưa theo địa hình chảy về hồ Thiên Tượng, suối Tiên và các tuyến cống B2000mm rồi thoát ra sông Minh theo trục thoát suối Bình Lạng. Diện tích khoảng 875 ha.

+ **Lưu vực 3:** Nằm về phía Bắc- Tây Bắc thị xã. Một phần nước mưa sẽ chảy vào Hồ Khe Dọc, các kênh hồ khe núi, thoát vào tuyến cống chính B2000-2500mm, sau đó thoát ra sông Minh. Diện tích khoảng 2443 ha .

+ **Lưu vực 4:** Thuộc khu vực phía Nam QL.88A. Nước mưa theo các tuyến cống B1500-2000mm đổ ra sông Minh. Diện tích khoảng 810,3 ha.

7.1.5.2. Giải pháp thiết kế mạng lưới, kết cấu

Giữ nguyên các nhánh sông suối hiện trạng, các kênh mương nội đồng, nếu các công trình xây dựng mới gây cản lấp dòng chảy cần có giải pháp nắn dòng, thay thế dòng chảy hiện có.

Phân tán theo lưu vực nhỏ, thoát ra kênh tiêu và ra sông suối trong khu vực.

Thiết kế dải cây xanh cách ly hai bên suối chính, kênh rạch. Xây dựng các công trình phòng lũ. Giải pháp ổn định nền theo chỉ tiêu kỹ thuật đúng với cấp công trình và tính chất, đặc thù của đất. Xây dựng hệ thống cầu, công, đập tràn đúng cấp, những vị trí đường giao thông đi qua địa hình chia cắt, các khe tụ thủy bố trí công, cầu, tránh làm nghẽn dòng chảy. Nạo vét, mở rộng lòng kênh mương, sông bị bồi lắng, xâm lấn, cải tạo hướng chảy bất lợi.

Thiết kế dải cây xanh cách ly hai bên trục thoát nước, bề rộng giải cách ly đảm bảo $B=5m \div 25m$ mỗi bên. (Đối với kênh mương hiện hữu và các vị trí đặc thù có thể lựa chọn giải pháp phù hợp)

Kết cấu dùng mương xây nắp đan hoặc cống hộp trong khu đô thị, khu vực các xã ngoại thị dùng mương xây hở. Các cống qua đường dùng cống bản hoặc cống tròn tùy theo từng vị trí thích hợp để đảm bảo khẩu độ cho nước thoát nhanh và an toàn. Mương hở khu vực ven sườn đồi núi bố trí taluy và bậc tiêu năng cho những vị trí xung yếu và độ dốc dọc lớn (với $i > 6\%$ bố trí giếng tiêu năng).

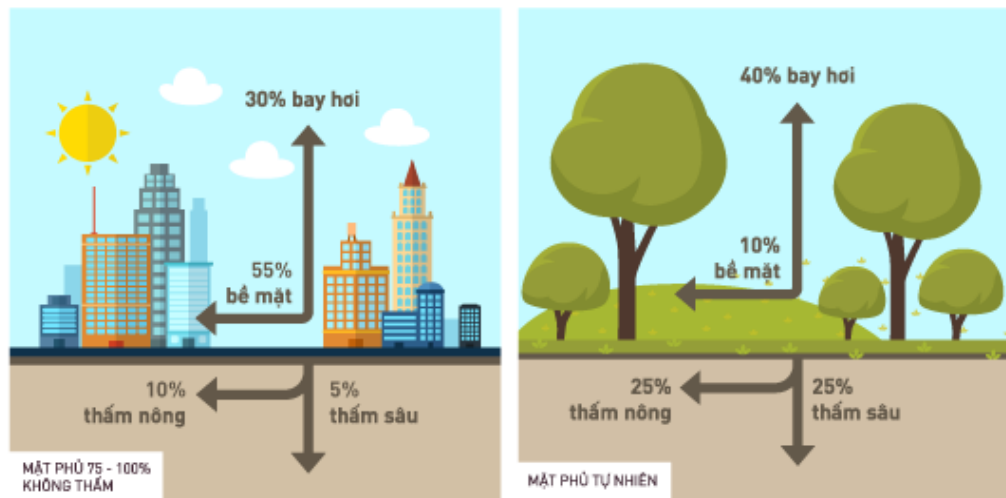


Hình 40. Giải pháp thoát nước bền vững, thoát chậm và trữ nước trong hồ, sông, suối, kênh. Sử dụng các loài thực vật để làm sạch nguồn nước, bố trí thu rác từ cửa xả

7.1.5.3. Giải pháp hệ thống hồ điều tiết nước mưa

- Tận dụng hệ thống hồ, kênh mương trong các đô thị để điều hòa nước mưa và giảm chiều sâu chôn công trước khi thoát ra các sông thoát nước chính cho đô thị. Đồng thời các hồ điều hòa tạo cảnh quan cho đô thị, cải thiện vi khí hậu.

- Đầu nối liên thông hồ điều hòa, tuyến công, kênh tiêu, trạm bơm tiêu.
- Nạo vét ao hồ hiện có, kè gia cố bờ.
- Xây dựng mới các hồ điều tiết vị trí thấp trung phía Nam, thị xã Hồng Lĩnh. Chiều sâu điều tiết tối thiểu: H điều tiết = $1.5 \div 2m$.
- Tăng cường áp dụng giải pháp thoát nước xanh, bền vững:
- Quá trình đô thị hóa mạnh mẽ dẫn đến gia tăng đáng kể khối lượng cũng như vận tốc nước chảy tràn bề mặt, từ đó làm tăng đỉnh lũ (Peak discharge) và rút ngắn thời gian tập trung nước mưa (Time of concentration - Tc) từ 2 đến 5 lần so với giai đoạn chưa phát triển đô thị dẫn đến vượt quá khả năng tiêu thoát của hệ thống công hiện trạng và làm phát sinh và gia tăng ngập úng.



Hình 41. Mô tả lượng nước mưa thấm thấu trước và sau đô thị hóa

Kỹ thuật "thoát nước xanh" áp dụng ở đây sẽ tập trung chủ yếu vào biện pháp kiểm soát dòng chảy bề mặt bằng việc phối hợp giữa công tác thiết kế và quản lý hệ thống thoát nước đô thị. Áp dụng kỹ thuật "thoát nước xanh" sẽ giúp giảm ngập lụt 15-20% trong điều kiện khí hậu hiện tại và biến đổi khí hậu trong tương lai. Việc thiết kế hệ thống "thoát nước xanh" cần có sự cân nhắc tổng thể và triển khai cục bộ. Do đó, việc kiểm soát dòng chảy sẽ được chia ra 03 cấp: cấp thị xã, cấp phường/ tiểu khu, cấp hộ gia đình.

Cấp thị xã: xây dựng hệ thống thoát nước kết hợp với các hành lang xanh, bao gồm kênh mương, công thoát nước, hồ điều hòa, công trình tiêu nước cưỡng bức (trạm bơm tiêu) vào các trục sông. Trong quy hoạch đô thị tại các khu vực cây xanh sẽ bố trí các hồ khô, bãi thấm, thay đổi bề mặt không thấm bê tông tại các vỉa hè, sân đỗ xe,... bằng các vật liệu thấm như các vật liệu xốp hoặc tăng diện tích trồng cây. Các nhà máy xử lý nước thải sẽ sử dụng lại nước thải sau xử lý để tăng cường cho các dòng chảy mặt hoặc công trình chứa trong đô thị hoặc các khu sinh thái tự nhiên nhằm gìn giữ "thị xã mặt nước" cũng như để bổ cập nguồn nước ngầm khu vực.



Cấp tiểu khu: đối với quy mô các khu đô thị hoặc khu nhà ở xây dựng mới, cần đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn nhằm tách nước thải khỏi nước mưa. Giải pháp này sẽ hạn chế sự phát tán các chất ô nhiễm trong nước thải vào nguồn nước tiếp nhận. Ngoài ra trong các khu vực này nên xây dựng các hào/ rãnh thoát nước mưa bằng đất trồng cây.



Cấp hộ gia đình: thiết kế các hệ thống gây trễ dòng chảy bằng giải pháp cắt dòng chảy trực tiếp bằng mái nhà xanh, hồ thấm hoặc sử dụng phương tiện chứa nước mưa từ mái nhà đối với các hộ gia đình hoặc cơ sở công nghiệp, thương mại để sử dụng cho các hoạt động như vệ sinh, tưới cây, rửa xe...



Căn cứ tình hình đô thị hóa nhanh chóng và tình trạng ngập của mỗi khu vực trong thị xã, dự kiến áp dụng giải pháp thoát nước mưa bao gồm biện pháp xây dựng hệ thống thoát nước và giải pháp thoát nước xanh, triệt để tận dụng điều kiện thoát nước tự nhiên. Cơ sở cơ bản để chọn lựa các giải pháp thoát nước như sau:

- Đối với khu đô thị hiện hữu: nước mưa phải được tiêu thoát nhanh chóng bằng các biện pháp xây dựng công trình thoát nước để giảm các thiệt hại do ngập. Từng bước cải tạo các khu hiện hữu theo mô hình thoát nước xanh.



Trước khi cải tạo tuyến phố



Sau khi cải tạo tuyến phố

Hình 42. Áp dụng hệ thống thoát nước xanh đối với các khu vực đô thị hiện hữu

- Đối với khu sẽ đô thị hóa cao: Ngập úng cần phải được giảm thiểu tối đa bằng cách kết hợp các biện pháp xây dựng các công trình thoát nước và thoát nước xanh.
- Đối với khu vực không (hoặc ít) đô thị hóa: áp dụng các biện pháp thoát nước xanh, triệt để sử dụng điều kiện thoát nước tự nhiên giữ lại tiềm năng trữ nước mưa, hạn chế sử dụng các biện pháp xây dựng công trình thoát nước.
- Áp dụng hệ thống thoát nước xanh tại khu vực xây dựng mới.



Hình 43. Tận thu nước mưa tại chân công trình gom về các bể chứa nước nhằm tái sử dụng

7.1.5.4. Tính toán hệ thống thoát nước mặt

Phương pháp tính toán:

Sử dụng phương pháp cường độ giới hạn với công thức:

$$Q = q \times \varphi \times F \text{ (l/s; m}^3\text{/s)}$$

Trong đó:

Q - lưu lượng tính toán (l/s; m³/s)

q - lưu lượng đơn vị (l/s.ha; m³//s.ha).

φ - Hệ số mặt phủ: 0,6

F - diện tích lưu vực (ha)

7.2. Hệ thống giao thông

7.2.1. Quan điểm phát triển

Giao thông vận tải thị xã Hồng Lĩnh là một bộ phận quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, cần ưu tiên đầu tư phát triển đi trước một bước với tốc độ nhanh, bền vững nhằm tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội, góp phần củng cố an ninh, quốc phòng, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa cho thị xã Hồng Lĩnh.

Phát huy tối đa lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên để phát triển hệ thống giao thông vận tải hợp lý, giảm thiểu chi phí vận tải, tiết kiệm chi phí xã hội.

Coi trọng công tác bảo trì, đảm bảo khai thác hiệu quả, bền vững kết cấu hạ tầng giao thông hiện có. Đồng thời đẩy mạnh việc nâng cấp và xây dựng mới các công trình kết cấu hạ tầng giao thông mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội. Phát triển hệ thống giao thông vận tải đối ngoại, gắn kết chặt chẽ với hệ thống giao thông vận tải đô thị.

Phát triển giao thông vận tải theo hướng sử dụng vận tải công cộng là chính, đảm bảo hiện đại, an toàn, tiện lợi và bảo vệ môi trường. Kiểm soát sự gia tăng phương tiện vận tải cá nhân.

7.2.1.1. Chiến lược phát triển

Để đáp ứng nhu cầu gia tăng ngày một lớn của nhu cầu giao thông và sự phát triển kinh tế xã hội, hệ thống giao thông thị xã Hồng Lĩnh cần phải được xây dựng hoàn chỉnh và đồng bộ làm điểm tựa cho sự phát triển chung của tỉnh Hà Tĩnh. Nghiên cứu quy hoạch hệ thống giao thông thống nhất đồng bộ và phát triển bền vững, phù hợp với

điều kiện đặc trưng của Hồng Lĩnh nói riêng và Hà Tĩnh nói chung, đáp ứng các chức năng đô thị và giảm thiểu tác động môi trường. Mạng lưới và các công trình hạ tầng giao thông và chính sách phát triển phải được hoạch định trên cơ sở các chiến lược phát triển sau đây:

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đô thị hiện đại và đồng bộ, đáp ứng nhu cầu giao thông gia tăng, phù hợp với cấu trúc đô thị;
- Thiết lập hệ thống giao thông đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới giao thông công cộng là chính, đảm bảo phát triển giao thông đô thị bền vững;
- Chiến lược vận tải đô thị: Phát triển các loại phương tiện giao thông công cộng, hạn chế phương tiện cá nhân có động cơ, khuyến khích sử dụng phương tiện không sử dụng năng lượng hoá thạch;
- Phát triển các đầu mối giao thông trung chuyển liên kết các phương thức vận tải, đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa ngày càng tăng;
- Cơ chế chính sách phát triển GTĐT, tăng cường giáo dục và nghiêm chỉnh thực hiện luật pháp khi tham gia giao thông.

7.2.1.2. Nguyên tắc phát triển

Hệ thống giao thông thị xã phải được phát triển trên cơ sở cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh.

Phát huy tối đa kết cấu hạ tầng giao thông hiện có, đảm bảo khai thác hiệu quả và phát triển bền vững. Tập trung đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các công trình kết cấu hạ tầng giao thông đối ngoại.

Hoàn chỉnh đồng bộ, hiện đại hệ thống giao thông đô thị, trong đó bao gồm:

- Hệ thống đường bộ: Hệ thống đường cao tốc, mạng lưới đường Quốc gia, đường đô thị, đảm bảo kết nối liên thông và được phân cấp rõ ràng.
- Hệ thống đường sắt: Xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao.
- Giao thông thủy: Hoàn thiện việc kiên cố hóa hai bờ sông Minh đoạn chảy qua trung tâm thị xã. Đảm bảo khai thác hiệu quả vận tải thủy phục vụ phát triển kinh tế xã hội và du lịch đường sông.
- Xây dựng hoàn thiện, hiện đại các công trình phục vụ giao thông kết nối liên thông giữa các loại hình vận tải: đường bộ, đường sắt và đường thủy.
- Kế thừa, khớp nối các mạng lưới giao thông được quy hoạch trong những đồ án quy hoạch xây dựng có liên quan, các dự án đã, đang triển khai trên địa bàn thị xã.
- Cân nhắc giữa lợi ích kinh tế, điều kiện tự nhiên, định hướng phát triển từng khu vực cụ thể trong Thị xã để đề xuất mạng lưới giao thông phù hợp, hướng tới xây dựng một hệ thống giao thông hợp lý, hỗ trợ phát triển.

7.2.1.3. Quy hoạch giao thông thích ứng với biến đổi khí hậu

- Việc phát triển và mở rộng đô thị dẫn đến gia tăng lưu lượng giao thông vận tải là điều tất yếu. Bên cạnh đó, sự gia tăng phương tiện cá nhân là một trong những nguyên nhân gây phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính hiện nay. Giải pháp quy hoạch đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu là giảm lưu lượng, tần suất đi lại giữa nơi ở và nơi làm việc cũng như khuyến khích phát triển giao thông công cộng, giảm thiểu giao thông cá nhân.

7.2.2. Cơ sở thiết kế

- Quy hoạch xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Các dự án giao thông chính đã, đang triển khai trên địa bàn Thị xã Hồng Lĩnh.
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành có liên quan.

7.2.3. Nguyên tắc thiết kế

- Kế thừa, khớp nối các mạng lưới giao thông được quy hoạch trong những đồ án quy hoạch xây dựng có liên quan, các dự án đã, đang triển khai trên địa bàn thị xã.
- Cân nhắc giữa lợi ích kinh tế, điều kiện tự nhiên, định hướng phát triển từng khu vực cụ thể trong Thị xã để đề xuất mạng lưới giao thông phù hợp, hướng tới xây dựng một hệ thống giao thông hợp lý, hỗ trợ phát triển.
- Hệ thống giao thông được thiết kế đảm bảo các yêu cầu về kinh tế, kỹ thuật, tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

7.2.4. Định hướng giao thông đối ngoại

7.2.4.1. Đường sắt

Tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam đoạn qua Hà Tĩnh có chiều dài khoảng 104km, dự kiến có 02 ga (Ga Hà Tĩnh – xã Thạch Đài, huyện Thạch Hà và Ga Vũng Áng – xã Kỳ Hoa, huyện Kỳ Anh) và 03 trạm bảo dưỡng (xã Việt Xuyên, huyện Thạch Hà; xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên và xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh). Thời điểm đầu tư xây dựng phụ thuộc vào tình hình thực tế, nhu cầu vận tải và theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

7.2.4.2. Đường thủy

- Phát triển tuyến đường thủy sông Minh, kênh 19/5 đáp ứng nhu cầu đi lại của các tàu thuyền.

7.2.4.3. Đường bộ đối ngoại

- QL.1: là đường trục chính đô thị. Trong đó nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn đi qua đô thị đạt tiêu chuẩn đường đô thị. Bề rộng tuyến đường được chia thành 2 đoạn: đoạn 1 (từ nút giao QL.1 và QL.8B đến hết ranh giới phía Nam) lộ giới 77m, đoạn 2 (từ nút giao QL.1 và QL.8B đến hết ranh giới phía Bắc) giữ nguyên trạng lộ giới 41m.

Đường 77m (MC 1-1)

Lòng đường chính	: 10,5m x 2	= 21m
Dải phân cách	: 4m + 15,5m x 2	= 35m
Lòng đường gom	: 7,5m x 2	= 15m
Hè đường	: 3m x 2	= 6m
Chỉ giới đường đỏ	:	= 77m

Đường 41m (MC 7-7)

Lòng đường chính	: 10,5m x 2	= 21m
Dải phân cách	: 4m	= 4m
Lòng đường gom	: 8m x 2	= 16m
Hè đường	:	= 41m
Chỉ giới đường đỏ	: 10,5m x 2	= 21m

- QL.88B: Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn đi qua đô thị đạt tiêu chuẩn đường đô thị. Lộ giới 72m (mặt cắt 2-2).

Đường 72m (MC 2-2)

Lòng đường chính	: 11,5mx2	= 23m
Dải phân cách	: 3m+8mx2	= 19m
Lòng đường gom	: 7mx2	= 14m
Hè đường	: 8mx2	= 16m
Chỉ giới đường đỏ	:	= 77m

- QL.88: Giữ nguyên hiện trạng tuyến đường với lộ giới 35m (mặt cắt 8-8).

Đường 35m (MC:8-8)

Lòng đường chính	: 10,5mx2	= 21m
Dải phân cách	: 3m	= 3m
Lòng đường gom	: 5,5mx2	= 11m
Hè đường	:	= 35m
Chỉ giới đường đỏ	: 10,5mx2	= 21m

7.2.5. Định hướng giao thông nội thị

- Quy hoạch giao thông mỗi phân vùng được căn cứ dựa trên địa hình hiện trạng và các dự án, quy hoạch đã và đang triển khai trong khu vực.

- Đường chính đô thị: Hướng tuyến và quy mô mặt cắt ngang đường được xác định là các trục kết nối Đông - Tây, Bắc - Nam thông qua các tuyến giao thông đối ngoại đi qua khu vực, bao gồm QL.1, QL.88.

- Tổ chức các tuyến đường vành đai thị xã có lộ giới 55m; 60m; 70m.

Đường 70m (MC 3-3)

Lòng đường chính	: 12mx2	= 24m
Dải phân cách	: 10m+3mx2	= 16m
Lòng đường gom	: 7mx2	= 14m
Hè đường	: 8mx2	= 16m
Chỉ giới đường đỏ	:	= 70m

Đường 60m (MC 4-4)

Lòng đường chính	: 10,5mx2	= 21m
Dải phân cách	: 3m+6mx2	= 15m
Lòng đường gom	: 7,5mx2	= 15m
Hè đường	: 4,5mx2	= 9m
Chỉ giới đường đỏ	:	= 60m

Đường 55m (MC 5-5)

Lòng đường chính	: 11,5mx2	= 23m
Dải phân cách	: 5m+1mx2	= 7m
Lòng đường gom	: 5mx2	= 10m
Hè đường	: 7,5mx2	= 15m

Chi giới đường đỏ : = 55m

Đường chính khu vực: tổ chức mạng lưới đường ô bàn cờ, phát triển hướng tuyến theo khung giao thông chính đô thị với bước đường quy hoạch 300-500m. Đối với các tuyến hiện trạng không có điều kiện mở rộng cần đảm bảo quy mô 2 làn xe (lòng đường $\geq 7,5m$). Các tuyến xây dựng mới được nghiên cứu đầu nối trực tiếp với trục đường chính đô thị, kết nối đến các khu chức năng đảm bảo dòng giao thông chủ yếu trong khu vực. Quy hoạch lộ giới rộng 35m-41m-50m.

Đường 50m (MC 6-6)

Lòng đường chính : 14mx2 = 28m
Dải phân cách : 8m = 5m
Hè đường : 8,5mx2 = 17m
Chi giới đường đỏ : = 50m

Đường 41m (MC 7-7)

Lòng đường chính : 10,5mx2 = 21m
Dải phân cách : 3m = 3m
Hè đường : 5,5mx2 = 11m
Chi giới đường đỏ : = 35m

Đường 35m (MC 8-8)

Lòng đường chính : 10,5mx2 = 21m
Dải phân cách : 3m = 3m
Hè đường : 5,5mx2 = 11m
Chi giới đường đỏ : = 35m

Đường 35m (MC 8'-8')

Lòng đường chính : 16m = 16m
Hè đường : 9,5mx2 = 19m
Chi giới đường đỏ : = 35m

Đường khu vực: Là các đường chia tạo các lô phân khu. Đồ án Quy hoạch chung quy hoạch đến cấp đường này. Dưới cấp đường này, đồ án chỉ gợi ý hướng tuyến, quy định tỷ trọng giao thông để các quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư tiếp tục nghiên cứu thực hiện. Đối với tuyến mở mới quy hoạch lộ giới 15m - 25m. Đối với các đường đi qua khu vực hiện trạng dân cư thì hạn chế làm mới, chủ yếu mở rộng tuyến đã có, đảm bảo quy mô đường từ 2 làn xe, ưu tiên kết nối đến các khu vực chức năng đô thị. Cụ thể:

Đường 25m (MC 9-9)

Lòng đường chính : 14m = 14m
Hè đường : 5,5mx2 = 11m
Chi giới đường đỏ : = 25m

Đường 18m (MC:10-10)

Lòng đường chính : 9m = 9m
Hè đường : 4,5mx2 = 9m
Chi giới đường đỏ : = 18m

Đường 16m (MC 11-11)

Lòng đường chính	: 7m	= 7m
Hè đường	: 4,5mx2	= 9m
Chi giới đường đỏ	:	= 16m

Đường 15-15,5m (MC 11-11)

Lòng đường chính	: 7-7,5m	= 7-7,5m
Hè đường	: 4mx2	= 9m
Chi giới đường đỏ	:	= 15-15,5m

7.2.6. Công trình phục vụ giao thông

- Bến xe khách: Đến năm 2030 giữ nguyên bến xe hiện tại và đến năm 2045 xây dựng một bến xe mới có diện tích khoảng 3,7 ha và cải tạo bến xe hiện hữu.

Bảng 24. Chỉ tiêu tính toán bãi đỗ xe

TT	Quy mô dân số (1000 người)	Chỉ tiêu theo dân số (m ² /người)
1	> 150	4,0
2	50 - 150	3,5
3	< 50	2,5

- Các bãi đỗ xe đô thị, đáp ứng nhu cầu cho từ khu vực. Diện tích bãi đỗ xe được tính trên cơ sở 70% diện tích sàn đỗ xe, với tiêu chuẩn 25m²/xe. Tính toán nhu cầu bãi đỗ xe cho khu vực được xác định trên nguyên tắc đảm bảo đủ chỗ đỗ xe cho nhu cầu bản thân của từng loại công trình như công cộng, nhà ở cao tầng, nhà ở thấp tầng và nhu cầu công cộng từ nơi khác đến với thời gian đỗ ngắn (≤ 8 giờ - tương ứng 15-20% nhu cầu khách vắng lại).

- Bến xe: Nâng cấp bến xe hiện hữu tại QL.1.

7.2.7. Các chỉ tiêu kỹ thuật chính

- Diện tích đất giao thông: 572 ha.

- Tổng chiều dài mạng lưới đường: 158km.

- Tỷ lệ diện tích giao thông so với đất xây dựng đô thị: 21,4% (bao gồm đất giao thông khu vực, đất giao thông đối ngoại).

7.3. Hệ thống cấp nước

7.3.1. Nguyên tắc thiết kế

- Để đáp ứng cho sự phát triển của nền kinh tế – xã hội trong vùng nhu cầu cấp nước sạch cần phải đáp ứng đủ cả về số lượng và chất lượng.

- Đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước cho tất cả các đối tượng dùng nước nâng cao mức độ tin cậy của hệ thống cấp nước.

- Ưu tiên phát triển hệ thống cấp nước sử dụng nguồn nước thô là nước mặt và hạn chế tối đa sử dụng khai thác nguồn nước ngầm. Sử dụng và khai thác hợp lý các công trình cấp nước hiện có, mở rộng, nâng công suất và đầu tư xây dựng mới các công trình phù hợp với định hướng cấp nước toàn tỉnh cũng như sự phát triển của khu vực đô thị, nông thôn, các khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp làng nghề....

phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của thị xã trong giai đoạn hiện tại và có định hướng bền vững cho tương lai.

7.3.2. Tiêu chuẩn cấp nước

Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt nội thị:

- Sinh hoạt: đến 2030 = 120 l/ng.ngđ; 2045 = 150 l/ng.ngđ tỷ lệ cấp nước 100%.
- Nước công trình công cộng: 15-20%Qsh.
- Nước tưới cây rửa đường: 10%Qsh.
- Nước công nghiệp: 20m³/ha.ngđ.
- Nước rò rỉ: 15%ΣQ.
- Nước bản thân nhà máy: 10%ΣQ.

7.3.3. Nhu cầu dùng nước

Bảng 25. Tổng hợp nhu cầu dùng nước Hồng Lĩnh

TT	Thành phần dùng nước	Quy mô			Tiêu chuẩn			Nhu cầu (m ³ /ngđ)	
		2030	2045	Đơn vị	2030	2045	Đơn vị	2030	2045
1	Nước cho sinh hoạt (Qsh)	63.251	102.973	người	120	150	lit/ng.ngđ	7.590	15.446
2	Nước cho công cộng			%	15	20	%Qsh	1.139	3.089
3	Nước cho du lịch, dịch vụ	30	30	ha	15	15	m ³ /ha.ngđ	450	450
4	Nước cho công nghiệp	514	817	ha	20	20	m ³ /ha.ngđ	10.280	16.340
5	Nước cho tưới cây, rửa đường			%	10	10	%Qsh	759	1.545
6	Nước cho dự phòng, rò rỉ			%	10	10	%Σ1-5	2.022	3.687
7	Nước cho bản thân nhà máy			%	4	4	%Σ1-6	890	1.622
	Qtb							23.129	42.179

Tổng nhu cầu cấp nước thị xã đến năm 2030 (làm tròn) khoảng 23.000 m³/ngđ; đến năm 2045 (làm tròn) khoảng 42.000 m³/ngđ.

7.3.4. Nguồn nước

7.3.4.1. Nguồn nước mặt

* Sông La, sông Lam:

Hiện nay chất lượng nước trên sông Lam và sông La vẫn được duy trì ở mức tốt đến rất tốt trên toàn lưu vực sông.

Trên sông Lam và các phụ lưu, ngoại trừ điểm sông Vinh tại Cầu Bến Thủy 2 do chịu ảnh hưởng bởi nước thải sinh hoạt của Tp. Vinh nên chất lượng nước ở mức khá (WQI: 65). Các điểm còn lại đều cho chất lượng nước tốt đến rất tốt (WQI: 81-100), nước sông sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Chất lượng nước sông La và các phụ lưu rất tốt (WQI: 90-99), nước sông sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

* Nguồn nước từ các hồ nước qua nghiên cứu đánh giá trên địa bàn Thị xã có 3 hồ sau đạt tiêu chuẩn dùng làm nước cấp cho sinh hoạt: (1) Hồ Thiên Tượng có dung tích thiết kế 885.000m³, dung tích chết 34.000m³, cao trình tràn 87,3m, mực nước chết 78,4m; (2) Hồ Khe Dọc có dung tích thiết kế 507.000m³, dung tích chết 12.200.000m³, cao trình tràn 26,5m, mực nước chết 10,7m; (3) Hồ Đá Bạc có dung tích thiết kế 2.963.000m³, dung tích chết 65.000m³, cao trình tràn 29,8m, mực nước chết 11m. Chất lượng nước các hồ rất tốt, đảm bảo việc đáp ứng nước sạch trên địa bàn và vùng phụ cận. Xí nghiệp nước sạch đang khai thác nước trên 2 hồ (Thiên Tượng và Khe Dọc) tổng công suất 7.000m³/ngđ làm nguồn nước cấp cho khu vực TX Hồng Lĩnh. Do nhu cầu về nước sạch tăng cao hiện nay đang triển khai xây dựng nhà máy nước Hồ Đá Bạc công suất GDD1 5.000m³/ngđ (dự kiến đi vào hoạt động năm 2024).

7.3.4.2. Nguồn nước ngầm

Theo báo cáo kết quả tìm kiếm đã được Tổng Cục Địa chất tháng 10/1985 với trữ lượng cấp C1 là 480,4 m³/ngày. Chỉ thích hợp khai thác sử dụng làm các nguồn nước phục vụ sản xuất phân tán.

7.3.4.3. Đánh giá nguồn nước

Hiện nay các nhà máy nước sạch đang khai thác nước tại 2 hồ sử dụng làm nguồn nước sạch cấp cho sinh hoạt gồm Khe Dọc 2.000m³/ngđ (đã đạt lưu lượng khai thác tối đa); hồ Thiên Tượng 5.000m³/ngđ (công suất khai thác tối đa có thể đạt 6.000m³/ngđ).

Những năm gần đây nhu cầu dùng nước tăng cao và hiện tượng thời tiết cực đoan gây ra hạn hán tại các khu vực hồ Khe Dọc và hồ Thiên Tượng vì vậy thị xã đã triển khai đầu tư xây dựng nhà máy nước ở Thiên Tượng công suất giai đoạn 1 khoảng 5.000m³/ngđ (công suất tối đa khai thác đạt 10.000m³/ngđ).

Nguồn nước thuộc lưu vực sông La – sông Lam với trữ lượng dồi dào và chất lượng nước thô rất tốt với chỉ số WQI: 90-99 có thể lựa chọn làm nguồn nước chính phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất trong khu vực giai đoạn dài hạn.

7.3.4.4. Lựa chọn nguồn nước

Nguồn nước cấp cho thị xã Hồng Lĩnh ưu tiên sử dụng nước mặt tại các khu vực Hồ và nguồn nước mặt sông La - sông Lam.

7.3.5. Định hướng giải pháp cấp nước

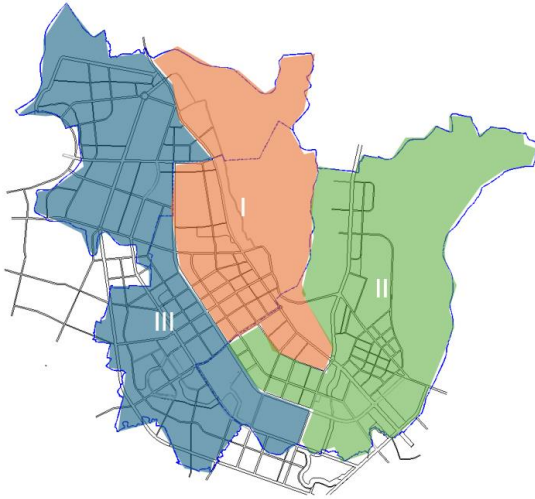
7.3.5.1. Quan điểm nghiên cứu

Đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước cho tất cả các đối tượng dùng nước. Nâng cao mức độ tin cậy của hệ thống cấp nước.

Ưu tiên phát triển hệ thống cấp nước sử dụng nguồn nước đảm bảo an toàn và an ninh nguồn nước.

7.3.5.2. Phân vùng cấp nước

Xuất phát từ điều kiện địa hình, địa chất thủy văn, thực trạng cơ sở hạ tầng, khả năng cung ứng của nguồn nước và định hướng phát triển không gian của thị xã Hồng Lĩnh có thể chia ra thành 3 vùng cấp nước chính cấp nước.



Hình 44. Sơ đồ phân vùng cấp nước

Vùng I: Nguồn nước chính là Nhà máy nước hồ Thiên Tượng và hồ Khe Dọc (tổng công suất 8.000m³/ngđ).

Bao gồm: Khu vực dân cư hiện trạng dọc 2 bên đường Quang Trung. Giới hạn phía tây vùng I là đường trục bắc-nam quy hoạch mới.

Vùng II: Nguồn nước chính là Nhà máy nước hồ Đá Bạc (công suất 10.000m³/ngđ).

Bao gồm: khu vực công nghiệp phía đông thị xã, một phần khu vực dân cư phía đông nam, 1 phần khu công nghiệp phía nam và khu vực đô thị mới phía nam đường Phan Kinh (dọc theo phía nam đường Nguyễn Đồng Chi và Lê Hữu Trác).

Vùng III: Nguồn nước chính là Nhà máy nước QH sử dụng nguồn nước sông La – sông Lam (công suất 25.000m³/ngđ).

Bao gồm: khu vực công nghiệp phía bắc thị xã, khu vực dân cư hiện trạng và đô thị mới phía tây và 1 phần khu công nghiệp phía nam thị xã.

7.3.5.3. Định hướng mạng lưới đường ống cấp nước

Cấu trúc chung của mạng lưới đường ống cấp nước được chia làm 3 cấp:

- Cấp I là đường ống truyền tải nước từ nhà máy nước đến điểm đầu mạng lưới phân phối chính (D ≥ 300mm).

- Cấp II là đường ống phân phối chính thường có cấu trúc dạng mạng vòng để đảm bảo không bị gián đoạn cấp nước (D < 300mm).

- Cấp III là đường ống phân phối nước đến các hộ tiêu thụ (ống dịch vụ) có đường kính D ≤ 75mm thường có dạng mạng cụt.

Mạng lưới đường ống cấp I đảm nhiệm vận chuyển nước sạch từ các nhà máy nước đến mạng lưới chính, cấp cho các phân vùng cấp nước trong thị xã.

Mạng lưới đường ống cấp II là mạng phân phối chính của thị xã. Mạng này được chia thành 02 vùng như trên. Mỗi vùng được cấp chủ yếu từ một nhà máy nước. Các vùng được liên kết bằng van chặn để đảm bảo an toàn cấp nước và điều tiết nước.

7.3.5.4. Định hướng công trình đầu mối

Giai đoạn đến 2030 sử dụng nước từ nhà máy nước hồ Khe Dọc (2.000 m³/ngđ), nhà máy nước hồ Thiên Tượng (6.000 m³/ngđ), nâng công suất GD2 nhà máy nước hồ Đá Bạc (tổng 10.000 m³/ngđ) và đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt sông La (GD1 công suất 10.000-15.000m³/ngđ) đảm bảo cung cấp nước cho khu vực thị xã và khu vực phía Bắc Huyện Nghi Xuân (kết nối hệ thống cấp nước tập trung 2 huyện).

Giai đoạn đến 2045 nâng công suất nhà máy nước mặt sông La đạt tổng công suất 25.000-40.000 m³/ngđ. (cấp nước cho thị xã Hồng Lĩnh và phía Bắc Nghi Xuân).

7.3.5.5. Tính toán mạng lưới

Tính toán mạng lưới theo ngày dùng nước lớn nhất và có cháy trong giờ dùng nước lớn nhất, tính toán quy hoạch mạng theo giai đoạn đến năm 2030.

Đảm bảo cấp nước liên tục và ổn định cho huyện 24/24 giờ trong ngày.

Áp lực mạng lưới tính toán tối thiểu đạt 12m tại những khu vực bất lợi nhất, những công trình có tầng cao vượt quá 3 tầng cần phải xây dựng trạm bơm tăng áp cục bộ của công trình đó.

7.3.5.6. Cấp nước chữa cháy

Do đặc thù khu vực thị xã bao gồm các khu công nghiệp và khu đô thị vì vậy căn cứ theo QC06/2022-BXD cần dự phòng lượng nước chữa cháy với 2 đám cháy đồng thời khu vực công nghiệp với lưu lượng chữa cháy mỗi đám cháy 100 l/s chữa cháy liên tục trong 5h và 2 đám cháy đồng thời khu vực đô thị (tính 50%) với lưu lượng chữa cháy mỗi đám cháy 35l/s chữa cháy liên tục trong 3h.

Áp lực nước tại các trụ chữa cháy đảm bảo >10m.

Khu vực thị xã hiện có 1 doanh trại cảnh sát PCCC và dự kiến quy hoạch thêm 1 vị trí xây dựng doanh trại CS PCCC (quy mô tối thiểu 0,5ha) đảm bảo bán kính phục vụ 3km. Các khu vực khu – cụm công nghiệp phải bố trí quỹ đất trong khu vực dự án để xây dựng đội PCCC chuyên ngành riêng của khu và cụm CN.

7.4. Hệ thống cung cấp năng lượng

7.4.1. Căn cứ thiết kế

- Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, phê duyệt tại quyết định 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023;
- Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ Tướng Chính Phủ phê duyệt tại quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022;
- QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng, và các tiêu chuẩn ngành có liên quan.

7.4.2. Dự báo phụ tải

Bảng 26. Tổng hợp phụ tải điện

TT	Hạng mục	Quy mô			Chỉ tiêu			Kđt	Phụ tải yêu cầu (KW)	
		2030	2045	ĐV	2030	2045	ĐV		2030	2045
1	Sinh hoạt	63.251	102.973	người	300	500	w/ng	0,85	16.129	43.764
2	Công cộng				35%	35%	Psh		5.645	15.317
3	Công nghiệp	514	817	ha	160	200	kW	0,9	74.016	147.060
4	Tồn thất + dự phòng		10%						9.579,02	20.614,08
5	Tổng								105.369	226.755

Tổng nhu cầu dùng điện theo tính toán đến 2045 khoảng 226,76MW, tương đương 266,77MVA công suất biểu kiến (lấy hệ số Cosφ = 0,85).

7.4.3. Phương án cấp điện

Nguồn điện:

- Trạm 110kV Hồng Lĩnh công suất 40 MVA; Đến năm 2045 nâng công suất lên 2x40 MVA.

- Trạm 110kV Can Lộc công suất 25 MVA;

- Đến năm 2045 xây dựng mới các trạm biến áp 110kV KCN Nam Hồng Lĩnh-Bắc Can Lộc 4x63MVA; Can Lộc 2 công suất 25 MVA.

- Giai đoạn dài hạn khuyến khích sử dụng các nguồn điện áp mái cho khu vực công nghiệp đảm bảo khả năng tự cung tự cấp cho khu công nghiệp, giảm thiểu sử dụng điện áp từ lưới điện.

Bảng 27. Thống kê trạm giảm áp chính và cân bằng công suất (Đơn vị: MVA)

TT	Tên trạm	Công suất MBA chính		Ghi chú
		Hiện trạng	2045	
II	Trạm 110 kV			
1	Trạm 110kV Hồng Lĩnh	40	2x40	Trong ranh giới QH
2	Trạm 110kV Can Lộc	25	25	Ngoài ranh giới QH
3	Trạm 110kV KCN NHL-BCL		4x63	Trong ranh giới QH
4	Trạm 110kV Can Lộc 2		25	Ngoài ranh giới QH
	Tổng (II)	65	382	
	Nhu cầu phụ tải	-	226,76	
	Cân đối	-	155,26	Đã đủ

Lưới điện:

- Mạng lưới 220; 110kV hiện trạng giữ nguyên theo hiện trạng, đảm bảo hành lang cách ly. Cải tạo đường dây 110kV Can Lộc - Hồng Lĩnh (treo dây mạch 2), 02 mạch x 11km.

- Xây dựng mới các tuyến đường dây 110kV cấp điện cho Khu công nghiệp Nam Hồng Lĩnh-Bắc Can Lộc (đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Thạch Linh, Can Lộc, Hồng Lĩnh; mở rộng ngăn lộ tại các TBA 110kV).

- Lưới trung áp sẽ từng bước cải tạo về cấp điện áp 22kV phù hợp với mật độ phụ tải và đảm bảo tiêu chuẩn và theo lộ trình của ngành điện.

+ Kết cấu lưới trung áp trong từng khu phải tuân thủ nguyên tắc xây dựng dạng mạch vòng kín vận hành hở (hoặc liên kết lưới trung áp giữa các trạm 110kV). Trong chế độ làm việc bình thường, khả năng tải không vượt quá 70% công suất để đảm bảo độ dự phòng vận hành. Phía ngoại thị liên quan đến các công trình đầu mối khu vực có thể thiết kế dạng hình tia cùng các máy cắt phân đoạn và recloser đóng lặp lại.

+ Các khu đô thị đã ổn định, về Quy hoạch lưới điện phải được ngầm hóa để đảm bảo cảnh quan đô thị, tránh đầu tư nhiều lần. Để thuận tiện trong vận hành, lắp đặt, sửa chữa đường cáp ngầm nên bố trí trong hào cáp kỹ thuật chung. Tiết diện các tuyến trực sử dụng cáp bọc XLPE - 185 cho đường dây nổi trong các khu công nghiệp và vùng ngoại thị, cáp ngầm chống thấm dọc XLPE -240 cho các khu nội thị.



Hình 45. Các loại trạm biến áp kín sử dụng cáp ngầm phổ biến

Trạm biến áp lưới 22/0,4kV:

- Trạm hạ thế trong các khu công nghiệp tuân thủ theo thiết kế về quy mô và vị trí theo từng nhà máy cụ thể. Trong khu công nghiệp không yêu cầu về hình thức mỹ quan của nhà trạm trừ các vị trí tiếp giáp với trục giao thông lớn, công trình hành chính.

- Trong các khu dân cư, đô thị xây mới nên sử dụng trạm kín kiểu xây hoặc hộp bộ để đảm bảo mỹ quan đô thị. Quy mô chiếm đất các trạm trong khoảng 20-40m², đặt tại các vị trí cây xanh và trong các công trình có phụ tải lớn.

- Hệ thống điện hạ thế thống nhất sử dụng cấp điện áp 380/220V trung tính nối đất trực tiếp. Với khu đô thị mới đầu tư đồng bộ, lưới điện hạ thế phải đi ngầm. Vùng ngoại thị hoặc khu chưa ổn định về quy hoạch có thể đi nổi bằng cáp vắn xoắn.

- Lưới điện hạ thế có bán kính cấp điện không quá 300m trong đô thị, không quá 500m phạm vi ngoài đô thị nhằm tránh sụt áp cuối đường dây quá định mức cho phép.

Lưới chiếu sáng:



Hình 46. Chiếu sáng giao thông đối ngoại và cây xanh

- Xây dựng hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng đèn đường, chiếu sáng cảnh quan – lễ hội cho khu vực nghiên cứu. Bổ sung các tuyến chiếu sáng cho các trục đường và các khu dân cư.

- Các tuyến chiếu sáng trục chính nên sử dụng kiểu chiếu sáng độc lập bằng hệ thống cột thép mạ kẽm nhúng nóng. Trong khu dân cư, lưới chiếu sáng có thể đi chung cột với tuyến điện 0,4kV cấp cho sinh hoạt.

- Các tuyến đường có mặt cắt $\geq 10,5$ m sẽ được bố trí chiếu sáng 2 bên đường, $\leq 10,5$ m chiếu sáng một bên đường. Đèn sử dụng các loại có hiệu suất quang cao như đèn Sodium, đèn LED, công suất từ 220V-150W đến 220V-400W. Các đường trục chính trong đô thị tuyến chiếu sáng bố trí đi ngầm dùng cáp đồng, tiết diện không nhỏ hơn XLPE-3x16+1x10mm².

7.5. Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động

7.5.1. Căn cứ thiết kế

- Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng, và các tiêu chuẩn ngành có liên quan;
- Cấu trúc mạng viễn thông khu vực nghiên cứu;
- Các tiêu chuẩn, quy phạm ngành và các tài liệu có liên quan.

7.5.2. Xu hướng phát triển

Công nghệ triển khai cho mạng khu vực nghiên cứu sẽ dựa trên công nghệ mới, hạ tầng truyền tải quang. Các loại hình dịch vụ sẽ được triển khai:

- VoIP
- Truyền dữ liệu tốc độ cao
- Mạng không dây phủ sóng trên diện rộng
- Điện thoại di động 4G/5G

7.5.3. Chỉ tiêu và dự báo nhu cầu

- Bổ sung các tuyến cáp quang khu vực đô thị mới, các khu cụm công nghiệp đa dạng hướng kết nối, đảm bảo an ninh mạng.

- 100% các hạ tầng đô thị các tích hợp cảm biến để trở thành hạ tầng số
- 100% các cơ quan, doanh nghiệp công nghiệp kết nối hạ tầng số.
- Đạt tốc độ kết nối tối thiểu từ 200Mbps đến 1 Gbps;
- Khả năng sử dụng chung hạ tầng viễn thông đạt tỷ lệ 70%.
- Trạm viễn thông kiểu cũ công kênh và trạm viễn thông xây mới sẽ được cải tạo thành trạm viễn thông cảnh quan A1, A1b.

7.5.4. Giải pháp hạ tầng viễn thông thụ động

Dự báo nhu cầu mạng: Khu vực nằm trong hệ thống BC-VT của tỉnh Hà Tĩnh, được đảm bảo về dung lượng cũng như lưu lượng thuê bao khi có nhu cầu. Nhu cầu toàn khu vực khoảng 80.000 thuê bao.

Trạm chuyên mạch: Nâng cấp trạm tổng đài cho toàn thị xã với dung lượng 80.000 lines.

Truyền dẫn: Sử dụng các tuyến cáp quang từ trạm chuyên mạch mới. Tuyến cáp quang này sử dụng loại FLX-600A (Quang), hạ ngầm trên vỉa hè, độ sâu trong hào cáp, khoảng cách đến chân các công trình phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành TC30-05-2002.

Xây dựng hệ thống công bẻ theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác cùng sử dụng để phát triển dịch vụ.

Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống vỉa hè, trên đường nội bộ có mặt cắt nhỏ, có thể tròn trực tiếp ống nhựa xuống mặt đường, để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan đô thị. Và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác nhằm tiết kiệm chi phí khi thi công.

Các công bể cấp và nắp bể đã được chuẩn hoá về kích thước cũng như kiểu dáng, theo quy chuẩn của ngành.

Sử dụng các thiết bị vật tư đồng bộ với hệ chuyển mạch Neax 61.

Cáp trong mạng nội bộ của khu vực thiết kế chủ yếu sử dụng loại cáp công có dầu chống ẩm đi trong ống bể PVC (ngầm) có tiết diện lõi dây 0,5mm.

Các tủ, hộp cáp dùng loại vỏ nội phiến ngoại, bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lý sau này.

Triển khai xây dựng và nâng cấp các tuyến truyền dẫn quang trong khu vực bảo đảm nhu cầu phát triển các dịch vụ băng thông rộng của người dân.

Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao (Gb/s, Tb/s), tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định tới hộ gia đình; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao được phổ cập tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học....

Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G/...) trên toàn khu vực. Ưu tiên xây dựng trạm BTS loại A1, A1b và trạm BTS thân thiện môi trường tại khu vực đô thị.



Hình 47. Các loại trạm BTS công nghệ mới đảm bảo mỹ quan và an toàn

7.6. Hệ thống thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

7.6.1. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu chất lượng xử lý

- QCXDVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- TCVN 7957:2008 - Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình;
- QCVN 14:2008/BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- TCVN 7222-2002: tiêu chuẩn thải nước cho trạm XLNT tập trung;
- Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải.

7.6.2. Các chỉ tiêu thiết kế

- Các chỉ tiêu được áp dụng theo đô thị loại III;
- Tiêu chuẩn thoát nước lấy bằng 90% tiêu chuẩn cấp nước.
- Tiêu chuẩn thoát nước sinh hoạt:

- + Đến năm 2030 : 120l/ng.ngđ tỷ lệ thu gom 100%.
- + Đến năm 2045 : 150l/ng.ngđ tỷ lệ thu gom 100%.
- Thoát nước công trình công cộng: 15%Qsh.
- Tiêu chuẩn thoát nước công nghiệp: 20 m³/ha.ngđ. tỷ lệ thu gom đạt 100%.
- Tiêu chuẩn chất thải rắn sinh hoạt: 1,3kg/người.ngđ, tỷ lệ thu gom 100%.
- Tiêu chuẩn chất thải rắn công nghiệp: 0,3 tấn/ha.ngđ.
- Tiêu chuẩn đất nghĩa trang: 0,06 ha/1000 dân.

7.6.3. Dự báo khối lượng nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang

Bảng 28. Khối lượng phát thải và nhu cầu quản lý nước thải

TT	Thành phần dùng nước	Quy mô			Tiêu chuẩn			Nhu cầu (m ³ /ngđ)	
		2030	2045	ĐV	2030	2045	ĐV	2030	2045
1	Nước cho sinh hoạt (Qsh)	63.251	102.973	người	120	150	lit/ng.ngđ	7.590	15.446
2	Nước cho công cộng			%	15	20	%Qsh	1.139	2.317
3	Nước cho du lịch, dịch vụ	30	30	ha	15	15	m ³ /ha.ngđ	450	450
4	Nước cho công nghiệp	514	817	ha	20	20	m ³ /ha.ngđ	10.280	16.340
5	Nước cho tưới cây, rửa đường			%	10	10	%Qsh	759	1.545
	Tổng							20.218	36.097

Bảng 29. Khối lượng phát thải và nhu cầu quản lý CTR, nghĩa trang

TT	Hạng mục	Đến năm 2030)				Đến năm 2045			
		Tiêu chuẩn	Quy mô	Đơn vị	Khối lượng	Tiêu chuẩn	Quy mô	Đơn vị	Khối lượng
I	CTR	kg/ng.ng			tấn/ngày	kg/ng.ng	người		tấn/ng
	Dân số	1,3	63.251	người	82.226	1,3	102.973	người	133.865
	C. nghiệp	0,3 tấn/ha	514	ha	154,2	0,3 tấn/ha	817	ha	245,1
	Tổng				82.381				134.110
II	Ng. trang	m ² /ng	người		ha	m ² /ng	người		ha
	Dân số	0,6	63.251	người	3,80	0,6	102.973	người	6,18

7.6.4. Định hướng thu gom xử lý nước thải

Hệ thống thoát nước thải dự kiến là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

Nước thải được thu gom bằng mạng lưới công thoát và các trạm bơm nước thải đưa về trạm xử lý nước thải tập trung.

7.6.4.1. Nguyên tắc chung

- Đối với các khu vực xây dựng đô thị, các công trình phân tán độc lập, bệnh viện, khu công nghiệp tập trung: xây dựng hệ thống thoát nước và các trạm xử nước thải riêng tùy theo chức năng cụ thể.

- Trạm bơm nước thải: trong khu vực thiết kế để thu gom toàn bộ nước thải về các trạm làm sạch để xử lý, nước thải không thể tự chảy mà phải xây dựng các trạm bơm chuyển tiếp.

7.6.4.2. Quy định chất lượng nước thải sau khi xử lý

- Nước thải sinh hoạt: Chất lượng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý có giá trị ô nhiễm (C) tối thiểu phải đảm bảo tại cột B theo QCVN14:2008/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt) mới được xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải công nghiệp: sau xử lý đạt chuẩn A theo QCVN 40/2011/BTNMT (quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp).

- Nước thải y tế: Được xử lý đạt loại A theo QCVN 28/2010/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

Giải pháp thu gom xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được thu gom bằng hệ thống cống tự chảy D300-500 và các trạm bơm chuyển tiếp dẫn nước thải về các trạm xử lý tập trung theo từng lưu vực thoát nước. Trên cơ sở nền địa hình, dự kiến thị xã chia thành 5 lưu vực thoát nước chính:

Lưu vực 1: Phía Bắc QL.8 nước thải thu về hồ sinh học số 1. Ngăn hạn duy trì xử lý tại hồ sinh học. Giai đoạn dài hạn thay thế hồ sinh học số 1 bằng TXL SH 1 (CSDK: 10.000m³/ngđ).

Lưu vực 2: Phía Bắc đường Nguyễn Thiếp đến đường QL.8 nước thải thu về hồ sinh học số 2. Ngăn hạn duy trì xử lý tại hồ sinh học. Giai đoạn dài hạn thay thế hồ sinh học số 2 bằng TXL SH 2 (CSDK: 8.000m³/ngđ).

Lưu vực 3: Phía Nam đường Nguyễn Thiếp, phía Nam đường Quang Trung đến đường Vành Đai 2 nước thải được thu về hồ sinh học số 3. Ngăn hạn duy trì xử lý tại hồ sinh học. Giai đoạn dài hạn thay thế hồ sinh học số 3 bằng TXL SH 3 (CSDK: 10.000m³/ngđ).

Lưu vực 4: Phía Nam đường Nguyễn Thiếp và phía Đông đường Vành Đai 2 nước thải được thu về TXL SH 4 (CSDK: 5.000m³/ngđ).

Lưu vực 5: Phía Bắc đường Quang Trung nước thải được thu về TXL SH 5 (CSDK: 5.000m³/ngđ).

7.6.4.3. Giải pháp thu gom xử lý nước thải công nghiệp

Mỗi loại công nghiệp có tính chất và thành phần nước thải khác nhau nên việc xử lý cũng theo các công nghệ khác nhau, do đó xây dựng hệ thống thoát nước và trạm làm sạch tập trung theo dự án riêng của từng loại hình công nghiệp.

7.6.4.4. Giải pháp thu gom xử lý nước thải y tế

Phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung và khử trùng trước khi thoát ra hệ thống cống ngoài đô thị.

7.6.5. Định hướng quản lý chất thải rắn

Xây dựng 2 trạm trung chuyển CTR phía Bắc và phía Nam thị xã diện tích 0,25ha. (xem bản vẽ quy hoạch).

Giai đoạn 2023-2025: Đóng cửa khu xử lý rác hiện trạng tại phường Nam Hồng.

Giai đoạn 2025-2030: CTR trên địa bàn Thị Xã Hồng Lĩnh sẽ được thu gom, tập kết tại các điểm trung chuyển trong Thị xã sau đó được đưa đến nhà máy rác tập trung Cẩm Quan theo QHT Hà Tĩnh được phê duyệt.

7.6.6. Định hướng quản lý nghĩa trang

Các nghĩa trang hiện hữu được khoanh vùng ko phát triển mở rộng. Sau khi đã lấp đầy sẽ đóng cửa nghĩa trang. Nhu cầu nghĩa trang sẽ được chuyển về nghĩa trang Phúc Lạc Viên huyện Thạch Hà theo QHT Hà Tĩnh đã phê duyệt.

7.7. Giải pháp bảo vệ môi trường

7.7.1. Phân vùng môi trường

Các tiểu vùng được phân chia dựa vào các chỉ tiêu sau:

- Tính đồng nhất tương đối về điều kiện tự nhiên
- Tính đặc thù về phát triển kinh tế, khai thác, sử dụng tài nguyên
- Tập hợp các vấn đề môi trường và tai biến thiên nhiên

Khu vực nghiên cứu được chia thành 7 tiểu vùng môi trường:

- Khu vực bảo vệ rừng (dãy núi Hồng Lĩnh)
- Khu vực trung tâm đô thị
- Khu vực dân cư làng xóm
- Khu công nghiệp
- Khu vực di tích lịch sử - văn hóa
- Khu vực sản xuất nông nghiệp
- Khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật

7.7.2. Giải pháp chung

Để xây dựng theo quy hoạch được duyệt đảm bảo phát triển đô thị bền vững, ngoài các chính sách chung của Nhà nước có thể áp dụng một số chính sách cụ thể bảo vệ và giảm thiểu ô nhiễm môi trường sau:

Có chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng và khai thác sử dụng trong khu vực khi áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ tiên tiến để bảo vệ và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Có chính sách khuyến khích người dân sử dụng các phương tiện giao thông và giao thông công cộng không gây ô nhiễm môi trường.

Có chính sách hỗ trợ và khuyến khích người dân sử dụng bể tự hoại trong từng hộ gia đình để xử lý nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường trước khi thoát ra hệ thống cống thoát nước thải chung.

Có chính sách và chế tài cụ thể đối với việc quản lý, giám sát tác động tới môi trường đồng thời đề ra chương trình và kế hoạch quản lý các hoạt động liên quan tới môi trường

Có chính sách hỗ trợ các hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường trong khu vực.

Có chính sách tuyên truyền, vận động, giáo dục nhận thức và có chế tài cụ thể để mọi người tham gia hoạt động trong khu vực phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường.

7.7.3. Giải pháp cụ thể

7.7.3.1. Khu vực bảo vệ rừng (dãy núi Hồng Lĩnh):

Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng. Kiểm soát hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi người dân đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng.

Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhất là đối với các địa phương có rừng; tăng cường sự giám sát của người dân, cộng đồng, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Rà soát, đánh giá, kiểm soát chặt chẽ các quy hoạch, dự án phát triển kinh tế, xã hội có tác động tiêu cực đến diện tích, chất lượng rừng, đặc biệt là đối với rừng tự nhiên, rừng phòng hộ; có cơ chế quản lý, giám sát chặt chẽ các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, nhất là đối với các dự án phát triển thủy điện, khai thác khoáng sản, xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ du lịch...

7.7.3.2. Khu vực trung tâm đô thị

Đảm bảo tiêu chuẩn của đô thị sinh thái về cây xanh.

Áp dụng phương pháp phân loại rác đầu nguồn

Có kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường phù hợp với quy hoạch đô thị

Có thiết bị, phương tiện thu gom, tập trung chất thải rắn sinh hoạt. Nơi tập trung rác thải sinh hoạt phải bảo đảm vệ sinh môi trường.

Khu vực có khả năng chịu ảnh hưởng của khu công nghiệp và ngược lại phải trồng các loại cây xanh cách ly có độ cao lớn

7.7.3.3. Khu dân cư làng xóm:

Cải tạo hệ thống thoát nước tại trung tâm xã, giảm ngập lụt gây ảnh hưởng môi trường vào mùa

Lắp đặt, bố trí đủ và hợp lý công trình vệ sinh, thiết bị thu gom chất thải;

7.7.3.4. Khu vực sản xuất công nghiệp

Với các doanh nghiệp đã hoạt động:

+Áp dụng hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường theo ISO 14000

+ Áp dụng công nghệ mới trong sản xuất theo hướng sản xuất sạch hơn.

Đối với các khu, cụm công nghiệp đầu tư đang hoạt động và đầu tư mới;

+Trồng cây xanh ở khoảng cách ly giữa các cụm nhà máy nhằm hạn chế lan truyền ô nhiễm

+ Các trạm xăng phải có biện pháp xử lý xăng dầu cặn, không được thải ra khu vực xung quanh.

Kiểm soát các cửa xả nước mưa khu công nghiệp. Thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo trì định kỳ, thiết lập quy trình quản lý hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

7.7.3.5. Khu vực di tích lịch sử - văn hóa

Nghiêm cấm, xâm phạm khu vực bảo vệ di tích lịch cấp quốc gia, cấp tỉnh và các khu vực có giá trị di sản khác được công nhận.

Các khu di tích kết hợp khai thác du lịch, cần phải kiểm soát về môi trường như; lấp đất, bố trí đủ và hợp lý công trình vệ sinh, thiết bị thu gom chất thải.

7.7.3.6. Khu vực sản xuất nông nghiệp

Đầu tư hệ thống, thiết bị cho việc phân loại và thu gom rác thải sinh hoạt

Áp dụng quy trình sản xuất sạch trong nông nghiệp và chăn nuôi Thu gom chất thải rắn đối với khu vực sản xuất nông nghiệp

Đây là khu vực có nguy cơ bị nhiễm mặn do nước biển dâng nên cần sử dụng các giống cây có khả năng chịu mặn vào gieo trồng.

7.7.3.7. Khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật

Khu xử lý CTR: cần phù hợp với quy định các yêu cầu kỹ thuật chung về bảo vệ môi trường đối với địa điểm, quá trình thiết kế, xây dựng, vận hành, khai thác và giám sát các tác động đến môi trường sau khi đóng bãi; phải được thiết kế và xây dựng hợp vệ sinh và có hệ thống thu gom, xử lý nước rỉ rác để bảo vệ môi trường nước ngầm, nước mặt.

Khu nghĩa trang xây mới: cần phải được xây dựng theo đúng quy hoạch chung của thị xã, có vị trí, khoảng cách đáp ứng điều kiện về vệ sinh môi trường, cảnh quan khu dân cư.

Các trạm xử lý nước thải sinh hoạt: thiết kế kỹ thuật cần được cơ quan thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo toàn bộ lượng nước thải của thị xã phải được xử lý đạt các tiêu chuẩn môi trường loại A trước khi thải ra môi trường.

Khu vực nhà máy nước ngầm: Bán kính khu vực bảo vệ tính từ nguồn nước lên thượng nguồn ≥ 200 m, Xuôi hạ nguồn ≥ 100 m. Cấm xây dựng; xả nước thải, nước nông giang; chăn nuôi; tắm giặt

Khu vực nhà máy nước mặt: Bán kính khu vực bảo vệ Xung quanh giếng khoan với bán kính ≥ 25 m. Cấm xây dựng; đào hố phân, rác, hố vôi; chăn nuôi, đổ rác

7.7.4. Giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu

Theo dự báo về các khu vực có nguy cơ bị ngập lụt trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh ở khu vực phía Nam. Theo định hướng quy hoạch, những huyện này là khu vực đất nông nghiệp. Trước tình trạng ngập do mực nước biển dâng và xu hướng nhiễm mặn, cần tiếp tục duy tu, bảo dưỡng và phát triển hệ thống đê bao ngăn mặn trên địa bàn thị xã.

Với diện tích đất nông nghiệp được chuyển sang mục đích sử dụng đất mới như đất ở hay đất cho các công trình khác cần duy trì lượng cây xanh theo định hướng quy hoạch.

Chú trọng việc phát triển và gia cố các tuyến đê, tổ chức xây dựng thêm các công ở các cửa sông chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ thủy văn bán nhật triều.

Nâng cao nhận thức và năng lực thích ứng với BĐKH của người dân. Nâng cao nhận thức và năng lực phòng chống bão, phòng ngừa ngập lụt, bảo vệ, khai thác rừng, khai thác nguồn nước hợp lý cho cộng đồng.

Lồng ghép vấn đề thích ứng BĐKH (bão, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn) vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng trong điều kiện BĐKH

Hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng dễ bị tổn thương do BĐKH:

+ Nghiên cứu, hướng dẫn chuyển đổi giống/cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp.

7.7.5. Quan trắc môi trường

Bảng 30. Đối tượng quan trắc, vị trí và thông số quan trắc

Đối tượng	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc
Môi trường nước	- Nguồn nước cấp - Nước thải sinh hoạt đô thị sau các trạm xử lý nước thải(TXLNT) sinh hoạt. - Nước thải công nghiệp sau các TXLNT công nghiệp. - Nước ngầm xung quanh TXLNT, khu xử lý CTR, nghĩa trang.	QCVN 01:2009/BYT QCVN14:2008/BTNMT QCVN 24:2009/BTNMT
Không khí	- ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, khu vực công cộng... - ở khu vực các TXLNT, khu xử lý CTR, nút giao thông chính, do phương tiện giao thông đường bộ.	QCVN 20:2009/BTNMT QCVN 05:2009/BTNMT
Tiếng ồn	- ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, khu vực chợ, bến cảng, khu dân cư, khu công cộng. - Tại nút giao thông chính (ồn do phương tiện giao thông đường bộ).	QCVN 26:2010/BTNMT
Đất	Các khu vực dùng thuốc bảo vệ thực vật (thuốc trừ sâu, phân hoá học).	QCVN03:2008/BTNMT, QCVN 04:2008/BTNMT

(*) Ghi chú: Thiết bị phương tiện lấy mẫu, phân tích mẫu tuân theo quy định các QCVN và quốc tế hiện hành.

8. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Hồng Lĩnh đến năm 2045 đã thực hiện nghiên cứu hiện trạng, dự báo, định hướng và đề xuất giải pháp quy hoạch cụ thể nhằm phát triển Hồng Lĩnh theo mô hình đô thị loại III, tiến tới hình thành đô thị văn minh, xanh, hiện đại, năng động, bền vững, xứng tầm là đô thị trung tâm Tiểu vùng phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh.

Đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Lĩnh xem xét, góp ý kiến hoàn thiện đồ án, để thực hiện các bước tiếp theo của quy trình lập quy hoạch ./.

PHỤ LỤC 1. Ý KIẾN, TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH

Hội nghị UBND Thị xã Hồng Lĩnh nghe báo cáo phương án Điều chỉnh QHC thị xã Hồng Lĩnh đến năm 2045 (lần 1)

Địa điểm: Trụ sở UBND thị xã Hồng Lĩnh

Thời gian: ngày 10/11/2023

Chủ trì: Đ/c Nguyễn Huy Hùng, Chủ tịch UBND thị xã

Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>Văn bản: 02/QLDAQHC ngày 6/12/2023 của BQLDA Điều chỉnh QHC thị xã Hồng Lĩnh đến năm 2045 (lần 1)</p> <p>1. Phòng Y tế:</p> <p>1.1. Tại mục 4.4. Định hướng mô hình phát triển đô thị đa cực</p> <p><i>Sửa lại:</i></p> <p><u>Phía Đông:</u> Bảo tồn tự nhiên và di sản văn hóa núi Hồng Lĩnh;</p> <p><u>Phía Tây:</u> Cửa ngõ mới;</p> <p><u>Phía Nam:</u> Trung tâm đô thị - dịch vụ - công nghiệp.</p> <p>- Hiện tại thị xã có 8 cơ sở y tế có giường bệnh nội trú (Trung tâm Y tế thị xã, 6 trạm y tế các phường, xã và Bệnh viện đa khoa Hồng Hà). với 210 giường bệnh, diện tích 98.899m².</p> <p>*/ Nếu dự kiến mở rộng địa giới hành chính thị xã thêm 6 đơn vị thì cơ sở y tế sẽ có thêm 6 Trạm Y tế xã (với 30 giường bệnh và diện tích: 7.190,4m²).</p> <p>Tại mục 5. Quy hoạch sử dụng đất</p> <p>+ Theo như trong quy hoạch này thì chưa thấy quy hoạch đất cho lĩnh vực y tế (Bảng 22. Thống kê sử dụng đất giai đoạn 2022-2030-2045) chỉ mới đưa sử dụng đất của Trung tâm Y tế: Năm 2022= 00ha; Năm 2030 = 2,9ha; năm 2045 8,6ha. Trong bảng 22 này thì đất của Trung tâm Y tế chưa chính xác, Vì hiện thì Trung tâm Y tế đang sử dụng trong khuôn viên khoảng 3,2ha, còn lại đang để trống chưa sử dụng khoảng 5,1ha bên cạnh.</p> <p>Nhu cầu điều kiện về chăm sóc sức khỏe ngày càng cao theo hướng chăm sóc sức khỏe phục hồi chức năng như: Bệnh viện Dưỡng lão; Bệnh viện Phục hồi chức năng; Trung tâm xét nghiệm, kiểm nghiệm về an toàn thực phẩm, dược phẩm; dịch vụ vận chuyển cấp cứu..., do đó đề nghị quy hoạch</p>	<p>Xin tiếp thu và sửa chữa mục 4.4 theo góp ý.</p> <p>Xin tiếp thu và sửa chữa hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất theo góp ý.</p> <p>Đã bổ sung khoảng 5,5 ha đất y tế mới</p>

Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>thêm đất cho y tế, chăm sóc sức khỏe đến năm 2045 trên địa bàn thị xã. Do vậy, đề xuất thêm khoảng 4ha cho đất y tế.</p> <p>2. Phòng Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Số liệu về diện tích từng loại đất đưa vào báo cáo thuyết minh chưa đúng với số liệu kiểm kê đất đai năm 2020 của thị xã Hồng Lĩnh.</p> <p>Quy hoạch hệ thống xử lý nước thải khu vực phường Đậu Liêu, vì khu vực này chưa có hệ thống mương xử lý nước thải chưa đồng bộ và hệ thống xử lý nước thải chưa có, nhất là khu vực này đã xây dựng các cụm công nghiệp, nhiều doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <p>Quy hoạch khu vực xử lý rác thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đáp ứng được quy mô trên 50 tấn/ngày và dự kiến đến quy mô 100-120 tấn/ngày. Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch Nhà máy xử lý rác thải rắn sinh hoạt tại phường Đậu Liêu.</p> <p>Tại mục 4. Định hướng phát triển không gian: Định hướng mở rộng không gian của thị xã về phía Tây là phù hợp, nhưng cần cụ thể các xã: Thanh Bình Thịnh, Lâm Trung Thủy, An Dũng, Bùi La Nhân, Quang Vĩnh, Yên Hồ. Phân tích hiện trạng và lợi thế sau khi mở rộng không gian thị xã, nhất là các yếu tố về phát triển kinh tế, xã hội, an ninh - quốc phòng; đánh giá cụ thể về các tiêu chí đô thị loại III, tuy nhiên, trong Thuyết minh đã đánh giá được phân diện tích và dân số.</p> <p>Quy hoạch đất giao thông phải đảm bảo tiêu chuẩn giao thông đô thị loại III, định hướng đến đô thị loại IV, hệ thống đường giao thông kết nối với các xã tiếp giáp với thị xã đảm bảo phù hợp và thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, nhất là khi thực hiện mở rộng thị xã về phía tây (6 xã của huyện Đức Thọ).</p> <p>Các tuyến đường đã được phê duyệt quy hoạch tại Quyết định 43/2007/QĐ- UBND, mà đến nay không thể thực hiện được theo quy hoạch cần phải rà soát, định hướng tiêu chuẩn giao thông đô thị để quy hoạch phù hợp với thực tế, nhất là các tuyến đường ngõ mà hiện nay thấy bất cập nên cần rà soát kỹ với các phường, xã để điều chỉnh cho phù hợp thực tế trên địa bàn và đáp ứng được</p>	<p>Số liệu hiện trạng được lấy theo hiện trạng sử dụng đất thị xã năm 2022 do phòng QLĐT cung cấp</p> <p>Phương án xử lý nước thải đã có bố trí 02 trạm xử lý nước thải Công Nghiệp (CN 4 & CN 5) và 01 trạm xử lý nước thải Sinh Hoạt (SH 5) tại phường Đậu Liêu.</p> <p>Giai đoạn 2023-2025: Đóng cửa bãi chôn lấp thị xã Hồng Lĩnh.</p> <p>Giai đoạn 2025-2030: CTR trên địa bàn Thị Xã Hồng Lĩnh sẽ được thu gom, tập kết tại các điểm trung chuyển trong Thị xã sau đó được đưa đến nhà máy rác tập trung Cẩm Quan theo QHT Hà Tĩnh được phê duyệt.</p> <p>Nội dung này nằm ngoài phạm vi đồ án QHC, và hiện chưa có đủ thông tin hiện trạng để đưa ra giải pháp quy hoạch. Tư vấn có nghiên cứu về khung không gian phát triển khu vực dự kiến mở rộng thị xã và đưa vào Mục 4.1. Định hướng mở rộng địa giới hành chính thị xã.</p> <p>Đồ án đã tuân thủ chi tiêu theo QCVN 01-2021. Rà soát các tiêu chí giao thông theo cấp đô thị</p> <p>Xin tiếp thu ý kiến và rà soát các tuyến đường cần nâng cấp để đảm bảo nhu cầu phát triển giao thông của đô thị.</p>

Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>định hướng phát triển giao thông đô thị.</p> <p>Quy hoạch đất thương mại dịch vụ cần chú ý gắn với quy hoạch các Cụm công nghiệp, Khu công nghiệp nhằm đáp ứng được phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.</p> <p>Quy hoạch đất thương mại dịch vụ gắn với du lịch tâm linh, cần định hướng quy hoạch đất tôn giáo của các di tích trên địa bàn như Chùa và Hồ Thiên tượng, Chùa Hang, Chùa long Đàm, Đền Cả Dinh đô Hoàng Mười...; quy hoạch các khu sinh thái gắn với chuỗi du lịch tâm linh trên địa bàn, như khu sinh thái nghỉ dưỡng hai bên Hồ điều hòa Bắc Hồng; Khu sinh thái gắn với Chùa Đại Hùng phường Đậu Liêu, Khu sinh thái gắn với Đền Cả, phường Trung Lương ...</p>	<p>Đã rà soát tính phù hợp với Quy hoạch tỉnh trong lĩnh vực phát triển khu cụm công nghiệp.</p> <p>Xin tiếp thu và bổ sung các điểm du lịch tâm linh, du lịch sinh thái.</p>
<p>3. Phòng Kinh tế</p> <p>Theo như lộ trình thị xã sẽ mở rộng về hướng Tây, do đó trong phương án quy hoạch cần tính toán để đầu nối hạ tầng, đặc biệt là các tuyến đường giao thông</p> <p>Thị xã được xác định là trung tâm công nghiệp phía Bắc, nên quy hoạch cần ưu tiên tối đa cho các khu, cụm công nghiệp. Xác định rõ lộ trình, thời gian đến 2045 có bao nhiêu khu, cụm và các khu dịch vụ.</p> <p>Quy hoạch cần tính toán và có phương án để nâng cấp, phát triển hệ thống năng lượng nhất là năng lượng xanh, năng lượng sạch; hệ thống cấp nước cho sản xuất các khu cụm công nghiệp (nên ng/c lấy nguồn ở các sông)</p> <p>Rà soát các tuyến đường giao thông theo quy hoạch cũ, những tuyến đường nào bất cập, không có khả năng thực hiện thì điều chỉnh, đưa ra khỏi quy hoạch,... cần giữ nguyên hệ thống đường vành đai, đường trục chính để đảm bảo hệ thống đường giao thông hiện nay theo quy hoạch.</p> <p>Quy hoạch phải tính đến hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, sản xuất và hệ thống mương thoát nước chống ngập lụt ở các khu vực dân</p>	<p>Tư vấn đã bổ sung nghiên cứu về khung không gian phát triển khu vực dự kiến mở rộng thị xã và đưa vào Mục 4.1. Định hướng mở rộng địa giới hành chính thị xã..</p> <p>Đồ án đã đề cập ý này.</p> <p>Trong định hướng của Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 không có định hướng về phát triển hệ thống năng lượng xanh, năng lượng sạch cho khu vực Hồng Lĩnh. Tuy nhiên trong phạm vi đồ án xin tiếp thu và bổ sung định hướng về năng lượng xanh và năng lượng sạch trong mục 7.4 Hệ thống cung cấp năng lượng.</p> <p>Đã tiếp thu ý kiến và rà soát các tuyến hiện trạng, quy hoạch cũ và các tuyến quy hoạch mới để đảm bảo nhu cầu phát triển giao thông của đô thị.</p> <p>Đã tiếp thu ý kiến và rà soát các tuyến hiện trạng, quy hoạch cũ và các tuyến quy hoạch mới để đảm bảo nhu cầu phát triển giao</p>

Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>cur và khu chức năng.</p> <p>4. UBND xã Thuận Lộc</p> <p>Tại mục 7.6.6 Định hướng quản lý nghĩa trang có nêu “Di dời toàn bộ nghĩa trang thị xã hiện nay để phát triển đô thị, vì vậy sẽ xây dựng ngay nghĩa trang tập trung cho thị xã tại khu vực nghĩa trang Thuận Lộc hiện nay, diện tích 13,8ha”. Về nội dung xây dựng nghĩa trang tập trung cho thị xã tại khu vực nghĩa trang Thuận Lộc hiện nay đề nghị khảo sát xem xét lại vì quỹ đất nghĩa trang của Thuận Lộc cơ bản đã hết và gắn với các khu dân cư.</p>	<p>thông của đô thị.</p> <p>Các nghĩa trang hiện hữu được khoanh vùng ko phát triển mở rộng. Sau khi đã lấp đầy sẽ đóng cửa nghĩa trang. Nhu cầu nghĩa trang sẽ được chuyển về nghĩa trang Phúc Lạc Viên huyện Thạch Hà theo QHT Hà Tĩnh đã phê duyệt.</p>
<p>Đề nghị UBND thị xã Hồng Lĩnh đồng thời cho phép UBND xã Thuận Lộc lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 để đồng bộ với quy hoạch chung của thị xã Hồng Lĩnh.</p> <p>5. UBND phường Bắc Hồng</p> <p>Đề nghị quan tâm xem xét định hướng hạ tầng kỹ thuật, hệ thống cao độ nền và thoát nước mặt, thực trạng hiện nay một số tuyến đường trên địa bàn phường như: đường Nguyễn Ái Quốc đoạn qua tổ dân phố 2; đường 3/2 đoạn qua TDP2... khi mưa to có tình trạng ngập úng cục bộ.</p>	<p>Sau khi QHC được phê duyệt mới có đủ cơ sở pháp lý triển khai các QHPK.</p> <p>Tư vấn tiếp thu, rà soát bổ sung tại bản vẽ (QH07 Chuẩn bị kỹ thuật) mương hở dọc đường Kinh Dương Vương thu toàn bộ nước mưa từ lưu vực sườn núi phía đông bắc, bổ sung cống tròn B600-800mm dọc Nguyễn Ái Quốc, Đường 3/2, và theo hướng từ đông bắc xuống tây nam bố trí trực thoát chính dọc đường Nguyễn Văn Giai, Mai Thúc Loan đầu nối liên hoàn để đảm bảo thoát nước liên thông liên mạch, kịp thời khi mưa lớn tránh úng ngập, nước mưa sẽ thoát từ sườn núi xuống hồ điều hòa và thoát xuống sông Minh ở phía Tây nam, các tuyến cống bổ sung cần rà soát cụ thể hơn khu thực hiện dự án để đảm bảo tính khả thi.</p>
<p>Quy hoạch khu du lịch sinh thái hồ Thiên Tượng cần gắn với quy hoạch khu du lịch tâm linh Chùa Hang để đảm bảo theo định hướng du lịch văn hóa tâm linh.</p> <p>Các nghĩa trang phục vụ nhân dân trên địa bàn phường Bắc Hồng nay chỉ còn lại nghĩa trang Bình Hồng, diện tích còn lại không đáng kể, đề nghị sớm quy hoạch và thực hiện khu nghĩa trang phục vụ nhu cầu của nhân dân trên địa bàn.</p> <p>Một số tuyến đường có quy hoạch mở rộng, tuy nhiên tính khả thi không cao như: đường Hà Tôn Mục (<i>hiện trạng rộng 4,0m, quy hoạch rộng 11,5</i>), đường Hoàng Ngọc Phách (<i>hiện trạng rộng 4,6m, quy hoạch</i></p>	<p>Xin tiếp thu, cập nhật.</p> <p>Các nghĩa trang hiện hữu được khoanh vùng ko phát triển mở rộng. Sau khi đã lấp đầy sẽ đóng cửa nghĩa trang. Nhu cầu nghĩa trang sẽ được chuyển về nghĩa trang Phúc Lạc Viên huyện Thạch Hà theo QHT Hà Tĩnh đã phê duyệt.</p> <p>Trong quy hoạch chung đồ án chỉ thể hiện đến cấp đường khu vực, một số tuyến đường Hà Tôn Mục, Hoàng Ngọc Phách... đồ án không thể hiện đến cấp đường này</p>

Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p><i>rộng 11,5)...chỉ giới quy hoạch các tuyến đường này vướng nhiều công trình, tài sản có giá trị lớn, mật độ giao thông thấp, do đó đề nghị xem xét bỏ quy hoạch mở rộng.</i></p> <p>6. UBND phường Đức Thuận</p> <p>Đề nghị rà soát lại dân số đến tháng 3/2023 (<i>hiện nay dân số phường 7.425 người</i>).</p> <p>Bỏ quy hoạch Tuyến đường phía tây Trung tâm y tế Hồng Lĩnh (<i>đoạn phía Bắc Trung tâm y tế Hồng Lĩnh đến đường Ngọc Sơn</i>), lý do nằm trong quy hoạch khu công nghiệp.</p> <p>Bổ sung quy hoạch đường Phan Hưng Tạo kéo dài (<i>đoạn từ đường Ngọc Sơn đến đường Võ Nguyên Giáp</i>).</p> <p>Bỏ tuyến đường QH 35m từ Khu dân cư phía đông đường Thống Nhất đến đường Trung tâm thị xã, lý do nằm trong quy hoạch khu công nghiệp.</p> <p>Bỏ đoạn đường Võ Nguyên Giáp kéo dài (<i>đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc đến đường Kinh Dương Vương</i>), lý do đi qua khu dân cư và không có tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.</p> <p>Đề nghị bổ sung quy hoạch Khu sinh thái kết hợp với khu liên hợp TDTT tại khu vực xứ đồng Trìu.</p> <p>Việc lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2045 cần bám vào quy sử dụng đất của thị xã giai đoạn 2021 - 2030 đã được phê duyệt; tránh vướng vào quy hoạch khu công nghiệp Bắc Hồng Lĩnh gây khó khăn trong thực hiện.</p>	<p>Xin tiếp thu, chỉnh sửa. Theo số liệu chính thức của công an tỉnh, dân số phường Đức Thuận đến tháng 3/2023 là 7.215 người.</p> <p>Tuyến đường phía tây Trung tâm y tế là tuyến đường kết nối chính khu vực nên đơn vị tư vấn đề xuất giữ nguyên.</p> <p>Phần quy hoạch đường Phan Hưng Tạo kéo dài sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch phân khu.</p> <p>Tuyến đường này là tuyến đường chính khu vực đảm bảo khoảng cách theo QCVN 01:2021/BXD nên đơn vị tư vấn đề xuất giữ nguyên.</p> <p>Tiếp khu ý kiến và bỏ đoạn đường Võ Nguyên Giáp kéo dài (<i>đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc đến đường Kinh Dương Vương</i>)</p> <p>Xin tiếp khu ý kiến và bổ sung. Đề nghị UBND Phường cung cấp thông tin cụ thể hơn về dự án.</p> <p>Phương án quy hoạch bám sát vào quy hoạch sử dụng đất, đồng thời cân nhắc tích hợp các chủ trương, định hướng mới của thị xã.</p>
<p>7. UBND phường Đạm Liêu</p> <p>Tại trang 68, Bảng 21, Phân khu Trung tâm và Phía Nam đánh ngược tính chất: Khu đô thị cửa ngõ phía Nam và khu đô thị Trung tâm.</p> <p>Trang 69: Sơ đồ quy hoạch sử dụng đất đến 2045 không đọc rõ ghi chú (Đề nghị cung cấp cho địa phương bản A0 để phường xác định rõ hơn vị trí quy hoạch sử dụng đất). Do đó, phường chưa xác định được vị trí: Xây dựng mới 1 nhà tang lễ phía Nam thị xã (diện tích khoảng 1ha); Xây dựng khu xử lý rác thải tập trung với công nghệ hiện đại</p>	<p>Xin tiếp thu, chỉnh sửa.</p> <p>Đồ án có cung cấp bản đồ quy hoạch sử dụng đất khổ giấy A0 và file mềm. Hình ảnh trong thuyết minh chỉ mang tính minh họa.</p>

Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>phía Nam thị xã, quy mô khoảng 5ha.</p> <p>Đề nghị không quy hoạch Cụm công nghiệp phía Nam phường Đậu Liêu vì gần khu dân cư (phía Đông và phía Tây đường Quang Trung đề nghị quy hoạch đất Thương mại dịch vụ và đất ở).</p> <p>Về quy hoạch đường giao thông: Đối với các tuyến đường đã thực hiện hiến đất, mở rộng để xây dựng đường giao thông: Thái Kinh... đề nghị giữ nguyên theo hiện trạng sau khi Nhân dân đã hiến đất, không quy hoạch mở rộng, lệch đường cũ.</p> <p>Đường Lý Thường Kiệt: Đi theo một tuyến đường mới trên núi Bạch Ty, có độ dốc lớn, không phù hợp với hiện trạng. Đề nghị bỏ quy hoạch tuyến đường Lý Thường Kiệt.</p> <p>Tất cả các tuyến đường trong khu dân cư Tô dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 đề nghị giữ nguyên theo hiện trạng sau khi đã thực hiện mở rộng chỉnh trang đô thị, vì khoảng cách từ Đông sang Tây của khu dân cư là gần, trong khi đã có các tuyến đường trục chính trong khu dân cư như: Đường Thái Kinh, Ngô Quyền, Đội Cung.</p>	<p>Cần cân nhắc thêm ý kiến của UBND thị xã và các ban ngành.</p> <p>Các tuyến đường đơn vị tư vấn đề xuất mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển giao thông cho tương lai của thị xã</p> <p>Tuyến đường cấp nhỏ đồ án quy hoạch chung không thể hiện, quy hoạch chung chỉ thể hiện đến cấp đường khu vực.</p> <p>Các tuyến đường từ cấp khu vực trở xuống, đồ án quy hoạch chung không thể hiện, sẽ do quy hoạch phân khu xác định.</p>
<p>8. UBND phường Nam Hồng</p> <p>Tại trang 20 bảng hiện trạng dân số đến tháng 3/2023 có sự nhầm lẫn số liệu giữa phường Nam Hồng và phường Đức Thuận.</p> <p>Tại trang 25 mục 2.7.2 Hiện trạng cơ sở hành chính: Sửa trụ sở Huyện ủy thành trụ sở Thị ủy.</p> <p>Tại trang 28 mục 2.7.5 Hiện trạng cơ sở Văn hóa, thể dục, thể thao: Đề nghị bổ sung có 5 nhà văn hóa thuộc các xã, phường (Nhà văn hóa phường Nam Hồng hiện đang hoàn thiện).</p> <p>Hiện tại trên địa bàn Phường Nam Hồng có một số tuyến đường quy hoạch không còn phù hợp với hiện trạng, khó thực hiện theo quy mô tuyến đường. Đề nghị rà soát lại, xem xét đưa ra Quy hoạch 1 số tuyến đường không khả thi, chi phí đền bù GPMB cao, tính hiệu quả chưa thực sự cần thiết như đường Trịnh Khắc Lập (TDP3), Đặng Mai (TDP8)...</p> <p>Tại trang 41 hiện trạng hệ thống giao thông: Đề nghị sửa số liệu mặt đường một số tuyến</p>	<p>Xin tiếp thu, chỉnh sửa.</p> <p>Xin tiếp thu, chỉnh sửa.</p> <p>Xin tiếp thu, chỉnh sửa.</p> <p>Các tuyến đường cấp nhỏ đồ án quy hoạch chung không thể hiện, quy hoạch chung chỉ thể hiện đến cấp đường khu vực.</p> <p>Tiếp thu và chỉnh sửa vào phần hiện trạng hệ</p>

Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>sau: đường Đặng Dung mặt 3m sửa thành 5m, Nguyễn Huy Oánh mặt 2,5m sửa thành 4m, Nguyễn Tuấn Thiện mặt 4m sửa thành 6m (đã chỉnh trang so với trước).</p> <p>Trang 80 đề nghị sửa lỗi chính tả chữ “không gian”.</p> <p>Đề nghị quan tâm xem xét định hướng hạ tầng kỹ thuật, hệ thống cao độ nền và thoát nước mặt, thực trạng hiện nay một số tuyến đường trên địa bàn phường như đoạn Nguyễn Đồng Chi giao Phan Kính, Nguyễn Xuân Linh giao Lê Duẩn... khi có mưa to dẫn đến ngập úng.</p> <p>Đề nghị quy hoạch mở rộng phần phía Tây để đóng cửa phần phía Đông Nghĩa Trang Cồn Vạc để thực hiện di dời, mở rộng đường Trục Chính.</p>	<p>thống giao thông</p> <p>Xin tiếp thu, chỉnh sửa.</p> <p>Xin tiếp thu, rà soát bổ sung tại bản vẽ (QH07 Chuẩn bị kỹ thuật) các tuyến cống D800-1000 trên các tuyến đường Phan Kính, Nguyễn Xuân Linh để thu nước mưa và thoát xuống sông Minh ở phía tây nam</p> <p>Xin tiếp thu và chỉnh sửa.</p>
<p>9. UBND phường Trung Lương</p> <p>* Về quy hoạch chung thị xã:</p> <p>Xem xét điều chỉnh tuyến đường Tiên Sơn (Đoạn từ nút giao đường Tiên sơn với đường Đặng Nguyên Cẩn đi qua TDP Trung Lý đến đường đường Thống Nhất) đoạn này đi giữa khu dân cư TDP Trung Lý không có tính khả thi bởi nguồn lực thực hiện là rất lớn.</p> <p>* Về quy hoạch phân khu chức năng 2 phường Trung Lương và Đức Thuận đã được phê duyệt.</p> <p>+ Bổ sung quy hoạch Đường dân sinh Đê La Giang bề rộng nền đường Bnền= 9.5m.</p> <p>+ Xem xét điều chỉnh mở rộng các tuyến đường hiện hữu theo hướng chỉnh trang đô thị, bỏ các tuyến đường quy hoạch mới trong TDP Trung Hậu, Trung Lý, Hầu Đền không có tính khả thi.</p> <p>+ Quy hoạch Di tích Đền Cả - Dinh đô quan Hoàng Mười.</p> <p>Về cấp nước: Đề xuất quy hoạch nhà máy cấp nước từ nguồn nước mặt Sông Lam và nghiên cứu việc dẫn nguồn cấp nước Hồ chứa nước Ngàn Trươi.</p>	<p>Tuyến đường Tiên Sơn là tuyến đường trục chính của khu vực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển giao thông trong tương lai của thị xã Hồng Lĩnh, do vậy đơn vị tư vấn đề xuất giữ nguyên.</p> <p>Tuyến đường đê La Giang đã được cập nhật theo quy hoạch phân khu 2 phường Trung Lương và Đức Thuận</p> <p>Một số tuyến đồ án mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của thị xã Hồng Lĩnh trong tương lai nên cần thiết.</p> <p>Đồ án đã đề cập quy hoạch Di tích Đền Cả - Dinh đô quan Hoàng Mười.</p> <p>Quy hoạch kỳ này đã tính toán nhu cầu sử dụng nước và cân bằng nhu cầu cũng như các nguồn cấp, sau khi tính toán đã định hướng quy hoạch mới 1 nhà máy sử dụng nguồn nước mặt Sông Lam với tổng công suất các nhà máy đảm bảo cung cấp nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất trong thị xã cũng như các khu vực phụ cận. Việc dân nước từ Hồ Ngàn Trươi với khoảng cách >30km việc đầu tư trong giai đoạn hiện tại</p>

Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>Hệ thống thoát nước mặt: Các tuyến cống dọc hiện có chủ yếu thu thoát nước mặt đường của các trục giao thông chính và 1 phần khu dân cư bám theo trục đường, kích thước còn nhỏ, chủ yếu thoát nước cho mặt đường, tiết diện mương cống không đáp ứng yêu cầu tiêu thoát. Do vậy cần xem xét bảo đảm cho việc thoát nước để tránh ngập nước khi có mưa lớn.</p> <p>Theo bản dự thảo quy hoạch chung thị xã thì Hồ sinh học số 1: 1,96ha, tại phường Đức Thuận. Vì vậy, xem xét xác định vị trí đảm bảo việc đầu nối cho việc xử lý thoát nước thải sinh hoạt cho địa bàn phường Trung Lương.</p> <p>Đề xuất xây dựng không gian ngoài đô La Giang thành công viên nông nghiệp kết hợp công viên, không gian vui chơi giải trí và không gian nông nghiệp ven sông sản xuất trồng lúa hữu cơ, kết hợp nuôi rươi, cảnh quan nông nghiệp vừa có giá trị du lịch trải nghiệm, vừa nâng cao giá trị thu nhập cho nông dân.</p> <p>Hiện tại thị xã chưa có khu nghĩa trang chung, do vậy có phương án cho mở rộng Nghĩa trang Nhà Nghè để bảo đảm việc chôn cất cho đến khi thị xã có nghĩa trang chung.</p> <p>Ý kiến phát biểu tại hội nghị của đ/c Phó bí thư Thị ủy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần có trung tâm phát triển công nghệ cao, kinh tế xanh, tuần hoàn, kinh tế số. - Cả tỉnh chỉ có 3 trung tâm, 1 là Hồng Lĩnh, thì phải có bệnh viện, trường học, nhà hát, chợ búa... 	<p>suất đầu tư rất lớn (có thể nghiên cứu làm nguồn bổ sung trong giai đoạn dài hạn). Phương án khả thi trong giai đoạn trước mắt là xây dựng nhà máy nước sông Lam.</p> <p>Tư vấn tiếp thu, rà soát bổ sung tại bản vẽ (QH07 Chuẩn bị kỹ thuật) mương hở ven sườn núi bám theo đường Kinh Dương Vương để đón nước từ lưu vực phía sườn núi. Đồng thời bố trí các tuyến cống xây mới theo hướng từ đông bắc xuống tây nam đầu nối ra kênh tiêu T1, T2, và ra sông Minh. Các tuyến cống ngoài việc tính toán thủy lực để đảm bảo năng lực thoát nước còn cần rà soát theo thực tế để có tính khả thi và sẽ được cụ thể hóa ở giai đoạn lập dự án.</p> <p>Đồ án đã đề cập ý tưởng này.</p> <p>Xin tiếp thu, cân nhắc. Do trong tương lai thị xã sẽ mở rộng nên có thể tính đến vị trí nghĩa trang thị xã nằm ngoài phạm vi hiện nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồ án đã trừ tính đến khả năng phát triển công nghệ cao, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn tại thị xã. Tuy nhiên, để đảm bảo linh hoạt trong phát triển, các chức năng này sẽ được phát triển trong các khu vực sản xuất công nghiệp và các khu dịch vụ. Hiện nay, nhu cầu này chưa lớn đến mức cần quy hoạch thành một khu riêng biệt. - Đồ án đã có đề xuất phát triển các khu trung tâm mới với các công trình công cộng giúp nâng cao chất lượng sông đô thị, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đến với Hồng Lĩnh.

Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<ul style="list-style-type: none"> - Giải pháp cụ thể chống ngập cục bộ - KCCN, TMDV khi kết nối ra xung quanh thế nào? - Cơ cấu KTXH sau khi mở rộng sẽ ra sao? - Nguồn nước cần tìm mới, đủ cho TP loại III, 200.000 dân, có các SXCN. - Tìm mặt phát triển mặt lợi thế cạnh tranh với Vinh và các đô thị xung quanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ án đã nghiên cứu, đề xuất giải pháp cụ thể giảm thiểu ngập cục bộ. - Đồ án đã bổ sung đề cập liên kết vùng, cho thấy toàn cảnh các kết nối với khu vực lân cận, từ đó nhận diện lợi thế từng địa bàn để hoạch định phát triển phù hợp lợi thế. - Dự báo này nằm ngoài phạm vi nghiên cứu. - Đồ án đã nghiên cứu phương án nguồn nước và có tính toán dự trữ dài hạn. - Đồ án đã cân nhắc và trình bày mặt mạnh của Hồng Lĩnh là vị trí nằm giữa 2 thành phố tỉnh lỵ, nằm giữa núi và biển, giữa cửa khẩu quốc tế và cảng cửa ngõ quốc tế. Từ cân nhắc này, đồ án đã đề xuất phát triển công nghiệp, dịch vụ; phát triển mô hình đô thị tập trung có cự ly gần giữa ở và việc làm, bảo tồn và phát triển tuyến du lịch núi Hồng, sông La trong sự liên kết với Nghi Xuân, Vinh...
<p>Kết luận của đ/c Chủ tịch UBND Thị xã</p> <p>Bám sát QHT: đề xuất lập thành phố, đầu mối GT liên kết vùng.</p> <p>QH mở, lan tỏa, có tầm nhìn xa, chuyển đổi số, đẹp ngăn nắp, mang lại giá trị kinh tế.</p> <p>QH giao thông mạnh dạn, không rụt rè (Trung Lương).</p> <p>Nghiên cứu PA QH 12 xã, trong đó sẽ QHPK 3 PK nội thị, 6 xã ngoại thị.</p> <p>Nghiên cứu trong bối cảnh vùng lân cận.</p> <p>Phát triển các khu sinh thái nông thôn, tăng cường công viên trong KDC nông thôn.</p> <p>QH chống ngập: lưu ý giải pháp với đô thị chân núi, các đường GT chắn dòng, các cống qua đường không đảm bảo, cống bé quá.</p> <p>NMXLNT CN do công ty Electrolux Phần Lan đang phối hợp dự án XLNTSH 700 tỷ, viện đô thị DDHKT đang khảo sát.</p> <p>Cấp nước SH khác nước SX. Nước SX lấy từ</p>	<p>Xin tiếp thu. Trong tương lai dài hạn, Hồng Lĩnh sẽ thành lập thành phố. Mục tiêu trước mắt là đạt tiêu chuẩn đô thị loại III trên phạm vi thị xã mở rộng.</p> <p>Xin tiếp thu, bổ sung.</p> <p>Xin tiếp thu, bổ sung.</p> <p>Tư vấn đã bổ sung nghiên cứu về khung không gian phát triển khu vực dự kiến mở rộng thị xã và đưa vào Mục 4.1. Định hướng mở rộng địa giới hành chính thị xã.</p> <p>Đồ án đã có nghiên cứu bối cảnh vùng.</p> <p>Đến năm 2030, nhiều khả năng xã Thuận Lộc đã lên phường. Do đó không còn điểm dân cư nông thôn. Phường Thuận Lộc tương lai được quy hoạch dạng khu đô thị sinh thái.</p> <p>Đồ án đã bổ sung nghiên cứu giải pháp chống ngập cục bộ.</p> <p>Xin tiếp thu, cập nhật.</p> <p>Xin tiếp thu.</p>

Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
sông. Nước SH lấy từ hồ. Riêng các phường phía Bắc có thể lấy nước sông La. Phía Nam lấy từ hồ mới.	
Thuận Lộc + 6 xã mở rộng phần đầu trước 2025 đạt NTM nâng cao.	Xin tiếp thu.
KCCN: Hồng Lĩnh là trung tâm CN phía Bắc tỉnh, là CN nhẹ. Đã có 5 CCN. Đang QH KCN Nam Hồng Lĩnh. Có thể thành lập thêm ở 6 xã mở rộng. Có thể chia nhỏ thành CCN cho dễ làm.	Xin tiếp thu.
Chú ý QH NƠ XH (1-2 khu)	Xin tiếp thu, bổ sung.
Xác định rõ nghĩa trang các phường xã.	Xin tiếp thu.
Làm 1 NMXLNT cho cả thị xã: khoảng 15 ha ở Đậu Liêu. Tiến tới triển khai QHPK Đậu Liêu, thành lập CCN Cổng Khánh 3.	Xin tiếp thu.

Hội nghị UBND Thị xã Hồng Lĩnh nghe báo cáo phương án Điều chỉnh QHC thị xã Hồng Lĩnh đến năm 2045 (lần 2)

Địa điểm: Trụ sở UBND thị xã Hồng Lĩnh

Thời gian: ngày 5/3/2024

Chủ trì: Đ/c Nguyễn Huy Hùng, Chủ tịch UBND thị xã

Thành phần tham dự: theo Thông báo số 45/TB-UBND của UBND thị xã Hồng Lĩnh.

Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>1. Phòng Tài nguyên - Môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật thêm một số biến động sử dụng đất năm 2023, đối chiếu thêm QHSDD đến năm 2030. - Cơ bản nhất trí với định hướng cấu trúc mở rộng đô thị. - Phương án xử lý nước thải: NMXLNT Đậu Liêu chưa đủ đáp ứng. nghiên cứu thêm phương án đề xuất của Electrolux. - Dự kiến phân bố dân cư tăng ít ở Bắc Hồng hơn Nam Hồng cần cân nhắc thêm. - Định hướng nâng loại đô thị chậm hơn khả năng của thị xã tương lai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ án xin tiếp thu và cập nhật. - Đồ án xin tiếp thu và cập nhật. - Đồ án cân nhắc dành quỹ dân số để có diện tích phát triển khu mở mới. - Đồ án xin tiếp thu và cập nhật.
<p>2. Phòng Kinh tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem lại dự báo phát triển kinh tế (nhằm số 2030, sửa thành 2045). 	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ án xin tiếp thu và chỉnh sửa.

Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<ul style="list-style-type: none"> - Nếu mở rộng ra 6 xã thì cơ cấu kinh tế sẽ ra sao. - Cơ bản nhất trí với quy hoạch giao thông. - Nguồn nước: nên chọn sông Nghèn. - Nguồn điện: cần có giải pháp lớn cho phát triển công nghiệp tương lai. - Làm rõ danh mục KCCN đến 2030, 2045, thậm chí với vùng mở rộng tương lai. - Rà soát khả năng chuyển đổi một số khu đất thuộc quỹ đất RPH sang RSX để phát triển du lịch dãy núi Hồng Lĩnh. - Nghĩa trang: nghiên cứu bố trí nghĩa trang thị xã tại Đạu Liêu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều này ngoài phạm vi, sẽ được nghiên cứu khi lập QHC đô thị mới. - Đồ án xin tiếp thu và cân nhắc. - Đồ án xin tiếp thu và cân nhắc. - Đồ án xin tiếp thu và làm rõ. - Đồ án xin tiếp thu và cân nhắc. - Đồ án xin tiếp thu và đã xác định khu đất nghĩa trang thị xã.
<p>3. Phòng Văn hóa - Thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất VH, TT theo quy hoạch đã đủ. Đất du lịch còn ít. Lưu ý có thể mở lớn hơn các điểm du lịch như Chùa Thiên Tượng, Suối Tiên, Đền Hùng... - Mở rộng trung tâm hành chính – văn hóa các phường xã Đức Thuận, Trung Lương, Nam Hồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ án xin tiếp thu và cân nhắc. - Đồ án xin tiếp thu và bổ sung các khu trung tâm phường xã.
<p>BCH Quân sự</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi xã cần có đất hoặc phòng cho trụ sở làm việc của BCH quân sự. Mỗi trạm đủ cho khoảng 30 đ/c đóng. Cấp thị xã có thể bố trí phối hợp trong khu TTHC. - Trường THPT Hồng Lĩnh mở rộng từ đất của BCH quân sự cũ ở Bắc Hồng (3,2 ha). Do đó không cần bố trí điểm trường thứ 2, mà đổi thành đất đô thị. Hiện các trường mầm non, TH, THCS tạm đủ. Riêng phường Bắc Hồng, Nam Hồng đang thiếu phòng. - Xem xét đề xuất trường liên cấp tại khu 3,2 ha nói trên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ án xin tiếp thu và bổ sung vào các khu trung tâm phường xã. - Đồ án xin tiếp thu và bổ sung. - Đồ án xin tiếp thu và bổ sung.
<p>Chi cục Thống kê Ghi rõ năm số liệu hiện trạng kinh tế.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ án xin tiếp thu và bổ sung.
<p>Thủy lợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp nước lấy từ 2 trạm chính là Thiên Tượng và Khe Dọc: 7000 m³/ngđ. - NMN Đá Bạc phục vụ cụm công nghiệp và phụ cận. Giai đoạn1: 5000 m³/ngđ, đang nâng cấp ống. Giai đoạn 2: 10.000 m³/ngđ, dự kiến 20/4 hoạt động. Bố trí đi ngầm ống và hoàn trả mặt bằng. - NMN tại tổ dân phố 8 Đạu Liêu hiện không 	<p>Đối với cấp nước sinh hoạt và sản xuất công nghiệp cơ bản đã tính toán nhu cầu theo QCVN01-2021 và cân đối nguồn phù hợp với các giai đoạn phát triển.</p> <p>Đối với các ngành công nghiệp đặc thù (sử dụng nguồn nước thô lớn) nguồn cấp nước thô sẽ được nghiên cứu theo dự án riêng thuộc khu công nghiệp (khi dự án khu công</p>

Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>có đường ống nước cấp cho dân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện đang phối hợp Thủy lợi Hà Tĩnh đặt trạm bơm nguồn. - Đề nghị nghiên cứu xem có nên bố trí NMN mới lấy nước sông Minh, sông La. - Nước cấp từ NMN Đá Bạc có thể đủ cho dân cư. Song cần có giải pháp cấp nước thô cho sản xuất công nghiệp. - Trong dài hạn, đô thị mở rộng nên lấy nước từ hồ thủy lợi Bình Hà, sông Ngàn Trươi, xã An Dũng. - Cần bổ sung tuyến thoát lũ tại các đường mở rộng. 	<p>nghiệp hình thành và đã xác định rõ các loại hình công nghiệp).</p> <p>Về định hướng phân vùng cấp nước có hỗ trợ bổ sung nguồn cho nhau đảm bảo năng lực và an toàn mạng lưới cấp nước. kiểm tra thủy lực đảm bảo cấp nước với lưu lượng và cột áp đảm bảo cung cấp đến điểm bất lợi nhất trong mạng lưới.</p> <p>Khi mở rộng thị xã thì nghiên cứu nguồn nước bổ sung tại từ sông La.</p> <p>Giải pháp chống ngập: lưu ý giải pháp với đô thị chân núi, các đường GT chắn dòng, các cống qua đường không đảm bảo, cống bé quá.</p> <p>Đối với các khu vực ven sườn núi, đồ án đã đề xuất các tuyến mương hứng đón dòng và bổ sung các tuyến cống qua đường tại khe tụ thủy, cống dẫn từ lưu vực phía trước xuống các hồ điều hòa ở hạ du, các tuyến cống, mương được kiểm tra diện tích lưu vực để đảm bảo năng lực tiêu thoát.</p> <p>Ngoài ra đối với các tuyến đường hiện trạng đã có cống nhưng tiết diện bé hoặc chưa được đầu nối liên hoàn đã được bổ sung (khu vực qua đường Mai Thúc Loan, Nguyễn Đồng Chi, phường Bắc Hồng,..)</p> <p>Đồ án đã bổ sung các tuyến kênh thoát lũ tại bản vẽ QH 07 Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật</p>
<p>Ngành Điện lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm 110 KV Hồng Lĩnh 20 MW đã đủ đáp ứng nhu cầu phát triển đến 2030, lại dự phòng nâng lên 40 KW là đủ cho nhu cầu đến 2045. - Hiện ngành đang nghiên cứu lưới điện thông minh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải pháp cấp điện khi công nghiệp phát triển đã có trong Quy hoạch tỉnh. Khu vực công nghiệp được xây dựng trạm 110kV Nam Hồng Lĩnh - Bắc Can Lộc, cấp nguồn riêng cho khu vực công nghiệp. - Khu công nghiệp trong báo cáo đã bổ sung thêm phương án sử dụng điện áp mái.
<p>Đ/c Lê Thành Đông, Bí thư thị ủy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch chính là động lực phát triển, phải có tính tổng thể, xác định đúng động lực, lựa chọn đúng lĩnh vực mũi nhọn. - Các đơn vị quản lý địa phương cần tham gia sâu vào góp ý cho quy hoạch. - Có tầm nhìn xa, phối hợp sự cụ thể của những việc cần ưu tiên trước mắt. - Thị xã Hồng Lĩnh nếu mở rộng, sẽ có diện tích tự nhiên không nhỏ hơn TP Vinh là bao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ án xin tiếp thu và bổ sung.

Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>Quan tâm chất lượng đô thị, Hồng Lĩnh có đủ không gian để phát triển thành TP lớn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lộ trình nâng cấp đô thị cần táo bạo hơn, dựa trên lý luận thực tiễn. - Một số hình ảnh trong thuyết minh còn cũ. - Một số định hướng quy hoạch ngành còn chưa rõ. - Nghiên cứu lộ trình tương tự (Phổ Yên): <ul style="list-style-type: none"> + 2012 thành lập KCN + 2013: mời được nhà máy Samsung vào + 2019: đạt ĐT loại III + 2020: thành lập TP - Từ đó có thể suy luận cho Hồng Lĩnh: <ul style="list-style-type: none"> + 2026: thành lập KCN + 2027: có nhà sản xuất mũi nhọn vào + 2030: đạt tiêu chuẩn ĐT loại III + 2035: thành lập TP + Động lực chính để lên TP là tư đầu tư công, phát triển KCCN công nghiệp ở phía Bắc và Nam thị xã Hồng Lĩnh <p>Chủ đề mở rộng thị xã về phía Tây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 29/2/2024, tỉnh đã có KL 85 giao SXD quy hoạch phân loại đô thị. - Hồng Lĩnh cần xác định các kết nối đô thị, dự trữ đất cho phát triển CN, DV, phát triển TOD, phát triển NLTT, netzero để thu hút DN quốc tế, liên kết với TP Vinh. - Phát triển đa dạng các sản phẩm DLST núi rừng (safari, DL trải nghiệm, khám phá, DL dưới tán cây...) Cần đưa vào QHC để sau đó rà soát rừng, QH rừng làm tiếp. - QH cần có tính mở. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đề án xin tiếp thu và bổ sung. - Đề án xin tiếp thu và bổ sung. - Đề án xin tiếp thu và bổ sung. - Đề án xin tiếp thu và bổ sung.
<p>Ban Kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Núi Hồng, sông Minh cần được khai thác hiệu quả: ven sông có thể hút đầu tư đô thị chất lượng cao, núi có thể phát triển du lịch tâm linh, sinh thái. - Các ngành rà soát để đảm bảo QH cung cấp đủ đất công. - Đất văn hóa, di tích đã công nhận, sắp công nhận, cần đưa vào quy hoạch. (Ví dụ: chùa Tép ở Thuận Lộc). - Ưu tiên mở rộng mặt nước đô thị. - Gom đất công nghiệp rải rác trong đô thị vào KCCN, tái sử dụng vào mục đích TM, 	<ul style="list-style-type: none"> - Đề án xin tiếp thu và bổ sung. - Đề án xin tiếp thu và bổ sung. - Đề án xin tiếp thu và bổ sung. - Đề án xin tiếp thu và bổ sung.

Ý KIẾN	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>ĐV, đô thị.</p> <p>PCT Ngọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị báo cáo Ban Thường vụ, Ban chấp hành Thị ủy. - Các cơ quan địa phương cần tham gia sâu sắc đóng góp cho QH. - Cần giải pháp căn cơ về cấp điện, cấp nước. - Cần dự trù đủ đầy cho giáo dục, y tế, VH TT, du lịch. - Phát triển công nghiệp là nền tảng cho nâng cấp lên đô thị loại III. - Bám sát QH tỉnh và chương trình phát triển đô thị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ án xin tiếp thu và bổ sung.
<p>Chủ tịch UBND thị xã kết luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồ án cần cụ thể hơn nữa. QH khả thi. - Thời gian còn lại 6 tháng, cần đẩy nhanh tiến độ. Các đơn vị góp ý cụ thể cho đồ án. - Chú ý giải quyết khai thông các khu dân cư hiện hữu. - Xác định rõ mục tiêu từng giai đoạn, theo ý kiến chỉ đạo của đ/c Bí thư huyện ủy 	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ án xin tiếp thu và bổ sung.

PHỤ LỤC 2. VĂN BẢN PHÁP LÝ

PHỤ LỤC 3. BẢN VẼ TÓM TẮT

PHỤ LỤC 4. BẢNG THỐNG KÊ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO CHỨC NĂNG

		HIỆN TRẠNG (NĂM 2022)				QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2030				QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2045			
TT	Loại đất	Diện tích	Tỷ trọng	Bình quân	Dân số	Diện tích	Tỷ trọng	Bình quân	Dân số	Diện tích	Tỷ trọng	Bình quân	Dân số
A+B	Tổng diện tích tự nhiên	5.897,3		8 ng/ha		5.897,3		11 ng/ha		5.897,3		17 ng/ha	
A	Đất xây dựng	1.715,7	100,0	27 ng/ha		2.153,6	100,0	29 ng/ha		3.029,4	100,0	33 ng/ha	
I	Khu vực dân dụng	625,8	36,5	134,4	46.574	691,8	32,1	112,0	61.805	912,9	30,2	90,9	100.583
1	Đơn vị ở	471,5	27,5	101,2	46.574	514,0	23,9	83,2	61.915	688,9	22,7	68,5	100.583
a	Đơn vị ở hiện hữu	416,5	24,3	99,8	41.747	416,2	19,3	90,0	46.281	415,5	13,7	90,0	46.167
b	Đơn vị ở mới	0,0	0,0	0,0	0	42,9	2,0	45,0	9.524	217,4	7,2	45,0	48.307
c	Làng xóm đô thị hóa	55,0	3,2	113,9	4.827	55,0	2,6	90,0	6.109	55,0	1,8	90,0	6.109
2	Dịch vụ - công cộng	27,1	1,6	5,8		27,1	1,3	4,4		40,0	1,3	4,0	
a	Giáo dục (trường THPT)	3,4	0,2	0,7		3,4	0,2	0,6		5,0	0,2	0,5	
b	Y tế (bệnh viện huyện)	9,6	0,6	2,1		9,6	0,4	1,5		15,0	0,5	1,5	
c	Dịch vụ (chợ)	1,6	0,1	0,3		1,6	0,1	0,3		5,0	0,2	0,5	
d	Công cộng khác (VH, XH, TDTT)	12,5	0,7	2,7		12,5	0,6	2,0		15,0	0,5	1,5	
3	Cơ quan, trụ sở	11,7	0,7	2,5		11,7	0,2	1,9		15,0	0,5	1,5	
4	Cây xanh sử dụng công cộng	19,6	1,1	4,2		31,0	0,5	5,0		50,0	1,7	5,0	
5	Giao thông đô thị	96,0	5,6	22%		108,0	1,8	22%		120,0	4,0	18%	
II	Khu vực ngoài dân dụng	1.089,8	63,5			1.432,1	24,3			2.116,6	69,8		
1	Sản xuất công nghiệp	352,4	20,5			501,0	8,5			798,2	26,3		
2	Trung tâm đào tạo nghiên cứu	11,2	0,7			12,4	0,2			14,9	0,5		
4	Trung tâm Y tế	0,0	0,0			2,9	0,0			8,6	0,3		
5	Trung tâm VH, TDTT và công cộng khác	0,0	0,0			0,0	0,0			0,0	0,0		
6	Dịch vụ, du lịch	42,8	2,5			51,3	0,9			68,5	2,3		
7	Cây xanh sử dụng hạn chế	0,0	0,0			22,8	0,4			68,5	2,3		
8	Cây xanh chuyên dụng	0,0	0,0			118,3	2,0			354,9	11,7		
9	Di tích, tôn giáo, tín ngưỡng	46,9	2,7			46,9	0,8			46,9	1,5		
10	Hỗ trợ	0,0	0,0			23,3	0,0			70,0	2,3		
11	An ninh	3,2	0,2			3,2	0,1			3,2	0,1		
12	Quốc phòng	32,9	1,9			32,9	0,6			32,9	1,1		
13	Giao thông đối ngoại	477,5	27,8	44%		490,1	8,3			515,3	17,0	24%	
14	Hạ tầng kỹ thuật đầu mối	22,2	1,3			26,1	0,4			33,8	1,1		
15	Nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	100,9	5,9			100,9	1,7			100,9	3,3		
B	Đất khác (ngoài đất xây dựng)	4.181,6	100,0			3.743,7	63,5			2.867,9	100,0		
1	Sản xuất nông nghiệp	2.182,3	52,2			1.553,2	26,3			295,2	10,3		
2	Lâm nghiệp	1.653,6	39,5			1.653,6	28,0			1.653,6	57,7		
3	Dự trữ phát triển	163,3	3,9			336,4	5,7			682,5	23,8		
4	Hồ ao đầm	58,3	1,4			72,2	1,2			100,0	3,5		
5	Sông suối kênh rạch	124,1	3,0			128,3	2,2			136,6	4,8		

